

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

---

*(Dự thảo)*

**ĐỀ ÁN  
THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT  
BẮC VÂN PHONG THUỘC TỈNH KHÁNH HÒA**

*Khánh Hòa, tháng 10 năm 2017*

# MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>TỔNG QUAN ĐỀ ÁN</b>	01
<b>PHẦN I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VÀ LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG THUỘC TỈNH KHÁNH HÒA</b>	08
<b>1. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN</b>	08
1.1. Cơ sở chính trị	08
1.2. Cơ sở pháp lý	09
1.3. Cơ sở lý luận – khoa học	12
1.4. Cơ sở thực tiễn	14
1.4.1. Cơ sở thực tiễn thế giới	14
1.4.2. Cơ sở thực tiễn trong nước	15
1.4.3. Bài học kinh nghiệm thực tiễn phát triển các mô hình đặc khu hành chính, đặc khu kinh tế và các mô hình tương tự khác	18
1.4.4. Bài học từ một số đặc khu kinh tế không thành công trên thế giới	20
<b>1.5. Bối cảnh quốc tế, trong nước</b>	21
1.5.1. Bối cảnh quốc tế	21
1.5.2. Bối cảnh trong nước	22
<b>1.6. Dự báo một số tác động, khó khăn thách thức</b>	22
1.6.1. Tình hình kinh tế và những diễn biến chính trị - an ninh trên thế giới ảnh hưởng tới khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư và phát triển kinh tế	22
1.6.2 Yêu cầu về kết cấu hạ tầng đồng bộ để nắm bắt cơ hội phát triển	23
1.6.3. Thách thức lớn trong việc mời gọi các nhà đầu tư hàng đầu thế giới	23
1.6.4. Đổi mới tư duy và nhận thức	23
1.6.5. Khả năng tác động và ảnh hưởng tới kinh tế, xã hội	24
1.6.6. Thách thức trong việc bảo vệ môi trường, kiểm soát rủi ro về thiên tai, biến đổi khí hậu	24
<b>1.7. Vị trí Khánh Hòa trong mối quan hệ phát triển quốc gia và quốc tế</b>	25
1.7.1. Vị trí địa lý tỉnh Khánh Hòa	25
1.7.2. Vị trí Khánh Hòa trong mối quan hệ phát triển quốc gia và quốc tế	25
<b>2. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH - KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG</b>	27
<b>2.1. Vị trí chiến lược</b>	27
<b>2.2. Lợi thế về khả năng sẵn sàng, kết nối hạ tầng kỹ thuật quốc gia và quốc tế</b>	28

<b>2.3. Lợi thế về điều kiện tự nhiên</b>	29
<b>2.4. Kết cấu hạ tầng giao thông</b>	30
<b>2.5. Yêu cầu cung ứng nguồn nhân lực</b>	30
<b>2.6. Truyền thống lịch sử, văn hóa</b>	31
<b>2.7. Quyết tâm của cả Hệ thống chính trị</b>	31
<b>2.8. Sự đồng thuận của nhân dân, nhà đầu tư</b>	31
<b>2.9. Kết luận về lý do, sự cần thiết thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa</b>	32
<b>PHẦN II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN VẠN NINH, KHU KINH TẾ VÂN PHONG</b>	34
<b>1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN VẠN NINH, KHU KINH TẾ VÂN PHONG</b>	34
<b>1.1. Huyện Vạn Ninh</b>	34
1.1.1. Lịch sử hình thành	34
1.1.2. Vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên	35
1.1.2.1. Về địa hình	35
1.1.2.2. Về khí hậu	35
1.1.2.3. Về thủy văn, thủy triều	36
1.1.2.4. Tài nguyên thiên nhiên	36
1.1.3. Diện tích tự nhiên, dân số, lao động	40
<b>1.2. Khu kinh tế Vân Phong</b>	41
1.2.1. Lịch sử hình thành, chức năng khu kinh tế Vân Phong	41
1.2.2. Vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên	42
1.2.2.1. Vị trí địa lý	42
1.2.2.2. Điều kiện tự nhiên	42
<b>2. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN VẠN NINH, KHU KINH TẾ VÂN PHONG</b>	43
<b>2.1. Huyện Vạn Ninh</b>	43
2.1.1. Về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội	43
2.1.1.1. Về kinh tế	43
2.1.1.2. Về các lĩnh vực văn hóa, xã hội	45
2.1.2. Về môi trường	46
2.1.3. Về hệ thống các công trình, cơ sở hạ tầng	47
2.1.3.1. Về hạ tầng giao thông	47
2.1.3.2. Về hạ tầng thông tin truyền thông	49

2.1.3.3. Về hạ tầng công trình thủy lợi và hệ thống đê kè ngăn mặn, thoát lũ, chống xói lở	49
2.1.3.4. Hệ thống cấp nước	50
2.1.3.5. Hệ thống cung cấp điện	50
2.1.3.6. Kiến trúc cảnh quan đô thị	51
2.1.4. Về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội	51
2.1.5. Về tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong Hệ thống chính trị	52
2.1.5.1. Khối Đảng	52
2.1.5.2. Khối chính quyền	52
2.1.5.3. Về số lượng	53
2.1.6. Về đánh giá chi tiết mức độ đạt được của huyện Vạn Ninh so với quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13	57
2.1.7. Một số hạn chế, yếu kém, nguyên nhân	57
2.1.7.1. Hạn chế, yếu kém	57
2.1.7.2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém	57
<b>2.2. Đối với khu kinh tế Vân Phong</b>	58
2.2.1. Hiện trạng phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường	58
2.2.1.1. Về phát triển kinh tế	58
2.2.1.2. Về môi trường	59
2.2.1.3. Về lao động	59
2.2.1.4. Về đầu tư hạ tầng	59
2.2.2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	60
2.2.2.1. Về giao thông	60
2.2.2.2. Xây dựng hạ tầng tái định cư	62
2.2.2.3. Cấp nước	62
2.2.2.4. Cấp điện, chiếu sáng	62
2.2.2.5. Xử lý chất thải rắn	62
2.2.2.6. Thoát nước và xử lý nước thải	63
2.2.2.7. Hệ thống cây xanh	63
2.2.2.8. Nghĩa trang	63
2.2.2.9. Đánh giá về hiện trạng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	64
2.2.3. Công tác quản lý nhà nước hiện nay đối với khu kinh tế Vân Phong	64
2.2.4. Một số hạn chế và nguyên nhân	65

2.2.4.1. Hạn chế	65
2.2.4.2. Nguyên nhân	66
<b>PHẦN III. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG THUỘC TỈNH KHÁNH HÒA</b>	68
<b>1. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN</b>	68
<b>1.1. Quan điểm</b>	68
<b>1.2. Định hướng</b>	68
<b>1.3. Mục tiêu</b>	69
1.3.1. Mục tiêu tổng quát	69
1.3.2 Mục tiêu cụ thể	69
<b>1.4. Nguyên tắc phát triển</b>	70
<b>2. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG</b>	70
<b>2.1. Hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số của tỉnh Khánh Hòa</b>	70
<b>2.2. Quá trình xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong</b>	71
<b>2.3. Phương án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong</b>	72
2.3.1. Phương án 1. Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Vạn Ninh để thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	72
2.3.1.1. Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Vạn Ninh để thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	72
2.3.1.2. Điều chỉnh địa giới hành chính cấp xã để thành lập xã mới thuộc huyện Vạn Ninh	73
2.3.1.3. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính huyện Vạn Ninh, và các xã để thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong và thành lập đơn vị hành chính cấp xã mới thuộc huyện Vạn Ninh	74
2.3.2. Phương án 2. Thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	74
2.3.2.1. Tên gọi	74
2.3.2.2. Vị trí địa giới hành chính đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	74
2.3.2.3. Diện tích tự nhiên, dân số đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	75
2.3.2.4. Thành lập các Khu hành chính thuộc đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	75
2.3.2.5. Sau khi thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	76
<b>3. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN CỦA CÁC PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP ĐƠN VỊ</b>	77

## **HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG**

<b>3.1. Đối với phương án 1</b>	77
3.1.1. Thuận lợi	77
3.1.2. Khó khăn	77
<b>3.2. Đối với phương án 2</b>	78
3.2.1. Thuận lợi	78
3.2.2. Khó khăn	79
<b>3.3. Phương án lựa chọn về việc thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa</b>	79
<b>PHẦN IV. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VIỆC THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG</b>	81
<b>1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG</b>	81
<b>1.1. Định hướng phát triển ngành nghề</b>	81
1.1.1. Dịch vụ vận tải biển	81
1.1.2. Dịch vụ Thương mại - tài chính	81
1.1.3. Dịch vụ du lịch; y tế, giáo dục	81
1.1.4. Công nghệ cao	81
<b>1.2. Định hướng quy hoạch không gian phát triển</b>	84
1.2.1. Dự báo quy mô dân số	84
1.2.2. Định hướng không gian phát triển	84
1.2.2.1. Khu vực bán đảo Hòn Gốm	84
1.2.2.2. Đảo Hòn Lớn	85
1.2.2.3. Khu vực Cổ Mã - Tu Bông	85
1.2.2.4. Khu vực Vạn Giã và vùng phụ cận phía Nam	85
1.2.2.5. Khu vực phía Tây quốc lộ 1A	85
<b>2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN</b>	86
<b>2.1. Tổng quan</b>	86
<b>2.2. Chiến lược phát triển cụ thể</b>	86
2.2.1. Chiến lược 1	86
2.2.1.1. Giải pháp 1	87
2.2.1.2. Giải pháp 2	87
2.2.1.3. Giải pháp 3	87
2.2.2. Chiến lược 2	87

2.2.2.1. Giải pháp 1	87
2.2.2.2. Giải pháp 2	88
2.2.2.3. Giải pháp 3	88
2.2.2.4. Giải pháp 4	88
2.2.3. Chiến lược 3	88
2.2.3.1. Giải pháp 1	88
2.2.3.2. Giải pháp 2	88
2.2.4. Chiến lược 4	88
2.2.4.1. Giải pháp 1	89
2.2.4.2. Giải pháp 2	89
2.2.5. Chiến lược 5	89
2.2.5.1. Giải pháp 1	89
2.2.5.2. Giải pháp 2	89
<b>2.3. Ngành nghề ưu tiên phát triển</b>	89
2.3.1. Xác định lĩnh vực ngành nghề kinh tế mũi nhọn	89
2.3.2. Căn cứ, điều kiện và thực trạng để phát triển lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên	92
2.3.2.1. Sự cần thiết phải kết hợp 4 lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên	92
2.3.2.2. Luận cứ về sự phù hợp của mỗi lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên	92
2.3.3. Nghiên cứu thị trường để phát triển ngành nghề trọng tâm	97
2.3.3.1. Thị trường cảng biển và logistics	97
2.3.3.2. Thị trường du lịch	98
2.3.3.3. Thị trường công nghiệp công nghệ cao	104
2.3.4. Phát triển các ngành nghề trọng tâm	108
2.3.4.1. Phát triển cảng biển trung chuyển quốc tế và dịch vụ cảng biển	108
2.3.4.2. Phát triển dịch vụ thương mại, tài chính	110
2.3.4.3. Phát triển dịch vụ du lịch, y tế, đào tạo	110
2.3.4.4. Phát triển công nghiệp công nghệ cao	111
<b>2.4. Cơ chế chính sách đặc thù</b>	112
2.4.1. Nhà đầu tư chiến lược	112
2.4.2. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược	113
2.4.2.1. Quyền của nhà đầu tư chiến lược	113
2.4.2.2. Nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược	114
2.4.3. Cơ chế chính sách đất đai và quyền sở hữu nhà ở	114
2.4.4. Chính sách ưu đãi về thuế	115

2.4.4.1. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	115
2.4.4.2. Thuế giá trị gia tăng	117
2.4.4.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	117
2.4.4.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt	118
2.4.4.5. Thuế thu nhập cá nhân	118
2.4.4.6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	118
2.4.5. Chính sách về tài chính, ngân sách	119
2.4.6. Chính sách tiền tệ, ngân hàng	120
2.4.7. Chính sách xuất cảnh, nhập cảnh, đi lại và tạm trú	120
2.4.8. Chính sách lao động, tiền lương và an sinh xã hội	121
2.4.9. Chính sách giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh	122
2.4.10. Về khai thác, kinh doanh cảng biển và các dịch vụ Logistic	123
2.4.11. Chính sách về kinh doanh casino	123
<b>2.5. Mô hình tổ chức chính quyền địa phương</b>	124
2.5.1. Nguyên tắc xây dựng mô hình	124
2.5.2. Hệ thống chính trị	125
2.5.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền tỉnh và chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	129
2.5.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trường đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	131
2.5.4.1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật	131
2.5.4.2. Trong lĩnh vực Xây dựng chính quyền	132
2.5.4.3. Trong lĩnh vực kinh tế	133
2.5.4.4. Trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh	135
2.5.4.5. Trong lĩnh vực tài chính, ngân sách	135
2.5.4.6. Trong lĩnh vực quy hoạch, giao thông vận tải, xây dựng, đô thị, nhà ở, bất động sản	136
2.5.4.7. Trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường	137
2.5.4.8. Trong lĩnh vực công thương, hải quan	139
2.5.4.9. Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ	140
2.5.4.10. Trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, thực hiện chính sách xã hội và chính sách dân tộc, tôn giáo	141
2.5.4.11. Trong lĩnh vực đối ngoại	142
2.5.5. Các cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc và một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt	143



2.5.5.1. Cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc cho Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt	143
2.5.5.2. Các đơn vị sự nghiệp	144
2.5.6. Các Khu hành chính	144
2.5.7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Khu hành chính	145
2.5.8. Các cơ quan tư pháp, nội chính, ngành dọc khác trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	146
2.5.9. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội	150
2.5.10. Mối quan hệ và công tác kiểm tra, giám sát đối với Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	151
2.5.11. Ưu, nhược điểm của mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo thiết chế Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	153
2.5.11.1. Ưu điểm	153
2.5.11.2. Nhược điểm	154
2.5.12. Những vấn đề cần giải quyết khi tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	154
2.5.12.1. Về công tác cán bộ	154
2.5.12.2. Đối với Hội đồng nhân dân huyện Vạn Ninh, đại biểu Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân và chính quyền cấp xã hiện nay	155
<b>2.6. Giải pháp tổ chức thực hiện</b>	156
2.6.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức bộ máy, nhân sự	156
2.6.1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo	156
2.6.1.2. Xây dựng tổ chức bộ máy, nhân sự	157
2.6.1.3. Xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức cán bộ và Đề án nhân sự	157
2.6.1.4. Giải pháp sắp xếp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức khi thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong	158
2.6.2. Phát triển kết cấu hạ tầng	159
2.6.2.1. Hạ tầng kỹ thuật	159
2.6.2.2. Hạ tầng xã hội	163
2.6.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao	164
2.6.4. Phát triển khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu	165
2.6.4.1. Về phát triển khoa học công nghệ	165
2.6.4.2. Về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu	170
2.6.5. Phát triển các lĩnh vực văn hóa – xã hội	171
2.6.5.1. Đối với lĩnh vực văn hóa – thể thao	171
2.6.5.2. Về công tác an sinh xã hội, giảm nghèo	174

2.6.6. Quốc phòng, an ninh	174
<b>2.7. Nguồn lực thực hiện</b>	175
2.7.1. Lộ trình thực hiện	175
2.7.2. Dự kiến nguồn lực thực hiện	176
2.7.3. Huy động nguồn lực đầu tư	177
<b>3. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VIỆC THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG</b>	177
<b>3.1. Về mặt kinh tế - xã hội</b>	177
3.1.1. Tác động đối với phát triển kinh tế	177
3.1.2. Tác động về mặt văn hóa – xã hội	178
<b>3.2. Tác động đối với chính quyền và công tác quản lý nhà nước ở địa phương</b>	178
3.2.1. Đối với cấp tỉnh	178
3.2.2. Đối với chính quyền địa phương	179
3.2.3. Tác động đối với hiệu quả quản lý Nhà nước	179
3.2.4. Đối với nhân dân	180
<b>3.3. Tác động về tài nguyên, môi trường</b>	180
3.3.1. Tài nguyên nước	180
3.3.2. Tài nguyên không khí	181
3.3.3. Tài nguyên rừng	181
3.3.4. Về môi trường đất	181
3.3.5. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản	182
3.3.6. Phòng chống thiên tai	182
3.3.7. Giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công	182
<b>3.4. Tác động về lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>	183
3.4.1. Về mặt tích cực	184
3.4.2. Hạn chế	184
<b>4. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN</b>	185
<b>4.1. Đối với nhà nước</b>	185
4.1.1. Về kinh tế	185
4.1.2. Về môi trường	185
4.1.3. Về chính trị	186
4.1.4. Về an ninh – quốc phòng và đối ngoại	187
4.1.5. Về chủ quyền quốc gia	188

<b>4.2. Đối với nhà đầu tư</b>	188
<b>4.3. Đối với người dân</b>	188
<b>4.4. Đối với vùng miền và khu vực</b>	189
<b>PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b>	190
<b>CÁC PHỤ LỤC VÀ BẢN ĐỒ</b>	

**ĐỀ ÁN**

**Thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong  
thuộc tỉnh Khánh Hòa**

**TỔNG QUAN ĐỀ ÁN**

Chủ trương thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt đã được xác định tại các Nghị quyết, Kết luận của Đảng; văn bản chỉ đạo của Chính phủ. Đặc biệt từ khi thực hiện chính sách đổi mới và mở cửa nền kinh tế do Đảng khởi xướng từ Đại hội Đảng khóa VI (năm 1986), tại Việt Nam đã hình thành và phát triển các mô hình khu kinh tế khác nhau. Quá trình này trải qua nhiều giai đoạn gắn liền với việc thử nghiệm, chuyển đổi và nhân rộng các mô hình khu kinh tế từ truyền thống tới hiện đại (mô hình khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế mở và khu kinh tế ven biển). Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII năm 1997 đã đề ra chủ trương nghiên cứu xây dựng thí điểm một vài đặc khu kinh tế, khu mật dịch tự do ở những địa bàn ven biển có đủ điều kiện. Văn kiện tại Đại hội Đảng khóa IX xác định “*Tiếp tục nghiên cứu đề án xây dựng khu kinh tế mở để đưa vào kế hoạch 5 năm*” và nội dung này một lần nữa được kết luận tại Đại hội Đảng khóa X “*Phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế,...*”; văn kiện tại Đại hội Đảng khóa XII tiếp tục khẳng định “*Xây dựng một số đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá*” và “*Hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt theo luật định*”.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, trong quá trình phát triển và hội nhập, tính đến hết năm 2016, cả nước đã xây dựng 16 khu kinh tế ven biển (trong đó có Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa); 26 khu kinh tế cửa khẩu, 03 khu công nghệ cao và 324 khu công nghiệp, khu chế xuất. Qua hơn 25 năm phát triển, mặc dù đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và đất nước nhưng mô hình này hiện nay không còn phù hợp, kém linh hoạt; cơ chế, chính sách ưu đãi chưa đủ sức cạnh tranh Quốc tế; bộ máy quản lý với thẩm quyền chưa thống nhất và thủ tục hành chính chưa đủ thông thoáng, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu.

So với thế giới và các nước trong khu vực thì Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn đầu của quá trình xây dựng và phát triển khu kinh tế. Trên thực tế,

nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Indonesia, Malaysia, các Tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất... đã triển khai và áp dụng thành công nhiều mô hình đặc khu kinh tế, khu kinh tế tự do, khu thương mại tự do. Các mô hình này đã góp phần thu hút hàng ngàn tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài, trở thành cực tăng trưởng, cực phát triển có sức lan tỏa tạo động lực cho cả nền kinh tế và tiếp tục được các quốc gia hoàn thiện với quy mô lớn hơn, mức độ tự do, ưu đãi và cạnh tranh cao hơn trên nhiều lĩnh vực nhằm mục tiêu thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội.

Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang có dấu hiệu phát triển chậm lại; việc khai thác các tiềm năng, lợi thế tự nhiên và nguồn lực của đất nước đã dần tới hạn; môi trường đầu tư của Việt Nam nói chung cũng đang mất dần tính hấp dẫn do bị cạnh tranh mạnh mẽ từ các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Do vậy, việc xây dựng mô hình Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt với các cơ chế, chính sách về hành chính và kinh tế đột phá, vượt trội và cạnh tranh với quốc tế để tạo động lực mới, có tác động lan tỏa tích cực ở tỉnh Khánh Hòa cũng như trên phạm vi toàn quốc là hết sức cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Thông báo kết luận số 21-TB/TW ngày 22/3/2017 của Bộ Chính trị về các Đề án xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Bắc Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa) và Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang); trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về phát triển mô hình đặc khu kinh tế, đặc khu hành chính và thực tiễn phát triển ở nước ta, tỉnh Khánh Hòa xây dựng **Đề án thành lập Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa** với các nội dung chính như sau:

### **1. Phương pháp tiếp cận**

- Việc định hướng xây dựng Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được đặt trong mối liên kết phát triển tổng thể của tỉnh Khánh Hòa, của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và của cả nước, đồng thời dựa trên tiềm năng và lợi thế nổi bật của khu vực Bắc Vân Phong.

- Trên cơ sở phân tích tiềm năng và lợi thế cạnh tranh nổi trội của khu vực Bắc Vân Phong, đồng thời dựa vào xu hướng phát triển của các Đặc khu kinh tế trong khu vực nói riêng và các quốc gia trên thế giới nói chung, Đề án sẽ định vị mục tiêu phát triển cho Đơn vị hành chính – kinh tế Bắc Vân Phong và định hướng thu hút đầu tư vào một số lĩnh vực trọng điểm nhằm huy động nguồn lực đầu tư thực hiện mục tiêu đã đề ra.

- Để đạt được mục tiêu trên thì bộ máy quản lý của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong phải được tổ chức một cách tinh gọn, được trao

đủ thẩm quyền để giải quyết công việc hiệu quả, hỗ trợ hoạt động đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ hành chính công cho người dân. Nguồn nhân lực trong bộ máy quản lý cũng cần được tuyển chọn, đào tạo bài bản để đáp ứng yêu cầu công việc và có cơ chế trả lương linh hoạt để thu hút nhân tài phục vụ cho quá trình xây dựng và vận hành đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

- Cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư được xem xét, phân tích đánh giá trên góc độ tổng thể, có khả năng cạnh tranh với khu vực và thế giới nhưng vẫn đảm bảo lợi ích hài hoà giữa quốc gia, nhà đầu tư, địa phương và của người dân. Các chính sách đề ra cần chú trọng tạo ra môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng và chất lượng cuộc sống cao hơn.

- Nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Trung ương và địa phương trong việc xây dựng và phát triển Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, Đề án sẽ đưa ra các giải pháp tổ chức thực hiện một cách đồng bộ các vấn đề liên quan đến nhân sự, xây dựng hạ tầng, huy động nguồn lực, phát triển khoa học công nghệ và văn hóa xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng với tinh thần không cầu toàn, vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

## **2. Xác định tiềm năng, lợi thế của khu vực Bắc Vân Phong**

- Vị trí địa chiến lược về kinh tế

Khu vực Bắc Vân Phong nằm ở vị trí cực Đông trên đất liền của Việt Nam và cả Bán đảo Đông Dương; gần ngã ba các tuyến hàng hải quan trọng như: Châu Âu - Bắc Á, châu Úc - Đông Bắc Á, và Đông Nam Á - Đông Bắc Á; là cửa mở hướng ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên nói riêng và cả Bán đảo Đông Dương nói chung đối với hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây. Nằm ở khu vực tâm điểm tỏa đến hầu hết các trung tâm kinh tế lớn của khu vực; là điểm hội tụ của các cảng biển khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Từ vịnh Vân Phong vượt Thái Bình Dương là ngắn nhất và thuận lợi hơn so với nhiều quốc gia khác. Chính vì vậy, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2008 xác định sẽ xây dựng Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa trở thành cửa mở hướng ra biển và theo hướng hợp tác phát triển hành lang kinh tế Đông-Tây và Bắc-Nam.

- Khả năng sẵn sàng, kết nối hạ tầng kỹ thuật quốc gia và quốc tế

Quốc lộ 1A, đường bộ cao tốc Bắc - Nam (đã được quy hoạch), đường sắt Bắc - Nam chạy xuyên suốt qua khu vực; Quốc lộ 26 kết nối vùng Tây Nguyên thuận lợi hơn so với nhiều địa phương khác. Kết nối giao thông với sân bay Tuy

Hoà, Phú Yên qua Hàm Đèo Cả (vừa hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động) với khoảng cách hợp lý khoảng 35 km. Có Cảng trung chuyển quốc tế, Cảng biển tổng hợp Bắc Vân Phong có thể kết nối vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường biển cả trong nội địa và quốc tế; các điều kiện hạ tầng khác như cấp nước, cấp điện, viễn thông, hạ tầng khu tái định cư đã sẵn sàng.

Ngoài ra, khu vực Bắc Vân Phong nhiều vùng có mật độ dân số thấp, nhiều đất trống chưa xây dựng nên rất thuận lợi cho công tác giải phóng mặt bằng và triển khai các dự án có quy mô lớn.

- Lợi thế về điều kiện tự nhiên, khí hậu để phát triển ngành kinh tế biển; dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục chất lượng cao

Vịnh Vân Phong có diện tích lớn khoảng 46.000 ha, độ sâu trung bình từ 20 – 30m, tương đối kín và chắn gió tốt, thuận lợi để phát triển cảng biển quốc tế và các dịch vụ hậu cần cảng. Địa hình phong phú, hệ sinh thái đa dạng; các đảo, bán đảo có cảnh quan đẹp và hấp dẫn, ít chịu ảnh hưởng của bão do được các dãy núi và các đảo che chắn nên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thành các khu du lịch, đô thị biển có tầm cỡ quốc tế. Đặc biệt, khu vực này có một số nơi có địa hình tương đối biệt lập như Bán đảo Hòn Gốm, đảo Hòn Lớn, đảo Điệp Sơn,... để tổ chức triển khai các dự án có quy mô lớn như casino, khu nghỉ dưỡng,...

Vị trí khu vực Bắc Vân Phong còn được nhiều nhà đầu tư nước ngoài tổ chức khảo sát và đánh giá cao khả năng hội đủ các điều kiện lý tưởng về vị trí địa lý để xây dựng và phát triển một đặc khu kinh tế và đã đề xuất xây dựng mô hình đặc khu tại đây từ năm 2012.

### **3. Mục tiêu**

Xây dựng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trở thành một khu vực đầu mối phát triển về cảng biển và dịch vụ Logistics quốc tế; trung tâm thương mại – tài chính và du lịch, vui chơi giải trí cao cấp có casino; khu phát triển khoa học công nghệ cao gắn liền với các đô thị hiện đại có dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao. Bộ máy quản lý được tổ chức tinh gọn và nền hành chính hiện đại, tự chủ cao, tạo môi trường kinh doanh hấp dẫn cho các nhà đầu tư quốc tế; có đời sống kinh tế - xã hội cao, an ninh, chính trị ổn định, môi trường sinh sống thuận lợi; có nền văn hóa vừa có bản sắc Việt Nam, vừa hội nhập quốc tế.

Phấn đấu đến năm 2050 đưa Bắc Vân Phong trở thành trung tâm kinh tế năng động, là cửa ngõ giao thương với thế giới của cả vùng Nam Trung Bộ và

Tây Nguyên, hướng đến là nơi trung chuyển hàng hóa toàn cầu, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của tỉnh Khánh Hòa nói riêng và cả nước nói chung.

#### **4. Ngành nghề trọng tâm ưu tiên phát triển**

Trên cơ sở phân tích tiềm năng, lợi thế của khu vực Bắc Vân Phong trong mối quan hệ với tỉnh Khánh Hòa nói riêng và khu vực Nam Trung Bộ và cả nước nói chung, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong xác định các ngành nghề trọng tâm ưu tiên phát triển gồm: Dịch vụ vận tải biển; dịch vụ thương mại – tài chính; dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục; công nghệ cao, điện tử, cơ khí chính xác. Cụ thể:

- Dịch vụ vận tải biển: Đầu tư phát triển cảng biển hàng hoá, hành khách quốc tế; dịch vụ cảng biển.

- Dịch vụ thương mại - tài chính: Trung tâm thương mại - tài chính, dịch vụ ngân hàng, quỹ đầu tư tài chính.

- Dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục: Dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí tổng hợp có casino; Khu đô thị, khách sạn, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng cao cấp tích hợp cho cư trú từ 5 sao trở lên; Bến du thuyền quốc tế; Dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao.

- Công nghệ cao, điện tử, cơ khí chính xác: Công nghệ thông tin; sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm, linh kiện điện tử, máy móc; sản xuất năng lượng mới; sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực y dược; công nghệ cao phục vụ công nghiệp Quốc phòng; công nghệ vật liệu mới; công nghệ sinh học; công nghệ hải dương; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo, chuyển giao công nghệ cao; đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng các khu công nghệ cao.

#### **5. Quy hoạch phát triển**

Trên cơ sở tiềm năng và lợi thế nổi trội của khu vực Bắc Vân Phong và mục tiêu phát triển, định hướng các ngành nghề trọng tâm ưu tiên thu hút đầu tư, việc quy hoạch phát triển Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong cần mang tính dài hạn và được xây dựng dựa trên sự tương tác chặt chẽ giữa các yếu tố:

- Điều kiện tự nhiên - kinh tế và xã hội;
- Quy hoạch tổng thể - Mô hình kinh tế - cơ chế, thể chế;
- Nguồn nhân lực phát triển đặc khu – Nhà đầu tư chiến lược.

Đồng thời, quy hoạch của Bắc Vân Phong cũng cần mang tính mở, hướng ra thế giới để tham gia vào xu hướng phát triển toàn cầu.



## **6. Cơ chế, chính sách ưu đãi**

Việc đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù cần quy định rõ ràng, đơn giản và có khả năng cạnh tranh cao so với khu vực và thế giới. Tuy nhiên, việc đưa ra mức ưu đãi quá cao sẽ tạo ra nguy cơ thâm hụt ngân sách, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Vì vậy, các chính sách ưu đãi cũng cần được thiết kế theo các ngành nghề ưu tiên phát triển trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt theo hướng: Các ngành nghề, lĩnh vực được xác định là trọng tâm cần thu hút để tạo sự lan tỏa đến sự phát triển của các ngành nghề khác cần được hưởng ưu đãi cao nhất; đối với các ngành nghề còn lại thì áp dụng mức ưu đãi thấp hơn.

Cơ chế chính sách ưu đãi được tập hợp theo các nhóm (thuế, đất đai và bất động sản, tài chính - ngân sách, tiền tệ - ngân hàng, đầu tư - kinh doanh, quản lý và phát triển nguồn nhân lực, xuất nhập cảnh và quản lý cư trú, xuất nhập khẩu hàng hóa, nhà đầu tư chiến lược, hoạt động công nghệ cao, phát triển du lịch và chính sách khác) có thứ tự và lộ trình thực hiện cụ thể.

## **7. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý**

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và quản lý của Nhà nước, để phù hợp với các quy định về thể chế, chính sách kinh tế - xã hội có tính chất đặc biệt, vượt trội, cạnh tranh quốc tế, tổ chức bộ máy tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được xây dựng theo hướng tinh gọn, linh hoạt, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, thể hiện được sự đột phá về thể chế hành chính; đổi mới căn bản cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của chính quyền địa phương.

Đề cao và phát huy vai trò, trách nhiệm cá nhân của Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; trong đó có sự tham gia của nhà đầu tư chiến lược theo mô hình “lãnh đạo công - quản trị tư” vận dụng theo mô hình hoạt động của doanh nghiệp; đảm bảo cơ chế giám sát của Nhân dân, của các cơ quan Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và các cơ quan nhà nước cấp trên.

**Toàn bộ nội dung của Đề án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được kết cấu như sau:**

- Tổng quan Đề án
- Phần I: Căn cứ xây dựng Đề án và lý do, sự cần thiết thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.
- Phần II: Lịch sử hình thành và hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh, Khu kinh tế Vân Phong
- Phần III: Phương án thành lập Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong
- Phần IV: Định hướng, giải pháp phát triển và đánh giá tác động của việc thành lập Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong
- Phần V: Kết luận và Kiến nghị
- Các Phụ lục số liệu, bản đồ

## Phần I

# CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VÀ LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG THUỘC TỈNH KHÁNH HÒA

## 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

### 1.1. Cơ sở chính trị

Cương lĩnh và các văn kiện, nghị quyết qua các thời kỳ Đại hội Đảng (từ Hội nghị Trung ương giữa nhiệm kỳ Đại hội VII đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI) đã đề cập một cách liên tục và có hệ thống về nội dung: Phát triển đặc khu kinh tế, khu kinh tế đặc biệt mang tầm cỡ khu vực và thế giới ở những địa bàn ven biển có đủ điều kiện để là đầu tàu phát triển. Văn kiện tại Đại hội Đảng lần thứ XII tiếp tục xác định: “*Phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu*” và “*xây dựng một số đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá*”.

- Kết luận số 53-KL/TW ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã định hướng: “*Bộ Chính trị đồng ý chủ trương xây dựng Khánh Hòa trở thành tỉnh đô thị trực thuộc Trung ương và xây dựng đặc khu kinh tế - hành chính Bắc Vân Phong*” và giao cho “*Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh có điều kiện xây dựng Đề án tổng thể về “Đặc khu hành chính - kinh tế” để trình cấp có thẩm quyền thông qua.*”

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế đã đề cập: “*Nghiên cứu, xây dựng thể chế vượt trội cho những địa phương, vùng kinh tế động lực, khu hành chính - kinh tế đặc biệt để thực hiện tốt vai trò đầu tàu, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội*” và “*Tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư, bảo đảm tính công khai, minh bạch; có cơ chế giám sát, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đối với từng dự án. Tập trung vốn đầu tư công và các nguồn vốn đầu tư khác để thực hiện một số dự án đầu tư hạ tầng trọng điểm và tại các vùng kinh tế trọng điểm*”

*của đất nước. Sớm triển khai xây dựng một số khu hành chính - kinh tế đặc biệt; ưu tiên phát triển một số đô thị thông minh.”*

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó có nội dung: *“Xây dựng thể chế liên kết vùng, hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế vùng trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương; ưu tiên phát triển các vùng kinh tế động lực, đồng thời có chính sách hỗ trợ các vùng còn nhiều khó khăn; xây dựng một số đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với thể chế vượt trội để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy thuộc hệ thống chính trị. Sớm xây dựng mô hình điều phối liên kết vùng, xác định rõ địa phương đầu tàu và nhiệm vụ của từng địa phương trong vùng.”*

- Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị số 21-TB/TW ngày 22/3/2017 về các đề án xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Bắc Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa) và Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang) đã kết luận: *“Đồng ý cho thành lập ba đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Bắc Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa) và Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang) trực thuộc cấp tỉnh, nhằm khai thác tốt nhất các tiềm năng khu vực có lợi thế vượt trội, thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư, công nghệ cao, phương thức quản lý mới tiên tiến, hình thành khu vực tăng trưởng cao, tạo thêm nguồn lực và động lực, góp phần thúc đẩy nhanh phát triển và tái cơ cấu kinh tế cho tỉnh, vùng và cả nước. Cơ cấu, mô hình tổ chức chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt do Luật Đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt quy định.”*

Như vậy, kể từ năm 1994 đến nay, trong Cương lĩnh; các văn kiện, nghị quyết qua các thời kỳ đại hội Đảng toàn quốc; nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị các nhiệm kỳ đã đề cập một cách hệ thống, liên tục, cụ thể việc xây dựng, phát triển khu kinh tế, khu kinh tế đặc biệt và đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Liên quan đến tỉnh Khánh Hòa, Bộ Chính trị đã có chủ trương xây dựng, phát triển Bắc Vân Phong có tính đến yếu tố đặc thù, đặc biệt theo hướng là đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt trực thuộc tỉnh Khánh Hòa.

## **1.2. Cơ sở pháp lý**

- Hiến pháp năm 2013, Điều 70 quy định *“Quốc hội quyết định ... thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt”;*

- Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 tại Khoản 1, Điều 14 quy định: *“Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ; thành lập, giải thể,*

*nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt theo đề nghị của Chính phủ”;*

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 tại Điều 74 quy định: *“Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập, được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt về kinh tế - xã hội, có chính quyền địa phương được tổ chức phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt đó”;* Điều 75 *“Chính quyền địa phương tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật này”;*

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Điều 18 quy định: *“Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định trong Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một ngành đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt”;*

- Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13: *“Điều 8 xác định đường cơ sở quy định: Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố. Chính phủ xác định và công bố đường cơ sở ở những khu vực chưa có đường cơ sở sau khi được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn. Điều 9 Nội thủy quy định: Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam. Điều 10. Chế độ pháp lý của nội thủy quy định: Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như trên lãnh thổ đất liền”.*

- Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 đã quyết nghị: *“Lựa chọn một số khu có lợi thế đặc biệt để xây dựng đặc khu kinh tế với cơ chế đặc thù, hiệu lực, hiệu quả, có sức lan tỏa lớn đến chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lao động và cả nền kinh tế”;*

- Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 xác định: *“Nghiên cứu xây dựng thể chế vượt trội cho những địa phương, vùng kinh tế động lực, khu hành chính - kinh tế đặc biệt để thực hiện tốt vai trò đầu tàu, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.”*

- Nghị quyết số 34/2017/QH14 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017 đã được Quốc hội biểu quyết thông qua ngày 08/6/2017 đã bổ sung nội dung Luật

Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt vào chương trình cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 4 và dự kiến thông qua tại Kỳ họp thứ 5.

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 15/5/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Quyết định số 51/2005/QĐ-TTg ngày 11/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch Khu kinh tế vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hoà đến năm 2020.

- Quyết định số 92/2006/QĐ-TTg ngày 25/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số 18/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số 380/QĐ-TTg ngày 17/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030.

- Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2016 số 103/NQ-CP ngày 05/12/2016 của Chính phủ đã quyết nghị: *“Chính phủ thống nhất nguyên tắc xây dựng mô hình 03 đơn vị HC-KT đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc thuộc tỉnh theo định hướng mỗi đơn vị HC-KT đặc biệt lựa chọn phát triển thế mạnh riêng có, nhằm khai thác tối đa tiềm năng; lợi thế so sánh của mỗi đơn vị, tạo động lực phát triển mới, bảo đảm phân bổ nguồn lực theo vùng, tạo hiệu ứng lan toả trên phạm vi cả nước”*.

- Thông báo số 159/TB-VPCP ngày 24/3/2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa, trong đó có nội dung: *“Tích cực chuẩn bị các điều kiện để hình thành Khu hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong”*.

- Thông báo số 1135/TB-TTKQH ngày 26/9/2017 về Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 14 (tháng 9/2017), có nội dung: *“Đề nghị Chính phủ tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoàn chỉnh dự án Luật; bổ sung đề án thành lập 3 đơn vị HCKTĐB (trong đó có các nội dung về bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, giải quyết tốt chính sách xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân tại chỗ), các dự thảo Nghị quyết về thành lập*

3 đơn vị HCKTDB và các tài liệu khác có liên quan để trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 4 đồng bộ với dự án Luật; ...”.

### 1.3. Cơ sở lý luận – khoa học

Cơ sở lý luận cho việc xây dựng Đặc khu kinh tế nói chung và Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong nói riêng là các lý thuyết thể chế, lý thuyết lợi thế cạnh tranh, lý thuyết thương mại mới, lý thuyết cực tăng trưởng, lý thuyết địa kinh tế, lý thuyết vùng công nghiệp, lý thuyết về đô thị và quản lý đô thị,... cụ thể:

- Theo lý thuyết Cực phát triển: Sự phát triển vùng phụ thuộc vào sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, lãnh thổ và điều kiện kinh tế - xã hội,... Sự khác biệt này tạo ra sự phát triển không đồng đều giữa các vùng; vùng có điều kiện thuận lợi cần được ưu tiên phát triển trước, phát triển nhanh hơn để tạo sức lan tỏa tác động lôi kéo những vùng khó khăn, chưa có điều kiện phát triển và ngược lại phải chấp nhận có vùng phát triển sau, phát triển chậm.

- Theo lý thuyết về “lực hấp dẫn” trong phát triển vùng: Những trung tâm (đô thị) lớn, không chỉ “lan tỏa” mà còn có “lực hấp dẫn” rất mạnh; vì vậy việc tạo ra các trung tâm đô thị lớn sẽ kéo theo sức hút về lao động, tài nguyên,... để phát triển công nghiệp, dịch vụ và tiếp tục quá trình đô thị hóa.

- Theo lý thuyết “lan tỏa không gian và cân bằng vùng”: Quy luật phát triển kinh tế bao giờ cũng có sự “tích tụ” và “lan tỏa”, từ đó dẫn đến sự cân bằng và giảm dần mức chênh lệch giữa các vùng. Vì vậy, ban đầu phải đầu tư vốn và nguồn lực vào các vùng thuận lợi, có tiềm năng để phát triển nhanh, nhằm tạo ra sự tích tụ về của cải, vật chất và tài chính, rồi từ đó tạo ra sự lan tỏa cho các vùng khó khăn hơn.

- Theo lý thuyết thể chế: Không giống các nền kinh tế phát triển, các nền kinh tế đang phát triển có hệ thống thể chế yếu kém tồn tại kinh niên, vì thế nền kinh tế chỉ có thể phát triển nhanh nếu chính phủ có các chính sách dỡ bỏ những rào cản thể chế này như việc thành lập các đặc khu kinh tế. Thể chế hành chính, kinh tế thông thoáng, tự do và tự chủ là một trong những lợi thế quan trọng bậc nhất của các đặc khu kinh tế. Tại những đặc khu này, các cơ chế “một cửa” giúp giảm tình trạng tham nhũng vốn rất phổ biến ở các nền kinh tế đang phát triển. Với môi trường đầu tư hấp dẫn nhờ có cơ sở hạ tầng hiện đại, thể chế quản trị tốt, hệ thống luật pháp và quy định đơn giản hơn, ưu đãi thuế và vị trí địa lý thuận lợi, các đặc khu kinh tế là công cụ tốt để thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy phát triển. Sự phát triển của các đặc khu kinh tế sẽ biến các nơi này trở thành những hình mẫu và tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực trong cả nước. Tuy nhiên, việc thành

lập những đặc khu kinh tế với một hệ thống thể chế có mức độ tự do và tự chủ vượt trội cũng đòi hỏi tư duy đột phá và quyết tâm cao của chính phủ.

- Theo lý thuyết địa kinh tế: Một khu vực sẽ có được tiềm năng phát triển nhanh chóng nếu nằm ở một vị trí địa lý thuận lợi như có cảng biển nước sâu gần các tuyến đường giao thông, các trung tâm kinh tế, văn hóa-xã hội, có đặc thù về hệ tự nhiên, sinh thái,... Ở đây, có thể xây dựng các đặc khu kinh tế, đóng vai trò là các “cực tăng trưởng”, các “cửa ngõ” mời gọi các nguồn lực ưu việt nhất của thế giới có tác dụng lan tỏa đối với các vùng lân cận thông qua các liên kết ngược hoặc liên kết xuôi, và đẩy nhanh tiến trình hội nhập của nền kinh tế quốc gia toàn diện hơn vào nền kinh tế toàn cầu. Nhìn dưới góc độ sự cận kề về không gian địa lý, việc tập trung vào đặc khu kinh tế tạo ra lợi thế về hiệu quả kinh tế nhờ quy mô, qua việc lan truyền kiến thức, chia sẻ nguồn lực, và tập trung nguồn lao động. Trong một không gian kinh tế tập trung như đặc khu kinh tế, các doanh nghiệp sẽ có khả năng tiếp cận hoạt động kinh doanh và các dịch vụ, nhà cung cấp, nhà phân phối, các tổ chức nghiên cứu... nhanh và dễ dàng với chi phí giao dịch thấp. Các doanh nghiệp hay chi nhánh trong cùng ngành có thể chia sẻ nguồn cung đầu vào hoặc chuyên môn hoá sản xuất để khai thác hiệu quả kinh tế nhờ quy mô.

- Theo lý thuyết về đô thị và phát triển vùng công nghiệp: Có thể coi các Khu kinh tế quy mô lớn và toàn diện như là “vùng công nghiệp” - một thực thể lãnh thổ xã hội có một cộng đồng dân cư và một cộng đồng doanh nghiệp. Trong “vùng công nghiệp”, cộng đồng dân cư và cộng đồng doanh nghiệp hoà quyện với nhau. Các yếu tố quan trọng của mô hình này gồm: Có sự tập trung về mặt địa lý và lĩnh vực kinh doanh của các công ty; có môi trường hợp tác – cạnh tranh lành mạnh; có một bản sắc văn hoá - xã hội, tạo điều kiện cho sự tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau; và quá trình tập trung công nghiệp và đô thị kết hợp, bổ sung cho nhau. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, các đô thị hiện đại trên thế giới ngày nay có hai hình mẫu cơ bản là trung tâm tài chính quốc tế và trung tâm công nghiệp, dịch vụ tổng hợp. Đây cũng là những hình mẫu đô thị có khả năng tạo ra hệ thống thể chế tốt nhất và hiện đại nhất. Tại những đô thị này, những ngành công nghiệp truyền thống có nguy cơ gây ô nhiễm cao đang được dịch chuyển ra ngoài, thay vào đó là các ngành dịch vụ hiện đại như tài chính, ngân hàng, thương mại và các ngành dịch vụ kinh doanh. Đây cũng là nơi tập trung văn phòng của các tập đoàn xuyên quốc gia hàng đầu thế giới và là nơi thu hút lực lượng lao động có tay nghề rất cao từ khắp nơi trên toàn cầu, hình thành nên một cộng đồng dân cư đô thị quốc tế với một hệ thống quản lý đô thị tinh giản, hiệu quả và có mức độ tự chủ cao.



Nhìn chung, các lý thuyết cho thấy một đặc khu kinh tế hiện đại không nên chỉ hướng tới những mục tiêu làm giảm các rào cản đối với tự do hóa thương mại và đầu tư mà còn nên hướng tới tầm nhìn dài hạn hơn là trở thành một thành phố tự do quốc tế, với một cơ cấu kinh tế hiện đại, kết nối với nền kinh tế toàn cầu, cơ chế quản lý hành chính hiện đại có mức độ tự chủ cao và một cộng đồng dân cư đa văn hóa.

## **1.4. Cơ sở thực tiễn**

### **1.4.1. Cơ sở thực tiễn thế giới**

Làn sóng hình thành các khu kinh tế tự do đã trải qua một số giai đoạn, tạo ra một số mô hình khác nhau ở các nước và các khu vực trên thế giới. Đối với mỗi mô hình khác nhau, mục tiêu, đặc điểm, chức năng và tác động của các khu kinh tế tự do cũng thay đổi. Nhìn lại lịch sử, dạng khu kinh tế tự do đầu tiên đã xuất hiện từ thế kỷ 15 là các khu cảng tự do với chức năng chủ yếu là phục vụ quan hệ mậu dịch giữa các quốc gia. Vào giữa thế kỷ 20, hầu hết các khu kinh tế tự do trên thế giới được thành lập dưới hình thức là các khu thương mại. Đến nay, các Khu kinh tế tự do hiện đại đã xuất hiện ở rất nhiều nơi trên thế giới, từ những nền kinh tế kém phát triển như Bangladesh, Bolivia và Togo, các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc và Ấn Độ, cho đến các thành viên thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) như Pháp, Nhật Bản và Mỹ. Các khu kinh tế tự do tự nhân do các tập đoàn lớn đầu tư xây dựng xuất hiện ngày một nhiều và hoạt động hiệu quả hơn hẳn các khu kinh tế chỉ do chính phủ đầu tư xây dựng.

Các khu kinh tế tự do hiện đại đã trở nên đa năng hơn, thậm chí có những Khu kinh tế tự do đã trở thành những thành phố lớn. Đa số các khu kinh tế tự do mới thành lập kể từ khi Tổ chức thương mại thế giới (WTO) ra đời đều là các khu kinh tế tự do có chức năng tổng hợp. Đặc biệt, thế hệ các khu kinh tế tự do kiểu mới đã mang nhiều tính chất của các đặc khu kinh tế, không chỉ có những ưu đãi nổi bật về thể chế kinh tế mà còn có tính tự chủ về quản lý hành chính cao độ. Hình thức khu kinh tế mang dáng dấp đô thị quốc tế đã xuất hiện ở nhiều nước như Hàn Quốc, Trung Quốc, Các tiểu vương quốc Ảrập thống nhất...

Tại châu Á nơi tập trung nhiều khu kinh tế tự do, từ cuối những năm 1990, Trung Quốc đã xây dựng thêm nhiều dạng khu kinh tế tự do mới và tiếp tục thu được những thành tựu đáng khích lệ. Một số đặc khu kinh tế của Trung Quốc được hình thành từ cuối những năm 1970 như Đặc khu kinh tế Thẩm Quyển, Hạ Môn, Sán Đầu và Chu Hải đang được cải cách, chuyển đổi theo hướng nâng cao tính tự chủ nhiều hơn để thích ứng với bối cảnh mới. Trung Quốc cũng vừa thành lập khu vực thương mại tự do Thượng Hải với hy vọng đưa khu này trở thành

một trung tâm thương mại - tài chính lớn của thế giới và là hình mẫu cho cải cách kinh tế. Bên cạnh đó, hai đặc khu hành chính là Hồng Kông và Ma Cao tiếp tục phát huy những thế mạnh của mình nhờ thể chế kinh tế tự do, thông thoáng và thể chế hành chính tự trị về mọi mặt chỉ trừ hai lĩnh vực là đối ngoại và quốc phòng, nhờ vậy vượt trội rõ rệt so với thể chế hành chính và kinh tế của nội địa Trung Quốc.

Từ đầu năm 2000 đến nay, Hàn Quốc xây dựng 3 khu kinh tế tự do (Incheon, Busan Jinhae, và Gwangyangman) theo hướng là đặc khu kinh tế, với cơ chế hiện đại, tự trị cao và cơ sở hạ tầng rất hiện đại. Hàn Quốc cũng thành lập thành phố quốc tế tự do Jeju thuộc tỉnh tự trị Jeju hoạt động theo Luật đặc biệt, với chủ trương “không visa, không thuế.”

Tại Trung Đông, đáng chú ý là thành phố Dubai thuộc Các tiểu vương quốc Ảrập thống nhất đã xây dựng hàng chục khu kinh tế tự do thực sự hiện đại và có tính quốc tế cao, trong đó nổi bật là Trung tâm tài chính quốc tế Dubai theo mô hình của một đặc khu kinh tế. Ở các khu này, người nước ngoài làm việc và sinh sống nhiều hơn người bản địa, bộ máy chính quyền có quyền tự chủ cao, hệ thống tòa án độc lập, xét xử theo hệ thống luật pháp hiện đại và thông lệ hiện hành tốt nhất của thế giới.

Có thể thấy việc xây dựng và đổi mới mô hình phát triển các khu kinh tế tự do theo hướng đặc khu kinh tế với những thể chế vượt trội đang là một xu hướng ở nhiều nước trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt giữa các khu kinh tế tự do nhằm thu hút những nhà đầu tư chiến lược. Tại các nước Đông Nam Á, nhiều khu kinh tế nổi tiếng như khu công nghệ cao Jurong của Singapore, Kulim của Malaysia,...đang đổi mới cơ chế mạnh mẽ để có thể tiếp tục phát triển thành công. Các nền kinh tế đang tiến hành mở cửa mạnh mẽ trong khu vực như Myanmar và Campuchia cũng nỗ lực tìm kiếm cơ hội xây dựng những khu kinh tế tự do với nhiều ưu đãi đặc biệt cho các nhà đầu tư. Xu hướng này tạo ra sức ép đối với Việt Nam đòi hỏi phải nhanh chóng thành lập được một đặc khu kinh tế cạnh tranh hơn so với các dạng khu kinh tế tự do của nước ngoài.

#### 1.4.2. Cơ sở thực tiễn trong nước

Việt Nam là một quốc gia biển, có vị trí địa kinh tế và địa chính trị quan trọng ở biển Đông, gần tuyến đường giao thông huyết mạch của khu vực và thế giới, đồng thời có những vùng có tiềm năng rất lớn để phát triển một số đặc khu kinh tế hướng ra biển. Việt Nam cũng có vị trí chiến lược tại Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương là những khu vực phát triển năng động của thế giới. Tiến trình hội nhập khu vực ở đây diễn ra mạnh mẽ trên nhiều tuyến, nhiều

phương và nhiều cấp độ, đặt ra yêu cầu cho các quốc gia như Việt Nam phải trở thành tâm điểm, đầu mối của các tiến trình hội nhập này để phát triển mạnh mẽ hơn và có vai trò nổi bật hơn trong hệ thống kinh tế khu vực và toàn cầu. Với chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu sắc, vùng biển của Việt Nam, trong đó có những đặc khu kinh tế ven biển, sẽ trở thành cầu nối quan trọng để phát triển thương mại quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia bên ngoài.

Thực tiễn phát triển kinh tế trong giai đoạn đổi mới và hội nhập của đất nước đặt ra yêu cầu cần phải nghiên cứu những mô hình phát triển mới, có tính đột phá nhằm khai thác các lợi thế về điều kiện tự nhiên và thí điểm áp dụng những thể chế và chính sách kinh tế mới ở một số địa phương, rút kinh nghiệm để từ đó nhân rộng ra cả nước. Việc xây dựng và phát triển các khu kinh tế ven biển nhằm thực hiện mục tiêu này.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 cũng khẳng định, với một bờ biển dài có tiềm năng kinh tế chưa khai thác hết, nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, phát triển toàn diện các ngành nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh bền vững với hiệu quả, tốc độ cao; phấn đấu đến năm 2020, kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 53-55% GDP của cả nước, trong đó các khu kinh tế ven biển được xác định đóng vai trò động lực, chủ đạo.

Năm 2003, Việt Nam đã thành lập thí điểm khu kinh tế mở Chu Lai – khu kinh tế ven biển đầu tiên của cả nước nhằm áp dụng các thể chế, chính sách và mô hình đột phá mới cho phát triển kinh tế - xã hội khu vực duyên hải miền Trung. Tính đến năm 2013, trên cả nước đã có 15 khu kinh tế ven biển được thành lập và theo quy hoạch đến năm 2020, Việt Nam sẽ có 18 khu kinh tế ven biển.

Trải qua 10 năm thành lập và hoạt động, các khu kinh tế ven biển của Việt Nam đã có một số đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và cả nước. Các khu kinh tế ven biển đã giúp tạo việc làm, nâng cao thu nhập, thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, phát triển một số ngành nghề mũi nhọn cho địa phương, đóng góp cho ngân sách nhà nước, kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh, quốc phòng. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển của các khu kinh tế ven biển tại Việt Nam hiện nay đã bộc lộ một số hạn chế:

Thứ nhất, các khu kinh tế ven biển có mức độ tự chủ còn thấp, thể chế chưa hoàn thiện và hiện đại. Thể chế kinh tế và thể chế hành chính không phù

hợp, thậm chí lạc hậu, là hạn chế rất lớn đối với các khu kinh tế ven biển. Các khu kinh tế này có cơ quan quản lý riêng là Ban quản lý Khu kinh tế. So với đặc khu kinh tế là một đơn vị hành chính riêng thực hiện quản lý toàn diện về kinh tế, xã hội, và an ninh, các khu kinh tế của Việt Nam chưa phải là một đơn vị hành chính riêng, mà chỉ là một cơ quan quản lý kinh tế lệ thuộc (thường là trực thuộc một cơ quan quản lý hành chính cấp tỉnh). Ban quản lý Khu kinh tế chỉ tập trung quản lý quy hoạch, đầu tư để phát triển kinh tế và đô thị. Điều đó có nghĩa là: Khu kinh tế có thể có một số khác biệt với tỉnh trực thuộc về quản lý kinh tế, nhưng về quản lý hành chính thì hầu như không. Như vậy, so với một số khu kinh tế trên thế giới, các khu kinh tế ven biển của Việt Nam chưa có một cơ chế tự chủ, độc lập, hiện đại và mang tính quốc tế phù hợp. Điều này làm giảm bớt mức độ mở cửa, tính hấp dẫn và các sáng kiến đột phá của các khu kinh tế, khiến cho các khu kinh tế chưa khai thác được hết các lợi thế của mình.

Thứ hai, các khu kinh tế ven biển phát triển chậm và chưa có các đối tác đầu tư chiến lược. Để xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu kinh tế ven biển được hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương, các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn FDI. Tuy nhiên, do thể chế của các khu kinh tế ở Việt Nam chưa hiện đại và quốc tế nên không đủ sức thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư, vì thế tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật diễn ra còn rất chậm. Trong bối cảnh kinh tế suy giảm và chính phủ thực hiện tái cơ cấu đầu tư công, nguồn vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng của các khu kinh tế đang bị cắt giảm và điều này tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tiến độ hoàn thiện cơ sở hạ tầng của các khu kinh tế. Do không có các nhà đầu tư chiến lược, các khu kinh tế ở Việt Nam hiện nay đang gặp nhiều khó khăn. Thực tiễn Việt Nam cho thấy, cơ sở hạ tầng của các khu kinh tế chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển theo hướng hiện đại hóa trong khi nguồn nhân lực chất lượng cao cũng thiếu nên rất khó thu hút được các dự án đầu tư công nghệ cao và rất khó cạnh tranh với các khu kinh tế khác trong khu vực.

Về cơ bản Việt Nam đã chuyển đổi sang kinh tế thị trường, và cơ chế thị trường đã thực sự tác động đến hoạt động của nền kinh tế Việt Nam, nhất là sau khi gia nhập WTO. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trong quá trình cải cách và chuyển đổi nên hệ thống thể chế, chính sách còn có nhiều bất cập, chưa phù hợp với các chuẩn mực của nền kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế.

Với khá nhiều lợi thế về địa kinh tế và tài nguyên, song Việt Nam mới chỉ xây dựng được các khu kinh tế ven biển có thể chế hạn hẹp. Mức độ mở cửa và tự chủ của các khu kinh tế ven biển hiện nay chỉ ngang với các khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp; các khu kinh tế ven biển cũng chỉ được hưởng quy chế

ưu đãi ngang bằng với quy chế dành cho các địa bàn khó khăn nhất. Mức độ “tự do” và “tự chủ” của thể chế kinh tế của các khu kinh tế ven biển thấp hơn nhiều so với hệ thống thể chế mang tính tự chủ cao của các khu kinh tế tự do trong khu vực nên khiến cho các khu kinh tế ven biển của Việt Nam ít có khả năng cạnh tranh, khó thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Trong khi đó, một trong những yếu tố quan trọng nhất, có tác động lớn đến sự thành, bại trong việc phát triển các khu kinh tế ven biển hiện nay của Việt Nam là sự tham gia của các nhà đầu tư chiến lược có tầm cỡ quốc tế.

1.4.3. Bài học kinh nghiệm thực tiễn phát triển các mô hình đặc khu hành chính, đặc khu kinh tế và các mô hình tương tự khác

Các yếu tố, điều kiện quyết định sự thành công: Thành công của đặc khu hành chính, đặc khu kinh tế và các mô hình tương tự khác tại một số nước có tốc độ phát triển nhanh và tương đối bền vững nhờ gắn liền với các điều kiện địa – chính trị thuận lợi với một thể chế hành chính và các cơ chế ưu đãi đặc biệt. Cụ thể như sau:

- Lựa chọn đúng địa điểm: Địa điểm được lựa chọn phải là nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi, có khả năng liên kết vùng, kết nối khu vực, giao thương quốc tế thông qua đường biển, đường hàng không, đường bộ hoặc đường sắt; đặt trong quy hoạch phát triển liên hoàn quốc gia và quốc tế; là khu vực có tiềm năng phát triển nhanh nhưng thiếu thể chế, cơ chế, chính sách đột phá; thiếu nguồn lực ban đầu và nguồn lực chất lượng cao,... thường là nơi tương đối biệt lập hoặc có khả năng tạo ra sự biệt lập; có thể là nơi hoang sơ, xuất phát điểm thấp nhưng hội tụ đủ các điều kiện thuận lợi để xây dựng hạ tầng chiến lược và phát triển kinh tế hướng ngoại, độ mở cao. Ngoài ra, địa điểm lựa chọn có thể bên cạnh một nền kinh tế và thị trường lớn, tận dụng được lợi thế bên trong và ưu thế bên ngoài để hội tụ và lan tỏa phát triển; góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển và thúc đẩy hợp tác liên vùng hiệu quả hơn. Điển hình như: Thẩm Quyển, Sán Đầu, Hạ Môn, Chu Hải, Kashgar, Khu thương mại tự do Thượng Hải (Trung Quốc), Batam (Indonesia), Dubai (UEA), Incheon (Hàn Quốc).

- Lựa chọn chiến lược phát triển ngành nghề phù hợp với tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của địa điểm xây dựng đặc khu kinh tế. Ngành nghề lựa chọn phải khai thác và phát huy tối đa lợi thế địa kinh tế - chính trị chiến lược; điều kiện tự nhiên, văn hóa – xã hội, lịch sử truyền thống, con người; phù hợp chiến lược phát triển của quốc gia, xu thế thời đại, nhu cầu thị trường và có khả năng cạnh tranh cao. Điển hình như: Khu kinh tế tự do Incheon (Hàn Quốc) lựa chọn phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, kinh tế

xanh, kinh tế tri thức; Jeju (Hàn Quốc) với lợi thế về di sản – kỳ quan thiên nhiên thế giới, khí hậu ôn hòa nên lựa chọn phát triển du lịch, vui chơi giải trí; Singapore lựa chọn lĩnh vực là hậu cần cảng biển và sau này phát triển du lịch và dịch vụ giải trí, giáo dục, y tế.

- Cơ chế, chính sách ưu đãi cạnh tranh toàn cầu ở mức cao nhất: Cơ chế, chính sách ưu đãi phải vượt trội, minh bạch, cạnh tranh toàn cầu ở mức cao nhất để thu hút, hấp dẫn các nhà đầu tư lớn có tiềm lực trên thế giới nhất là những năm đầu. Thực hiện ưu đãi đồng bộ ở tất cả các lĩnh vực như: Đất đai, nhà ở, tài chính, ngân hàng, tiền tệ; các loại thuế; di chuyển hàng hóa, điều kiện cư trú, đi lại; lao động, tiền lương; có cơ chế giải quyết tranh chấp linh hoạt trong lựa chọn tòa án và trọng tài.

- Thể chế đủ mạnh và ổn định; được trao quyền tự chủ cao: Thể chế đủ mạnh, phù hợp với thông lệ quốc tế, có tính cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nhất là đối với các quốc gia có mô hình đặc khu kinh tế. Phải có Luật đặc khu kinh tế trong đó quy định cụ thể, chi tiết quyền lợi và nghĩa vụ của nhà đầu tư, chính quyền và người dân...; đảm bảo tính nhất quán, ổn định, công khai, minh bạch; nội dung quy định trong luật có tính dự báo cao để tạo điều kiện mở cửa thị trường. Bên cạnh đó, để tạo tính tự chủ, tự quyết, tự chịu trách nhiệm về các quyết định của mình, cơ quan quản lý đặc khu kinh tế được trao một số quyền, thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền địa phương cấp trên.

- Có nền hành chính hiện đại, bộ máy hành chính tinh gọn, hiện quả; thủ tục hành chính đơn giản, minh bạch và công khai: Xây dựng một chính quyền trong sạch, bộ máy điều hành gọn nhẹ, linh hoạt, được điện tử hóa, giảm tầng nấc, không bị trùng chéo về chức năng, nhiệm vụ; những gì mà người dân và doanh nghiệp làm được thì nhà nước cương quyết không làm; nhà nước chỉ giữ vai trò kiến tạo, xây dựng chiến lược, quy hoạch, thể chế, cơ chế, chính sách và định hướng phát triển. Thủ tục hành chính đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp cận với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, được đưa vào trung tâm hành chính công và giải quyết theo hướng tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt tại chỗ.

- Cần có quyết tâm chính trị của cấp cao và khát vọng vươn lên của chính quyền nhân dân địa phương: Để tạo niềm tin của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, lãnh đạo cấp cao cần có quyết tâm đổi mới cùng với cam kết chính trị mạnh mẽ; kiên trì cải cách, mạnh dạn thí điểm, trao quyền và với quan điểm không quá cầu toàn, vừa làm vừa hoàn thiện. Ở địa phương: Chính quyền, doanh

nghiệp và người dân phải có khát vọng bứt phá, vươn lên; dám xông pha, tiên phong đi trước, quyết tâm đổi mới, phấn đấu đi lên từ nội lực.

- Có sự hỗ trợ ban đầu của Chính phủ cho phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực: Do yêu cầu cần phải tập trung nguồn lực để đầu tư hạ tầng cứng (giao thông, điện, nước, viễn thông...) và hạ tầng mềm (nguồn nhân lực chất lượng cao, giáo dục đào tạo, y tế, khoa học công nghệ...) nên bên cạnh việc xây dựng cơ chế, chính sách để đa dạng hóa nguồn lực thì sự hỗ trợ ban đầu của Chính phủ về nguồn lực tài chính, nguồn lực con người là rất quan trọng và có vai trò quyết định sự thành công của các đặc khu kinh tế.

- Quy mô và lộ trình phát triển phù hợp: Mô hình đặc khu kinh tế thường gắn liền với thử nghiệm các thể chế, cơ chế, chính sách mới, vượt trội so với khuôn khổ pháp luật hiện hành; mô hình quản lý tiên tiến có tính đột phá; nên cần kiên trì, quyết liệt với lộ trình, bước đi phù hợp. Vì vậy, hầu hết các đặc khu kinh tế phát triển theo quy mô từ nhỏ đến lớn; trình độ quản lý từ thấp đến cao; ngành nghề phát triển từ đơn giản đến phức tạp; phương thức phát triển từ dựa vào tài nguyên, sức lao động chuyển sang các yếu tố bền vững để phát triển xanh với công nghệ cao và kinh tế tri thức.

- Có sự chỉ đạo, điều hành, quản lý xuyên suốt từ Chính phủ đến địa phương với mô hình Ban chỉ đạo quốc gia về đặc khu kinh tế: Trên thế giới, đặc khu kinh tế chịu sự lãnh đạo, quản lý điều hành của các cấp hành chính rất đa dạng, linh hoạt; tùy thuộc vào thể chế chính trị; điều kiện cụ thể của từng nước và trong từng giai đoạn. Tuy nhiên, đặc khu kinh tế dù thuộc cấp nào thì sự lãnh đạo, điều hành quản lý cũng đều thống nhất, xuyên suốt từ Chính phủ đến địa phương thông qua việc thành lập Ban chỉ đạo cấp quốc gia về xây dựng, phát triển đặc khu kinh tế; và được quy định cụ thể trong luật hoặc Nghị quyết của Quốc hội.

#### 1.4.4. Bài học từ một số đặc khu kinh tế không thành công trên thế giới

Nghiên cứu cũng cho thấy một số đặc khu kinh tế không thành công thường do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Thiếu quyết tâm chính trị của lãnh đạo cấp cao; thiếu sự khát vọng và nhiệt huyết của chính quyền và nhân dân nơi xác định xây dựng đặc khu kinh tế;

- Vị trí lựa chọn không đúng;

- Xác định phát triển ngành nghề chưa thực sự phù hợp với tiềm năng thế mạnh, lợi thế cạnh tranh của địa điểm được lựa chọn xây dựng đặc khu kinh tế;

- Không có luật riêng; thiếu cơ chế, chính sách đủ sức cạnh tranh toàn cầu; chủ yếu dựa vào thời gian miễn hoặc ưu đãi thuế và tiền thuê đất;

- Thiếu sự hỗ trợ ban đầu của Chính phủ để đầu tư phát triển hạ tầng kết nối vào đặc khu kinh tế, nhất là hạ tầng giao thông; chưa thu hút được các nhà đầu tư chiến lược và chưa có sự vào cuộc thực sự của khu vực tư nhân;

- Tổ chức bộ máy hành chính công kênh, trùng chéo; quy trình thủ tục thiếu minh bạch; năng lực quản lý kém để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, trốn thuế, buôn lậu...; chưa có cơ chế hợp tác công – tư phù hợp trong phát triển hạ tầng cho đặc khu kinh tế.

## **1.5. Bối cảnh quốc tế, trong nước**

### **1.5.1. Bối cảnh quốc tế**

Hiện nay, xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa đang diễn ra mạnh mẽ, giữa các nước vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh, vừa có hòa hoãn, vừa có kiềm chế lẫn nhau. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng. Sự phát triển mạnh mẽ về khoa học công nghệ đã đưa thế giới đến gần nhau hơn, nhiều vấn đề mới được đặt ra trước yêu cầu đòi hỏi phát triển nền kinh tế thế giới, đặc biệt là trong giai đoạn thế giới đang có những diễn biến phức tạp về an ninh, chính trị, khủng hoảng về kinh tế tại một số quốc gia, các thể chế đa phương đứng trước những thách thức lớn.

Toàn cầu hóa trên tất cả các mặt đời sống, văn hóa, chính trị, kinh tế xã hội... thúc đẩy nhu cầu giao lưu giữa các quốc gia với nhau, nhu cầu hưởng thụ của con người cũng cao hơn, nhất là đối với du lịch, giải trí,... nên đòi hỏi phải đa dạng, phong phú về loại hình dịch vụ, sản phẩm như: Casino, các khu nghỉ dưỡng cao cấp,... Khu vực Đông Nam Á có vị trí địa kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới và đây cũng là khu vực đang có những mâu thuẫn về lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên biển Đông.

Bên cạnh đó, vấn đề biến đổi khí hậu và nước biển dâng; ô nhiễm môi trường - dịch bệnh; cạn kiệt tài nguyên là những vấn đề mang tính toàn cầu, tác động trực tiếp đến các quốc gia, nhất là các quốc gia có biển; đòi hỏi cộng đồng quốc tế phải chung tay đối phó ngày càng quyết liệt hơn. Vấn đề cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài giữa các quốc gia ngày càng gay gắt, đặc biệt là giữa các nước đang phát triển như Việt Nam, nên việc thâm nhập vào các thị trường mới, cải thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo an ninh chính trị nhằm cạnh tranh thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài là những nội dung quan trọng để tạo điều kiện bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế.

Hiện nay, thế giới đang có xu hướng xây dựng các đặc khu kinh tế và phát triển mô hình hợp tác công – tư, nhiều quốc gia xem phát triển đặc khu kinh tế là



động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến trình cải cách kinh tế và hội nhập; hình thành các "cực tăng trưởng - cực phát triển"; thực tế nhiều quốc gia đang tiếp tục phát triển các đặc khu kinh tế và coi đó là một công cụ quan trọng giúp kích thích tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân và đóng vai trò là "động lực" thúc đẩy nền kinh tế trong điều kiện khó khăn.

### 1.5.2. Bối cảnh trong nước

Trên bình diện quốc tế nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng, Việt Nam đang dần dần khẳng định vai trò của mình trên nhiều lĩnh vực, trong đó lĩnh vực phát triển kinh tế cũng đã nhiều thành tựu và có tầm ảnh hưởng nhất định đối với khu vực, tuy nhiên so với một số quốc gia như: Singapore, Malaysia, Thailan thì nước ta vẫn còn nhiều hạn chế và có khoảng cách khá xa so với các quốc gia này. Thực hiện chủ trương Công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế, phát triển bền vững để cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; để thực hiện nội dung này vấn đề đặt ra cần nghiên cứu điều chỉnh về thể chế để xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù đủ sức cạnh tranh với khu vực và quốc tế, trong đó việc sửa đổi Hiến pháp năm 2013 đã góp phần tạo nền tảng pháp lý cao nhất cho chặng đường phát triển tiếp theo, trong đó có việc triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, là thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Có thể thấy, sau 30 năm đổi mới, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực trong đó có kinh tế, song vẫn còn nhiều tồn tại, yếu kém chưa thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn. Trong khi nhu cầu về đầu tư phát triển ngày càng lớn, nhưng khả năng đáp ứng từ ngân sách Nhà nước lại hạn hẹp, mâu thuẫn này đòi hỏi phải có cơ chế, chính sách đột phá nhằm thu hút nguồn vốn từ bên ngoài. Việc phát triển nóng các khu kinh tế, khu công nghiệp trong hơn 25 năm qua đã được Trung ương rút kinh nghiệm và đang điều chỉnh theo hướng lựa chọn những khu vực có lợi thế đặc biệt hơn để ưu tiên chính sách và nguồn lực đầu tư phát triển.

## 1.6. Dự báo một số tác động, khó khăn thách thức

### 1.6.1. Tình hình kinh tế và những diễn biến chính trị - an ninh trên thế giới ảnh hưởng tới khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư và phát triển kinh tế

Kinh tế thế giới khủng hoảng theo chu kỳ, phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn có nhiều biến động khó lường. Cùng với đó là những diễn biến phức tạp ở biển Đông, hải đảo có ảnh hưởng tới phát triển kinh tế khu vực, làm cản trở tốc độ tăng trưởng nhanh và phát triển ổn định của nền kinh tế toàn cầu.

Hòa bình và hợp tác phát triển là xu thế lớn nhưng chủ nghĩa dân túy và chủ trương bảo hộ gần đây có xu hướng gia tăng, đặc biệt là ở Mỹ và Châu Âu (Anh, Pháp, Ý, Đức) vốn là các thị trường mục tiêu có vai trò ảnh hưởng lớn tới dòng chảy vốn đầu tư toàn cầu. Do vậy, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong nói riêng và các đặc khu kinh tế nói chung sẽ ít nhiều bị tác động ảnh hưởng. Bên cạnh đó, nhiều quốc gia khác đang tích cực điều chỉnh chiến lược phát triển, tăng cường liên kết, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, nhất là trong thương mại, đầu tư, nhân lực, khoa học, công nghệ tạo nên bầu không khí cạnh tranh quyết liệt giữa các đặc khu và giữa các quốc gia.

#### 1.6.2. Yêu cầu về kết cấu hạ tầng đồng bộ để nắm bắt cơ hội phát triển

Hiện trạng khu vực Bắc Vân Phong vẫn còn hoang sơ và hệ thống kết cấu hạ tầng rất hạn chế, do đó cần tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để đáp ứng yêu cầu triển khai dự án của các nhà đầu tư. Nỗ lực này đòi hỏi nguồn vốn lớn trong một khoảng ngắn để nhanh chóng thực hiện đồng bộ, tránh bỏ lỡ cơ hội phát triển và cạnh tranh với các nơi khác. Tuy nhiên, trong điều kiện nguồn ngân sách của tỉnh Khánh Hòa còn hạn hẹp, việc nhanh chóng tìm kiếm các nhà đầu tư chiến lược cùng tham gia xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong là hết sức cấp bách.

#### 1.6.3. Thách thức lớn trong việc mời gọi các nhà đầu tư hàng đầu thế giới

Để Bắc Vân Phong thực sự trở thành một trung tâm kinh tế năng động, cửa ngõ giao thương với thế giới với dịch vụ thương mại – tài chính hiện đại, du lịch cao cấp, khoa học công nghệ phát triển thì cần nhiều nguồn lực đầu tư, nhất là từ các nhà đầu tư quốc tế lớn. Do đó, thách thức và yêu cầu đặt ra cho Bắc Vân Phong là phải tạo lập được một môi trường đầu tư kinh doanh thực sự hấp dẫn để thu hút các công ty, tập đoàn hàng đầu thế giới tham gia phát triển hạ tầng, quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

#### 1.6.4. Đổi mới tư duy và nhận thức

Việc thành lập các đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt là một vấn đề mới và khó do chưa có tiền lệ tại Việt Nam với các thể chế đặc thù, cơ chế chính sách đặc biệt nên phải vừa làm, vừa học hỏi, vừa nghiên cứu bổ sung điều chỉnh để hoàn thiện cho phù hợp với diễn biến tình hình thực tế.

Điều này đòi hỏi phải có tư duy, nhận thức đột phá khỏi những khuôn khổ trước đây để bắt kịp với tốc độ phát triển vượt bậc của kinh tế, chuyển biến mạnh

mẽ của xã hội và xu hướng vận động của thế giới. Hiện nay, việc đề xuất thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt ở Việt Nam nói chung còn gặp phải một số luồng ý kiến khác nhau, ủng hộ hoặc chưa ủng hộ. Huyện Vạn Ninh chưa phải là một đô thị phát triển, lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh còn giản đơn, trình độ và nhận thức của cư dân còn hạn chế. Do đó, việc thay đổi nhận thức và tư duy sẽ là một thách thức không nhỏ để đảm bảo sự đồng thuận của nhân dân, sự ủng hộ của cả hệ thống chính trị và có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

#### 1.6.5. Khả năng tác động và ảnh hưởng tới kinh tế, xã hội

Việc áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội sẽ tạo ra sự chênh lệch vùng miền. Sự khác biệt về ưu đãi giữa trong và ngoài đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt dễ phát sinh tình trạng buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại và nếu không kiểm soát chặt chẽ sẽ gây thất thu cho ngân sách, ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường.

Khi trở thành đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, Bắc Vân Phong sẽ là môi trường sống và làm việc của nhiều người đến từ nhiều quốc gia khác nhau do vậy những giá trị văn hóa truyền thống có thể bị ảnh hưởng. Đồng thời, để đáp ứng nhu cầu phát triển, một bộ phận người dân có thể sẽ được di dời, sắp xếp lại nơi ở và phải chuyển đổi nghề nghiệp, do đó dễ nảy sinh những vấn đề xã hội phức tạp cần giải quyết và quản lý tốt.

Đồng thời, nguy cơ về mặt an ninh – quốc phòng cũng cần đảm bảo không để các thế lực bên ngoài lợi dụng các quy chế đặc thù của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt để tiến hành các hoạt động chống phá, cản trở sự phát triển.

#### 1.6.6. Thách thức trong việc bảo vệ môi trường, kiểm soát rủi ro về thiên tai, biến đổi khí hậu

Thách thức chung cho các địa phương ven biển, trong đó có Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, đó là vấn đề môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Sự gia tăng dân số, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và khách du lịch cùng với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, gia tăng đột biến các nguồn chất thải là những thách thức lớn đối với công tác bảo vệ môi trường của Bắc Vân Phong. Tình trạng lãng phí đất đai, tài nguyên có thể xảy ra nếu không quản lý tốt việc triển khai các dự án đúng tiến độ và tìm được nhà đầu tư thích hợp.

Những tồn tại tiềm ẩn về thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng đặt ra yêu cầu đối với chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong cần phải quản lý và kiểm soát chặt chẽ những rủi ro này.

## **1.7. Vị trí Khánh Hòa trong mối quan hệ phát triển quốc gia và quốc tế**

### **1.7.1. Vị trí địa lý tỉnh Khánh Hòa**

Khánh Hòa thuộc vùng duyên hải Nam Trung bộ, là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nhất là bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, đảo của đất nước. Có vị trí địa lý, kinh tế khá thuận lợi, nằm trên các trục giao thông quốc gia quan trọng cả về đường sắt, đường bộ, đường thủy và hàng không; nằm gần đường hàng hải quốc tế, có các cảng biển lớn, là một trong những cửa ngõ ra biển của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; có đường hàng không nối với các trung tâm kinh tế lớn như thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và kết nối với các nước trong khu vực và trên thế giới, ... tạo điều kiện cho Khánh Hòa mở rộng giao lưu kinh tế với cả nước và quốc tế.

### **1.7.2. Vị trí Khánh Hòa trong mối quan hệ phát triển quốc gia và quốc tế**

Với vị trí địa lý nêu trên và những thành tựu Khánh Hòa đạt được trong thời gian qua, vị trí của Khánh Hòa trong mối quan hệ phát triển quốc gia và quốc tế đã thể hiện rõ nét trên các mặt như sau:

- Cơ sở hạ tầng quốc gia tác động đến phát triển tỉnh Khánh Hòa: Quốc lộ 1 và đường sắt nối Khánh Hòa với các tỉnh phía Bắc, phía Nam; Quốc lộ 26 nối thị xã Ninh Hòa với tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh Tây Nguyên; Quốc lộ 27C nối thành phố Nha Trang với thành phố Đà Lạt; có các cảng biển lớn như cảng Cam Ranh, cảng Nha Trang; cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh, ... là những cầu nối gắn kết Khánh Hòa với các vùng, miền trong nước và kết nối với các nước trong khu vực và trên thế giới, tương trợ lẫn nhau, đã tạo điều kiện phát triển mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị xã hội của Khánh Hòa, của cả nước và các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ từ vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài kết hợp với nguồn lực của địa phương tác động đến phát triển tỉnh Khánh Hòa: Khánh Hòa đã thực hiện huy động, phân bổ và sử dụng hợp lý các nguồn vốn đầu tư cho các công trình hạ tầng kỹ thuật vào 03 vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, các chương trình mục tiêu theo nguyên tắc có tác động lan tỏa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã

hội; phân phối nguồn lực lại phục vụ cho 02 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh và các vùng sâu, vùng xa của huyện đồng bằng nhằm thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao trình độ văn hóa cho người dân. Phân bổ cho huyện Trường Sa đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu nhằm đáp ứng cho người dân sinh sống và làm việc ở vùng biển, đảo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và gắn với bảo vệ quốc phòng an ninh biển, đảo.

- Hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định tự do thương mại tác động đến phát triển tỉnh Khánh Hòa: Thực hiện phương châm, đường lối đối ngoại của Đảng về đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, những năm qua, tỉnh Khánh Hòa tiếp tục duy trì, thực hiện và khai thác có chiều sâu các mối quan hệ hợp tác quốc tế đã ký kết với 09 địa phương nước ngoài gồm Khắc Cốp (Ucraina), Ulsan (Hàn Quốc), Champasak, Attapur (Lào), Stung Treng (Campuchia), Morbihan (Pháp), Bắc Úc (Úc), Saint Peterburg, Primorye (Nga), Moravian (Séc); đồng thời chủ động nghiên cứu, mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế mới với các địa phương các nước. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế đã giúp tỉnh tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài, thu hút một lượng lớn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Quan hệ giữa tỉnh Khánh Hòa với địa phương các nước trong khu vực, các đối tác lớn của tỉnh từng bước đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, đặc biệt với các địa phương của các nước láng giềng trong khu vực, góp phần củng cố môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Phát huy các lợi thế, tiềm năng phát triển của tỉnh, làm động lực cho sự phát triển của khu vực Nam Trung bộ và cả nước: Thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và bảo vệ tài nguyên, môi trường của Chính phủ đề ra, tỉnh Khánh Hòa đã phát huy các lợi thế, tiềm năng phát triển, nhất là phát triển du lịch và kinh tế biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo, làm động lực cho sự phát triển của khu vực Nam Trung bộ và cả nước. Kết quả đạt được là tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) chiếm 1,6% so với cả nước, 15,2% so với khu vực Duyên hải Nam Trung bộ; Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh chiếm 0,7% so với cả nước, 24,62% so với khu vực Duyên hải Nam Trung bộ; Khối lượng hàng hóa được vận chuyển thông qua cảng biển chiếm 7,6% so với cả nước; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh chiếm 2,0% so với cả nước, 20,8% so với khu vực Duyên hải Nam Trung bộ;

Khách quốc tế chiếm 11,6% so với cả nước; Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép trên địa bàn tỉnh đến ngày 21/12/2016 có 94 dự án với tổng vốn đăng ký là 966,1 triệu USD, chiếm 0,3% so với cả nước; Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chiếm 1,7% so với cả nước, 21,2% so với khu vực Duyên hải Nam Trung bộ, đã đảm bảo cân đối ngân sách của tỉnh, có đóng góp ngân sách Trung ương (*số liệu tính đến thời điểm 31/12/2016*).

## **2. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH - KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG**

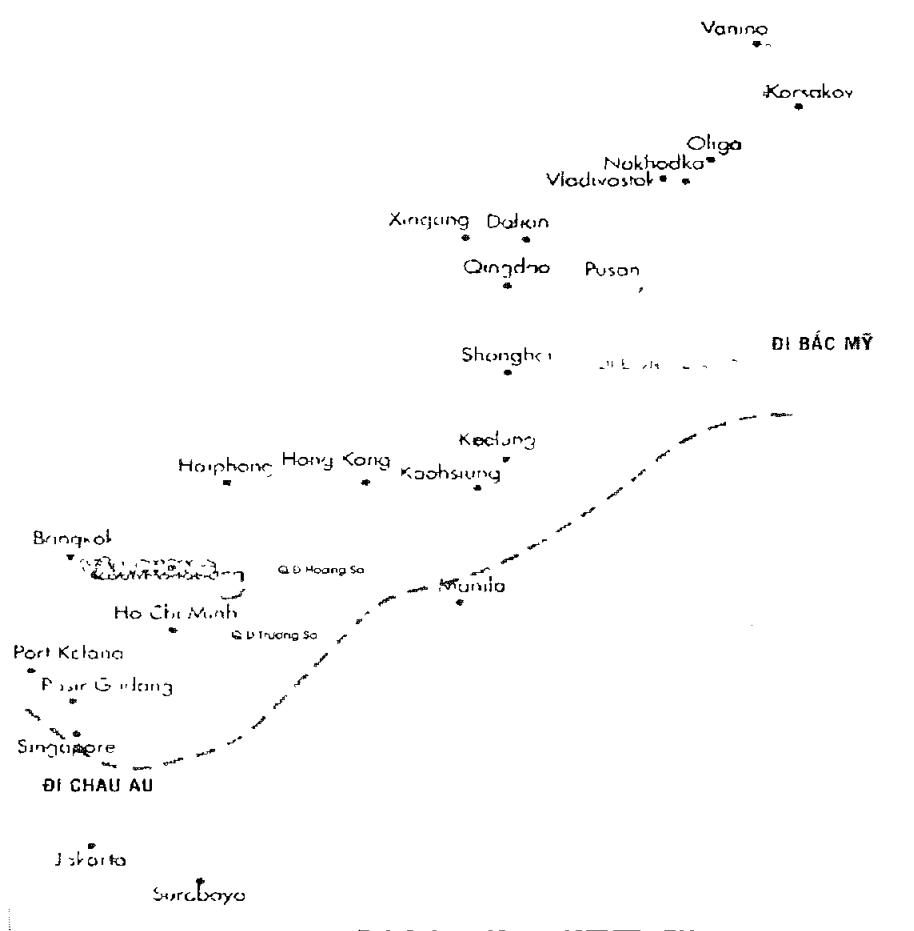
### **2.1. Vị trí chiến lược**

Khu vực Bắc Vân Phong có vị trí địa chiến lược về kinh tế, có lợi thế so sánh về vị trí địa lý so với nhiều địa phương khác để phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp bảo đảm an ninh quốc phòng.

- Đây là một trong những vịnh tự nhiên được đánh giá tốt nhất vùng Đông Á. Là cửa mở hướng ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên nói riêng và cả Bán đảo Đông Dương nói chung đối với hành lang kinh tế Bắc Nam và Đông Tây nói riêng.

- Nằm ở tọa độ địa lý cực Đông trên đất liền của Việt Nam và cả Bán đảo Đông Dương; gần ngã ba các tuyến hàng hải quan trọng như: châu Âu - Bắc Á, châu Úc - Đông Bắc Á, và Đông Nam Á - Đông Bắc Á.

- Có vị trí tâm điểm toả đến hầu hết các trung tâm kinh tế lớn của khu vực; là điểm hội tụ của các cảng biển khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Từ vịnh Vân Phong vượt Thái Bình Dương là ngắn nhất và thuận lợi hơn so với nhiều quốc gia khác.



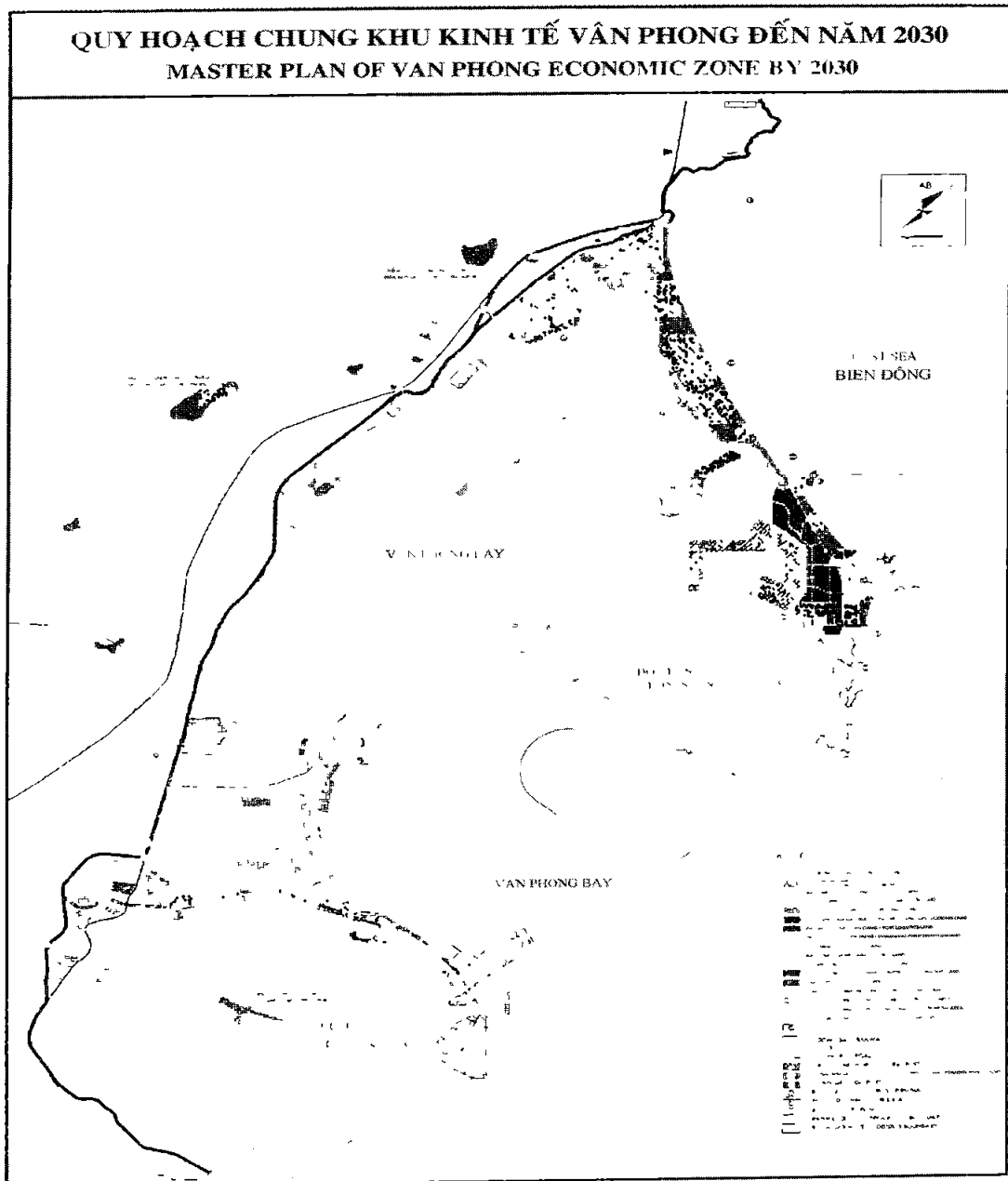
Hình 1. Vị trí chiến lược của khu vực Bắc Vân Phong

## 2.2. Lợi thế về khả năng sẵn sàng, kết nối hạ tầng kỹ thuật quốc gia và quốc tế

- Quốc lộ 1A, đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường sắt Bắc - Nam chạy xuyên suốt qua khu vực; Quốc lộ 26 kết nối vùng Tây Nguyên giúp khu vực Bắc Vân Phong dễ dàng kết nối với các vùng kinh tế phía Bắc, Nam và Tây Nguyên so với nhiều địa phương khác.

- Thuận lợi kết nối giao thông đường hàng không với sân bay Tuy Hoà, Phú Yên qua Hàm Đèo Cả (vừa hoàn thành xây dựng và đi vào hoạt động) với khoảng cách hợp lý khoảng 30km, trước mắt có thể sử dụng sân bay này cho việc phát triển Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, thúc đẩy khả năng kết nối các vùng để liên kết phát triển. Sân bay quốc tế Cam Ranh cách 85km về phía Nam.

- Thuận lợi kết nối giao thông đường biển với Cảng trung chuyển quốc tế, Cảng biển tổng hợp Bắc Vân Phong có thể kết nối phát triển vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường biển cả trong nội địa và quốc tế.



Hình 2. Bản đồ Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2030

- Các điều kiện hạ tầng khác đã sẵn sàng như: có nhiều hồ chứa nước, hệ thống điện quốc gia chạy dọc; hệ thống thông tin liên lạc; các khu tái định cư hoàn thành xây dựng đã sẵn sàng cho công tác giải phóng mặt bằng.

- Khu vực Bắc Vân Phong có mật độ dân số thấp, nhiều vùng đất trống chưa xây dựng nên rất thuận lợi cho công tác giải phóng mặt bằng cũng như tiết kiệm nhiều chi phí để thực hiện công tác này phục vụ cho việc triển khai xây dựng các dự án lớn tại đây.

### 2.3. Lợi thế về điều kiện tự nhiên



- Vịnh Vân Phong có diện tích lớn khoảng 46.000 ha, độ sâu trung bình từ 20 - 30m, tương đối kín và chắn gió tốt của Việt Nam, thuận lợi để phát triển cảng biển quốc tế và các dịch vụ hậu cần cảng.

- Địa hình phong phú, hệ sinh thái đa dạng; các đảo, bán đảo có cảnh quan đẹp và hấp dẫn, ít chịu ảnh hưởng của bão do được các dãy núi và các đảo che chắn. Nhiệt độ trung bình 26,5<sup>0</sup>c. Thời gian nắng: 10 tháng; mùa mưa: 2 tháng cuối năm.



*Hình 3. Một số khu vực phát triển du lịch tại Bắc Vân Phong*

- Ít chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, do đó, có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thành các khu du lịch, đô thị biển có tầm cỡ quốc tế.

- Đặc biệt, khu vực này có một số khu vực có địa hình tương đối biệt lập như Bán đảo Hòn Gốm, đảo Hòn Lớn, đảo Điệp Sơn... để tổ chức triển khai các dự án có quy mô lớn như casino, khu nghỉ dưỡng...

- Vị trí khu vực Bắc Vân Phong còn được nhiều nhà đầu tư nước ngoài từ các quốc gia lớn như: Mỹ, Châu Âu, UAE, Quần đảo Cayman,... tổ chức khảo sát và đánh giá cao khả năng hội đủ các điều kiện lý tưởng về vị trí địa lý để xây dựng và phát triển một Đặc khu hành chính - kinh tế tại đây từ năm 2012.

#### **2.4. Kết cấu hạ tầng giao thông**

Hệ thống giao thông thuận lợi, có tuyến quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam chạy qua các ga Đãi Lãnh, Tu Bông, Vạn Giã; có các tuyến đường liên thôn, liên xã và tuyến đường chạy dọc bán đảo Hòn Gốm tạo thành hệ thống giao thông liên hoàn nối các vùng trong huyện... Về giao thông đường thủy, có tuyến đường biển ra đảo Hòn Lớn và các cảng biển có vị trí hết sức thuận lợi, rất gần với đường hàng hải quốc tế.

#### **2.5. Yêu cầu cung ứng nguồn nhân lực**

Huyện Vạn Ninh có tổng dân số là 132.639 người, trong đó: Nam là 65.988 người, nữ là 66.651 người. Đây là nguồn nhân lực tại chỗ tương đối dồi dào, ngoài ra sẽ được hỗ trợ bởi nguồn nhân lực của tỉnh Khánh Hòa, các địa phương trong nước và quốc tế nên hoàn toàn có khả năng đáp ứng nguồn nhân lực theo định hướng phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt trong tương lai.

## **2.6. Truyền thống lịch sử, văn hóa**

Về văn hóa, xã hội: Huyện Vạn Ninh có 99 di tích văn hóa, lịch sử gồm đình làng, chùa, lăng, miếu,... Trong đó, có di tích quốc gia như: Đình Phú Cang (thuộc xã Vạn Phú), Mũi Đồi - Hòn Đầu (thuộc xã Vạn Thạnh).

Về văn hóa dân gian, hàng năm vào tháng 3 Âm lịch, người dân Vạn Ninh có các lễ hội cúng đình làng cầu cho quốc thái, dân an; lễ hội cầu ngư ở các lăng ông, trình diễn nhiều tác phẩm dân ca đậm đà bản sắc văn hóa quê hương như Hò bá trạo, múa dâng bông, múa lục cúng,....

## **2.7. Quyết tâm của cả Hệ thống chính trị**

Bộ Chính trị đã có chủ trương lựa chọn Bắc Vân Phong là một trong ba địa điểm để xây dựng mô hình đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt và khẳng định đây là chủ trương lớn của Đảng đã được thông qua nhiều kỳ đại hội, do vậy cần quyết tâm triển khai thực hiện. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017, trong đó bổ sung Dự án Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt vào Chương trình cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 4 và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5, Khoá XIV.

Trong thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã đoàn kết, nhất trí, quyết tâm đổi mới, nghiên cứu thử nghiệm, kiên trì báo cáo đề xuất chính sách và mô hình phát triển mới và quyết tâm xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong theo chủ trương, mục tiêu đã được xác định.

## **2.8. Sự đồng thuận của nhân dân, nhà đầu tư**

Khi có chủ trương về thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trên cơ sở diện tích tự nhiên và dân số của huyện Vạn Ninh, tỉnh đã nhận được sự quan tâm của một số tập đoàn lớn đến liên hệ, trao đổi, tìm hiểu cơ chế chính sách và mong muốn được triển khai dự án đầu tư vào khu vực Bắc Vân Phong.

Đồng thời, trước cơ hội phát triển mới của huyện Vạn Ninh, người dân trên địa bàn đã đồng thuận, hưởng ứng và sẵn sàng phối hợp với chính quyền để xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, tạo ra bước ngoặt mới cho sự phát triển về kinh tế ở khu vực này.

## **2.9. Kết luận về lý do, sự cần thiết thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa**

- Đề án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa là đề án lớn, có nhiều vấn đề mới và khó. Thông báo kết luận số 21-TB/TW ngày 22/3/2017 của Bộ Chính trị đã kết luận. “*Đồng ý cho thành lập ba đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt: Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Bắc Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa) và Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang) trực thuộc cấp tỉnh*”. Do vậy cần quyết tâm triển khai thực hiện, làm từng bước vững chắc, vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

- Khu vực Vịnh Vân Phong nói chung và khu vực Bắc Vân Phong nói riêng, có vị trí địa kinh tế, chiến lược quan trọng đối với trong nước và khu vực; hội tụ đầy đủ những điều kiện thuận lợi để xây dựng thành khu vực cửa ngõ phát triển hướng ra biển Đông của quốc gia và cả bán đảo Đông Dương; có vị trí chiến lược quan trọng để phát triển kinh tế theo hành lang kinh tế Đông – Tây; Bắc - Nam và phát triển giao thương thuận lợi với các quốc gia khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Tạo thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của cả nước, khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và tỉnh Khánh Hòa nói riêng; góp phần quan trọng bảo vệ chủ quyền biển đảo của quốc gia.

- Huyện Vạn Ninh và khu vực Bắc Vân Phong có điều kiện tự nhiên đặc biệt thuận lợi, có hệ sinh thái phong phú, đa dạng nên rất phù hợp và hội đủ mọi điều kiện để phát triển mạnh mẽ kinh tế tổng hợp đa ngành, có thể hình thành khu vực đầu mối phát triển cảng biển, dịch vụ Logistics và tài chính quốc tế; và là một Trung tâm dịch vụ - du lịch vui chơi giải trí cao cấp có casino mang tầm khu vực và quốc tế. Các tập đoàn xuyên quốc gia, trong đó có những tập đoàn tài chính toàn cầu, hiện có xu hướng tìm những địa điểm thuận lợi như khu vực Vịnh Vân Phong để đầu tư, xây dựng cảng biển và khu hậu cần, trung tâm tài chính, trung tâm dịch vụ - du lịch có quy mô lớn, hiện đại. Theo Luật đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt cho phép áp dụng những thể chế ưu đãi đặc biệt, cạnh tranh so với thế giới, có mức độ tự do và tự chủ cao thì Việt Nam sẽ mời gọi được các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư phát triển khu vực Bắc Vân Phong. Với mục tiêu nhằm khai thác tốt nhất các tiềm năng khu vực Bắc Vân Phong có lợi thế vượt trội, thu hút mạnh nguồn đầu tư, công nghệ cao, phương thức quản lý mới tiên

tiến, hình thành khu vực tăng trưởng cao, tạo thêm nguồn lực và động lực, góp phần thúc đẩy nhanh phát triển và tái cơ cấu kinh tế cho tỉnh Khánh Hòa, vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước.

- Việc thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa phải đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia; lợi ích nhà đầu tư, lợi ích của địa phương và của người dân; bảo vệ tài nguyên, môi trường; góp phần đảm bảo quốc phòng an ninh và giữ vững độc lập, chủ quyền.

Từ những lý do nêu trên, việc thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, thuộc tỉnh Khánh Hòa thực sự là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

## Phần II

### LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN VẠN NINH, KHU KINH TẾ VÂN PHONG

#### 1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN VẠN NINH, KHU KINH TẾ VÂN PHONG

##### 1.1. Huyện Vạn Ninh

###### 1.1.1. Lịch sử hình thành

Huyện Vạn Ninh nằm ở phía Bắc của tỉnh Khánh Hòa, trước kia là *huyện Quảng Phước* thuộc *phủ Thái Khang*, được thành lập năm 1653 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần. Đến năm 1690, thuộc *phủ Bình Khang*, năm 1803, thuộc *phủ Bình Hòa*. Từ năm 1831, đổi là *phủ Ninh Hòa*, gồm 6 tổng: Phước Tường Ngoại (18 làng), Phước Tường Nội (16 làng), Phước Thiện (10 làng), Phước Khiêm (12 làng), Phước Hà Nội (17 làng), Phước Hà Ngoại (10 làng). Đến năm 1931, phủ Ninh Hòa được đổi tên thành *huyện Vạn Ninh*. 3 tổng Phước Khiêm, Phước Hà Nội, Phước Hà Ngoại được tách ra để nhập vào huyện Tân Định và đổi huyện này thành phủ Ninh Hòa (mới).

Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, huyện Vạn Ninh có 3 tổng: Phước Tường Nội, Phước Tường Ngoại và Phước Thiện. Đầu năm 1946, chính quyền cách mạng chủ trương thành lập đơn vị hành chính cấp xã, huyện Vạn Ninh có 8 xã: Phước Đông, Phước Trung, Phước Tây (thuộc tổng Phước Thiện), Đồng Xuân, Đồng Tiến, Đồng Hòa (thuộc tổng Phước Tường Nội), Liên Hưng và Liên Hiệp (thuộc tổng Phước Tường Ngoại). Ngày 10/7/1951, Nghị định số 1000-NĐ/PC của Thủ hiến Trung Việt thành lập *Nha Bang tá Tu Bông* trực thuộc huyện Vạn Ninh. Đến năm 1954, bỏ danh xưng phủ, huyện, đổi thành *quận Vạn Ninh*. Năm 1956, chính quyền Sài Gòn cắt một phần đất của quận Vạn Ninh (gồm các xã thuộc tổng Phước Thiện cũ) nhập vào quận Ninh Hòa. Từ năm 1970, quận Vạn Ninh có 9 xã là Vạn Phước, Vạn Long, Vạn Khánh, Vạn Bình, Vạn Phú, Vạn Thắng, Vạn Thạnh, Vạn Lương, Vạn Hưng.

Trong hai cuộc kháng chiến, Vạn Ninh nhập chung với Ninh Hòa, gọi là Liên *huyện Bắc Khánh*. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, năm 1976, hai huyện Vạn Ninh và Ninh Hòa hợp nhất thành huyện Khánh Ninh. Ngày 23/10/1978, Chính phủ ra Quyết định số 268-CP thành lập *thị trấn Vạn Giã*. Đến ngày 05/3/1979, huyện Khánh Ninh được tách ra thành 2 huyện: Vạn Ninh và Ninh Hòa như trước đây.

Tháng 12/1993, Nghị quyết kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa IX điều chỉnh ranh giới giữa 2 tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, thôn Vũng Rô (thuộc xã Đại Lãnh) được tách ra khỏi huyện Vạn Ninh (tỉnh Khánh Hòa) để sáp nhập vào xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa (tỉnh Phú Yên).

#### 1.1.2. Vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên

Huyện Vạn Ninh nằm ở phía Bắc của tỉnh Khánh Hòa, trên tọa độ từ  $12^{\circ}45' - 12^{\circ}52'15''$  độ vĩ Bắc và  $108^{\circ}52' - 109^{\circ}27'55''$  độ kinh Đông; cách thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa khoảng 60 km và cách thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên khoảng 60 km, có vị trí địa lý: Đông giáp Biển Đông, Tây và Bắc giáp tỉnh Phú Yên, Nam và Tây Nam giáp thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

##### 1.1.2.1. Về địa hình

Khu vực huyện Vạn Ninh thấp dần từ Tây sang Đông, có 29.583 ha núi cao ở phía Tây chiếm 52,7 % tổng diện tích tự nhiên; 11.500 ha diện tích gò đồi chiếm 20,5 % tổng diện tích tự nhiên; 15.100 ha đồng bằng ven biển ở phía Đông chiếm 26,9 % tổng diện tích tự nhiên.

##### 1.1.2.2. Về khí hậu

Huyện Vạn Ninh nằm trong tiểu vùng khí hậu đồng bằng ven biển, mang đặc trưng của khí hậu đại dương nên tương đối ôn hòa. Nhiệt độ mùa hè và mùa đông của tiểu vùng này chênh lệch với tiểu vùng khí hậu Nha Trang - Diên Khánh khá rõ rệt: Mùa đông thì lạnh hơn từ  $0,1 - 0,2^{\circ}\text{C}/\text{tháng}$ , với hiện tượng gió mạnh khác biệt tại Tu Bông; mùa hè thì ngược lại nóng hơn từ  $0,1 - 0,2^{\circ}\text{C}/\text{tháng}$ , với chế độ gió Tây khô nóng và đông nhiệt nổi trội.

- Nhiệt độ không khí: Nhiệt độ trung bình năm  $26,5^{\circ}\text{C}$ , tổng số giờ nắng trung bình trong năm 2.706 giờ/năm. Nhiệt độ cao thuận lợi cho phát triển sản xuất nhưng gây ra bốc hơi nước nhanh.

- Độ ẩm không khí: trung bình năm 77%, độ ẩm cao nhất: 80% (mùa mưa, tháng 11 và 12), độ ẩm thấp nhất: 72% (mùa khô, tháng 1).

- Mưa: Lượng mưa bình quân năm là 972,2 mm. Mùa mưa kéo dài 3 tháng từ tháng 10 đến tháng 12; lượng mưa phân bố không đều, lượng mưa trong mùa mưa chiếm 65% lượng mưa cả năm.

- Chế độ gió: Hướng gió chính thường xuất hiện trong nhiều tháng là Đông Bắc thịnh hành từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau và Tây Nam thịnh hành từ tháng 6 đến tháng 9, thường khô nóng, kéo dài 5 -7 ngày, tốc độ gió đạt

10m/s. Tuy nhiên yếu tố địa hình chi phối khu vực này có gió lục địa nóng khô hướng Tây Bắc ra phía biển (gió Tu Bông).

#### 1.1.2.3. Về thủy văn, thủy triều

Huyện Vạn Ninh có tổng diện tích lưu vực các sông suối khoảng 240 km<sup>2</sup> với tổng lượng nước đến trung bình là 91.106 m<sup>3</sup> bao gồm một số sông chính như sau:

- Sông Đồng Điền bắt nguồn từ đỉnh cao 806 m, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam qua các xã Vạn Bình, Vạn Phú đổ ra biển tại xã Vạn Thắng. Sông Đồng Điền có lưu vực nhỏ, thảm phủ nghèo nàn, khả năng điều tiết lưu vực kém; có chiều dài 18 km, diện tích lưu vực 113 km<sup>2</sup>, chiều rộng bình quân lưu vực 6,3 km.

- Sông Hiền Lương bắt nguồn từ dãy núi cao phía Tây giáp huyện sông Hinh (tỉnh Phú Yên) với độ cao 1.200 m, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam qua xã Vạn Phú và Vạn Lương đổ ra biển; diện tích lưu vực là 154 km<sup>2</sup>, chiều rộng bình quân lưu vực là 8,6 km, dài 18 km, sông có nước quanh năm.

- Sông Cạn (sông Tô Giang) bắt nguồn từ Hòn Đông, Hòn Giao với độ cao 840m, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam đổ ra biển tại Hải Triều; có diện tích lưu vực là 86 km<sup>2</sup>, chiều rộng bình quân lưu vực 6,1 km, chiều dài 14 km, sông có nước quanh năm.

- Thủy triều Vạn Ninh thuộc dạng nhật triều không đều, biên độ nhật triều trung bình lớn nhất từ 1,4 - 3,4 m.

#### 1.1.2.4. Tài nguyên thiên nhiên:

##### 1.1.2.4.1 Tài nguyên đất

Theo kết quả Kiểm kê đất đai năm 2014, diện tích tự nhiên huyện Vạn Ninh có 56.183,16 ha gồm: Diện tích đất nông nghiệp có 35.410,51 ha, chiếm 63,03 % tổng diện tích tự nhiên và tập trung nhiều ở các xã: Vạn Phú, Vạn Bình, Vạn Lương, Vạn Hưng,... Diện tích đất phi nông nghiệp có 3.487,58 ha, chiếm 6,21% diện tích tự nhiên, và 17.285,07 ha đất chưa sử dụng, chiếm 30,76% diện tích tự nhiên. Địa bàn còn nhiều đất đồi núi chưa sử dụng là xã vùng núi: Vạn Thạnh, Vạn Lương, Đại Lãnh.

##### 1.1.2.4.2. Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt: Đặc trưng về địa hình của huyện Vạn Ninh là núi cao phân bố ở phía Tây và dốc về phía biển. Vì vậy, các sông suối chảy qua khu vực đều ngắn và dốc. Nguồn nước mặt chủ yếu có từ các sông chính chảy qua trên địa

bản huyện gồm: sông Đồng Điền, sông Hiền Lương, sông Cạn, cơ bản đáp ứng cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp và cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.

- Nước ngầm: Theo điều tra thực tế thông qua giếng đào của các hộ gia đình đang sử dụng thì nguồn nước ngầm trên địa bàn huyện không được phong phú và khó khai thác, dao động từ 2 - 6 m tùy theo từng điểm dân cư. Do mức độ nông sâu nên chất lượng nước biến đổi khác nhau. Vùng ven biển nguồn nước ít và một số nơi bị nhiễm mặn.

#### 1.1.2.4.3. Tài nguyên rừng

Diện tích đất có rừng là 25.488,10 ha, chiếm 45,37% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó: Đất rừng phòng hộ chiếm tỷ lệ lớn 68,41 %, đất rừng sản xuất chiếm 31,59%. Diện tích đất có rừng giàu, trữ lượng lớn hiện nay không còn mà chủ yếu là rừng non, rừng nghèo kiệt; đất trồng đồi núi trọc vẫn còn. Tổng trữ lượng rừng khoảng 997 nghìn m<sup>3</sup> gỗ, trong đó trữ lượng rừng tự nhiên 552 nghìn m<sup>3</sup> và trữ lượng rừng trồng 445 nghìn m<sup>3</sup>.

#### 1.1.2.4.4. Tài nguyên khoáng sản

Theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Khánh Hòa, trên địa bàn huyện Vạn Ninh hiện nay có một số loại khoáng sản sau:

- Vàng: Phân bố ở núi Hòn Ngang, xã Xuân Sơn. Khu này quy hoạch thăm dò trên diện tích 190 ha bao lấy núi Hòn Ngang.

- Granit xây dựng: Có tiềm năng phong phú, phân bố ở xã Vạn Phú, Vạn Khánh, Vạn Thắng, Xuân Sơn, Vạn Phước (chân núi Xả). Các sản phẩm chủ yếu là đá chẻ cung cấp cho xây dựng, giao thông, thủy lợi và các nhu cầu khác ở khu vực phía Bắc tỉnh và Khu kinh tế Vân Phong.

- Ryolit, andesit xây dựng: phân bố chủ yếu tại núi Bồ Đà (xã Vạn Hưng) và bán đảo Hòn Gốm (xã Vạn Thạnh); trữ lượng khoảng 188.660.000 m<sup>3</sup>.

- Đá ốp lát, trang trí: Là sản phẩm cao cấp chủ lực có giá trị kinh tế cao. Tập trung ở khu Tân Dân (các mỏ Suối Hàng 1, Suối Hàng 2, Tân Dân 3, Tân Dân 4, Tân Dân 5, Tân Dân 6, Suối Luông 1, Suối Luông 2,...). Diện tích quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến 608 ha; trữ lượng khoảng 146.767.500 m<sup>3</sup>.

- Cát xây dựng: Gồm 2 loại là cát xây dựng sử dụng nội địa (khu Vạn Bình; trữ lượng 50.183 m<sup>3</sup>, khai thác phục vụ xây dựng phía bắc huyện Vạn



Ninh) và cát xây dựng xuất khẩu (khu Đầm Môn; diện tích 4,63 ha, trữ lượng khai thác 13.974.803 m<sup>3</sup>).

- Kaolin: Bao gồm 2 mỏ kaolin Dốc Thị 1 và Dốc Thị 2 ở xã Vạn Hưng; trữ lượng 4.281.200 m<sup>3</sup>.

- Sét gạch ngói: Tập trung ở khu vực Vạn Bình - Vạn Phú, qua kết quả điều tra, diện tích quy hoạch thăm dò khai thác 480 ha; trữ lượng 20.702.200 m<sup>3</sup>.

- Đất san lấp: Có 3 khu quy hoạch đầu thầu thăm dò, khai thác, chế biến là Nam núi Xá, Hòn Chùa và Xuân Hà với diện tích quy hoạch 163 ha; trữ lượng 10.250.000 m<sup>3</sup>.

- Nước khoáng: Hiện tại có 2 mỏ đã thăm dò là: Mỏ nước khoáng Hóc Chim, trữ lượng đưa vào quy hoạch khai thác cấp B đạt 265 m<sup>3</sup>/ngày và Mỏ nước khoáng Tu Bông 1, trữ lượng đưa vào quy hoạch khai thác cấp B đạt 150 m<sup>3</sup>/ngày. Ngoài ra còn Mỏ nước khoáng Tu Bông 2, trữ lượng đưa vào quy hoạch khai thác cấp B đạt 127 m<sup>3</sup>/ngày và Mỏ nước khoáng Mỹ Lương, trữ lượng đưa vào quy hoạch khai thác cấp B đạt 86,4 m<sup>3</sup>/ngày.

- Bùn khoáng: Có 2 khu mỏ với diện tích quy hoạch là 3,1 ha, tài nguyên quy hoạch thăm dò, khai thác cấp C1 (cũ) tương đương 332 (mới) đạt 59.301 m<sup>3</sup>.

#### 1.1.2.4.5. Tài nguyên biển

Tài nguyên biển Vạn Ninh cho phép phát triển tổng hợp kinh tế biển: Có tiềm năng to lớn về du lịch sinh thái biển - đảo; công nghiệp gắn với biển, cảng biển (đặc biệt cảng trung chuyển container quốc tế); đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và bảo tồn sinh thái biển.

Vịnh Vân Phong là một trong những vịnh biển lớn, sâu và có cảnh quan thiên nhiên hoang sơ đẹp ở Việt Nam, là vùng biển hở tiếp giáp với đại dương, hệ thống động lực dòng chảy tốt giúp cho nước luôn được trao đổi, tự làm sạch, ít bị ô nhiễm. Đây là những điều kiện lý tưởng cho Vạn Ninh trở thành một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước, đặc biệt là loại hình du lịch biển - núi, du lịch nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái.



*Hình 4. Nuôi trồng thủy sản trên biển Vạn Ninh*

Bờ biển Vạn Ninh có nhiều điều kiện thuận lợi hình thành các cảng hàng hoá, du lịch và quốc phòng. Bên cạnh đó, Vạn Ninh có ngư trường rộng lớn và nguồn lợi hải sản phong phú; nếu tính khả năng vươn ra xa bờ ở biển Đông và Trường Sa thì khả năng khai thác còn lớn hơn. Những năm qua, sản lượng khai thác hàng năm 8.000 - 10.000 tấn. Trữ lượng hải sản vùng biển Vạn Ninh ước khoảng trên 50 nghìn tấn, trong đó chủ yếu là cá nổi (70%). Mặt nước rộng lớn và điều kiện khí hậu, môi trường thuận lợi của biển Vạn Ninh rất phù hợp với nuôi trồng nhiều loại thủy hải sản. Khai thác hải sản và nuôi trồng thủy sản là một trong những thế mạnh của huyện Vạn Ninh và trong tương lai công nghiệp chế biến hải sản là một trong những ngành mũi nhọn của huyện.

#### 1.1.2.4.6. Tài nguyên nhân văn - du lịch

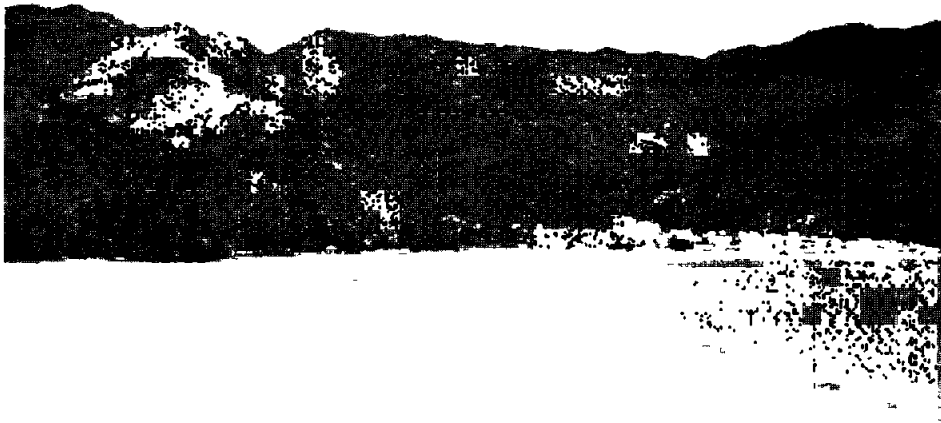
- Tài nguyên văn hóa - nhân văn: Huyện Vạn Ninh là vùng đất có nhiều giá trị tài nguyên nhân văn vô cùng phong phú và đa dạng, hiện nay trên địa bàn toàn huyện có 149 di tích lịch sử, văn hóa, tiêu biểu như: Đình Phú Cang, xã Vạn Phú là di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia, Lễ hội Cầu Ngư của các đình làng ven biển của huyện là di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia; cùng với các làn điệu dân ca mang đậm nét văn hóa của đất và người Vạn Ninh đó là hát xà – hát mộc; hò đập lúa, hò chèo thuyền, hò bả trạo,... ngoài ra còn có di tích danh lam thắng cảnh cấp quốc gia Mũi Đồi – Hòn Dầu thuộc bán đảo Hòn Gốm là vùng đất liền nhô ra biển điểm cực Đông của Tổ quốc, nơi đón ánh nắng ban mai sớm nhất so với bất kỳ nơi nào ở Việt Nam.

Huyện Vạn Ninh có nhiều làng nghề truyền thống đặc sắc như: Nghề làm gốm xã Vạn Bình; nghề làm bánh tráng, nghề xia trầm; nghề làm đồ mỹ nghệ thủ

công, nghề lưới đăng,... sẽ tạo nên nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn cho du khách trong nước và nước ngoài mỗi lần đến Vạn Ninh.

- Tài nguyên du lịch biển - đảo: Huyện Vạn Ninh có nhiều danh lam thắng cảnh tài nguyên thiên nhiên du lịch nổi tiếng, ít có nơi nào có được như biển Đại Lãnh; bãi Cỏ Dong; bãi Trâu Năm, Hòn Ông, Diệp Sơn,... là những địa điểm du lịch biển miền nhiệt đới hoang khai, hội tụ đáp ứng đầy đủ tất cả các yếu tố kỹ thuật, thương mại quốc tế,... là cơ sở điều kiện để xây dựng, tổ chức các sự kiện mang thương hiệu du lịch - văn hóa biển đảo Vân Phong tầm cỡ quốc tế và khu vực Đông Nam Á.

Với những giá trị tiềm năng nói trên, sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mạnh, xây dựng được thương hiệu Vạn Ninh trên bản đồ du lịch thế giới



*Hình 5. Biển Đại Lãnh*

### 1.1.3. Diện tích tự nhiên, dân số, lao động

- Toàn huyện có diện tích tự nhiên 56.183,16 ha (theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2014), bao gồm: 35.410,51 ha nhóm đất nông nghiệp, 3.487,58 ha nhóm đất phi nông nghiệp, 17.285,07 ha nhóm đất chưa sử dụng. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 884,45 ha đất có mặt nước ven biển.

- Quy mô dân số của huyện Vạn Ninh đến ngày 31/12/2016 là 132.639 người; trong đó:

+ Nam là 65.988 người, nữ là 66.651 người.

- + Dân số thành thị 20.188 người, chiếm 15,22 %;
- + Dân số nông thôn 112.451 người, chiếm 84,78 %.
- + Mật độ dân số thành thị năm 2016 là 7.452 người/km<sup>2</sup>

- Lao động trong độ tuổi (năm 2016) là 65.091 người, chiếm tỷ lệ 49,23% dân số của huyện. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động đạt mức trung bình so với các địa phương trong toàn tỉnh. Số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân 64.258 người, chiếm 98,72 % tổng số lao động trong độ tuổi.

## **1.2. Khu kinh tế Vân Phong**

### **1.2.1. Lịch sử hình thành, chức năng khu kinh tế Vân Phong**

- Ngày 11/3/2005, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 51/2005/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch khu kinh tế vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 với tính chất *“là khu kinh tế tổng hợp, trong đó cảng trung chuyển container quốc tế giữ vai trò chủ đạo, kết hợp phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gồm du lịch, dịch vụ, công nghiệp, nuôi trồng hải sản và các ngành kinh tế khác”*.

- Ngày 25/4/2006, khu kinh tế Vân Phong được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo Quyết định số 92/2006/QĐ-TTg với tổng diện tích khoảng 150.000 ha (70.000 ha mặt đất và 80.000 ha mặt nước), nằm trên địa bàn huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, thuộc khu vực duyên hải Nam Trung bộ của Việt Nam.

- Ngày 17/3/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 380/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 với tính chất:

*“Là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó có cảng trung chuyển container quốc tế, công nghiệp lọc hóa dầu, trung chuyển dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ giữ vai trò chủ đạo, kết hợp phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, công nghiệp, nuôi trồng hải sản và các ngành kinh tế khác.*

*Là trung tâm kinh tế của tỉnh Khánh Hòa có vai trò đầu tàu thu hút đầu tư và là động lực phát triển kinh tế cho các vùng lân cận và cho cả nước.”*

- Khu kinh tế Vân Phong tập trung chủ yếu tại hai khu vực: Nam Vân Phong (thuộc khu vực thị xã Ninh Hòa) và Bắc Vân Phong (thuộc khu vực huyện Vạn Ninh). Khu vực Nam Vân Phong được định hướng phát triển các tổ hợp công nghiệp, kho tàng gắn với cảng biển nước sâu; trong khi khu vực Bắc Vân Phong được định hướng phát triển cảng trung chuyển quốc tế, cảng du lịch quốc

tế, dịch vụ hậu cần cảng, công nghiệp và các khu du lịch, khu đô thị, trung tâm thương mại – tài chính tại trung tâm bán đảo Hòn Gốm kết nối với khu vực cảng và dịch vụ - công nghiệp hậu cảng.

#### 1.2.2. Vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên

##### 1.2.2.1. Vị trí địa lý

Khu kinh tế Vân Phong nằm ở phía Bắc của tỉnh Khánh Hòa: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp tỉnh Phú Yên; xã Xuân Sơn của huyện Vạn Ninh và các xã Ninh Sơn, Ninh Trung, Ninh Đông, Ninh Bình của thị xã Ninh Hòa; phía Nam giáp xã Ninh Quang, phường Ninh Hà, xã Ninh Phú và xã Ninh Vân của thị xã Ninh Hòa; phía Bắc giáp tỉnh Phú Yên.

Khu kinh tế Vân Phong cách Thủ đô Hà Nội khoảng 1.200 km, thành phố Hồ Chí Minh khoảng 500 km, thành phố Nha Trang (tỉnh lỵ tỉnh Khánh Hòa) khoảng 30 km, sân bay quốc tế Cam Ranh khoảng 70 km, sân bay Tuy Hòa (tỉnh Phú Yên) khoảng 30 km.

Bán đảo Hòn Gốm nằm trong Khu kinh tế Vân Phong là điểm cực Đông của bán đảo Đông Dương và cách đều bờ biển Đông, Philippine, đảo Borneo, bán đảo Malaysia. Vân Phong nằm rất gần đường hàng hải quốc tế và nằm ngay trên ngã ba đường hàng hải quốc tế tuyến Châu Âu - Bắc Á hoặc Châu Úc - Đông Bắc Á, tuyến Vân Phong - Manila - Panama hoặc Sanfrancisco (Mỹ) hoặc Victoria (Canada). Từ Vân Phong vượt Thái Bình Dương là quãng đường ngắn nhất so với Hongkong và Singapore.

##### 1.2.2.2. Điều kiện tự nhiên

Khu kinh tế Vân Phong có địa hình, cảnh quan phong phú, bao gồm: Vùng vịnh, các đảo, bán đảo, các vùng đồng bằng ven biển và các khu vực núi. Vùng ven bờ vịnh Vân Phong có đặc điểm địa hình khá đặc biệt: Hầu như toàn bộ dải bờ phía bắc, phía tây, phía nam của vịnh bị che chắn bởi các dãy núi có độ cao trung bình 700 m. Vịnh Vân Phong là vịnh sâu, kín gió, do được bán đảo Hòn Gốm che chắn ở phía Đông Bắc; đáy vịnh có độ sâu trung bình từ 20m đến 30m, trong đó có nhiều khu vực ven bờ có độ sâu dưới 15m.

Nước biển khu vực Vịnh Vân Phong có độ mặn cao, nước trong, sạch và ấm; Khu vực vịnh Vân Phong là vùng lặng sóng, lặng gió, không có vùng xoáy - xiết.

Nhiệt độ không khí trung bình năm  $26,5^{\circ}\text{C}$ . Tổng lượng mưa bình quân năm từ 1.100 - 1.300 mm, tương đối thấp so với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Độ ẩm tương đối đều cả năm trừ hai tháng 6 và 7; độ ẩm trung bình nhiều năm là 80%. Gió ở khu vực vịnh Vân Phong mang đặc trưng của chế độ nhiệt đới gió

mùa. Mùa gió Đông Bắc thịnh hành từ tháng 11 đến tháng 3. Mùa gió Tây Nam thịnh hành từ tháng 6 đến tháng 9. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của địa hình địa phương, vào mùa gió Đông Bắc có gió Tu Bông thổi dọc theo sườn thung lũng vùng Tu Bông ra phía biển (hướng Tây Bắc), gió này kèm theo thời tiết khô, lạnh. Nằm trong dải ven biển trong vùng vịnh Vân Phong còn tồn tại gió đất, biển (Brizo). Khu vực ít chịu ảnh hưởng của bão do được các dãy núi và các đảo che chắn, trung bình 0,75 cơn bão/năm.

## 2. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN VẠN NINH, KHU KINH TẾ VÂN PHONG

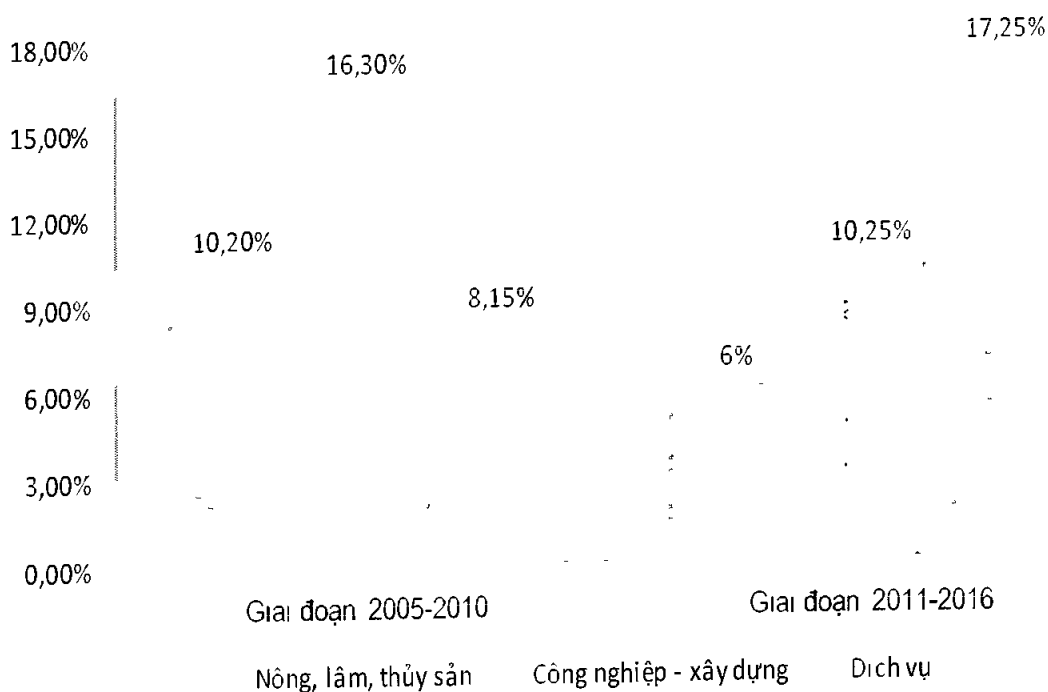
### 2.1. Huyện Vạn Ninh

#### 2.1.1. Về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội

##### 2.1.1.1. Về kinh tế

##### 2.1.1.1.1. Mức tăng trưởng kinh tế

Tổng giá trị sản xuất năm 2016 đạt 2.298 tỉ đồng; giá trị tăng thêm đạt 443 tỉ đồng (theo giá 2010). Nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011 - 2016 đạt 11,16 %/năm; giá trị tăng thêm tăng bình quân đạt 15,25/năm.



Hình 6. Mức tăng trưởng kinh tế giai đoạn từ 2005 đến 2016

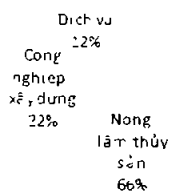
Thu nhập bình quân đầu người năm 2016 đạt khoảng 27,22 triệu đồng/người, với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011-2016 đạt 17,35%/năm.

#### 2.1.1.1.2. Cơ cấu các ngành kinh tế

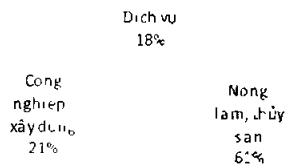
Cơ cấu các ngành kinh tế của Vạn Ninh giai đoạn 2011 - 2016 có xu thế tăng nhanh tỷ trọng lĩnh vực dịch vụ; trong khi đó ngành nông, lâm thủy sản giảm dần.

Cơ cấu kinh tế (%)	2011	2016
Nông, lâm nghiệp - thủy sản	66,0	61,0
Công nghiệp - Xây dựng	22,0	21,0
Dịch vụ	12,0	18,0

#### Cơ cấu kinh tế năm 2011



#### Cơ cấu kinh tế năm 2016



Hình 7. So sánh cơ cấu kinh tế năm 2011 và năm 2016

#### 2.1.1.1.3. Thu, chi ngân sách

- Tổng thu ngân sách giai đoạn 2011 - 2016 đạt 500,12 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 15,7%/năm, trong đó thu ngân sách không bao gồm tiền thu sử dụng đất đạt 385,94 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 17,2%.

- Tổng chi ngân sách giai đoạn 2011 - 2016 đạt 2.224,94 tỉ đồng, tốc độ tăng bình quân 11,06 %/năm; trong đó, tổng chi thường xuyên 1.646,82 tỷ đồng, tốc độ tăng chi bình quân 18,05% /năm; chi đầu tư đạt 578 tỷ đồng, tốc độ chi bình quân giảm 0,72%.

#### 2.1.1.1.4. Đầu tư

Tổng vốn đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2016 là 5.195 tỷ đồng (bao gồm: Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn chương trình phát triển đô thị,...), trong đó: Vốn ngân sách ngân sách Trung ương khoảng 30%, vốn tín dụng chiếm khoảng 10%, vốn ngân sách ngân sách địa phương khoảng 60%.

#### 2.1.1.2. Về các lĩnh vực văn hóa, xã hội

##### 2.1.1.2.1. Về mức sống dân cư và an sinh xã hội

Trong thời gian qua, huyện đã luôn quan tâm và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với 604 đối tượng chính sách, gia đình liệt sỹ, thương - bệnh binh và 59 thân nhân chủ yếu của liệt sỹ, người già từ 80 tuổi trở lên. Quan tâm giải quyết các chính sách hỗ trợ cho 5.223 đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định. Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề của huyện trong những năm qua đã đạt được những thành tựu nhất định thông qua các chương trình, mục tiêu cụ thể. Đến cuối năm 2016, theo phương pháp tiếp cận đa chiều toàn huyện còn 2.856 hộ nghèo/33.063 hộ, chiếm tỷ lệ 8,64%; 2.681 hộ cận nghèo/33.063 hộ, chiếm 8,11%.

Bằng các nguồn vốn giải quyết việc làm, vốn vay của ngân hàng và thông qua các dự án đầu tư cho vay phát triển sản xuất, trong giai đoạn 2011 - 2016 đã giải quyết được 18.973 lao động có việc làm, bình quân mỗi năm giải quyết 3.162 lao động có việc làm.

##### 2.1.1.2.2. Về y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Hệ thống y tế và các cơ sở chăm sóc sức khỏe cộng đồng ở các xã, thị trấn đều được củng cố, kiện toàn, nâng cấp cả về số lượng và chất lượng, phục vụ khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn ngày càng tốt hơn. Toàn huyện có tổng số 15 cơ sở y tế, gồm: 01 bệnh viện tại trung tâm huyện với 150 giường, 1 phòng khám Đa khoa khu vực tại xã Vạn Phước với 20 giường và 13 trạm y tế xã, thị trấn. Tổng số cán bộ y tế là 265 người, trong đó ngành y có 236 người (gồm 30 bác sĩ và chuyên ngành, 64 y sĩ, 142 y tá, nữ hộ sinh và cán bộ khác), ngành dược có 29 người (gồm 1 dược sĩ đại học và 28 dược sĩ trung học). Tỷ lệ bác sĩ của huyện đạt 2,3 bác sĩ/vạn dân. Hiện nay có 4/13 trạm y tế xã có Bác sĩ, 100% trạm y tế xã có Nữ hộ sinh và có 13/13 xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế.

Các chương trình, hành động liên quan đến phát triển y tế được triển khai thực hiện tốt, không chế không để dịch bệnh có quy mô lớn xảy ra. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia về tiêm chủng mở rộng, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi



được tiêm ngừa đạt 99,6%, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi còn 7,29%, tỷ lệ dân số tham gia Bảo hiểm y tế đạt 75%.

#### 2.1.1.2.3. Về giáo dục và đào tạo

Trong những năm qua, ngành giáo dục được quan tâm đầu tư phát triển cả về cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục. Từng bước đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục mầm non. Kết quả xóa mù chữ được duy trì vững chắc; 100% xã, thị trấn duy trì chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học, Trung học cơ sở; trẻ em 5 tuổi ra lớp mẫu giáo trước khi vào học lớp 1 đạt 99,9%; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 35,1 % với 20/53 trường các cấp (trong đó: Mầm non 03 trường, Tiểu học 07 trường, Trung học cơ sở 10 trường); trình độ dân trí được nâng lên rõ rệt. Cơ sở vật chất của ngành giáo dục được tăng cường, hệ thống trường lớp được xây dựng mới, kiên cố hóa, đến nay không còn phòng tạm, không có lớp học ca ba.

Thực hiện chủ trương xây dựng xã hội học tập, phát triển các trung tâm học tập cộng đồng, xây dựng gia đình, dòng họ khuyến học, mạng lưới khuyến học phát triển rộng khắp trên địa bàn dân cư, cơ quan, trường học.

#### 2.1.1.2.4. Văn hóa - thông tin - thể thao

Hoạt động văn hóa thông tin được chú trọng đầu tư phát triển đáp ứng nhu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương và đời sống tinh thần của người dân. Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động lễ hội, kinh doanh dịch vụ văn hóa được tăng cường, đảm bảo đúng quy định và từng bước đi vào nề nếp. Phong trào văn hóa văn nghệ, rèn luyện thể dục thể thao phát triển mạnh, thu hút đông đảo các đối tượng tham gia; nhiều hoạt động biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao nhân các ngày lễ, ngày tết của dân tộc, truyền thống của các ngành, được tổ chức có chất lượng, việc xã hội hóa thể dục, thể thao thực hiện tốt.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được triển khai thực hiện có hiệu quả; đến năm 2016 có 30.941 hộ đạt tiêu chuẩn văn hóa, đạt 93,9%; 80 thôn, tổ dân phố được công nhận tiêu chuẩn văn hóa, đạt 95,2% và 114 cơ quan văn hóa, đạt 96,6%.

Hệ thống truyền thanh - truyền hình từ huyện đến các xã, thị trấn đều được đầu tư nâng cấp, cải tạo. Hiện nay 100% địa bàn dân cư đã được phủ sóng truyền thanh, truyền hình, kịp thời phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương đến mọi tầng lớp Nhân dân trong huyện.

#### 2.1.2. Về môi trường

- Môi trường đất: Diện tích đất có nguy cơ bạc màu do thiếu nguồn nước (khoảng 8,27% đất xám bạc màu, đất đỏ vàng) và có khoảng 30% diện tích đất trống đồi núi trọc ở mức độ đang bị thoái hóa do chưa được trồng rừng. Ngoài ra trong sản xuất nông nghiệp, do có thói quen sử dụng các chất hóa học, thuốc trừ sâu nên đất đai bị ô nhiễm do hóa chất.

- Môi trường nước: Chất lượng các nguồn nước mặt lục địa trên địa bàn huyện Vạn Ninh vẫn đang trong tình trạng tốt; nước dưới đất ở một số khu vực ven biển bị nhiễm mặn; nước biển ven bờ hầu như chưa bị ô nhiễm, ngoại trừ cục bộ một số khu vực có mật độ nuôi trồng thủy sản cao làm cho chất lượng nước bị suy giảm.

- Môi trường không khí và tiếng ồn: Chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn vẫn nằm trong phạm vi quy chuẩn cho phép, trừ một số nút giao thông lớn bị ô nhiễm nhẹ bởi bụi và tiếng ồn.

### 2.1.3. Về hệ thống các công trình, cơ sở hạ tầng

#### 2.1.3.1. Về hạ tầng giao thông

Vạn Ninh thuận lợi về giao thông, trên địa bàn huyện phát triển với cả 3 loại hình giao thông: Đường sắt, đường thủy, đường bộ, cụ thể:

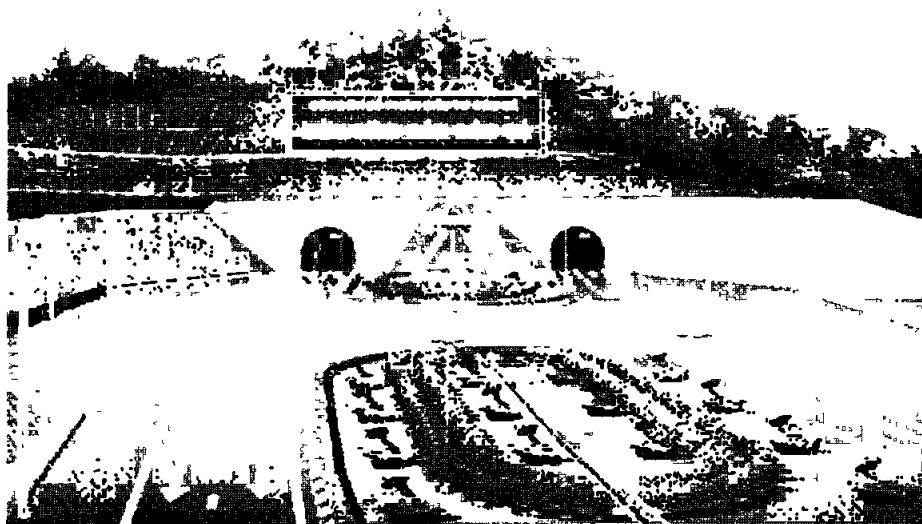
- Đường sắt: Tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua huyện Vạn Ninh với chiều dài khoảng 40 km, khổ đường sắt 1m. Trên địa bàn huyện có 03 ga đường sắt là ga Đại Lãnh, Tu Bông và Vạn Giã, các ga này chủ yếu phục vụ vận chuyển khách địa phương, hàng hoá và tránh tàu.

- Giao thông đường thủy: Hệ thống giao thông đường thủy cũng đã được phát triển, nối đất liền với các đảo. Các tuyến chính gồm có: Thị trấn Vạn Giã đi Đầm Môn, Khải Lương, Ninh Đảo, Diệp Sơn và ngược lại.

- Giao thông đường bộ: Mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn huyện tương đối đều khắp, thuận tiện cho giao lưu hàng hóa. Trong những năm qua hệ thống đường giao thông trên địa bàn huyện được đầu tư nâng cấp, làm mới qua chương trình phát triển đô thị, phát triển Khu kinh tế Vân Phong, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,... Đến nay tất cả các xã có đường ô tô đi lại thông suốt. Tổng chiều dài đường bộ các cấp trên địa bàn huyện là 406 km, trong đó: Quốc lộ có 41 km; đường Tỉnh có 44 km; đường huyện có 46 km; đường đô thị có 29 km; đường Xã có 246 km. Chất lượng đường hiện nay đã nhựa hóa đạt 33,39%, bê tông xi măng đạt 17,45%, đường cấp phối đạt 0,98%, còn lại là đường đất; cụ thể:

+ Quốc lộ: Tuyến Quốc lộ 1 chạy dọc theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, đi qua trung tâm huyện Vạn Ninh. Đây là tuyến giao thông huyết mạch của huyện. Tuyến quốc lộ 1 chạy qua huyện có chiều dài khoảng 41 km, lộ giới 56 m; đoạn ngoài đô thị có bề rộng nền đường 20,5 m, đoạn qua khu vực đông dân cư có bề rộng mặt đường 20,5 m và hệ thống thoát nước dọc 2 bên; riêng đoạn qua thị trấn Vạn Giã có lộ giới 30 m; mặt đường bê tông nhựa, chất lượng tốt. Cầu vượt đường sắt (Vạn Giã) có chiều dài 280m, rộng 23m, chia hai chiều cầu, hệ thống đường gom và vỉa hè 2 bên, mỗi bên rộng 11m. Hàm đường bộ Đèo Cả và hầm Cổ Mã trên tuyến Quốc lộ 1 được xây dựng trên địa bàn huyện đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

+ Đường Tỉnh: Có tổng số 3 tuyến với tổng chiều dài 44 km; chất lượng mặt đường đã được nhựa hóa đạt 100% gồm: Đường Đầm Môn (ĐT 651); đường Nguyễn Huệ (ĐT 651C); đường Xuân Sơn (ĐT 651E).



Hình 8. Hầm đường bộ Đèo Cả

+ Đường huyện: Có tổng số 12 tuyến với tổng chiều dài 46,63 km, hiện trạng đường rộng từ 4 - 10 m. Chất lượng đường hiện nay đã nhựa hóa đạt 63,82%, bê tông xi măng đạt 14,45%, đường cấp phối đạt 2,16%, còn lại là đường đất.

+ Đường Đô thị: Đường thị trấn Vạn Giã hiện nay đã hình thành một số tuyến chính và được rải nhựa. Tuy nhiên số tuyến còn ít và lộ giới hẹp; nhiều khu dân cư cũ chưa được chỉnh trang lại theo quy hoạch. Tổng chiều dài các tuyến

đường là 29 km với tổng số 43 tuyến. Chất lượng đường hiện nay đã nhựa hóa đạt 36%, bê tông xi măng đạt 15%, đường cấp phối đạt 5%, còn lại là đường đất.

+ Đường Xã: Tổng chiều dài 246 km; chiều rộng đường từ 2 - 7 m. Những năm vừa qua thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nên nhiều tuyến đường đã được cứng hóa, tuy nhiên vẫn còn nhiều tuyến lộ giới hẹp đi lại còn gặp khó khăn, nhất là về mùa mưa, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai. Chất lượng đường hiện nay đã nhựa hóa đạt 5,97%, bê tông xi măng đạt 23,51%, đường cấp phối đạt 0,62%, còn lại là đường đất.

#### 2.1.3.2. Về hạ tầng thông tin truyền thông

- Bưu chính: Mạng lưới Bưu chính phát triển tốt, bao gồm: 01 Bưu cục trung tâm, 04 Bưu cục cấp 3 và 10 điểm bưu điện văn hóa xã. Các bưu cục cấp 2, cấp 3 đều có vị trí dọc tuyến quốc lộ 1 và tỉnh lộ, được phân bố hợp lý ở khu trung tâm dân cư, khu dịch vụ thương mại đến các điểm dân cư, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu thông tin, liên lạc và vận chuyển hàng hoá bưu phẩm của người dân trong vùng.

- Viễn thông: Hạ tầng viễn thông phát triển cả về số lượng và chất lượng. Số lượng người sử dụng internet ngày càng tăng với tổng số trên 7.800 thuê bao, tăng 4.200 thuê bao so với năm 2010. Điện thoại cố định 4.457 máy, đạt 3,4 máy/100 dân; thuê bao di động 18.000 thuê bao, đảm bảo phục vụ kịp thời nhu cầu thông tin của người dân và xã hội, sóng di động đã phủ sóng 100%.

- Lĩnh vực phát thanh truyền hình: Hiện nay có 100% số xã được phủ sóng truyền thanh, truyền hình. Các dịch vụ truyền hình vệ tinh và truyền hình số mặt đất phát triển mạnh và góp phần nâng cao trình độ dân trí của người dân địa phương.

#### 2.1.3.3. Về hạ tầng công trình thủy lợi và hệ thống đê kè ngăn mặn, thoát lũ, chống xói lở

- Các công trình hồ đập thủy lợi: Toàn huyện có 06 hồ chứa nước với dung tích chứa 25,520 triệu m<sup>3</sup> gồm: Hồ Bà Bắc (0,7 triệu m<sup>3</sup>), hồ Cây Bứa (0,22 triệu m<sup>3</sup>), hồ Suối Lớn (0,8 triệu m<sup>3</sup>), hồ Hoa Sơn (19 triệu m<sup>3</sup>), hồ Đá Đen (4,2 triệu m<sup>3</sup>), hồ Suối Luông (0,6 triệu m<sup>3</sup>) và 06 đập (Đá Trắng, Hải Triều, Đồng Dưới, Vinh Huê, Suối Rễ, Phú Hội) với 66,763 km kênh mương đã phục vụ tưới cho 4.025 ha đất sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

- Các công trình đê điều và kè chống lũ, ngăn mặn, chống xói lở: Chiều dài tuyến đê của huyện Vạn Ninh là 4.700 m gồm: Đê ngăn mặn Vạn Khánh (775

m), đê ngăn mặn chống lũ sông Đồng Điền (525 m), đê sông Góc (1.200 m), đê Vạn Long (200 m), đê Xuân Vinh - Dốc Đá Trắng (2.000 m).

- Các công trình tiêu úng: Việc tháo lũ, tiêu úng hiện nay trên địa bàn huyện chủ yếu dựa vào hệ thống sông suối tự nhiên đổ ra biển, chỉ một phần không đáng kể dựa vào hệ thống kênh mương, tưới tiêu kết hợp. Thực tế hiện nay diện tích ven sông suối bị lấn chiếm để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, xây dựng nhà cửa... dòng sông bị thu hẹp, lòng sông bị bồi lắng. Một số tuyến đường, kênh mương ngăn cản dòng chảy, làm chậm khả năng tiêu úng thoát lũ, tăng quy mô và thời gian úng lụt.

#### 2.1.3.4. Hệ thống cấp nước

Toàn huyện có 04 công trình cấp nước sạch đã được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng với công suất 9.108 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cung cấp nước sạch cho 9.600 hộ, 41.637 khẩu, gồm: Nhà máy nước sạch thị trấn Vạn Giã có công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cung cấp cho 7.500 hộ, 32.000 khẩu tại khu vực thị trấn Vạn Giã và các xã lân cận. Hệ thống cấp nước Suối Diên - Xuân Sơn công suất 600 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cung cấp nước cho 1.100 hộ, 5.000 khẩu tại khu vực xã Vạn Hưng. Công trình cấp nước sinh hoạt Xuân Sơn có công suất 208 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cấp cho 500 hộ, 2.637 nhân khẩu của xã Xuân Sơn. Công trình cấp nước sinh hoạt Đại Lãnh có công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cấp cho 500 hộ, 2.000 nhân khẩu của xã Đại Lãnh.

Hiện nay, Nhà máy nước Tu Bông đang được đầu tư xây dựng, quy mô 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cấp nước cho khu vực Tu Bông, dự kiến hoàn thành năm 2018. Nhà máy nước Đại Lãnh tăng công suất lên 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đã phê duyệt chủ trương đầu tư. Các xã và điểm dân cư tập trung nông thôn dùng nguồn nước suối hoặc nước kênh mương, giếng mạch nông hay giếng khoan UNICEF tuy về quy mô còn hạn chế nhưng phần nào đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sử dụng nước hợp vệ sinh.

#### 2.1.3.5. Hệ thống cung cấp điện

Khu vực huyện Vạn Ninh hiện đang được cấp điện từ lưới điện quốc gia qua các nguồn điện sau: Từ trạm 220KV Nha Trang (220/110/22KV - 2x125MVA); từ thủy điện Sông Hinh qua đường dây 110KV và 220KV Sông Hinh - Tuy Hoà - Nha Trang trực tiếp qua trạm 110KV Vạn Giã (110/22KV - 1x25 MVA). Ngoài ra, huyện Vạn Ninh còn được cung cấp điện từ trạm Trung gian Vạn Ninh F1, công suất 2x6,3MVA-35/15kV.

### 2.1.3.6. Kiến trúc cảnh quan đô thị

Huyện Vạn Ninh áp dụng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để quản lý quy hoạch và đầu tư 12/13 xã, thị trấn; riêng xã Xuân Sơn thực hiện quy hoạch chung theo chương trình xây dựng nông thôn mới. Trên địa bàn huyện có 02 đô thị gồm: Đô thị Vạn Giã được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại IV tại Quyết định số 855/QĐ-BXD ngày 22/9/2010; đô thị Đại Lãnh được UBND tỉnh Khánh Hòa công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 31/12/2010.

Đảng bộ chính quyền nhân dân huyện Vạn Ninh đã và đang tạo ra diện mạo mới cho huyện với các hạng mục công trình, điện, đường, trường, trạm được chỉnh trang, xây dựng mới đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Chính phủ.



*Hình 9. Cảnh quan đô thị khu vực thị trấn Vạn Giã*

### 2.1.4. Về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Trong những năm qua bộ máy Đảng, Chính quyền từ huyện đến cơ sở thường xuyên được tăng cường, củng cố, phát huy có hiệu quả công tác lãnh đạo và điều hành việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong cán bộ và các tầng lớp nhân dân được nâng lên; có kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố nền Quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, nhiều đồng chí đã qua phục vụ trong quân ngũ; thế trận lòng dân được tăng cường và giữ vững. Hệ thống chính trị từ huyện đến xã, thị trấn, thôn, tổ dân phố đã nhiều lần được diễn tập Khu vực phòng thủ và chiến đấu phòng thủ theo Nghị quyết 28-NQ/TW và thực hành xử

lý các tình huống (A2, A3, A4, A); công tác giáo dục quốc phòng toàn dân được chú trọng và thực hiện có hiệu quả.

Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn được triển khai, thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững và ổn định; tội phạm, tệ nạn xã hội được kiểm chế; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng được củng cố và đẩy mạnh, góp phần quan trọng phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2.1.5. Về tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong Hệ thống chính trị

#### 2.1.5.1. Khối Đảng

Cơ quan tham mưu gồm 05 đơn vị: Văn phòng Huyện ủy, Ban Dân vận, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra và 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc là Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm: 41 đồng chí; Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 đồng chí. Thường trực Huyện ủy gồm có: Bí thư Huyện ủy, Phó Bí thư Thường trực – Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện và Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Toàn huyện có 43 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy, trong đó Cấp ủy cơ sở: 30 (18 đảng ủy và 12 Chi bộ).

Bí thư Đảng uỷ các xã, thị trấn: 13 đồng chí (trong đó có 01 đồng chí kiêm Chủ tịch UBND xã; 04 đồng chí kiêm Chủ tịch HĐND xã); Phó Bí thư đảng uỷ các xã, thị trấn: 26 đồng chí (trong đó có 12 đồng chí kiêm Chủ tịch UBND xã, 09 đồng chí kiêm Chủ tịch HĐND xã).

#### 2.1.5.2. Khối chính quyền

- Hội đồng nhân dân huyện: 01 Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch. Hội đồng nhân dân huyện thành lập 02 ban, gồm: Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội. Mỗi Ban có 01 Trưởng ban và 01 Phó Trưởng ban. Số lượng đại biểu HĐND là 34 đại biểu.

- Ủy ban nhân dân huyện: Gồm 12 cơ quan chuyên môn: Văn phòng HĐND và UBND; Thanh tra; các phòng: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa và Thông tin; Kinh tế; Quản lý đô thị, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế. Thành viên UBND huyện gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 14 Ủy viên.

- Các đơn vị ngành dọc: Công an, Quân sự, Tòa án, Viện kiểm sát, Chi cục Thi hành án, Chi cục Thuế, Chi cục Thống kê, Kho bạc, Bảo hiểm xã hội.

- Cấp xã: Có 13 đơn vị hành chính, trong đó có 01 thị trấn và 12 xã.

- Thôn, tổ dân phố: Có 84 thôn, tổ dân phố (trong đó có 69 thôn, 15 tổ dân phố).

- Chính quyền xã, thị trấn: Hội đồng nhân dân xã: Tổng số đại biểu HĐND cấp xã gồm 371 đại biểu; lãnh đạo HĐND gồm: 13 Chủ tịch, 13 Phó Chủ tịch của 13 đơn vị hành chính cấp xã. Lãnh đạo UBND xã, thị trấn: 13 Chủ tịch UBND, 24 Phó Chủ tịch UBND.

### 2.1.5.3. Về số lượng

Đến thời điểm hiện nay tổng số người hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện là 3.254 người: trong đó cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng chuyên môn là 2.962 người và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ là 292 người, cụ thể:

- Khối Đảng: 68 người, hợp đồng lao động theo Nghị định 68 là: 05 người, trong đó: Thạc sĩ: 02 người, Đại học: 40 người, Cao đẳng: 11 người, Trung cấp 09 người, Sơ cấp: 06 người.

- Khối hành chính: 95 người, hợp đồng lao động theo Nghị định 68 là: 15 người, trong đó: Thạc sĩ: 04 người, Đại học: 82 người, Cao đẳng: 03 người, Trung cấp: 6 người.

- Khối sự nghiệp: 1.641 người (trong đó, sự nghiệp giáo dục: 1.594 người, sự nghiệp khác: 47 người), hợp đồng lao động theo Nghị định 68 là: 272 người, trong đó: Đại học: 835 người, Cao đẳng: 600 người, Trung cấp 192 người, Sơ cấp: 14 người.

- Cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố là: 1.158 người, trong đó cán bộ, công chức cấp xã: 274 người; 279 người hoạt động không chuyên trách cấp xã và 605 người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp ở thôn, tổ dân phố. Trong đó, trình độ chuyên môn đối với cán bộ, công chức cấp xã hiện nay: 02 thạc sĩ, 116 đại học, 23 cao đẳng, 118 trung cấp, 09 sơ cấp và còn 06 người chưa qua đào tạo.

- Các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn:

+ Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh:



Là đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, chịu sự lãnh đạo thống nhất của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh và cấp uỷ địa phương. Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh hiện có 16 cán bộ, công chức và người lao động, trong đó có: Chánh án, 01 Phó Chánh án, 01 Thẩm tra viên, 06 Thẩm phán, 06 Thư ký, 01 Kế toán; bên cạnh đó có 04 hợp đồng theo Nghị định 68. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: có 15 Đại học, 01 Trung cấp; 04 đồng chí trình độ cao cấp lý luận chính trị, 02 đồng chí trình độ trung cấp chính trị.

+ Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh:

Là đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và cấp uỷ địa phương. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh hiện có 12 công chức và người lao động, gồm có: Viện trưởng, 01 Phó Viện trưởng, 05 Kiểm sát viên, 02 Kiểm tra viên, 02 Chuyên viên, 01 kế toán và 02 hợp đồng lao động theo Nghị định 68.

+ Kho bạc Nhà nước huyện Vạn Ninh:

Là tổ chức trực thuộc Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa có chức năng thực hiện nhiệm vụ của Kho bạc Nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Kho bạc nhà nước huyện Vạn Ninh hiện có 12 công chức và người lao động gồm: 01 Phó Giám đốc phụ trách, 01 Phó Giám đốc, 10 cán bộ, công chức nghiệp vụ. Về trình độ chuyên môn có 10 đại học, 01 sơ cấp và 01 chưa qua đào tạo.

+ Bảo hiểm xã hội huyện Vạn Ninh là đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa. Bảo hiểm xã hội huyện Vạn Ninh hiện có 11 công chức, viên chức và người lao động gồm có: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 09 viên chức chuyên môn và 02 hợp đồng theo Nghị định 68. Về trình độ chuyên môn có 10 đại học và 01 cao đẳng.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh là đơn vị trực thuộc Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Chi cục thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh hiện có 9 công chức, viên chức, người lao động gồm 01 Chi cục trưởng, 01 Phó Chi cục trưởng, 01 Thẩm tra viên, 01 Thư ký, 02 chuyên viên, 02 kế toán, 01 thủ kho và 04 hợp đồng lao động 68.

+ Chi cục Thống kê huyện Vạn Ninh:

Là đơn vị trực thuộc Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa. Chi cục Thống kê huyện Vạn Ninh hiện có 05 cán bộ, công chức, gồm có: Chi cục trưởng, 01 Chi

cục phó, 03 thống kê viên và 01 hợp đồng lao động theo Nghị định 68. Về trình độ chuyên môn có 05 đại học; 01 đồng chí có trình độ cao cấp lý luận chính trị và 02 đồng chí có trình độ Trung cấp lý luận chính trị.

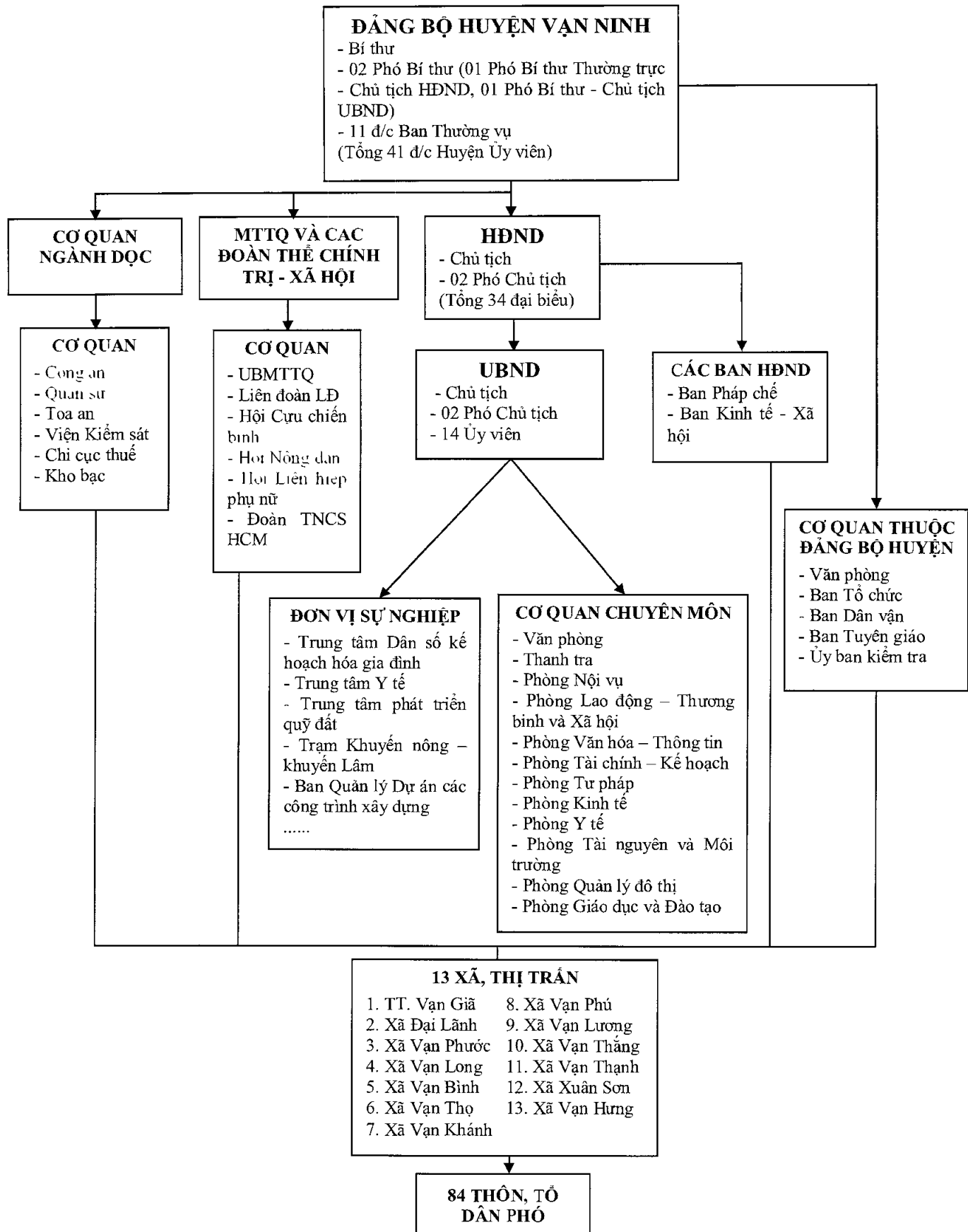
+ Chi cục Thuế huyện Vạn Ninh:

Là đơn vị trực thuộc Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa. Chi cục Thuế huyện Vạn Ninh hiện có 45 cán bộ, công chức với cơ cấu tổ chức gồm có: Chi cục trưởng, 02 Phó Chi cục trưởng và 10 đội thuế, cụ thể: Đội Tuyên truyền - hỗ trợ người nộp thuế (02 người: 01 đội trưởng và 01 công chức); Đội Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán (03 người: 01 đội trưởng và 02 công chức); Đội Kê khai - Kế toán thuế và tin học (07 người: 01 đội trưởng, 01 đội phó và 05 công chức); Đội Kiểm tra thuế (08 người: 01 đội trưởng, 02 đội phó và 05 công chức); Đội Trước bạ và thu khác (03 người: 01 đội phó và 02 công chức); Đội Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế (02 người: 01 đội trưởng và 01 công chức); Đội thuế thị trấn Vạn Giã (04 người: 01 đội trưởng và 03 công chức); Đội thuế liên xã khu vực phía nam (05 người: 01 đội trưởng và 04 công chức); Đội thuế liên xã khu vực phía bắc (04 người: 01 đội trưởng và 03 công chức); Đội Hành chính - nhân sự - tài vụ - ấn chỉ (04 người: 01 đội trưởng, 01 đội phó, 02 công chức) và 05 hợp đồng lao động theo Nghị định 68.

+ Công an huyện Vạn Ninh hiện có 106 cán bộ, chiến sĩ trong đó Công an huyện là 97 người và Công an thị trấn Vạn Giã là 09 người, về cơ cấu tổ chức của Công an huyện Vạn Ninh gồm có: Trưởng Công an, 03 Phó Trưởng Công an, 06 đội trưởng, 12 đội phó và 75 chiến sĩ; Công an thị trấn Vạn Giã có 01 Trưởng Công an, 01 Phó Trưởng Công an và 07 chiến sĩ. Về trình độ chuyên môn đại học 50 người, Cao đẳng 03 người, Trung cấp 53 người. Về trình độ lý luận chính trị có 04 đồng chí trình độ Cao cấp lý luận chính trị, 35 người có trình độ Trung cấp lý luận chính trị.

+ Ban Chỉ huy Quân sự huyện Vạn Ninh hiện có 31 cán bộ, chiến sĩ trong đó gồm có: Chỉ huy trưởng, 04 Phó Chỉ huy trưởng, 02 đội trưởng và 24 chiến sĩ. Về trình độ chuyên môn có 10 người có trình độ đại học, 07 cao đẳng, 12 Trung cấp và 02 sơ cấp. Có 04 đồng chí có trình độ cao cấp lý luận chính trị và 24 đồng chí có trình độ sơ cấp lý luận chính trị.

*(Có Phụ lục 1 về thống kê số lượng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị huyện Vạn Ninh)*



Hình 10. Sơ đồ tổ chức bộ máy huyện Vạn Ninh hiện nay

2.1.6. Về đánh giá chi tiết mức độ đạt được của huyện Vạn Ninh so với quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính

Các tiêu chuẩn của huyện Vạn Ninh theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, gồm:

- Diện tích tự nhiên: 56.183,16 ha ( 561,8316 km<sup>2</sup> ), cao hơn so với tiêu chuẩn quy định là 450 km<sup>2</sup>.

- Dân số: 132.639 người, cao hơn so với tiêu chuẩn quy định là 120.000 người.

- Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: 13 đơn vị, trong đó có 01 thị trấn là thị trấn Vạn Giã; thấp hơn so với tiêu chuẩn quy định là từ 16 đơn vị trở lên.

#### 2.1.7. Một số hạn chế, yếu kém, nguyên nhân

##### 2.1.7.1. Hạn chế, yếu kém

- Kinh tế huyện Vạn Ninh chưa có nhiều điều kiện để phát triển, chưa khai thác hết được tiềm năng, thế mạnh của mình.

- Hệ thống chính trị, bộ máy quản lý hiện tại của huyện Vạn Ninh còn công kênh, kém hiệu quả: Năng lực lãnh đạo còn yếu, bị động, chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh ở cơ sở; chất lượng đại biểu và hoạt động của HĐND cấp huyện, xã còn yếu, hoạt động giám sát còn mang tính hình thức; công tác quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực như đất đai, quy hoạch, xây dựng, tài nguyên và môi trường,... bộc lộ nhiều yếu kém, chưa theo kịp yêu cầu phát triển.

- Chức năng, nhiệm vụ ở một số cơ quan, đơn vị còn chưa đồng bộ, giữa tổ chức bộ máy cơ quan Đảng và chính quyền có nhiều điểm tương đồng, có thể bổ sung, tác động hỗ trợ lẫn nhau nhưng chưa thống nhất về mặt tổ chức và chưa có cơ chế vận dụng liên thông, dẫn đến công kênh, trùng chéo, hiệu quả chưa cao.

- Số người hưởng lương và phụ cấp ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố lớn (1.158 người). Nguồn nhân lực còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế về năng lực chuyên môn, thiếu tính chuyên nghiệp; bằng cấp cao, hiệu quả thấp. Thiếu cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên gia giỏi; công tác lập và quản lý quy hoạch còn thiếu đồng bộ, chưa có tính dự báo cao.

##### 2.1.7.2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

- Nguyên nhân chủ quan

+ Việc triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh còn chậm;

+ Các cấp ủy đảng, chính quyền chưa thực sự linh hoạt, chủ động, sáng tạo nhất là trong phát triển kinh tế, còn trông chờ, ỷ lại;

+ Chậm phát hiện những mâu thuẫn, yếu kém, khuyết điểm và chưa có giải pháp phù hợp để khắc phục;

+ Đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong tình hình mới; chưa huy động được cả hệ thống chính trị để phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế;

+ Đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chưa mang tầm chiến lược, chưa có quy hoạch nguồn nhân lực.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Tổ chức bộ máy còn chồng chéo; thủ tục hành chính rườm rà, thiếu minh bạch;

+ Cơ chế phối hợp giữa nhà nước và tư nhân trong hoạt động kinh tế chưa thực sự rõ ràng và chưa mang tính đột phá;

+ Quá trình tổ chức thực hiện còn lúng túng, chưa rút kinh nghiệm kịp thời để có điều chỉnh phù hợp.

## **2.2. Đối với khu kinh tế Vân Phong**

### **2.2.1. Hiện trạng phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường**

#### **2.2.1.1. Về phát triển kinh tế**

- Đến tháng 9/2017 Khu kinh tế Vân Phong đã thu hút được 156 dự án đầu tư (129 dự án trong nước và 27 dự án có vốn đầu tư nước ngoài) với tổng vốn đăng ký 8,28 tỷ USD, vốn thực hiện là 637 triệu USD (đạt 7,7% vốn đăng ký); trong đó có 79 dự án đã đi vào hoạt động, 75 dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư và thỏa thuận chủ trương đầu tư cho 2 dự án FDI quan trọng tại khu vực Nam Vân Phong (Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 01 và Tổ hợp lọc hóa dầu Nam Vân Phong với tổng vốn 6,8 tỷ USD). Trong đó, khu vực Bắc Vân Phong đã thu hút được 35 dự án đầu tư (28 dự án trong nước và 7 dự án có vốn đầu tư nước ngoài) với tổng vốn đăng ký 421,15 triệu USD, vốn thực hiện là 27,7 triệu USD. Có 16 dự án đã đi vào hoạt động và các dự án đều đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư.

- Trong giai đoạn 2011 - 2016, doanh thu các doanh nghiệp có dự án đi vào hoạt động trên địa bàn của Khu kinh tế Vân Phong đạt 56.520 tỷ đồng; đóng góp cho ngân sách 24.339 tỷ đồng (trong đó, thu từ hoạt động trung chuyển xăng dầu là 23.411 tỷ đồng), bình quân mỗi năm đóng góp cho ngân sách địa phương khoảng 4.056 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ khoảng 30% ngân sách của toàn tỉnh.

#### 2.2.1.2. Về môi trường

- Môi trường nước biển ven bờ của vịnh Vân Phong hầu như chưa bị ô nhiễm. Do lượng nước trong vịnh khá lớn và thường xuyên trao đổi nước với biển Đông, vì thế các chất ô nhiễm trong vịnh được dòng chảy, sóng, thủy triều... tác động liên tục và đưa ra Biển Đông. Điều đó cho thấy khả năng tự làm sạch của vịnh Vân Phong là rất lớn.

- Khu kinh tế Vân Phong khá hạn chế về nguồn nước mặt và nước dưới đất. Kết quả quan trắc nhiều năm cho thấy chất lượng nước mặt đều đạt quy chuẩn và ít biến động; nước dưới đất bị nhiễm mặn kéo dài theo bờ biển từ Tu Bông đến thị trấn Vạn Giã, và từ Hòn Khói về phía Tây Nam qua phường Ninh Hiệp đến xã Ninh Lộc - thị xã Ninh Hòa với tổng diện tích bị nhiễm mặn khoảng 75 km<sup>2</sup>. Riêng một số xã của huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa, nước dưới đất có hàm lượng Flour khá lớn, dễ dẫn tới các bệnh Flourosis ở xương, răng khi sử dụng nước trong ăn uống.

- Chất lượng không khí xung quanh của khu kinh tế còn khá sạch, trừ một số nút giao thông lớn bị ô nhiễm nhẹ bởi bụi.

#### 2.2.1.3. Về lao động

Các dự án đã đi vào hoạt động trong khu kinh tế đã giải quyết việc làm cho khoảng 6.000 lao động, trong đó các dự án FDI thu hút hơn 4.000 lao động.

Hiện đang tổ chức quy hoạch và kêu gọi đầu tư khu nhà ở công nhân tại thị xã Ninh Hoà với diện tích 6,34 ha, vốn đầu tư khoảng 500 tỷ, quy mô thiết kế 1.100 – 1.300 hộ nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở công nhân cho khu vực Nam Vân Phong, trong đó có khu công nghiệp Ninh Thủy.

#### 2.2.1.4. Về đầu tư hạ tầng

Tổng vốn đầu tư hạ tầng cho khu kinh tế Vân Phong (giai đoạn 2006 - 2017) khoảng 1.900 tỷ đồng, chủ yếu tập trung cho các khu tái định cư, giải phóng mặt bằng, cũng như một số dự án giao thông trực chính quan trọng trong khu kinh tế như: Đã hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng 5 khu tái định cư (123 ha) để đáp ứng kịp thời việc giải phóng mặt bằng, tái định cư đối với các khu chức năng để phục vụ các dự án đầu tư; hoàn thành xây dựng 2 dự án đường

giao thông (11,2 km) để phục vụ cho các dự án động lực của khu kinh tế để phục vụ cảng trung chuyển, khu hậu cần dầu khí và đang tiếp tục triển khai đầu tư, xây dựng 2 dự án giao thông (14 km) để phục vụ một số dự án động lực tại khu vực Nam Vân Phong. Nhìn chung, kết quả đầu tư các công trình hạ tầng khu kinh tế Vân Phong thời gian qua mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định chủ yếu tập trung cho các dự án tái định cư, tuyến giao thông trục chính. Tuy nhiên, vẫn chưa đạt mục tiêu đề ra nhất là các dự án đầu tư cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn cho khu kinh tế nên hạ tầng khu kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế, chưa hoàn thiện.

## 2.2.2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

### 2.2.2.1. Về giao thông

- Đường hàng không: Hiện trạng giao thông hàng không đến khu vực khu kinh tế Vân Phong qua cảng hàng không quốc tế Cam Ranh (Khánh Hòa) cách khoảng 70 km. Ngoài ra sân bay Tuy Hòa thuộc tỉnh Phú Yên cách khoảng 30 km về phía Bắc thông qua hầm đường bộ Đèo Cả vừa hoàn thành xây dựng.

- Đường bộ: Quốc lộ 1A chạy dọc bờ biển vịnh Vân Phong từ Bắc đến Nam, với chiều dài khoảng 50km được nâng cấp từ 2 làn xe lên 4 làn xe; Quốc lộ 26 nối thị xã Ninh Hoà với thành phố Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk); Quốc lộ 26B nối dài có điểm đầu từ quốc lộ 1A đi nhà máy đóng tàu Hyundai - Vinashin có chiều dài 13 km.

Dự án đường hầm bộ đèo Cả: đã được xây dựng xong và khánh thành vào tháng 8/2017, trong đó: chiều dài hầm đèo Cả 3.900 m , hầm đèo Cổ Mã 455m.

Hệ thống đường tỉnh: Các tuyến này hầu hết đều xuất phát từ trục đường chính là QL1A và kết thúc tại khu vực trung tâm các huyện, xã thuộc huyện Vạn Ninh. Phần lớn các đường tỉnh có cấp đường từ cấp V đến cấp II.

- Đường thủy: Hiện trạng các công trình đường thủy khu vực vịnh Vân Phong bao gồm:

+ Cảng Đầm Môn là cảng chuyên dùng cập tàu 3 vạn tấn; cảng Hòn Khói: Nằm phía Nam vịnh Vân Phong, thuộc thị xã Ninh Hòa, chỉ cho phép các tàu loại nhỏ 400T. Năng lực thông qua cảng khoảng trên 10 vạn tấn/năm; cảng nhà máy đóng tàu Hyundai - Vinashin Có 2 ụ tàu, công suất 80.000DWT và 400.000 DWT.

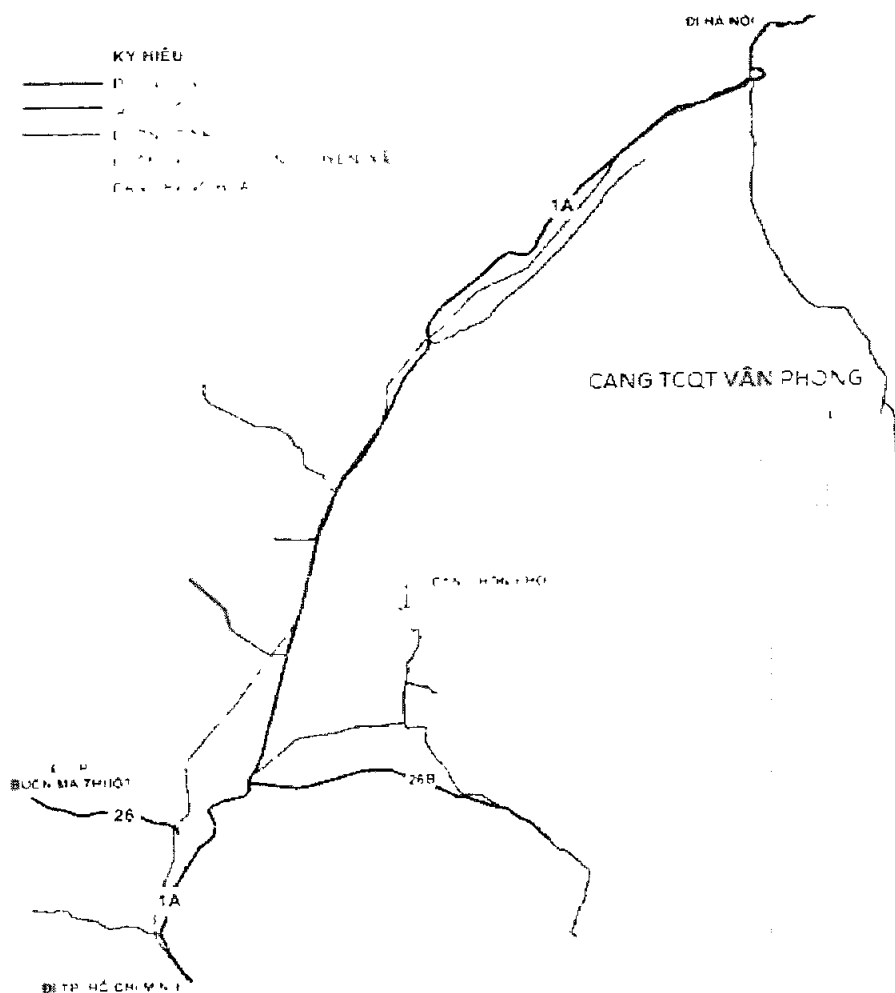
+ Cảng tổng hợp Bắc Vân Phong nằm trong cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong đang triển khai thi công với diện tích khoảng 42 ha, năng lực thông qua cảng khoảng 6 triệu tấn/năm, cập tàu 50.000 tấn; cảng tổng hợp Nam Vân

Phong diện tích 11,9 ha, cập tàu 30.000 -70.000 tấn đang được xây dựng và dự kiến hoàn thành vào năm 2018.

Ngoài ra, khu vực Nam Vân Phong còn có cảng chuyên dùng của Trạm phân phối Xi măng Nghi Sơn công suất 500.000 tấn/năm; cảng chuyên dùng của kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong công suất 6 triệu tấn/năm.

+ Đường thủy nội địa: Hiện trong khu vực Vịnh Vân Phong có 3 tuyến vận tải dân sinh với quy mô đơn giản. Đó là: Đầm Môn đi Vạn Giã (Vạn Ninh); Đầm Môn đi Ninh Vân, Nha Trang và Hòn Khói (thị xã Ninh Hòa) đi Đầm Môn.

- Đường sắt: Tuyến đường sắt Bắc Nam qua khu vực Vịnh Vân Phong dài khoảng 50 km (khổ đường 1m), có 5 ga dọc tuyến là ga hỗn hợp, tuy nhiên khối lượng vận chuyển hành khách và hàng hoá ít và thất thường, năng lực thông qua 8 đôi tàu khách/ngày đêm, 6 đôi tàu hàng/ngày đêm.

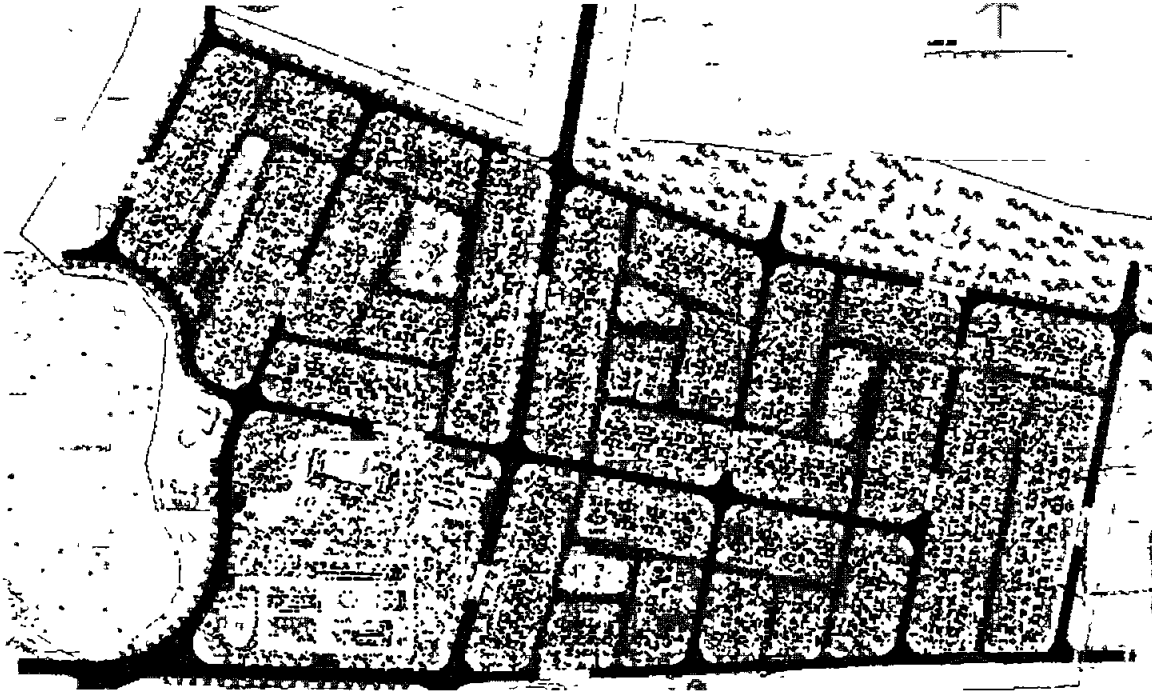


Hình 11. Sơ đồ hiện trạng hệ thống giao thông khu kinh tế Vân Phong



#### 2.2.2.2. Xây dựng hạ tầng tái định cư

Nhằm đáp ứng nhu cầu giải phóng mặt bằng và tái định cư cho các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm, Khu kinh tế Vân Phong đã xây dựng hạ tầng các Khu tái định cư với tổng diện tích 130 ha.



Hình 12. Khu tái định cư Vĩnh Yên giai đoạn 1

#### 2.2.2.3. Cấp nước

Tại thị trấn Vạn Giã, nhà máy nước sạch có công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nguồn nước là nước hồ Đồng Điền Nam. Năm 2016 xây dựng thêm Nhà máy nước Tu Bông công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Hiện trạng tại khu trung tâm thị xã Ninh Hòa có 2 nhà máy nước đang hoạt động với công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và hiện tại đang đầu tư nâng cấp lên thành 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nguồn nước là nước ngầm thông qua nguồn sinh thủy sông Cái Ninh Hòa và sông Đá Bàn, cùng với dự án đang đầu tư mới tại Ninh Sơn với công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 2.2.2.4. Cấp điện, chiếu sáng

Nguồn điện khu vực khu kinh tế Vân Phong hiện đang được cấp điện từ lưới điện quốc gia qua các nguồn điện từ trạm 220KV Nha Trang: 220/110/22KV - 2x125MVA; Thủy điện Sông Hinh qua đường dây 110KV và 220KV Sông Hinh - Tuy Hoà - Nha Trang.

#### 2.2.2.5. Xử lý chất thải rắn

Thị trấn Vạn Giã và các xã lân cận: Chất thải rắn được đưa về đổ tại bãi thải Dốc Ké, đặt ở chân núi Hoa Sơn thuộc xã Vạn Thắng, diện tích 3 ha. Bãi này còn sử dụng nền đất tự nhiên, chưa có xử lý kỹ thuật theo yêu cầu của bãi chôn lấp hợp vệ sinh, hiện đã hết diện tích sử dụng.

Tại khu trung tâm thị xã Ninh Hoà và các khu vực lân cận, chất thải rắn được đưa về xử lý tại bãi chôn lấp hợp vệ sinh Hòn Rọ thuộc thôn Ninh Ích, xã Ninh An với quy mô 3,1 ha.

Hiện nay, tại khu vực phía Nam Khu kinh tế đã xây dựng nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại với công suất 100 tấn/ngày; tại khu vực phía Bắc đang quy hoạch khu xử lý chất thải rắn có diện tích 30 ha.

#### 2.2.2.6. Thoát nước và xử lý nước thải

Hầu như toàn bộ khu vực Khu kinh tế đang thoát nước mưa theo địa hình hiện có. Hướng thoát chính từ Tây sang Đông. Có thể nói là chưa có hệ thống thoát nước mưa đô thị trên toàn khu vực, mới chỉ có một vài tuyến thoát nước chung tại khu vực trung tâm của hai Phường Ninh Hiệp – thị xã Ninh Hòa và thị trấn Vạn Giã – huyện Vạn Ninh, đạt khoảng 10%.

#### 2.2.2.7. Hệ thống cây xanh

Hiện trạng đất cây xanh công viên khoảng 76 ha với bình quân 3 m<sup>2</sup>/người, trong đó huyện Vạn Ninh 36 ha và thị xã Ninh Hòa 40 ha. Định hướng quy hoạch được duyệt chưa xác định diện tích đất cây xanh công viên cho khu kinh tế. Vì vậy, hệ thống cây xanh công viên của từng dự án sẽ được tính toán cụ thể theo quy chuẩn quy hoạch khi triển khai.

Hiện nay đối với các dự án tái định cư đã được xây dựng, hệ thống cây xanh công viên có diện tích 14,3ha chiếm 11% trên tổng diện tích khoảng 130ha.

#### 2.2.2.8. Nghĩa trang

Hiện trạng khu vực khu kinh tế có nhiều khu nghĩa địa nhỏ của các làng xóm, thị trấn nằm ở ven núi hoặc ruộng vườn. Ngoài ra, còn có nghĩa trang Hoa Sơn, thị trấn Vạn Giã quy mô 11 ha; nghĩa trang Ninh An, Ninh Hòa quy mô 17 ha, các nghĩa trang này đã gần hết diện tích sử dụng.

Hiện nay, tại khu vực Bắc Vân Phong đã phê duyệt quy hoạch chi tiết Nghĩa trang Bắc Vân Phong quy mô 30 ha, huyện Vạn Ninh đang xin chủ trương xây dựng nghĩa trang tại Vạn Hưng quy mô 20 ha. Tại khu vực phía Nam đang triển khai các thủ tục đầu tư nghĩa trang theo quy hoạch.

### 2.2.2.9. Đánh giá về hiện trạng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

Hiện trạng khu vực thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có hệ thống hạ tầng kỹ thuật tương đối thuận lợi. Cụ thể như sau:

- Về giao thông . Khu vực đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt có thuận lợi là khai thác được cả 4 loại hình giao thông. Đặc biệt, Vịnh Vân Phong là vị trí duy nhất có các lợi thế về điều kiện tự nhiên để xây dựng cảng trung chuyển Quốc tế. Hạn chế của khu vực là các tuyến tỉnh lộ là đường cụt, khả năng phát triển về phía các xã miền núi còn hạn chế. Về Hàng không: Sân bay Tuy Hòa thuộc tỉnh Phú Yên cách khoảng 30 km về phía Bắc, trong tương lai khi đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong phát triển, có thể cải tạo nâng cấp thành sân bay quốc tế. Đường bộ gồm đường quốc lộ chạy dọc 30 km và hệ thống đường tỉnh tạo mạng liên kết đến hầu hết các xã, thôn. Đường sắt đi qua khu vực với chiều dài khoảng 27 km với 3 ga Tu Bông, Vạn Giã và Hòa Huỳnh.

- Về xây dựng các khu tái định cư: Đã thực hiện xong hạ tầng các khu tái định cư với tổng diện tích khoảng 33 ha, đang lập thủ tục để triển khai thêm 60 ha theo quy hoạch. Hiện nay mới chỉ lấp đầy khoảng 20% diện tích, việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư hoàn toàn thuận lợi.

- Cấp nước: Nguồn nước cấp khu vực gồm: Hồ Hoa Sơn dung tích 19 triệu m<sup>3</sup>, hồ Đá Bàn dung tích 70 triệu m<sup>3</sup> đã xây dựng xong. Hồ Đồng Điền dung tích 79 triệu m<sup>3</sup> đang thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng. Có 2 nhà máy nước đang hoạt động với tổng công suất 9.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm chủ yếu phục vụ cấp nước sinh hoạt.

- Cấp điện: Khu vực đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt hiện đang được cấp điện từ lưới điện quốc gia qua các nguồn điện từ trạm 220KV Nha Trang: 220/110/22KV - 2x125MVA; thủy điện Sông Hinh qua đường dây 110KV và 220KV Sông Hinh - Tuy Hoà - Nha Trang.

- Thoát nước và xử lý nước thải: chưa có hệ thống thoát nước mưa đô thị trên toàn khu vực, hệ thống xử lý nước thải chủ yếu là cục bộ.

- Các dự án hạ tầng khác như nghĩa trang Bắc Vân Phong 30 ha; khu xử lý chất thải rắn Bắc Vân Phong đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng.

### 2.2.3. Công tác quản lý nhà nước hiện nay đối với khu kinh tế Vân Phong

Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hoà là cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà để thực hiện việc quản lý tập trung thống nhất các hoạt động trong các lĩnh vực đầu tư, xây dựng và phát

triển khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Về tổ chức bộ máy, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong có 06 phòng chuyên môn, gồm: Văn phòng Ban Quản lý, phòng Kế hoạch tổng hợp, phòng Quản lý đầu tư, phòng Quản lý doanh nghiệp, phòng Quản lý tài nguyên và môi trường, phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng; và 01 đơn vị sự nghiệp là Ban Quản lý Dự án hạ tầng Khu kinh tế và Khu công nghiệp, gồm 03 phòng chuyên môn: phòng Hành chính – Kế toán, phòng Kế hoạch – Kỹ thuật và phòng Giải phóng mặt bằng. Tập thể lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong gồm Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban. Tập thể lãnh đạo Ban Quản lý Dự án hạ tầng Khu kinh tế và Khu công nghiệp gồm Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

Đến thời điểm hiện nay, tổng số người hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong (cán bộ, công chức, viên chức) là: 47 người, bao gồm: 32 cán bộ, công chức, 10 viên chức; hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 05 người.

Ngoài ra, khu kinh tế Vân Phong nằm trên địa bàn của thị xã Ninh Hòa và huyện Vạn Ninh nên công tác quản lý nhà nước về các lĩnh vực khác thuộc sự quản lý của bộ máy chính quyền ở 2 đơn vị này.

#### 2.2.4. Một số hạn chế và nguyên nhân

##### 2.2.4.1. Hạn chế

- Khu kinh tế Vân Phong phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh, chưa thể hiện vai trò động lực phát triển của tỉnh Khánh Hòa.

- Thể chế đối với khu kinh tế chưa đủ mạnh, cơ chế chính sách thiếu tính ổn định, chưa đủ sức cạnh tranh ở tầm khu vực và quốc tế.

- Việc huy động các nguồn vốn phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn khó khăn. Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của khu kinh tế. Một số dự án hạ tầng quan trọng triển khai còn chậm, chưa đạt mục tiêu đề ra. Hạ tầng cấp nước cho khu kinh tế còn chưa được quan tâm đầu tư, nhất là các hồ chứa nước để đáp ứng nhu cầu nước cho khu kinh tế hiện nay.

- Công tác giải phóng mặt bằng nhiều dự án tại khu vực Nam Vân Phong mặc dù được Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo nhưng việc thực hiện vẫn còn chậm, chưa quyết liệt, chưa bảo đảm yêu cầu về thời gian, gây

khó khăn cho việc triển khai các dự án đầu tư kể cả các dự án đầu tư hạ tầng, các dự án thứ cấp vào khu công nghiệp.

- Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa hấp dẫn, các nhà đầu tư chậm triển khai các dự án động lực (nhà máy nhiệt điện, tổ hợp lọc hóa dầu, khu nghỉ dưỡng cao cấp,...).

- Công tác quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực như quy hoạch, đất đai, xây dựng, tài nguyên, môi trường,... còn chông chéo, chưa theo kịp nhu cầu phát triển và chưa phát huy được vai trò đầu môi để thực hiện cải cách hành chính “một cửa tại chỗ”.

- Khu kinh tế Vân Phong được đặt tại khu vực có điều kiện hạ tầng kỹ thuật chưa phát triển, nguồn nhân lực đã qua đào tạo chưa có sẵn nhưng chính sách ưu đãi về đào tạo nghề chưa phù hợp để bù đắp vào hạn chế này.

#### 2.2.4.2. Nguyên nhân

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được phân bổ hiện nay khá thấp so với nhu cầu cũng như so với các khu kinh tế khác trong khu vực nên việc đầu tư phát triển hạ tầng cho khu kinh tế Vân Phong đang gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn đầu tư.

- Cơ chế huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chưa hiện đại, không đủ hấp dẫn để các nhà đầu tư, doanh nghiệp tư nhân tham gia nên ít thu hút được nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng khu kinh tế. Vì vậy tiến độ xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật diễn ra còn rất chậm.

- Đối với khu vực Bắc Vân Phong, do đang trong giai đoạn xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt nên thời gian qua đã tạm dừng thu hút mới các dự án đầu tư vào khu vực này.

- Các chính sách ưu đãi đối với dự án trong khu kinh tế được quy định tại nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành có tính thay đổi thường xuyên như thuế, đất đai..., do vậy, chi phí để nghiên cứu, so sánh, đánh giá về ưu đãi đầu tư của nhà đầu tư là khá cao. Đó là chưa kể thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư chưa hoàn thiện còn làm gia tăng chi phí, thời gian của doanh nghiệp khi phải giải trình, cung cấp các tài liệu liên quan cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được hưởng ưu đãi,...

- Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong là cơ quan quản lý kinh tế trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và chỉ được giao một số chức năng, quyền hạn cụ thể nên khó tránh khỏi việc chậm trễ trong quá trình phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước khác trong địa bàn tỉnh.

- Các vấn đề phát sinh trong quá trình đầu tư của các dự án lớn, trọng điểm chậm được tháo gỡ do liên quan đến nhiều lĩnh vực của các Bộ, ngành trung ương.

- Việc đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chưa mang tầm chiến lược, chưa quy hoạch cụ thể, chưa có chính sách sát với thực tế để hỗ trợ cho các doanh nghiệp.

### **Phần III**

## **PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG THUỘC TỈNH KHÁNH HÒA**

### **1. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

#### **1.1. Quan điểm**

- Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc chủ quyền lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Việc xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước; bảo đảm quốc phòng an ninh và giữ vững độc lập, chủ quyền; bảo vệ tài nguyên, môi trường; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, lợi ích của nhà đầu tư, lợi ích của địa phương và của người dân.

- Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong là mô hình có tính đột phá để đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước nên cần phải có thể chế đủ mạnh với bộ máy quản lý tinh gọn, được trao đủ thẩm quyền để thực thi hiệu quả các chính sách phát triển, thủ tục hành chính nhanh chóng, thuận lợi; cơ chế chính sách ưu đãi vượt trội, có khả năng cạnh tranh với khu vực và toàn cầu để thu hút các nhà đầu tư quốc tế có tiềm lực, trình độ quản lý cao, công nghệ hiện đại. Thúc đẩy tiến trình mở cửa, đẩy mạnh cải cách và hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Việc phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong phải đặt trong quy hoạch tổng thể phát triển của tỉnh Khánh Hòa, của vùng Nam Trung Bộ, kết nối với khu vực Tây Nguyên và cả nước.

- Tạo mọi điều kiện tối đa để có thể thu hút có hiệu quả các nguồn lực đầu tư bên ngoài và dành nguồn lực từ ngân sách để xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu ban đầu. Tập trung thu hút, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt về lâu dài.

- Đảm bảo phát triển nhanh, bền vững, hiện đại, theo chuẩn mực và đẳng cấp quốc tế và có sức lan tỏa, gắn phát triển kinh tế xã hội với bảo vệ, bảo tồn môi trường sinh thái trong khu vực.

#### **1.2. Định hướng**

Phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trở thành một đô thị hiện đại, có độ mở cao và trình độ quản lý đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư quốc tế. Tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, được áp dụng các cơ

chế, chính sách ưu đãi vượt trội, có khả năng cạnh tranh với khu vực và toàn cầu để khai thác, phát huy toàn bộ tiềm năng và lợi thế của khu vực Bắc Vân Phong, thu hút nguồn vốn đầu tư, công nghệ, nhân lực, phương thức quản lý tiên tiến để tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình cải cách và tái cơ cấu kinh tế, tạo sự lan tỏa cho toàn bộ khu vực Nam Trung Bộ và cả nước.

### **1.3. Mục tiêu**

#### **1.3.1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trở thành một khu vực đầu mối phát triển về cảng biển và dịch vụ Logistics quốc tế; trung tâm thương mại – tài chính và du lịch, vui chơi giải trí cao cấp có casino; khu phát triển khoa học công nghệ cao gắn liền với các đô thị hiện đại có dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao. Bộ máy quản lý được tổ chức tinh gọn và nền hành chính hiện đại, tự chủ cao, tạo môi trường kinh doanh hấp dẫn cho các nhà đầu tư quốc tế; có đời sống kinh tế - xã hội cao, an ninh, chính trị ổn định, môi trường sinh sống thuận lợi; có nền văn hóa vừa có bản sắc Việt Nam, vừa hội nhập quốc tế.

Phấn đấu đến năm 2050 đưa Bắc Vân Phong trở thành trung tâm kinh tế năng động, là cửa ngõ giao thương với thế giới của cả vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, hướng đến là nơi trung chuyển hàng hóa toàn cầu, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của tỉnh Khánh Hòa nói riêng và cả nước nói chung.

#### **1.3.2 Mục tiêu cụ thể**

- Về chính trị - xã hội:

Ổn định chính trị xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đảm bảo an sinh, phúc lợi, tạo môi trường sống văn minh, hiện đại theo chuẩn mực quốc tế; thúc đẩy đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gia tăng cơ hội việc làm; góp phần đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị và phương thức lãnh đạo của Đảng.

- Về kinh tế:

Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ; trở thành trung tâm kinh tế năng động và là thành phố đáng sống; trung tâm tài chính – thương mại, du lịch, vui chơi giải trí cao cấp có casino và cửa ngõ giao thương hàng hóa quốc tế. Hình thành một vùng động lực thu hút đầu tư, tri thức phát triển khoa học công nghệ cao và các ngành dịch vụ y tế, giáo dục, cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia. Góp phần tái cơ cấu kinh tế và tạo động lực lan tỏa cho tỉnh Khánh Hòa, vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước.



- Về quốc phòng - an ninh, đối ngoại:

Tạo thế đan xen lợi ích, bảo đảm quốc phòng an ninh, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế, thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác quốc tế.

- Hành chính, quản trị:

Mô hình đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong với nền hành chính hiện đại, bộ máy tinh gọn, được trao đủ thẩm quyền; cơ chế, chính sách ưu đãi sẽ bổ sung lý luận, kinh nghiệm thực tiễn về hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế thị trường phù hợp với thông lệ quốc tế; đặc biệt là làm phong phú thêm nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và thử nghiệm các mô hình phát triển mới, bổ sung kinh nghiệm cho quản trị quốc gia.

- Về môi trường:

Xây dựng chiến lược bảo vệ môi trường được lồng ghép trong quá trình xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; xây dựng cơ chế ưu đãi đặc biệt để khuyến khích đối với các dự án sử dụng công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và thân thiện với môi trường; đẩy mạnh khai thác có hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; có các cơ chế, giải pháp để huy động nguồn lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Xây dựng các giải pháp toàn diện cho việc thu gom, xử lý các nguồn thải theo hướng hiện đại, thân thiện môi trường để bảo vệ môi trường xanh, sạch trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

#### **1.4. Nguyên tắc phát triển**

- Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh.

- Phát triển con người, cải thiện dân sinh là mục đích.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế xanh, công nghiệp giải trí làm định hướng.

- Cải cách thể chế, cơ chế, chính sách và mô hình quản lý làm đột phá.

- Phát triển kết cấu hạ tầng, cải cách hành chính đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm nền tảng.

- Kinh tế tri thức, sáng tạo, công nghệ cao làm động lực.

## **2. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG**

### **2.1. Hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số của tỉnh Khánh Hòa**

Tỉnh Khánh Hòa thuộc khu vực duyên hải Nam Trung bộ, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, phía Nam giáp tỉnh Ninh Thuận, phía Bắc giáp tỉnh Phú Yên; có diện tích tự nhiên 523.079,50 ha (theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2014), dân số 1.220.090 người (tính tại thời điểm 31/12/2016); có 09 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 02 thành phố (Nha Trang và Cam Ranh), 01 thị xã (Ninh Hòa) và 06 huyện (Vạn Ninh, Diên Khánh, Cam Lâm, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Trường Sa); 140 đơn vị hành chính cấp xã (loại I: 71 đơn vị; loại II: 60 đơn vị; loại III: 09 đơn vị) và 993 thôn, tổ dân phố (445 thôn và 498 tổ dân phố).

*(Có Phụ lục 2 về thống kê diện tích tự nhiên tỉnh Khánh Hòa và Phụ lục 3 về thống kê dân số tỉnh Khánh Hòa)*

## **2.2. Quá trình xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong**

Xuất phát từ vị trí chiến lược, điều kiện tự nhiên thuận lợi, và qua quá trình nghiên cứu đánh giá, phân tích tiềm năng, lợi thế của khu vực Bắc Vân Phong, nghiên cứu các mô hình xây dựng đặc khu kinh tế một số nước trên thế giới; nhằm mục tiêu khai thác có hiệu quả các điều kiện tự nhiên hiện có và phục vụ cho việc phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hòa nói chung và khu vực Bắc Vân Phong nói riêng. Trên cơ sở các chủ trương chính sách và quy định pháp luật, từ tháng 6/2012 tỉnh Khánh Hòa đã chủ động đề xuất, xin ý kiến của các Bộ ngành Trung ương và Chính phủ về đề nghị xây dựng đặc khu hành chính – kinh tế tại khu vực Bắc Vân Phong.

Tại buổi làm việc giữa Bộ Chính trị với lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa, Bộ Chính trị đã đồng ý chủ trương xây dựng đặc khu hành chính – kinh tế Bắc Vân Phong (theo kết luận số 53-KL/TW ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030); từ năm 2013 đến nay tỉnh Khánh Hòa đã chủ động báo cáo và liên hệ với nhiều nhà đầu tư nước ngoài để mời tham gia xây dựng ý tưởng để phát triển đặc khu kinh tế Bắc Vân Phong. Đồng thời, trong thời gian này tỉnh cũng đã chủ động nghiên cứu, xin ý kiến của các Bộ ngành và đơn vị tư vấn trong việc xây dựng Đề án xin chủ trương thành lập Đặc khu kinh tế Bắc Vân Phong trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Chính phủ, Bộ Chính trị cho chủ trương thực hiện.

Sau khi được Bộ Chính trị đồng ý cho thành lập ba đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt: Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Bắc Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa) và Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang) trực thuộc cấp tỉnh (theo Thông báo kết luận số

21-TB/TW ngày 22/3/2017 của Bộ Chính trị), tỉnh Khánh Hòa đã khẩn trương xây dựng Đề án điều chỉnh địa giới hành chính huyện Vạn Ninh để thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong theo phương án đã trình Bộ Chính trị cho chủ trương. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng Đề án và góp ý các nội dung liên quan cho dự thảo Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, nhất là sau khi lãnh đạo tỉnh tham gia chuyến khảo sát các Đặc khu hành chính – kinh tế tại Trung Quốc do Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trưởng đoàn đã phát sinh những yếu tố mới về diện tích, không gian phát triển Đặc khu hành chính – kinh tế sau này khi áp dụng tại nước ta nói chung và trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nói riêng.

Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã luôn phối hợp và tranh thủ sự chỉ đạo của Bộ Nội vụ trong quá trình xây dựng Đề án, sau khi xem xét dự thảo Đề án đã có ý kiến đề nghị điều chỉnh địa giới hành chính, theo hướng thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số huyện Vạn Ninh.

Từ những lý do trên, quá trình xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong đã có sự thay đổi về phương án thành lập so với ban đầu, tỉnh Khánh Hòa đã chủ động tiếp thu nhiều ý kiến góp ý và nghiên cứu đề xuất điều chỉnh các phương án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong để có thể tạo điều kiện tốt nhất cho việc phát triển đơn vị này trong tương lai.

### **2.3. Phương án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong**

#### **2.3.1. Phương án 1. Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Vạn Ninh để thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong**

2.3.1.1. Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Vạn Ninh để thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong như sau:

- Tên gọi: Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa.

- Địa giới hành chính Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp huyện Vạn Ninh; Nam giáp huyện Vạn Ninh; Bắc giáp huyện Vạn Ninh.

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có 64.980,00 ha diện tích tự nhiên (trong đó: diện tích đất liền 17.399,62 ha; diện tích mặt nước biển 47.580,38 ha) và 54.165 nhân khẩu.

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong dự kiến thành lập 07 khu hành chính trực thuộc, bao gồm:

+ Thành lập Khu hành chính Vạn Phước trên cơ sở 478,41 ha diện tích đất liền và 7.029 nhân khẩu của xã Vạn Phước.

+ Thành lập Khu hành chính Vạn Long trên cơ sở 341,72 ha diện tích đất liền và 7.595 nhân khẩu của xã Vạn Long.

+ Thành lập Khu hành chính Vạn Bình trên cơ sở 215,41 ha diện tích đất liền và 5.854 nhân khẩu của xã Vạn Bình.

+ Thành lập Khu hành chính Vạn Thọ trên cơ sở 1.401,90 ha diện tích đất liền và 3.478 nhân khẩu Vạn Thọ.

+ Thành lập Khu hành chính Vạn Khánh trên cơ sở 889,46 ha diện tích đất liền và 8.072 nhân khẩu của xã Vạn Khánh.

+ Thành lập Khu hành chính Vạn Thắng trên cơ sở 1.020,11 ha diện tích đất liền và 15.978 nhân khẩu của xã Vạn Thắng.

+ Thành lập Khu hành chính Vạn Thạnh trên cơ sở toàn bộ 13.052,61 ha diện tích đất liền và 6.159 nhân khẩu của xã Vạn Thạnh.

2.3.1.2. Điều chỉnh địa giới hành chính cấp xã để thành lập xã mới thuộc huyện Vạn Ninh như sau:

- Thành lập xã Vạn Tân thuộc huyện Vạn Ninh trên cơ sở 5.426,23 ha diện tích tự nhiên và 2.697 nhân khẩu của xã Vạn Bình; 815,20 ha diện tích tự nhiên và 784 nhân khẩu của xã Vạn Thắng.

+ Xã Vạn Tân có 6.241,43 ha diện tích tự nhiên và 3.481 nhân khẩu.

+ Địa giới hành chính xã Vạn Tân: Đông giáp Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong; Tây giáp xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên; Nam giáp xã Vạn Phú; Bắc giáp xã Vạn Lộc.

- Thành lập xã Vạn Lộc thuộc huyện Vạn Ninh trên cơ sở 2.121,54 ha diện tích tự nhiên và 1.505 nhân khẩu của xã Vạn Phước; 2.678,00 ha diện tích tự nhiên và 1.043 nhân khẩu của xã Vạn Long; 774,29 ha diện tích tự nhiên và 1.186 nhân khẩu của xã Vạn Thọ; 3.469,00 ha diện tích tự nhiên và 694 nhân khẩu của xã Vạn Khánh.

+ Xã Vạn Lộc có 9.042,83 ha diện tích tự nhiên và 4.428 nhân khẩu.

+ Địa giới hành chính xã Vạn Lộc: Đông giáp Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong; Tây giáp xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên; Nam giáp xã Vạn Tân; Bắc giáp xã Đại Lãnh.

2.3.1.3. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính huyện Vạn Ninh, và các xã để thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong và thành lập đơn vị hành chính cấp xã mới thuộc huyện Vạn Ninh

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có 64.980,00 ha diện tích tự nhiên (trong đó: diện tích đất liền 17.399,62 ha; diện tích mặt nước biển 47.580,38 ha) và 54.165 nhân khẩu; có 07 Khu hành chính trực thuộc, gồm: Khu hành chính Vạn Phước, Khu hành chính Vạn Long, Khu hành chính Vạn Bình, Khu hành chính Vạn Thọ, Khu hành chính Vạn Khánh, Khu hành chính Vạn Thắng, Khu hành chính Vạn Thạnh.

- Huyện Vạn Ninh còn lại 38.783,54 ha diện tích tự nhiên và 78.474 nhân khẩu có 08 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm các xã: Đại Lãnh, Vạn Lộc, Vạn Tân, Vạn Phú, Vạn Lương, Xuân Sơn, Vạn Hưng và thị trấn Vạn Giã.

- Tỉnh Khánh Hòa có 10 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: Thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa, các huyện: Vạn Ninh, Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Cam Lâm, Trường Sa và đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

### **2.3.2. Phương án 2. Thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa**

2.3.2.1. Tên gọi: Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa.

2.3.2.2. Vị trí địa giới hành chính đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong:

Tiếp giáp với 01 thị xã cùng tỉnh, với các huyện Sông Hinh, huyện Tây Hòa và huyện Đông Hòa của tỉnh Phú Yên và giáp biển Đông, với tổng chiều dài đường địa giới hành chính là 84,289 km. Đường địa giới hành chính cấp huyện trên thực địa chủ yếu chạy theo phân thủy, bờ thửa, cắt thẳng và tiếp giáp với huyện, tỉnh khác như sau:

- Phía Đông giáp Biển Đông, đường bờ biển dài 153,760 km.

- Phía Đông Bắc giáp huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, tuyến ĐGHC dài 11,575 km.

- Phía Tây Bắc giáp huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, tuyến ĐGHC dài 8,373 km.

- Phía Nam giáp thị xã Ninh Hòa, tuyến ĐGHC dài 30,072 km.

- Phía Bắc giáp huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, tuyến ĐGHC dài 34,269 km.

### 2.3.2.3. Diện tích tự nhiên, dân số đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có 111.079,50 ha diện tích tự nhiên (trong đó: diện tích đất liền 56.183,16 ha; diện tích mặt nước biển 54.896,34 ha) và 132.639 nhân khẩu.

### 2.3.2.4. Thành lập các Khu hành chính thuộc đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong dự kiến thành lập 13 Khu hành chính trực thuộc trên cơ sở 13 đơn vị hành chính cấp xã hiện có, bao gồm:

- Thành lập Khu hành chính Vạn Giã trên cơ sở toàn bộ 270,57 ha diện tích đất liền và 20.188 nhân khẩu của thị trấn Vạn Giã.

- Thành lập Khu hành chính Đại Lãnh trên cơ sở toàn bộ 1.947,10 ha diện tích đất liền và 10.684 nhân khẩu của xã Đại Lãnh.

- Thành lập Khu hành chính Vạn Phước trên cơ sở toàn bộ 2.599,95 ha diện tích đất liền và 8.534 nhân khẩu của xã Vạn Phước.

- Thành lập Khu hành chính Vạn Long trên cơ sở toàn bộ 3.019,72 ha diện tích đất liền và 8.638 nhân khẩu của xã Vạn Long.

- Thành lập Khu hành chính Vạn Bình trên cơ sở toàn bộ 5.641,64 ha diện tích đất liền và 8.551 nhân khẩu của xã Vạn Bình.

- Thành lập Khu hành chính Vạn Thọ trên cơ sở toàn bộ 2.176,19 ha diện tích đất liền và 4.664 nhân khẩu của xã Vạn Thọ.

- Thành lập Khu hành chính Vạn Khánh trên cơ sở toàn bộ diện tích đất liền 4.358,46 ha và 8.766 nhân khẩu của xã Vạn Khánh.

- Thành lập Khu hành chính Vạn Phú trên cơ sở toàn bộ 6.707,94 ha diện tích đất liền và 12.513 nhân khẩu của xã Vạn Phú.

- Thành lập Khu hành chính Vạn Lương trên cơ sở toàn bộ 6.077,38 ha diện tích đất liền và 11.672 nhân khẩu của xã Vạn Lương.

- Thành lập Khu hành chính Vạn Thắng trên cơ sở toàn bộ 1.835,31 ha diện tích đất liền và 16.762 nhân khẩu của xã Vạn Thắng.

- Thành lập Khu hành chính Vạn Thạnh trên cơ sở toàn bộ 12.956,96 ha diện tích đất liền và 6.159 nhân khẩu của xã Vạn Thạnh.

- Thành lập Khu hành chính Xuân Sơn trên cơ sở toàn bộ 3.581,64 ha diện tích đất liền và 3.962 nhân khẩu của xã Xuân Sơn.

- Thành lập Khu hành chính Vạn Hưng trên cơ sở toàn bộ 5.010,31 ha diện tích đất liền và 11.546 nhân khẩu của xã Vạn Hưng.

#### 2.3.2.5. Sau khi thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

Sau khi thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trên sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Vạn Ninh và thành lập 13 Khu hành chính trên sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã, thị trấn trực thuộc huyện Vạn Ninh

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có 111.079,50 ha diện tích tự nhiên (trong đó: diện tích đất liền 56.183,16 ha; diện tích mặt nước biển 54.896,34 ha) và 132.639 nhân khẩu; có 13 Khu hành chính trực thuộc, gồm: Khu hành chính Vạn Giã, Khu hành chính Đại Lãnh, Khu hành chính Vạn Phước, Khu hành chính Vạn Long, Khu hành chính Vạn Bình, Khu hành chính Vạn Thọ, Khu hành chính Vạn Khánh, Khu hành chính Vạn Phú, Khu hành chính Vạn Lương, Khu hành chính Vạn Thắng, Khu hành chính Vạn Thạnh, Khu hành chính Xuân Sơn, Khu hành chính Vạn Hưng.

- Tỉnh Khánh Hòa có 09 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: Thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa, các huyện: Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Cam Lâm, Trường Sa và đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

*Ghi chú: Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính quy định:*

*Tiêu chuẩn của huyện:*

*1. Quy mô dân số:*

*a) Huyện miền núi, vùng cao từ 80.000 người trở lên;*

*b) Huyện không thuộc điểm a khoản này từ 120.000 người trở lên.*

2. Diện tích tự nhiên:

a) Huyện miền núi, vùng cao từ 850 km<sup>2</sup> trở lên;

b) Huyện không thuộc điểm a khoản này từ 450 km<sup>2</sup> trở lên.

3. Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc có từ 16 đơn vị trở lên, trong đó có ít nhất 01 thị trấn.

Tiêu chuẩn của xã:

1. Quy mô dân số:

a) Xã miền núi, vùng cao từ 5.000 người trở lên;

b) Xã không thuộc điểm a khoản này từ 8.000 người trở lên.

2. Diện tích tự nhiên:

a) Xã miền núi, vùng cao từ 50 km<sup>2</sup> trở lên;

b) Xã không thuộc điểm a khoản này từ 30 km<sup>2</sup> trở lên.

### **3. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN CỦA CÁC PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG**

#### **3.1. Đối với phương án 1**

##### **3.1.1. Thuận lợi (03 thuận lợi)**

- Với mục tiêu nhằm khai thác tốt nhất các tiềm năng khu vực Bắc Vân Phong có lợi thế vượt trội, thu hút mạnh nguồn đầu tư, công nghệ cao, phương thức quản lý mới tiên tiến, hình thành khu vực tăng trưởng cao, tạo thêm nguồn lực và động lực, góp phần thúc đẩy nhanh phát triển và tái cơ cấu kinh tế cho tỉnh Khánh Hòa, vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước.

- Phương án này tập trung khu vực đồng bằng là chính, cơ sở hạ tầng tập trung phần lớn ở khu vực này nên chi phí đầu tư xây dựng sẽ ít tốn kém.

- Việc xây dựng tường rào làm ranh giới với các đơn vị bên ngoài theo quy định của mô hình đặc khu như một số nước sẽ thực hiện thuận lợi và đơn giản hơn.

##### **3.1.2. Khó khăn (06 khó khăn)**

- Phát sinh đơn vị hành chính cấp huyện mới (thêm đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong), sẽ gây áp lực ngân sách đầu tư hạ tầng; tăng chi tiêu công; tăng biên chế cán bộ, công chức cho đơn vị mới thành lập.



- Với phương án này, sẽ phải điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu vực phòng thủ trên địa bàn huyện Vạn Ninh, đơn vị hành chính – kinh tế Bắc Vân Phong được thành lập mới cũng phải nghiên cứu xây dựng khu vực phòng thủ để phù hợp với công tác quản lý quốc phòng an ninh tại địa bàn; sẽ khó khăn, phức tạp hơn trong việc xử lý các tình huống phát sinh về quốc phòng an ninh.

- Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính huyện Vạn Ninh để thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong. Huyện Vạn Ninh còn lại 38.783,55 ha (387 km<sup>2</sup>)/ quy định diện tích tự nhiên là 450 km<sup>2</sup> trở lên, dân số 78.474 người/quy định là 120.000 người trở lên và số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc 08/16 đơn vị, không đủ tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

- Phương án thành lập 02 đơn vị hành chính cấp xã mới trực thuộc huyện Vạn Ninh chỉ đạt tiêu chí về diện tích tự nhiên nhưng không đạt tiêu chí dân số thành lập xã mới theo quy định hiện hành.

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có diện tích đất liền nhỏ (17.399,62 ha); không có nhiều quỹ đất để đầu tư phát triển, nên vấn đề quy hoạch, hình thành các khu chức năng trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ hết sức khó khăn trong tương lai.

- Tạo tâm lý không ổn định trong nhân dân vì một bộ phận dân cư trước đây thuộc huyện Vạn Ninh quản lý nay lại do đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong quản lý nên một số công việc của nhân dân có liên quan đến hai chính quyền sẽ gặp nhiều khó khăn khi giải quyết. Và khả năng đồng thuận sẽ không cao khi lấy ý kiến cử tri về đề án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

### **3.2. Đối với phương án 2**

#### **3.2.1. Thuận lợi (07 thuận lợi)**

- Không làm phát sinh đơn vị hành chính cấp huyện mới, biên chế cán bộ, công chức không phải điều chỉnh tăng, đáp ứng tinh thần quán triệt không phát sinh tăng biên chế theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Với phương án này sẽ thuận lợi cho xây dựng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thành khu vực phòng thủ vững chắc, toàn diện cả về tiềm lực, thể trận; đảm bảo chủ động trong phòng ngừa chiến lược, cảnh giác, đầy lùi, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, xâm phạm an ninh quốc gia của Việt Nam; đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ

thống chính trị; phối hợp chặt chẽ giữa quân sự, công an, biên phòng, cảnh sát biển và các lực lượng khác chủ động nắm tình hình, kịp thời xử lý các tình huống về quốc phòng an ninh.

- Không phải xây dựng mới trụ sở làm việc của các cơ quan thuộc đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong và các Khu hành chính trực thuộc.

- Việc phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh nay là đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ gặp nhiều thuận lợi do có những chính sách, cơ chế đặc thù; có nhiều điều kiện để đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa khu vực này như mục tiêu đã đề ra.

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ có nhiều quỹ đất hơn để đầu tư phát triển, có nhiều không gian hơn để xây dựng, hình thành các khu chức năng bên trong.

- Việc quản lý sẽ nhiều thuận lợi vì chỉ chuyển đổi mô hình từ chính quyền cấp huyện bình thường sang chính quyền của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt nằm trọn trên một đơn vị hành chính cấp huyện sẵn có nên không xáo trộn nhiều đến tâm lý nhân dân.

- Dễ tạo đồng thuận trong nhân dân khi triển khai lấy ý kiến việc xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trên cơ sở toàn bộ huyện Vạn Ninh, vì lúc này không còn phân biệt người dân bên ngoài hay bên trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

### 3.2.2. Khó khăn (02 khó khăn)

- Đường Quốc lộ 1, đường sắt Bắc Nam đi ngang qua đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong nên sẽ khó khăn trong việc quản lý dân cư và quản lý thị thực đối với người nước ngoài đến sinh sống, làm việc trong đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Cần phải có hệ thống giải pháp đồng bộ, hữu hiệu từ thể chế, chính sách bao gồm: Mô hình tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; chính sách, chế độ bổ nhiệm, tuyển dụng, sa thải, tiền lương linh hoạt; kinh phí giải quyết chế độ, chuyển tìm việc làm mới cho đối tượng dôi dư, không đủ chuẩn trong hệ thống chính trị cấp xã, cấp huyện.

### **3.3. Phương án lựa chọn về việc thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa**

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn của 2 phương án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa nêu

trên (phương án 1 có: 03 thuận lợi; 06 khó khăn, thách thức; phương án 2 có: 07 thuận lợi; 02 khó khăn, thách thức) và căn cứ vào quá trình xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân phong, trước đây tỉnh Khánh Hòa đã xây dựng phương án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh (phương án 1) nhưng sau khi nghiên cứu, rà soát và học hỏi mô hình thành lập các Đặc khu hành chính – kinh tế tại Trung Quốc do Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trưởng đoàn đã phát sinh những yếu tố mới về diện tích, không gian phát triển Đặc khu hành chính – kinh tế sau này khi áp dụng tại nước ta nói chung và trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nói riêng.

Sau buổi khảo sát thực tế tại khu vực Bắc Vân Phong và làm việc với lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa vào ngày 25/9/2017, đồng chí Uông Chu Lưu – Phó Chủ tịch Quốc hội đã ủng hộ đề xuất của tỉnh về điều chỉnh phương án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng dự thảo Đề án, Bộ Nội vụ cũng đã góp ý với tỉnh theo hướng thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số huyện Vạn Ninh.

Từ những lý do nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa lựa chọn phương án 2 là thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

*(Có Phụ lục 4 về Bản đồ địa giới hành chính huyện Vạn Ninh và Phụ lục 5 về Bản đồ thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thuộc tỉnh Khánh Hòa)*

## **Phần IV**

# **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VIỆC THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH - KINH TẾ ĐẶC BIỆT**

## **BẮC VÂN PHONG**

### **1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG**

#### **1.1. Định hướng phát triển ngành nghề**

Trên cơ sở phân tích tiềm năng, lợi thế của khu vực Bắc Vân Phong trong mối quan hệ với tỉnh Khánh Hòa nói riêng và khu vực Nam Trung Bộ và cả nước nói chung, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong xác định các ngành nghề trọng tâm ưu tiên phát triển gồm: Dịch vụ vận tải biển; dịch vụ thương mại – tài chính; dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục; công nghệ cao, điện tử, cơ khí chính xác. Cụ thể:

##### **1.1.1. Dịch vụ vận tải biển**

- Đầu tư phát triển cảng biển hàng hoá, hành khách quốc tế.
- Dịch vụ cảng biển.

##### **1.1.2. Dịch vụ Thương mại - tài chính**

- Trung tâm thương mại - tài chính,
- Dịch vụ ngân hàng, quỹ đầu tư tài chính.

##### **1.1.3. Dịch vụ du lịch; y tế, giáo dục**

- Dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí tổng hợp có casino.
- Khu đô thị, Khách sạn, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng cao cấp có tích hợp cho cư trú từ 5 sao trở lên.

- Bến du thuyền quốc tế.
- Dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao.

##### **1.1.4. Công nghệ cao**

- Sản xuất sản phẩm phần mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, dịch vụ phần mềm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin, bảo vệ an toàn thông tin theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.

- Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Sản xuất năng lượng mới, sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

- Sản xuất ô tô, phụ tùng ô tô, đóng tàu.

- Sản xuất phụ kiện, linh kiện điện tử, cụm chi tiết điện tử; Các sản phẩm trong lĩnh vực y dược.

- Công nghệ cao phục vụ công nghiệp quốc phòng.

- Công nghệ vật liệu xây dựng mới.

- Công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ cao.

- Công nghệ giám sát đại dương, công nghệ công trình biển, công nghệ lặn biển, công nghệ khai thác biển sâu, công nghệ hàng hải, công nghệ sinh học biển.

- Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng các khu công nghệ cao, trung tâm công nghệ cao, công viên khoa học /đô thị khoa học công nghệ cao,...

Lộ trình phát triển dự kiến:

	<b>Giai đoạn 2018-2025</b>	<b>Giai đoạn 2025-2030</b>	<b>Giai đoạn sau 2030</b>
<b>Dịch vụ vận tải biển</b>	Đầu tư xây dựng cảng biển hàng hoá. Đầu tư xây dựng cảng hành khách quốc tế	Vận chuyển hành khách quốc tế; Phát triển các ngành dịch vụ cảng biển .	Phát triển và tối ưu hóa các ngành nghề dịch vụ vận tải biển
<b>Dịch vụ thương mại – tài chính</b>	Xây dựng các trung tâm thương mại - tài chính.	Phát triển các ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng. Thu hút các quỹ đầu tư tài chính quốc tế.	Phát triển các loại hình tài chính, chứng khoán, đầu tư mạo hiểm, ...

<p><b>Dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục</b></p>	<p>Xây dựng các khu đô thị, khách sạn, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng cao cấp có tích hợp cho cư trú từ 5 sao trở lên.</p> <p>Khu phức hợp dịch vụ, du lịch và vui chơi, giải trí có casino;</p> <p>Xây dựng bệnh viện, trường học quốc tế.</p>	<p>Phát triển bến du thuyền quốc tế;</p> <p>Phát triển dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao.</p>	<p>Phát triển và tối ưu hóa các ngành dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục.</p>
<p><b>Công nghệ cao</b></p>	<p>Đầu tư xây dựng phát triển các mô hình: khu công nghệ cao, trung tâm công nghệ cao, công viên khoa học /đô thị khoa học công nghệ cao...</p> <p>Sản xuất sản phẩm phần mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, dịch vụ phần mềm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin, bảo vệ an toàn thông tin theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.</p> <p>Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Sản xuất năng lượng mới, sản phẩm tiết kiệm năng lượng.</p> <p>Sản xuất ô tô, phụ tùng ô tô, đóng tàu.</p> <p>Sản xuất phụ kiện, linh kiện điện tử, cụm chi tiết điện tử; Các sản phẩm trong lĩnh vực y dược.</p>	<p>Phát triển các ngành:</p> <p>Công nghệ cao phục vụ công nghiệp quốc phòng</p> <p>Công nghệ vật liệu xây dựng mới.</p> <p>Công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>Công nghệ giám sát đại dương, công nghệ công trình biển, công nghệ lặn biển, công nghệ khai thác biển sâu, công nghệ hàng hải, công nghệ sinh học biển</p> <p>Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ cao;</p>	<p>Phát triển hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo, chuyển giao công nghệ và sản xuất sản phẩm, thiết bị trong lĩnh vực công nghệ cao;</p>

## **1.2. Định hướng quy hoạch không gian phát triển**

### **1.2.1. Dự báo quy mô dân số**

- Đến năm 2020: Tổng quy mô dân số của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt là khoảng 150.000 người, trong đó, dân số tại các khu vực xây dựng tập trung là 50.000 người.

- Đến năm 2030: Tổng quy mô dân số là 500.000 người; trong đó, dân số tại các khu vực xây dựng tập trung là 200.000 người.

- Đến năm 2050: Tổng quy mô dân số là 1.000.000 người; trong đó, dân số tại các khu vực xây dựng tập trung là 600.000 người.

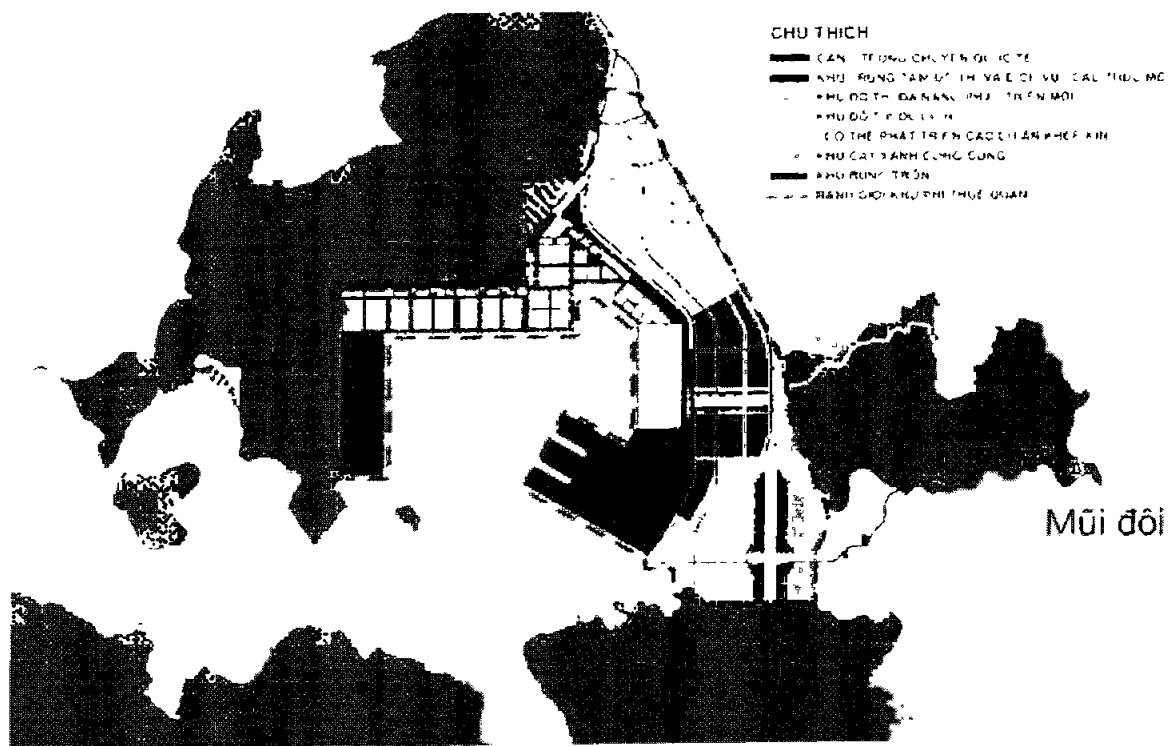
### **1.2.2. Định hướng không gian phát triển**

#### **1.2.2.1. Khu vực bán đảo Hòn Gốm**

- Ưu tiên phát triển dịch vụ cảng biển và Logistic trở thành khu vực đầu mối về cảng biển và dịch vụ Logistic quốc tế, trong đó tập trung phát triển cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong với chức năng trung chuyển hành hoá container, sản phẩm dầu khí và hàng hoá khác. Tại khu vực này cũng xây dựng bến cảng trung chuyển khách quốc tế; khu trung tâm thương mại tại phía Đông cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong. Khu vực này được định hướng thành khu phí thuế quan.

- Phát triển các khu dịch vụ tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế để trở thành Trung tâm tài chính quốc tế, với mục tiêu tạo cơ chế thuận lợi cho sự thành lập, hoạt động để thu hút các tổ chức tài chính: Ngân hàng, quỹ đầu tư tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, nhà cung cấp dịch vụ tài chính và ngân hàng,....

- Phát triển dịch vụ du lịch cao cấp, công nghiệp giải trí hiện đại và các dịch vụ liên quan bao gồm: Các khu resort nghỉ dưỡng cao cấp tích hợp cho cư trú; casino và các khu trò chơi và thể thao quy mô lớn, hiện đại; bến du thuyền quốc tế; các dịch vụ bất động sản cho người nước ngoài và Việt Nam.



Hình 13. Sơ đồ định hướng khu phi thuế quan

#### 1.2.2.2. Đảo Hòn Lớn

Phát triển dịch vụ du lịch sinh thái cao cấp và dịch vụ casino.

#### 1.2.2.3. Khu vực Cổ Mã - Tu Bông

- Phát triển hệ thống các cơ sở y tế, giáo dục chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế để thu hút và liên kết với các trường đại học, trường đào tạo nghề, các cơ sở y tế của các nước phát triển như Mỹ, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

- Phát triển các cơ sở dịch vụ khoa học công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường cùng với các dịch vụ sở hữu trí tuệ và đăng ký kinh doanh, để tạo lập thị trường khoa học công nghệ cao tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, cung cấp cho quốc gia và khu vực.

#### 1.2.2.4. Khu vực Vạn Giã và vùng phụ cận phía Nam

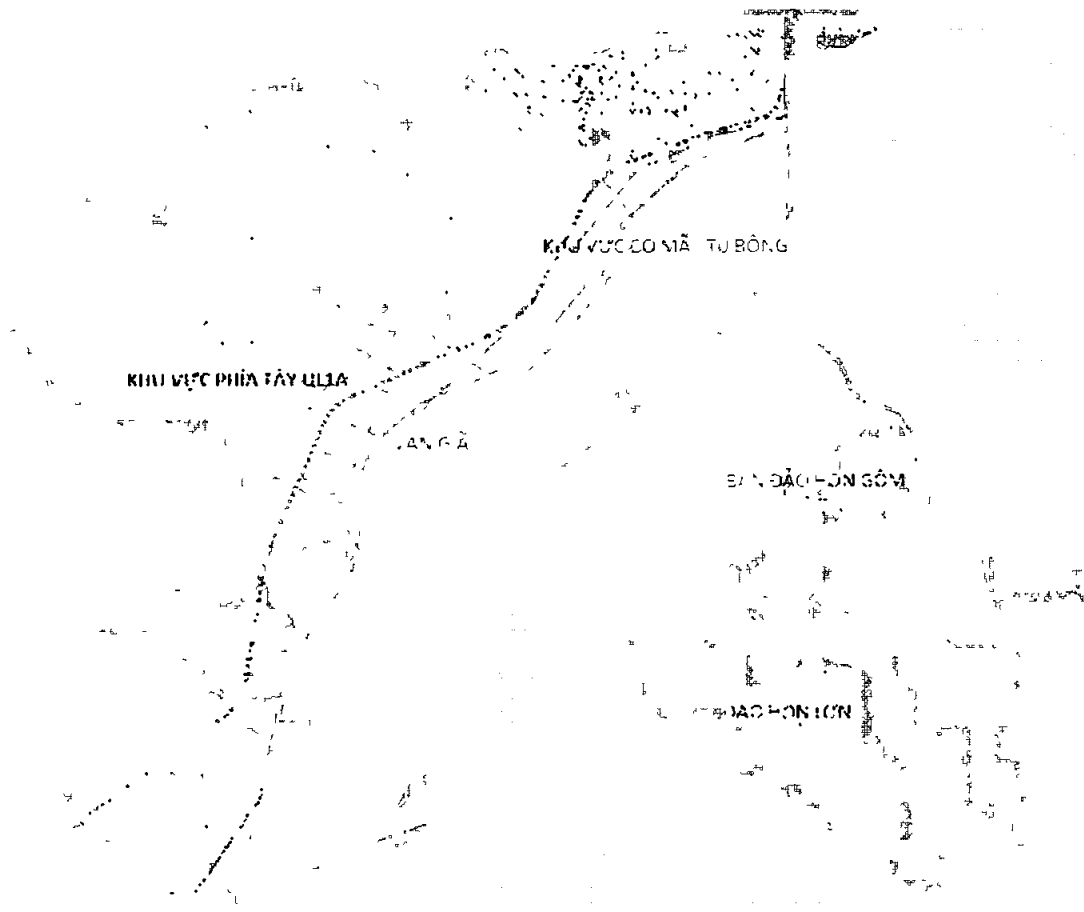
- Chính trang và phát triển Vạn Giã thành đô thị và dịch vụ công nghệ cao kết hợp với các khu đô thị sinh thái đan xen với khu rừng ngập mặn, các không gian cây xanh, mặt nước.

- Phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao để sản xuất, lắp ráp, ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ cao.

#### 1.2.2.5. Khu vực phía Tây quốc lộ 1A

Phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng các sản phẩm khoa học nông nghiệp công nghệ cao.





Hình 14. Sơ đồ định hướng các khu vực phát triển

## 2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

### 2.1. Tổng quan

Phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trên cơ sở tập trung các giải pháp nhằm tăng cường liên kết quốc tế với các đối tác nước ngoài và các đặc khu kinh tế trên thế giới để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu nhằm khai thác thị trường thế giới. Tập trung phát triển các ngành nghề đặc thù đáp ứng xu thế phát triển của thế giới và phù hợp thế mạnh của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong; Xây dựng đồng bộ chiến lược phát triển cho đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài.

### 2.2. Chiến lược phát triển cụ thể

**2.2.1. Chiến lược 1. Tập trung thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng kỹ thuật quan trọng có tính chiến lược kết nối quốc gia và quốc tế như: Cảng biển, đường bộ, đường sắt,...**

2.2.1.1. Giải pháp 1: Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để liên kết đầu tư phát triển cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong với mục tiêu trở thành một trong những đầu mối phát triển về cảng biển trung chuyển và dịch vụ logistic của khu vực và quốc tế. Cụ thể:

- Tổ chức rà soát, nghiên cứu quy hoạch khu vực cảng trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt bảo đảm tính kết nối, hỗ trợ, bổ sung và gắn kết chặt chẽ với các khu chức năng sản xuất công nghiệp để phát triển.

- Khuyến khích thu hút liên doanh, liên kết để xây dựng cảng, tìm kiếm các liên kết chiến lược với các công ty vận tải biển quốc tế mà hiện tại chưa có cảng trung chuyển trong khu vực Đông Nam Á để thu hút dưới dạng khách hàng khởi đầu; thu hút các hãng tàu lớn trên thế giới sử dụng Vân Phong làm trung tâm hoạt động hàng hoá của mình.

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình quản lý cảng hiện đại để quản lý, khai thác cảng hiệu quả.

2.2.1.2. Giải pháp 2: Phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt hiện đại kết nối thông suốt giữa các vùng kinh tế động lực của cả nước như vùng duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, các tuyến kinh tế,... kể cả tuyến hành lang kinh tế Đông Tây kết nối các quốc gia như Lào, Campuchia trên bán đảo Đông Dương với cảng Vân Phong để tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hoá nội địa và xuất nhập khẩu.

2.2.1.3. Giải pháp 3: Phát triển trung tâm thương mại - tài chính và khu dịch vụ hậu cần cảng để thu hút, hỗ trợ, phát triển các dịch vụ liên quan đến cảng.

- Phát triển dịch vụ logistic giá trị gia tăng, đóng và rút hàng, sửa chữa và bảo trì container,...

- Thu hút các hoạt động tài chính, ngân hàng, các tiện ích khác để đáp ứng các dịch vụ liên quan của cảng.

**2.2.2. Chiến lược 2. Tạo lập các điều kiện cần và đủ để phát triển thị trường khoa học học kỹ thuật công nghệ cao tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế bền vững**

2.2.2.1. Giải pháp 1: Thu hút, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng trình độ phát triển công nghệ cao; tạo môi trường làm việc thuận lợi để tập trung nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao thành tựu khoa học công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý, an ninh quốc phòng để góp phần nhanh chóng nâng cao trình độ công nghệ của quốc gia.

Thu hút các viện nghiên cứu, các trường đại học, trường đào tạo nghề, các cơ sở y tế hàng đầu tại các quốc gia phát triển như: Nhật Bản, Mỹ, Pháp, Hàn Quốc,... nhằm tạo lập đội ngũ, lực lượng khoa học và công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế.

2.2.2.2. Giải pháp 2: Tạo môi trường thuận lợi để đội ngũ, lực lượng các nhà khoa học tham gia nghiên cứu khoa học thông qua phát triển các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ cao, công nghệ xanh trên các lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp, dân sự, an ninh, quốc phòng.

2.2.2.3. Giải pháp 3: Phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm công nghệ cao, công viên khoa học /đô thị khoa học công nghệ cao,...trong các lĩnh vực: Điện tử, cơ khí chính xác, công nghệ thông tin, y dược, công nghệ cao phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghệ vật liệu xây dựng mới, công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ hải dương.

2.2.2.4. Giải pháp 4: Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích thúc đẩy phát triển khoa học kỹ thuật cao phù hợp với ngành nghề đặc thù là thế mạnh của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

**2.2.3. Chiến lược 3. Phát triển dịch vụ tài chính hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế để tập trung thu hút nguồn tài chính nước ngoài cho lĩnh vực khoa học công nghệ cao và hỗ trợ các dịch vụ liên quan phát triển cảng biển quốc tế tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt**

2.2.3.1. Giải pháp 1: Xây dựng trung tâm tài chính để kết nối với các tổ chức tài chính và các quỹ đầu tư phát triển công nghệ của thế giới là nhân tố đưa đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trở thành một trong những trung tâm sản xuất và xuất khẩu công nghệ của thế giới, tạo đột phá về giá trị gia tăng cho nền kinh tế Việt Nam.

2.2.3.2. Giải pháp 2: Thành lập quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, đây là động lực cho sự phát triển đột phá về khoa học công nghệ, lực lượng sản xuất hiện đại, tạo đột phá trong nền kinh tế tri thức, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng.

**2.2.4. Chiến lược 4. Tạo điều kiện thuận lợi thu hút các chuyên gia, nhà nghiên cứu khoa học, nhà quản lý quốc tế nhất là lực lượng người Việt ở nước ngoài đến sinh sống và làm việc lâu dài tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt**

2.2.4.1. Giải pháp 1: Tạo điều kiện về cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, quản lý cũng như môi trường làm việc độc lập và các chính sách ưu đãi về thu nhập và thuế thu nhập để các nhà khoa học, quản lý, chuyên gia an tâm làm việc lâu dài tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

2.2.4.2. Giải pháp 2: Phát triển các khu đô thị sinh thái; các khu resort nghỉ dưỡng cao cấp, khu phức hợp thương mại vui chơi, giải trí cao cấp, các trung tâm dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe, cơ sở giáo dục, đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế để nâng cao đời sống vật chất và dân trí cho người dân tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

**2.2.5. Chiến lược 5. Phát triển giáo dục, y tế chất lượng cao, hiện đại phù hợp với xu thế, tiêu chuẩn khu vực và quốc tế; kết hợp phát triển các ngành nghề mũi nhọn để tập trung hỗ trợ, thúc đẩy phát triển đồng bộ, toàn diện đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong**

2.2.5.1. Giải pháp 1: Tạo cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội để thu hút sự tập trung các trường đại học, các cơ sở giáo dục - đào tạo quốc tế, viện nghiên cứu từ các quốc gia phát triển nhằm thu hút sinh viên trong nước, quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển và phục vụ cho cư dân sinh sống và làm việc trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

2.2.5.2. Giải pháp 2: Phát triển các dịch vụ y tế chất lượng cao để nâng cao hệ thống, điều kiện chăm sóc sức khỏe cho dân cư sinh sống và làm việc tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong; kết hợp phát triển dịch vụ du lịch để đa dạng hoá các loại hình sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe nhằm thu hút nhiều du khách đến với đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

**2.3. Ngành nghề ưu tiên phát triển**

**2.3.1. Xác định lĩnh vực ngành nghề kinh tế mũi nhọn**

Trên cơ sở phân tích các tiềm năng, lợi thế khác biệt và định hướng phát triển của quốc gia và tỉnh Khánh Hòa, mô hình phát triển kinh tế cho đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được xây dựng trên 04 lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên phát triển:

<b>Dịch vụ vận tải biển</b>	- Đầu tư phát triển cảng biển hàng hoá, hành khách quốc tế. - Dịch vụ cảng biển
-----------------------------	--

<b>Dịch vụ Thương mại - tài chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm thương mại-tài chính,</li> <li>- Dịch vụ ngân hàng, quỹ đầu tư tài chính.</li> </ul>
<b>Dịch vụ du lịch; y tế, giáo dục</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí tổng hợp có casino.</li> <li>2. Khu đô thị, Khách sạn, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng cao cấp có tích hợp cho cư trú từ 5 sao trở lên.</li> <li>3. Bến du thuyền quốc tế;</li> <li>4. Dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao.</li> </ol>
<b>Công nghệ cao</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sản xuất sản phẩm phần mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, dịch vụ phần mềm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin, bảo vệ an toàn thông tin theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.</li> <li>2. Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>3. Sản xuất năng lượng mới, sản phẩm tiết kiệm năng lượng.</li> <li>4. Sản xuất ô tô, phụ tùng ô tô, đóng tàu.</li> <li>5. Sản xuất phụ kiện, linh kiện điện tử, cụm chi tiết điện tử; Các sản phẩm trong lĩnh vực y dược.</li> <li>6. Công nghệ cao phục vụ công nghiệp quốc phòng</li> <li>7. Công nghệ vật liệu xây dựng mới.</li> <li>8. Công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp.</li> <li>9. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ cao;</li> <li>10. Công nghệ giám sát đại dương, công nghệ công trình biển, công nghệ lặn biển, công nghệ khai thác biển sâu, công nghệ hàng hải, công nghệ sinh học biển.</li> <li>11. Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng các khu công nghệ cao, trung tâm công nghệ cao, công viên khoa học /đô thị khoa học công nghệ cao...</li> </ol>

*Bảng 1. Các ngành nghề ưu tiên phát triển tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong*

Việc lựa chọn lĩnh vực ngành nghề trọng tâm ưu tiên phát triển trên được xác định dựa trên thực trạng, khả năng và cơ hội của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong. Phân tích các điểm mạnh yếu cũng như cơ hội, thách

thức (SWOT) của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được tổng kết như sau:

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa kinh tế chiến lược để phát triển chiến lược biển Việt Nam: (1) khu vực cực Đông trên đất liền của Việt Nam; (2) gần với các tuyến hàng hai quốc tế sôi động qua khu vực Châu Á-Thái Bình Dương; (3) khu vực tâm điểm toả đến các trung tâm kinh tế lớn của khu vực;</li> <li>- Điều kiện tự nhiên đặc biệt thuận lợi: (1) vùng Vịnh Vân Phong kín gió, có độ sâu trung bình 20-30m; (2) co địa hình, hệ sinh thái biển, đảo phong phú đa dạng; nhiều bãi biển hoang sơ, thắng cảnh đẹp; khí hậu ôn hòa, ít bão, môi trường trong lành, không bị ô nhiễm. Mùa nắng dài: 10 tháng; mùa mưa ngắn: 2 tháng cuối năm.</li> <li>- Dễ dàng kết nối hạ tầng giao thông chiến lược của quốc gia để kết nối các vùng kinh tế thuộc hành lang kinh tế Bắc-Nam và Đông-Tây (vùng Tây Nguyên) như: Quốc Lộ 1A, Quốc Lộ 26, Đường Sắt Bắc-Nam, đường hàng không;</li> <li>- Diện tích đất có thể xây dựng rộng, ít bị chia cắt, mật độ dân thấp, giải phóng mặt bằng thuận lợi.</li> <li>- Vị trí trọng yếu về an ninh quốc phòng;</li> <li>- Chi phí nhân công vừa phải</li> <li>- Quyết tâm của lãnh đạo và nhân dân địa phương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện trạng hạ tầng chưa phát triển: thiếu các trung tâm giải trí, thể thao, mua sắm; thiếu nhà ở chất lượng tốt cho chuyên gia, nhân viên; một số công trình hạ tầng kỹ thuật cấp thiết như cấp nước, xử lý môi trường... còn thiếu, chưa hoàn thiện;</li> <li>- Thiếu nhân lực chất lượng cao: không có trường đại học, trường đào tạo nghề nổi tiếng trong khu vực; chưa có cơ chế để thu hút tài năng từ các khu vực khác.</li> <li>- Chưa có ngành nghề kinh tế phát triển nổi trội;</li> <li>- Tốc độ đô thị hoá thấp;</li> <li>- Bộ máy hành chính hiệu quả chưa cao.</li> </ul>
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia phát triển dịch vụ vận tải biển và logistics quốc tế;</li> <li>- Đa dạng hoá các dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khoẻ, vui chơi giải trí;</li> <li>- Phát triển năng lượng tái tạo đáp ứng nhu cầu điện có hiệu suất đầu tư cao;</li> <li>- Là một trong ba đơn vị HC-KT đặc biệt;</li> <li>- Nhiều nhà đầu tư nước ngoài khảo sát và đánh giá cao khả năng hội đủ các điều kiện lý tưởng về vị trí địa lý để xây dựng một đặc khu tại đây;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn nhân lực được đào tạo thấp;</li> <li>- Hạ tầng cơ sở du lịch tại chỗ còn thiếu</li> <li>- Phương tiện vận chuyên chưa đáp ứng</li> <li>- Áp dụng công nghệ chưa được phổ biến rộng rãi.</li> <li>- Chưa có lõi phát triển trung tâm đô thị</li> <li>- Quy mô doanh nghiệp nhỏ và ít</li> </ul>

Bảng 2. Phân tích SWOT tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

## 2.3.2. Căn cứ, điều kiện và thực trạng để phát triển lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên

### 2.3.2.1. Sự cần thiết phải kết hợp 4 lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên

Tầm nhìn và định hướng phát triển của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong đảm bảo yêu cầu tham gia kết nối quốc tế nhằm tăng cường liên kết với các đối tác chiến lược nước ngoài, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, chuỗi các đặc khu kinh tế trong khu vực để cùng khai thác thị trường thế giới; kết hợp chiến lược phát triển trong ngắn hạn và dài hạn để bổ sung hỗ trợ phát triển trong từng thời kỳ. Như vậy, các ngành nghề kinh tế được lựa chọn ưu tiên phát triển không chỉ mang lại lợi ích kinh tế và tăng trưởng kinh tế mà còn phù hợp với xu hướng, nhu cầu của thế giới, cùng hỗ trợ hướng đến thực hiện thành công mục tiêu phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt và thực hiện chiến lược biển Việt Nam. Các ngành nghề về vận tải biển quốc tế, công nghệ cao vẫn là xu thế trong tương lai, ngược lại các ngành nghề mũi nhọn về điện tử, cơ khí chính xác, tài chính, thương mại, dịch vụ du lịch mang tính hỗ trợ tích cực cả trong ngắn hạn và dài hạn.

Nghiên cứu về các đặc khu khác có tính cạnh tranh trong khu vực, nếu chỉ phát triển riêng từng ngành nghề trên thì sẽ khó thành công vì các đặc khu này đều đang ở trình độ phát triển rất tốt như Jeju (Hàn Quốc), Hải Nam (Trung Quốc), Mandalika (Indonesia),... hoặc đi đầu về phát triển dịch vụ, công nghệ cao như Singapore, Incheon (Hàn Quốc), Chu Hải và Thâm Quyển (Trung Quốc),... Do đó, việc kết hợp 4 mũi nhọn dịch vụ vận tải biển và logistics, thương mại - tài chính, dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục cao cấp và công nghệ cao là tất yếu để có thể phát triển thành công đặc khu, thực hiện thành công chiến lược liên kết phát triển để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, chuỗi các đặc khu kinh tế trong khu vực.

### 2.3.2.2. Luận cứ về sự phù hợp của mỗi lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên

- Cảng biển trung chuyển hàng hoá và logistics quốc tế được xác định là một mũi nhọn kinh tế dựa trên cơ sở phân tích lợi thế của Bắc Vân Phong trước đó (phần hiện trạng) và bảng phân tích SWOT.

Với lợi thế chiến lược về vị trí địa lý, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển cảng biển trung chuyển hàng hoá và dịch vụ logistics quốc tế. Mặc dù hiện nay thị trường vận tải biển quốc tế vẫn còn khó khăn và cạnh tranh quyết liệt, tuy nhiên xu thế chung của vận tải biển quốc tế trong thời gian tới là tiến tới sáp nhập thành các tập đoàn vận tải lớn cùng với việc đóng các đội tàu có năng lực vận tải rất lớn nên cần các cảng biển lớn với mực nước sâu để tăng hiệu quả chuyên chở hàng hoá. Vì vậy, trong

ngắn hạn việc phát triển thêm cảng biển trung chuyển hàng hoá quốc tế tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có thể gặp khó khăn, nhưng về dài hạn là hướng đi phù hợp với xu thế thế giới và chiến lược biển Việt Nam.

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí tốt, diện tích rộng</li> <li>- Cảng nước sâu, khả năng tiếp nhận tàu đến 400.000 DWT</li> <li>- Gần tuyến luồng hàng hải quốc tế, kết nối với Hong Kong và Singapore</li> <li>- Không cần đầu tư nhiều (không nạo vét, không dè chắn sóng)</li> <li>- Thời gian khai thác lâu dài (có thể đến 99 năm)</li> <li>- Có khả năng phát triển khu chế xuất và các khu công nghiệp, khu công nghệ cao xung quanh vịnh Vân Phong có kết nối tốt với cảng</li> <li>- Có sự ủng hộ từ Chính Phủ, sự hỗ trợ tốt từ địa phương.</li> <li>- Gần sân bay Cam Ranh; sân bay Tuy Hoà</li> <li>- Cách Nha Trang từ 40-100km là địa điểm sinh sống hấp dẫn với trường quốc tế và các trường đại học .</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạn chế các hoạt động liên kết vùng (khu sản xuất và thị trường tiêu dùng)</li> <li>- Thiếu các dịch vụ liên quan tới cảng (ngân hàng, bệnh viện, các tiện ích khác...)</li> <li>- Chưa có khách hàng</li> <li>- Việc tạm dừng của Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong thời gian qua gây ảnh hưởng tâm lý tiêu cực.</li> <li>- Các hãng tàu container chưa trực tiếp quan tâm (Maersk, APL/NOL, Evergreen đã có cảng tại Tanjung Pelapas, Singapore và Kaochung)</li> </ul>
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích không hạn chế để xây dựng trung tâm container theo tiêu chuẩn thế giới;</li> <li>- Có tiềm năng thành lập một cơ quan quản lý cảng chịu trách nhiệm cho khu vực cảng và SEZ-đặc khu kinh tế;</li> <li>- Cơ hội giới thiệu mô hình kinh doanh cho thuê cảng “landlord”, cảng phí do chính quyền cảng thu, được sử dụng trong việc đầu tư ở cảng và EZ - Khu kinh tế (có tiềm năng thành lập liên doanh);</li> <li>- Thu hút được các ngành công nghiệp mới trong khu vực, dẫn đến tạo ra được lượng hàng hoá xuất nhập khẩu lưu thông;</li> <li>- Nhà đầu tư nước ngoài thể hiện sự quan tâm (tập đoàn Zuru);</li> <li>- Công ty TNHH Cảng Vân Phong đang triển khai giai đoạn mở đầu Bến cảng tổng hợp Bắc Vân Phong.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính khả thi về mặt tài chính và thương mại của dự án;</li> <li>- Thiếu sự tập trung của chính phủ trong việc quy hoạch cảng biển ở Việt Nam (chỉ có diện tích cho 1 cảng trung chuyển quốc tế);</li> <li>- Sự phát triển cảng ở phía bắc và phía nam (Cái Mép và Lạch Huyện) và các cam kết kèm theo;</li> <li>- Phát triển một cảng trung chuyển lớn cần sự tập trung dài hạn;</li> <li>- Hiện tại, các cảng container quốc tế trong khu vực như Singapore (tuyến bắc - nam, tuyến đông - tây) Tanjung Pelapas, Hong Kong, Kaochung có sức ảnh hưởng lớn và rất mạnh;</li> <li>- Việc phát triển kinh tế tại Việt Nam được tập trung chủ yếu ở phía Bắc (Hà Nội - Hải</li> </ul>



*Bảng 3. Phân tích SWOT cảng biển*

- Dịch vụ tài chính, thương mại là những dịch vụ liên quan trực tiếp đến cảng và không thể thiếu để hỗ trợ hoạt động cảng. Ngoài ra, đây cũng là các yếu tố quan trọng để thu hút tài chính hỗ trợ hiệu quả cho một trong những ngành mũi nhọn khác trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt là khoa học kỹ thuật công nghệ cao để trở thành một trong những khu vực sản xuất và xuất khẩu công nghệ từ đó tạo sự đột phá trong tăng trưởng nền kinh tế, đột phá về giá trị gia tăng của nền kinh tế Việt Nam. Do đó, cần thiết hình thành tại khu vực này một trung tâm thương mại - tài chính.

- Dịch vụ du lịch được xác định là một mũi nhọn kinh tế dựa trên cơ sở phân tích lợi thế của Bắc Vân Phong trước đó (phần hiện trạng) và bảng phân tích SWOT. Việc làm tăng thời gian lưu trú và chi tiêu cho khách du lịch cao cấp tại Bắc Vân Phong mang đến cho du khách những trải nghiệm cá nhân độc đáo, sử dụng dịch vụ du lịch cao cấp, nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khỏe đang và sẽ là xu hướng của nhóm du khách có thu nhập cao. Khu dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp cao cấp có casino, sân golf, tổ chức các sự kiện khoa học công nghệ sẽ góp phần thúc đẩy và phát triển dịch vụ - du lịch của tỉnh, vùng và quốc gia.

<b>ĐIỂM MẠNH</b>	<b>ĐIỂM YẾU</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Có địa hình, hệ sinh thái biển, đảo phong phú đa dạng;</li><li>- Là một trong 3 vịnh biển đẹp của Khánh Hoà và cả nước: Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh</li><li>- Nhiều bãi biển hoang sơ, cảnh quan đẹp, nhiều danh thắng nổi tiếng như: Đại Lãnh, Hòn Đồi-Mũi Đồi...</li><li>- Khí hậu ôn hòa, ít bão, môi trường trong lành, chưa bị ô nhiễm. Nhiệt độ trung bình lý tưởng khoảng 26,50C</li><li>- Mùa nắng dài: 10 tháng; mùa mưa ngắn 2 tháng cuối năm.</li><li>- Nguồn thực phẩm hải sản phong phú, đa dạng, giá trị dinh dưỡng cao;</li><li>- Thuộc tỉnh Khánh Hoà, gần Trung tâm đô thị du lịch tp. Nha Trang, là địa phương có thế mạnh về phát triển du lịch quốc tế và mức tăng trưởng du</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hiện trạng hạ tầng chưa phát triển: thiếu các trung tâm giải trí, thể thao, mua sắm; thiếu nhà ở chất lượng tốt cho chuyên gia, nhân viên</li><li>- Không có trường đại học, trường đào tạo nghề, viện nghiên cứu khoa học nổi tiếng trong khu vực; chưa có cơ chế để thu hút tài năng từ các khu vực khác.</li><li>- Tốc độ đô thị hoá thấp</li><li>- Dịch vụ chất lượng thấp, chưa đa dạng và san phẩm chưa đặc sắc</li><li>- Kết nối hoạt động kinh tế rời rạc</li><li>- Bộ máy hành chính hiệu quả chưa cao</li></ul>

lịch cao - Gần sân bay Tuy Hoà-Phú Yên - Đang có sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư lớn; - Cam kết đổi mới của lãnh đạo	
<b>CƠ HỘI</b>	<b>THÁCH THỨC</b>
- Nằm trong vùng liên kết du lịch trọng điểm Duyên hải Miền trung và chuỗi kết nối du lịch trọng điểm của Khánh Hoà gồm: Nha Trang, Cam Ranh, Vân Phong; - Đa dạng hoá các gói dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khoẻ, hội nghị, hội thảo quốc tế. - Là một trong ba đơn vị HC-KT đặc biệt; - Lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược phù hợp;	- Nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực dịch vụ du lịch còn hạn chế; - Hạ tầng cơ sở du lịch và dịch vụ hỗ trợ còn thiếu; - Phương tiện vận chuyển chưa đáp ứng - Chưa kết nối chặt chẽ với các vùng phát triển du lịch trọng điểm lân cận như: Nha Trang, Cam Ranh - Áp dụng công nghệ chưa được phổ biến rộng rãi. - Quy mô doanh nghiệp nhỏ và ít

*Bảng 4. Phân tích SWOT du lịch*

- Công nghiệp công nghệ cao, là xu thế phát triển của thế giới mà nhiều quốc gia đều hướng đến. Đây cũng là chủ trương, định hướng phát triển của Đảng về khoa học kỹ thuật nhằm tiến tới đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quản lý và quốc phòng an ninh để nhanh chóng nâng cao trình độ công nghệ của đất nước góp phần đưa đất nước phát triển mạnh và bền vững, từng bước hình thành một nền khoa học công nghệ hiện đại của Việt Nam có khả năng giải quyết những vấn đề then chốt được đặt ra trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế. Phát triển ngành nghề mũi nhọn khoa học công nghệ cao là cơ hội để thúc đẩy liên kết quốc tế để có thể tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Do vậy, việc lựa chọn công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất năng lượng, tự động hóa, an ninh quốc phòng, công nghệ thông minh, kỹ thuật số, công nghệ sinh học, thông tin truyền thông là lựa chọn phù hợp.

Ngoài ra, Bắc Vân Phong với thế mạnh về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển nên việc tập trung lựa chọn công nghệ hải dương (giám sát đại dương, công trình biển, lặn biển, khai thác khoáng sản biển sâu, hàng hải, sinh học) là hướng lựa chọn phù hợp với thế mạnh đặc thù của Bắc Vân Phong. Đây cũng là một trong những cơ sở để thực hiện thành công chiến lược biển Việt Nam.

Đối với ngành điện tử, cơ khí chính xác cũng là những ngành nghề phù hợp trong giai đoạn trước mắt để tạo sức thu hút ban đầu cho Bắc Vân Phong trong điều kiện phát triển hạ tầng còn rất hạn chế, xuất phát điểm còn thấp so với các đặc khu khác trong nước và quốc tế.

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là đô thị mới phát triển, nhiều cơ hội lựa chọn đầu tư công nghiệp mũi nhọn;</li> <li>- Tỉnh có nhiều trường đại học, viện nghiên cứu tâm cỡ cả nước và khu vực nên có đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ cơ bản, nhất là KHKT biển;</li> <li>- Tỉnh quyết tâm phát triển công nghiệp CNC trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;</li> <li>- Có vị trí biên chiến lược cùng các điều kiện phù hợp để phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ hải dương;</li> <li>- Có vị trí địa bàn chiến lược về an ninh quốc phong của cả nước;</li> <li>- Là một trong 3 Đặc khu HC-KT với cơ chế, chính sách vượt trội</li> <li>- Được Trung ương và địa phương ủng hộ tích cực cho kế hoạch ứng dụng phát triển CNC;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn nhân lực công nghệ chất lượng cao tại chỗ chưa nổi trội;</li> <li>- Thiếu hạ tầng và cơ sở nghiên cứu tại chỗ</li> <li>- Nguồn tài chính đầu tư hạn chế</li> <li>- Chưa hình thành môi trường sống có chất lượng cao để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực sáng tạo.</li> <li>- Chưa có các chính sách hỗ trợ có hiệu quả.</li> </ul>
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trở thành mũi nhọn chiến lược và động lực kinh tế của đặc khu và của tỉnh;</li> <li>- Nâng cao lợi thế cạnh tranh quốc gia, gia tăng tính cạnh tranh sản phẩm chủ lực của quốc gia trên thị trường thế giới; kết nối, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.</li> <li>- Xây dựng mô hình đô thị khoa học/công viên khoa học là mô hình KCNC thế hệ mới có hiệu quả cao hơn trong thúc đẩy kinh tế, KHCN cho khu vực và cả nước.</li> <li>- Thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và ươm tạo doanh nghiệp, đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực KHCN cao.</li> <li>- Thúc đẩy liên kết các đại học, viện nghiên cứu-doanh nghiệp nâng cao tiềm lực KHCN theo phương thức R&amp;D định hướng thị trường.</li> <li>- Thị trường CNTT, công nghệ sinh học Việt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu mạng lưới kết nối và năng lực tiếp thu chuyển giao công nghệ và cơ quan đầu mối.</li> <li>- Chưa có nhiều cơ hội tìm hiểu và phát triển thị trường công nghệ cao.</li> <li>- Chính sách thu hút nguồn lực công nghệ cao từ bên ngoài còn hạn chế và chưa có tính tự chủ.</li> <li>- Thiếu các chuyên gia nghiên cứu đầu ngành công nghệ cao</li> <li>- Nền tảng pháp luật và hệ thống các chính sách mới</li> <li>- Thị trường tiêu dùng các sản phẩm sang tạo ngay tại địa phương</li> </ul>

<p>Nam rất lớn, có tiềm năng phát triển công nghiệp công nghệ cao</p> <p>- Đã có một số tập đoàn lớn từ Nhật Bản quan tâm đề xuất thành lập khu phát triển công nghệ cao cho các doanh nghiệp Nhật Bản.</p>	
---	--

*Bảng 5. Phân tích SWOT công nghiệp công nghệ cao*

### 2.3.3. Nghiên cứu thị trường để phát triển ngành nghề trọng tâm

#### 2.3.3.1. Thị trường cảng biển và logistics

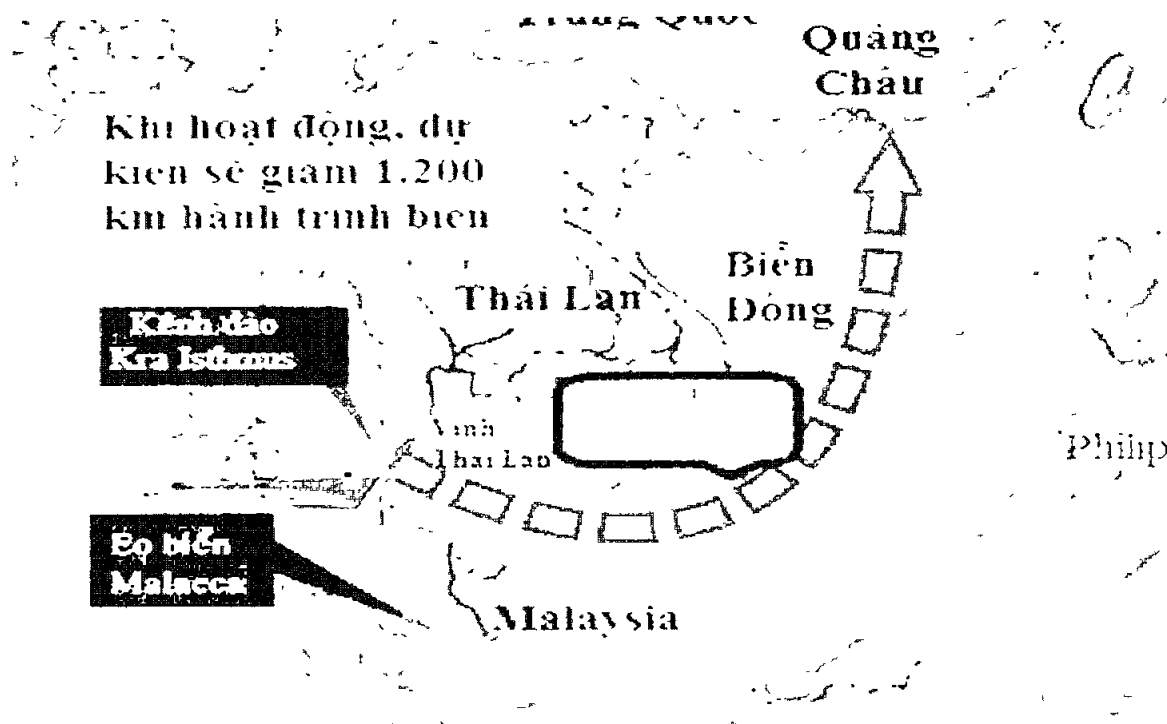
Theo báo cáo nghiên cứu, đánh giá của một số nhà phân tích, ngành cảng biển thế giới nhìn chung đã bước vào giai đoạn tăng trưởng ổn định, tăng trưởng về nhu cầu hàng hóa thông qua cảng biển đã giảm mạnh từ mức 10,8%/năm trong giai đoạn 2000 - 2005 xuống còn 5,1%/năm trong giai đoạn 2010 - 2015. Dự báo, sản lượng hàng container thông qua hệ thống cảng biển trên thế giới sẽ tăng trưởng bình quân 2-3%/năm trong giai đoạn 2015 - 2020, với động lực tăng trưởng chính đến từ Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á. Nhờ các chính sách cải thiện hệ thống pháp luật và cơ sở hạ tầng nhằm thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; dự báo, đến năm 2020 khu vực Đông Nam Á sẽ có tốc độ tăng trưởng sản lượng hàng hóa thông qua cảng bình quân là 6,2%/năm, cao hơn mức 2-3%/năm của thế giới. Trong đó Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao nhất, đạt 9,2%/năm. Ngoài ra, Hoạt động sáp nhập (M&A) của các doanh nghiệp khai thác cảng biển trên thế giới có chiều hướng tăng lên trong những năm gần đây. Trước xu hướng gia tăng kích thước tàu của các hãng vận tải biển, đòi hỏi cảng biển phải có diện tích vùng đất cảng và mớn nước sâu để đón tàu cập cảng.

Đối với ngành cảng biển Việt Nam, tính đến thời điểm hiện tại, cả nước vẫn đang dư thừa công suất khai thác cảng, trong đó tình trạng này đang diễn ra tại khu vực miền Nam. Xét về triển vọng dài hạn trong tương lai (trên 5 năm), khu vực cảng miền Trung có khả năng phát triển tốt khi thu hút được các dự án FDI và các khu công nghiệp đang được đầu tư. Quy hoạch cảng sẽ được phân bổ lại để tiếp nhận tàu lớn và giảm chi phí tính trên từng đơn vị TEU. Mỗi khu vực sẽ có các cụm cảng liên kết giữa các doanh nghiệp, giúp Việt Nam cạnh tranh được với các cảng lớn trong khu vực như Singapore, Trung Quốc.

Trên cơ sở các phân tích về các nhân tố tác động đến sự thành công của cảng biển cũng như xu hướng phát triển cảng biển khu vực châu Á – Thái Bình Dương và Việt Nam, cùng với cơ sở từ Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến 2030 thì các định hướng phát triển cảng biển Việt Nam tập trung trong giai đoạn tới ngoài việc nâng cấp, đầu tư chiểu

sâu, phát huy hết công suất, hiệu quả của các cảng hiện hữu, hướng đến tập trung vào việc xây dựng cảng trung chuyển quốc tế, cảng cửa ngõ quốc tế tại các vùng kinh tế trọng điểm, một số cảng nước sâu chuyên dụng xếp dỡ container, than quặng và dầu quy mô lớn, trang thiết bị hiện đại,... để ngành vận tải biển Việt Nam có thể chủ động hội nhập và mở rộng thị trường vận tải biển trong khu vực và trên thế giới.

Ngoài ra, về lâu dài khi kênh đào Kra Isthmus (Thái Lan) xây dựng, tuyến đường hàng hải quốc tế qua khu vực dự kiến sẽ giảm 1.200km hành trình biển so tuyến đường qua eo Malacca hiện tại, khu vực Bắc Vân Phong (xây dựng cảng trung chuyển) sẽ trở thành một trong những cảng biển quan trọng trên tuyến đường này.



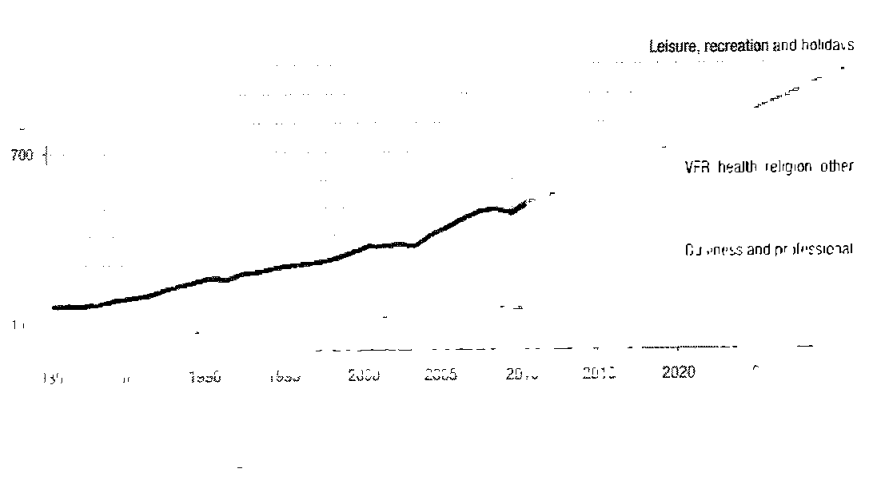
Hình 15. Tuyến đường biển dự kiến qua kênh đào Kra Isthmus (Thái Lan), nếu công trình này được xây dựng. Khu vực dự kiến xây cảng Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong nằm trên tuyến đường biển tương lai. (Nguồn: VN express)

### 2.3.3.2. Thị trường du lịch

- Về số lượng khách: Theo báo cáo của tổ chức du lịch thế giới (2016), đến năm 2030, toàn thế giới dự kiến đón khoảng 1,8 tỷ khách du lịch mỗi năm, gần gấp đôi so với lượng khách du lịch năm 2010. Khoảng 45% khách đến từ Châu Âu, 30% đến từ Châu Á - Thái Bình Dương và 15% đến từ Châu Mỹ. Đây là tiềm năng lớn để phát triển kinh tế du lịch.

Mặc dù đứng thứ hai về lượng khách đi, tốc độ tăng trưởng của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cao gấp đôi so với Châu Âu đạt 5,0% trong giai đoạn 2010-2030 so với mức 2,5% của Châu Âu. Mức chi tiêu trung bình của một khách du lịch Trung Quốc khá thấp (chỉ 213 USD/khách), tổng chi tiêu hàng năm mà thị trường du lịch ra nước ngoài Trung Quốc bỏ ra đứng đầu thế giới đạt 292,2 tỷ đô la Mỹ vào năm 2015 và có tốc độ tăng trưởng cao trong 10 năm trở lại đây, vượt qua Mỹ đứng thứ nhì với tổng chi tiêu 112,9 tỷ USD. Khách Đức, Anh và Úc đứng đầu về chi tiêu trung bình một khách với chi tiêu trung bình trên 950 đô la Mỹ. Với tốc độ tăng trưởng hiện tại, dự kiến tới năm 2030, Trung Quốc sẽ vẫn là thị trường đứng đầu về chi tiêu du lịch outbound. Tuy nhiên, vì mục đích du lịch của khách Trung Quốc và khách châu Âu, Mỹ không giống nhau nên việc định hướng du lịch sinh thái, bền vững sẽ nhắm đến đối tượng khách có nhu cầu và khả năng chi trả cao, sẵn sàng chi hơn trung bình 20%-25% cho những dịch vụ thân thiện môi trường, góp phần vào sự phát triển bền vững của điểm du lịch, ví dụ 26% chấp nhận chi tiêu 1.000-15.000\$ cho 1 chuyến đi.

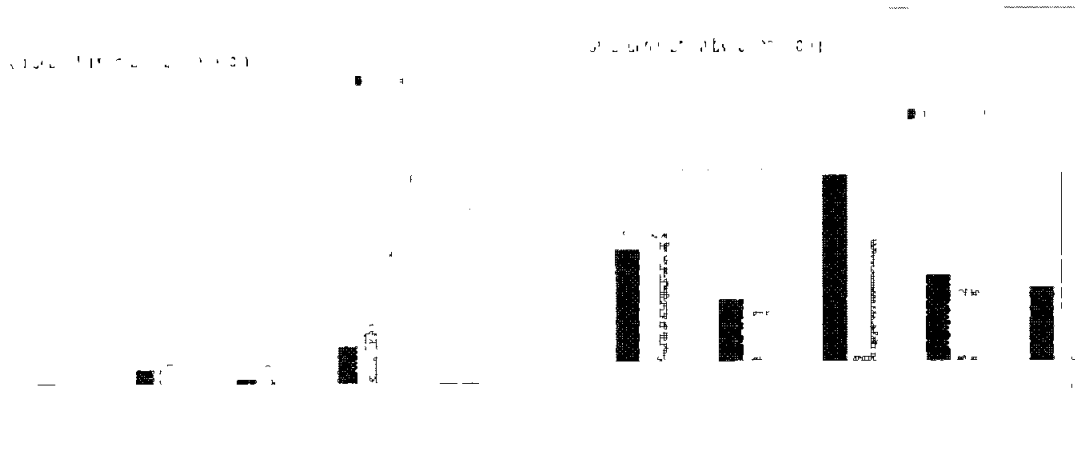
International tourism by purpose of visit



Hình 16. Thị trường du lịch thế giới theo mục đích du lịch (Nguồn: UNWTO 2016)

- Về địa điểm đến: Tới năm 2030, Châu Âu sẽ vẫn là địa điểm du lịch ưu thích nhất. Tuy nhiên, Châu Á Thái Bình Dương với tốc độ tăng trưởng cao hơn, sẽ dần vượt qua Châu Âu để trở thành địa điểm du lịch yêu thích của thế giới. Về mục đích du lịch, vốn là cơ sở quan trọng cho việc phân khúc thị trường, 54% khách đi du lịch nhằm mục đích nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, 30% du lịch tâm linh, sức khỏe, thăm thân nhân và các mục đích khác, 15% khách du lịch với mục đích công việc, hội thảo, hội nghị. Tới năm 2030, tỷ lệ này dự kiến sẽ không biến

động nhiều. So sánh trong các thị trường du lịch tiềm năng, tỷ lệ của các nhu cầu du lịch chính cũng không có sự khác biệt đáng kể: nhu cầu giải trí, nghỉ dưỡng vẫn là động lực chính của đa số khách hàng.



Hình 17. Thị trường du lịch thế giới theo khu vực khách du lịch (Nguồn: UNWTO 2016)

Khách quốc tế	Tổng thu du lịch	Chỉ tiêu việc làm
1. Khách quốc tế	1. Tổng thu du lịch	1. Số lượng
2. Khách nội địa	2. Cơ sở lưu trú (Buồng lưu trú)	2. Chỉ tiêu việc làm
3. Khách quốc tế	3. Khách quốc tế	3. Chỉ tiêu việc làm
4. Khách nội địa	4. Khách nội địa	4. Chỉ tiêu việc làm
5. Khách quốc tế	5. Khách quốc tế	5. Chỉ tiêu việc làm
6. Khách nội địa	6. Khách nội địa	6. Chỉ tiêu việc làm

Hình 18. Thị trường du lịch Việt Nam (Nguồn: Tổng cục Du lịch Việt Nam)

- Về phân khúc khách hàng: Theo phương pháp của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO), thị trường du lịch trên thế giới có thể được phân khúc dựa theo hai tiêu chí đặc điểm cuộc sống gia đình và đặc điểm sản phẩm du lịch.



Hình 19. Thị trường du lịch Việt Nam và nguồn gốc khác du lịch (Nguồn: TCTK/TCDL 2014)

Với định hướng phát triển du lịch xanh, tôn trọng môi trường tự nhiên và văn hóa địa phương, cũng như hướng tới phân khúc khách hàng tri thức, chi tiêu trung bình cao, sử dụng dịch vụ dài hạn, việc định hướng này sẽ giúp thu hút và đa dạng hóa các nguồn khách du lịch từ các nơi, cân bằng giữa lượng khách Trung Quốc và châu Á chi tiêu ít, số lượng lớn và khách châu Âu, Mỹ chi tiêu cao, số lượng ít hơn.

Thị trường	Nhu cầu chính	Tiềm năng phát triển và phân khúc khách hàng
Châu Âu, Bắc Mỹ, Úc, Nhật	Hướng về thiên nhiên Tinh thần, sức khỏe Khám phá văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người cao tuổi, có thu nhập và tiết kiệm, có thời gian dài để hưởng thụ các hoạt động nghỉ dưỡng, chữa bệnh dài hạn (&gt;15 ngày), khám phá thiên nhiên văn hóa</li> <li>Trí thức không lứa tuổi và gia đình không con: các hoạt động khám phá thiên nhiên, văn hóa, phục hồi tinh thần, sức khỏe ngắn hạn (&lt;15 ngày)</li> </ul>



Châu Á Nam Mỹ	Vui chơi, giải trí Khám phá văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Giới trẻ, cặp đôi: các hoạt động vui chơi giải trí, mua sắm, casino, trò chơi mạo hiểm, khám phá văn hóa, thiên nhiên, thể thao (&lt;7 ngày)</li> <li>• Gia đình có con: các hoạt động vui chơi giải trí, khám phá thiên nhiên, văn hóa, thể thao (7-15 ngày)</li> <li>• Nhân lực và nhân tài trí thức sống và làm việc trên đảo định kỳ, ngắn hạn: các hoạt động vui chơi giải trí, khám phá thiên nhiên, văn hóa, thể thao hay nghỉ dưỡng, phục hồi tinh thần sức khỏe (7-15 ngày)</li> </ul>
---------------	--	--

Bảng 6. Tiềm năng phát triển du lịch và phân khúc khách hàng (Nguồn: AVSE)

Đối với Khánh Hòa được xác định là một trong những trọng điểm quốc gia, trung tâm vùng Duyên Hải Nam Trung bộ về phát triển du lịch; trong đó, Nha Trang là 01/12 đô thị Du lịch và Khu Du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, là 01/46 Khu Du lịch quốc gia, Trường Sa là 01/40 điểm Du lịch quốc gia, Bắc Vân phong định hướng là 01/03 đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt với Dịch vụ - Du lịch làm ngành kinh tế chủ đạo.

Trong những năm qua, Khánh Hòa tuy phải chịu nhiều tác động bất lợi do tình hình kinh tế - chính trị thế giới bất ổn, nhưng với những lợi thế vượt trội về điều kiện tự nhiên, cùng những định hướng đúng đắn của tỉnh, sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, những bước đi sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp và sự đồng thuận cao trong nhân dân, hoạt động du lịch Khánh Hòa luôn đạt mức tăng trưởng ấn tượng, tốc độ phát triển luôn cao hơn nhiều so với bình quân cả nước.

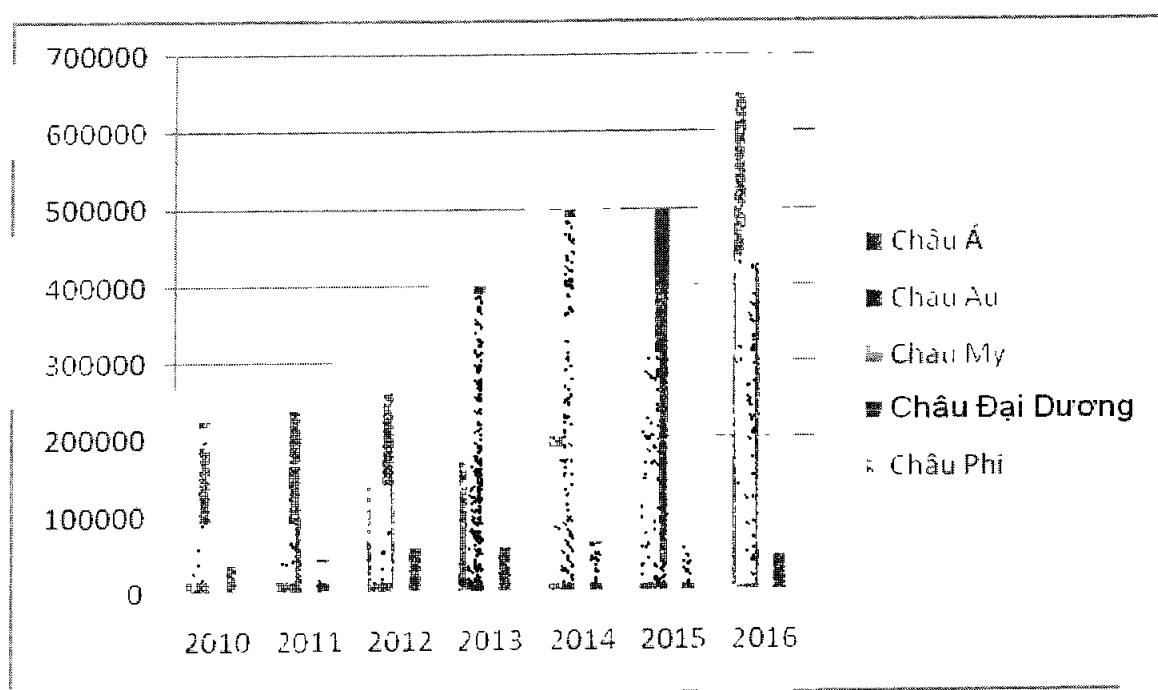
Giai đoạn 2010 – 2016, Khánh Hòa thu hút được 21,5 triệu lượt khách du lịch, trong đó trên 5,1 triệu lượt khách quốc tế, tăng trưởng bình quân khách quốc tế đạt trên 23,1%.

Cơ sở hạ tầng phát triển hiện đại, có sân bay quốc tế, đường sắt, đường quốc lộ thuận lợi cho giao thông; có cảng biển, đặc biệt Khánh Hòa sẽ là tỉnh đầu tiên trong cả nước có bến du thuyền mang tầm cạnh tranh ở khu vực Châu Á. Tính đến nay, tổng số cơ sở lưu trú trên toàn tỉnh là 652 cơ sở với hơn 26.000 phòng, trong đó có 85 cơ sở xếp hạng 3 - 5 sao, với khoảng 14.000 phòng. Toàn tỉnh hiện có 227 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trong đó 48 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế.

Năm	Tổng số khách du lịch		Khách nội địa		Khách quốc tế	
	Số lượng (lượt)	% tăng so với năm trước	Số lượng (lượt)	% tăng so với năm trước	Số lượng (lượt)	% tăng so với năm trước

2010	<b>1.840.259</b>	16,47%	1.455.280	12,04%	384.979	36,90%
2011	<b>2.180.008</b>	18,46%	1.739.618	19,54%	440.390	14,39%
2012	<b>2.318.071</b>	6,33%	1.785.959	2,66%	532.112	20,83%
2013	<b>3.000.122</b>	29,42%	2.291.141	28,29%	708.981	33,24%
2014	<b>3.590.737</b>	19,69%	2.743.484	19,74%	847.253	19,50%
2015	<b>4.071.029</b>	13,38%	3.096.483	12,87%	947.546	15,02%
2016	<b>4.532.360</b>	24,53%	3.330.524	7,56%	1.201.836	23,32%

Bảng 7. Lượng khách du lịch đến Khánh Hòa giai đoạn 2010 – 2016. Nguồn: Sở Du lịch Khánh Hòa



Hình 20. Thị trường khách du lịch quốc tế đến Khánh Hòa giai đoạn 2010 – 2016. Nguồn : Sở Du lịch Khánh Hoà

Đơn vị tính: nghìn lượt

Tỉnh, thành phố	Loại khách du lịch	Năm							% Tăng trưởng
		2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	
Khánh Hòa <sup>(1)</sup>	Quốc tế	385	440	532	709	847	975	1.202	23,33
	Nội địa	1.455	1.740	1.786	2.291	2.743	3.096	3.331	14,68
	<b>Tổng số</b>	<b>1.840</b>	<b>2.180</b>	<b>2.318</b>	<b>3.000</b>	<b>3.590</b>	<b>4.071</b>	<b>4.532</b>	<b>16,64</b>

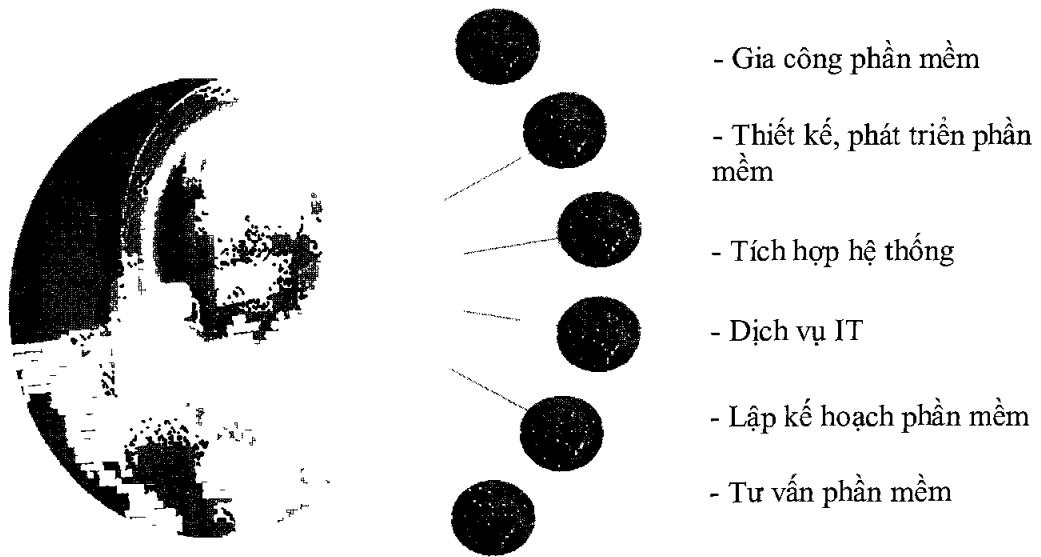
Tỉnh, thành phố	Loại khách du lịch	Năm							% Tăng trưởng
		2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	
Bình Định	Quốc tế	79	94	120	132	171	206	256	21,82
	Nội địa	892	1.082	1.341	1.432	1.929	2390	2.940	22,27
	<b>Tổng số</b>	<b>971</b>	<b>1.176</b>	<b>1.461</b>	<b>1.564</b>	<b>2.100</b>	<b>2.596</b>	<b>3.200</b>	<b>22,25</b>
Bình Thuận	Quốc tế	232	300	328	370	425	440	503	14,03
	Nội địa	1.769	2.102	2.321	2.684	3.234	3.137	3.936	14,61
	<b>Tổng số</b>	<b>2.001</b>	<b>2.402</b>	<b>2.649</b>	<b>3.054</b>	<b>3.659</b>	<b>3.577</b>	<b>4.439</b>	<b>14,54</b>
Đà Nẵng	Quốc tế	370	534	630	743	951	1.261	1.660	28,74
	Nội địa	1.400	1.840	2.028	2.374	2.844	3.422	3.850	18,55
	<b>Tổng số</b>	<b>1.770</b>	<b>2.374</b>	<b>2.658</b>	<b>3.117</b>	<b>3.795</b>	<b>4.681</b>	<b>5.510</b>	<b>21,03</b>
Hồ Chí Minh	Quốc tế	3.100	3.500	3.800	4.109	4.392	4.700	5.200	9,03
	Nội địa	9.873	11.373	12.969	15.099	17.079	19.300	21.800	14,12
	<b>Tổng số</b>	<b>12.973</b>	<b>14.873</b>	<b>16.769</b>	<b>19.208</b>	<b>21.471</b>	<b>24.000</b>	<b>27.000</b>	<b>13,00</b>
Hà Nội	Quốc tế	1.046	1.255	1.600	1.834	2.007	2.335	2.800	17,96
	Nội địa	7.107	7.818	8.460	9.362	9.250	8.859	9.240	4,63
	<b>Tổng số</b>	<b>8.153</b>	<b>9.073</b>	<b>10.060</b>	<b>11.196</b>	<b>11.257</b>	<b>11.194</b>	<b>12.040</b>	<b>6,83</b>
Quảng Ninh	Quốc tế	2.185	2.294	2.409	2.456	2.550	2.643	2.750	3,91
	Nội địa	3.816	4.187	4.591	4.705	4.950	4.980	5.018	4,73
	<b>Tổng số</b>	<b>6.001</b>	<b>6.481</b>	<b>7.000</b>	<b>7.251</b>	<b>7.500</b>	<b>7.623</b>	<b>7.768</b>	<b>4,43</b>

Bảng 8. So sánh lượt khách du lịch đến Khánh Hòa so với các tỉnh lân cận và một số trung tâm du lịch lớn của cả nước giai đoạn 2010-2016. Nguồn: Sở Du lịch Khánh Hòa. Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (ITDR).

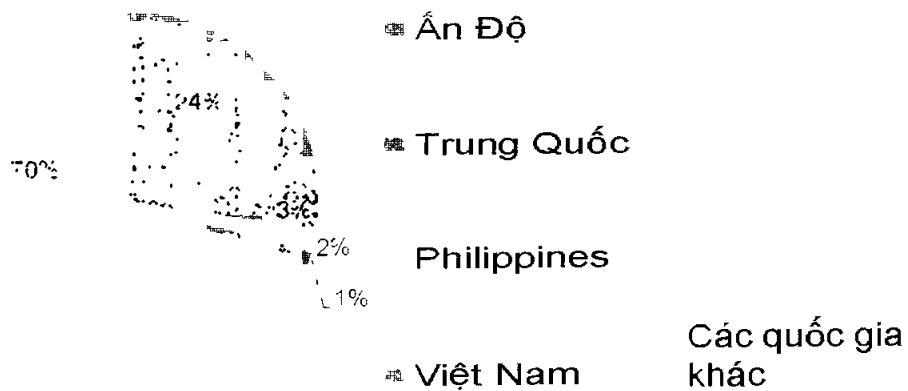
### 2.2.3.3. Thị trường công nghiệp công nghệ cao

Khoa học và công nghệ đã đưa công nghiệp thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghiệp đã thay đổi các mô hình kinh tế để tiến đến nền kinh tế sáng tạo. Ở quy mô của địa phương như Khánh Hòa cũng cần tiếp cận xu thế phát triển thông qua hình thành các trung tâm khoa học và công nghệ để dần tích lũy tri thức và nhân lực đáp ứng mô hình phát triển kinh tế mới thì việc phát triển ngành công nghệ cao trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong là một trong những giải pháp cần thiết.

- Thị trường công nghệ thông tin



Theo dự báo của Nasscom nhu cầu phần mềm thế giới tăng trưởng từ 15-20% trong giai đoạn 2016-2020. Thị trường gia công phần mềm Việt Nam đang ngày càng trở nên hấp dẫn. Nhu cầu gia công phần mềm ở Việt Nam được dự báo tăng trưởng nhanh hơn các nước trong khu vực và tăng trưởng tốt trong thời gian tới. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang mang đến cho các doanh nghiệp công nghệ những động cơ tăng trưởng mới. Đi kèm với đó là thị trường công nghệ phần mềm thế giới và Việt Nam đang ngày càng tăng trưởng trở nên hấp dẫn.



Hình 21. Giá trị ngành công nghệ phần mềm thế giới 2016. Nguồn: MSC MeKong

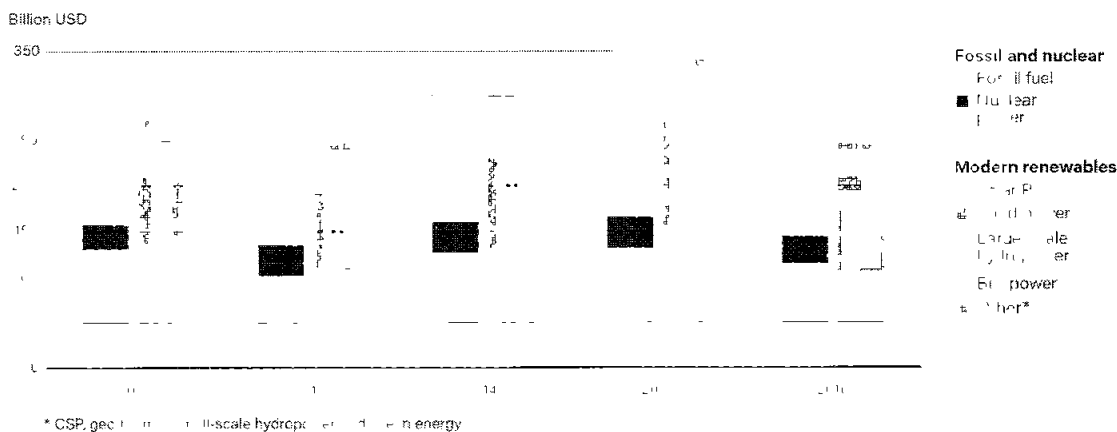
Việt Nam đang ngày càng có vai trò lớn hơn trong ngành công nghệ phần mềm thế giới khi liên tục cải thiện thứ hạng và lọt Top 30 thế giới về gia công

phần mềm. Xuất khẩu phần mềm của Việt Nam phân lớn cho 2 thị trường chính là Mỹ và Nhật (theo Vinasa). Việt Nam chủ yếu vẫn ở cấp thấp trong chuỗi giá trị phần mềm toàn cầu. Tuy nhiên, trong những năm gần đây Việt Nam đã nỗ lực để bước lên nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị của ngành phần mềm.

Năm 2016, tập đoàn nghiên cứu và tư vấn Gartner đánh giá Việt Nam là 1 trong 6 địa điểm hàng đầu về chuyên gia công nghệ toàn cầu. Vài năm trở lại đây, một số doanh nghiệp của Việt Nam cũng đã và đang mở rộng kinh doanh, đưa sản phẩm, giải pháp phần mềm của Việt Nam sang thị trường các nước đang phát triển. Một số doanh nghiệp tiêu biểu phải kể đến như: FPT IS, MI SA, ViniCorp, Tinh Vân

- Thị trường công nghệ năng lượng mới:

Tỷ trọng tăng liên tục và ổn định: tăng 4,7%/năm trong khi nhu cầu tiêu thụ tăng khoảng 2%/năm. Riêng năm 2016, sản lượng điện của năng lượng tái tạo (NLTT) tăng 9% so với năm 2015 (trong đó một nửa là năng lượng mặt trời). Số công suất mới lắp đặt NLTT chiếm 63% tổng số công suất. Tổng đầu tư NLTT cho năng lượng mặt trời là 113,7 tỷ USD và năng lượng gió là 112,5 tỷ USD năm 2016, tuy có giảm so với 2015 nhưng tăng tỷ trọng trong tổng đầu tư cho năng lượng tái tạo, đạt tới 94%.



Hình 22. Thị trường các nguồn năng lượng tái tạo (Nguồn: REN21 GlobalStatusReport 2017)

Các giải pháp tối ưu hiệu suất sử dụng năng lượng phát huy hiệu quả, điều đó thể hiện qua việc giảm khối lượng năng lượng tiêu thụ để sản xuất ra một đơn vị GDP -2%/năm (2010-2015). Năm 2015: đầu tư cho các giải pháp tối ưu hiệu

suất năng lượng toàn cầu là 221 tỷ USD, tăng +6% so với 2014, phân chia theo 3 lĩnh vực: xây dựng (53%), giao thông (29%) và công nghiệp(18%).

Một điểm đáng lưu ý của thị trường công nghệ xanh và năng lượng tái tạo toàn cầu là vai trò của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong 6,4 nghìn tỷ USD tổng đầu tư vào thị trường, dự kiến đóng góp của các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ chiếm khoảng 1,6 nghìn tỷ USD. Tỷ lệ đóng góp này không thay đổi nhiều tại các nước đang phát triển và các nền kinh tế mới nổi. Ví dụ như tại Trung Quốc, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp khoảng 0,41 nghìn tỷ USD trong tổng đầu tư khoảng 1,56 nghìn USD. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ chủ yếu đóng góp vào chuỗi giá trị của công nghệ xanh và năng lượng tái tạo thông qua việc sản xuất lắp đặt các thiết bị quy mô nhỏ hoặc thông qua các hoạt động tư vấn, lắp đặt, vận hành và bảo trì các công trình quy mô lớn hơn. Tỷ trọng của các hoạt động này trong chuỗi giá trị của một số công nghệ xanh là rất lớn.

#### - Thị trường công nghệ sinh học

Theo báo cáo của tư vấn tình hình thị trường HTF với tiêu đề Công nghệ sinh học Nông nghiệp – triển vọng thị trường toàn cầu (2016-2022)<sup>1</sup>, thị trường công nghệ sinh học nông nghiệp toàn cầu dự kiến có tốc độ tăng trưởng hàng năm 10,1% từ năm 2015 đến năm 2022, có thể đạt 39,5 tỷ đô la Mỹ vào năm 2022. Báo cáo đã phân tích các xu hướng thị trường ở Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Á Thái Bình Dương và phần còn lại của thế giới. Họ cũng xem xét biểu hiện của các vị trí quan trọng trong ngành. Cũng theo báo cáo, sự tăng trưởng của thị trường công nghệ sinh học nông nghiệp là do tăng luồng vốn và đầu tư cho các nước tham gia ngành công nghiệp cũng như nghiên cứu và phát triển ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương và Châu Phi.

Đối với Việt Nam, theo "Kế hoạch tổng thể phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ở Việt Nam đến năm 2020" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 22/01/2008, việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học sẽ tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực nông – lâm - ngư nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, y - dược và bảo vệ sức khoẻ con người, bảo vệ môi trường. Như vậy, trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngành CNSH được coi ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn, có vai trò quan trọng. Nhu cầu về ngành công nghệ sinh học ngày càng lớn hơn. Mặc dù năng lực nghiên cứu, triển khai CNSH của nước ta hiện nay đã tiến được một bước khá dài, từ chỗ chúng ta chỉ tiến hành những nghiên cứu đơn giản và thường dừng lại

---

<sup>1</sup> Nguồn: [www.isaaa.org](http://www.isaaa.org)

ở phòng thí nghiệm, đến nay chúng ta đã có nhiều công trình nghiên cứu công nghệ cao được thế giới công nhận và nhiều công nghệ đã được đưa vào sản xuất.

- Thị trường công nghệ vật liệu mới

Một trong những hạn chế làm chậm tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu của nước ta tuy đã có những tiến bộ nhất định nhưng chưa đáp ứng được các thị trường sản xuất trong nước và xuất khẩu. Hơn bao giờ hết, phát triển các ngành công nghiệp vật liệu đang là một yêu cầu khách quan, cấp thiết, có ý nghĩa chiến lược tạo nền tảng để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Các ngành công nghiệp vật liệu có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các thị trường sản xuất, là điều kiện cần thiết để phát triển nền công nghiệp hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Đây là yếu tố tác động mạnh tới tăng trưởng kinh tế, là cơ sở phát triển cho nhiều ngành, nghề và sản phẩm mới, tạo điều kiện khai thác tối ưu các nguồn lực phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, vị thế cạnh tranh và tham gia toàn cầu hóa. Ở nước ta, chiến lược phát triển ngành sản xuất vật liệu công nghiệp là một đòi hỏi tất yếu để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Thị trường công nghệ hải dương

Hiện nay, ranh giới giữa các lĩnh vực đang được xoá bỏ, thay vào đó là công nghệ hội tụ, do đó, cách phân chia lĩnh vực chỉ có tính chất tương đối. Với điều kiện lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ hướng đến phát triển công nghệ hải dương phục vụ chiến lược phát triển biển Việt Nam. Đây là những ngành nghề còn nhiều tiềm năng trên thế giới và trong nước cần hướng đến trước mắt cũng như lâu dài.

2.3.4. Phát triển các ngành nghề trọng tâm

2.3.4.1. Phát triển cảng biển trung chuyển quốc tế và dịch vụ cảng biển (bao gồm logistics)

Phát triển dịch vụ cảng biển và Logistic trở thành khu vực đầu mối về Cảng biển trung chuyển và dịch vụ Logistics quốc tế, trong đó tập trung phát triển:

- Cảng biển quốc tế Vân Phong (được xếp loại cảng cấp 1A của Việt Nam) theo các tiêu chuẩn quốc tế với chức năng chủ yếu là trung chuyển hàng hoá quốc tế như: hàng hoá container, sản phẩm dầu khí... và vận chuyển hành khách quốc tế.

- Khu trung tâm thương mại – tài chính và dịch vụ hậu cần cảng tại bán đảo Hòn Gốm.

Với thế mạnh về điều kiện tự nhiên, mặc dù trong ngắn hạn sẽ có nhiều khó khăn do điều kiện thị trường vận tải biển còn nhiều khó khăn cũng như sự cạnh tranh giữa các cảng trong khu vực và trong nước, do đó cần xác định phát triển cảng trung chuyển tại Vân Phong là một chiến lược phát triển dài hạn.

- Việc phát triển thành công cảng trung chuyển quốc tế tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ:

+ Tạo bước đột phá cho ngành kinh tế mũi nhọn - kinh tế biển của quốc gia trong thời gian tới, làm động lực để phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia một cách bền vững.

+ Góp phần quan trọng phát triển hệ thống hạ tầng và dịch vụ cảng biển quốc gia, thực hiện thành công Chiến lược biển Việt Nam.

+ Đưa kinh tế hàng hải trở thành ngành kinh tế đứng đầu trong các ngành kinh tế biển.

+ Đáp ứng yêu cầu luân chuyển hàng hóa vận tải bằng đường biển, phục vụ tích cực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và cả nước; tạo động lực thu hút, thúc đẩy các ngành kinh tế, công nghiệp liên quan cùng phát triển.

+ Tác động tích cực kết nối thương mại hàng hoá quốc tế giữa đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong nói riêng và quốc gia nói chung với khu vực Đông Nam Á và thế giới.

- Đối với phát triển dịch vụ cảng biển, sẽ tập trung phát triển các yếu tố sau:

+ Phát triển hạ tầng và thị trường Logistics. Phát triển cảng nước sâu đi theo đồng bộ với việc xây dựng hệ thống hạ tầng Logistics, mạng lưới kho bãi, trung tâm logistics hiện đại trên toàn quốc, liên kết với các cảng nước sâu xây dựng một chuỗi cung ứng hoàn chỉnh. Song song với đó là công tác phát triển nguồn hàng, thu hút nguồn hàng hoá từ các nước lân cận và các vùng kinh tế trọng điểm, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, nhằm tạo ra chuỗi dịch vụ hoàn hảo, liên kết các khu kinh tế, khu công nghiệp, các thương cảng để nâng cao năng suất, năng lực và giảm chi phí vận tải hàng hoá.

+ Phát triển nhân lực Logistics: Một trong những hạn chế lớn nhất của các công ty Logistics Việt Nam hiện nay là vấn đề nhân lực. Đội ngũ cán bộ chưa



thật tinh thông nghiệp vụ và hiểu biết luật pháp nên khả năng xây dựng hệ thống dữ liệu, phân tích trạng thái logistics còn nhiều bất cập, khiến rủi ro trong logistics của Việt Nam khá cao. Nguồn nhân lực trong ngành logistics đang thiếu hụt nhiều cả về số lượng lẫn chất lượng do vậy cần phải kịp thời bổ sung ngay. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có kinh nghiệm và hiểu biết luật pháp, không chỉ luật pháp Việt Nam mà còn phải am hiểu sâu sắc và vận dụng hiệu quả luật pháp, tập quán thương mại quốc tế.

+ Phát triển công nghệ và hợp tác quốc tế: Logistics là dịch vụ được triển khai trên qui mô quốc tế, để hoạt động mang tính chuyên sâu hơn, tham gia vào các liên minh Logistics toàn cầu cần phát triển và áp dụng công nghệ thông tin, chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử trong thương mại, thông quan điện tử (EDI) để tận dụng ưu thế của công nghệ thông tin nhằm mang lại năng suất lao động cao, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu tình trạng tiêu cực, gian lận trong thương mại, xuất nhập khẩu và hải quan.

#### 2.3.4.2. Phát triển dịch vụ thương mại, tài chính

Phát triển dịch vụ tài chính theo các tiêu chuẩn quốc tế với mục tiêu tạo cơ chế thuận lợi cho sự thành lập, hoạt động để thu hút các tổ chức tài chính nhất là các tổ chức tài chính quốc tế như: ngân hàng, quỹ đầu tư tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, nhà cung cấp dịch vụ Tài chính và Ngân hàng.

Phát triển Trung tâm thương mại, tài chính tại khu vực Đầm Môn để hỗ trợ phát tích cực cho hoạt động cảng biển trung chuyển và dịch vụ hậu cần cảng biển cùng với phát triển các khu công nghệ cao, dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục chất lượng cao quốc tế tại Đặc khu. Với vị trí là tâm điểm toả đến các trung tâm kinh tế trong khu vực nên dễ dàng kết nối, thuận lợi giao dịch với các trung tâm tài chính trong khu vực và thế giới. Trung tâm tài chính tại Đặc khu sẽ đưa Đặc khu tham gia hội nhập sâu rộng ở cấp độ cao hơn trên thị trường tài chính quốc tế.

#### 2.3.4.3. Phát triển dịch vụ du lịch, y tế, đào tạo

Du lịch hiện là một ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh nhất và ổn định. Du lịch còn là động lực chính cho sự tiến bộ kinh tế xã hội thông qua việc tạo việc làm và thu nhập không chỉ cho chính ngành du lịch mà còn cho nhiều ngành nghề liên quan khác như xây dựng, nông nghiệp hay viễn thông...phát triển doanh nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng và nâng cao doanh thu xuất khẩu.

Xu hướng phát triển của ngành công nghiệp du lịch đang thay đổi. “Du lịch bền vững” là những mô hình được phát triển và nhân rộng. Khách du lịch ngày càng quan tâm đến việc giảm thiểu ảnh hưởng của các hoạt động du lịch đến môi

trường (tự nhiên và xã hội) và ưu tiên lựa chọn các điểm đến thân thiện môi trường, tìm kiếm những trải nghiệm cá nhân, dành nhiều thời gian để hòa mình với thiên nhiên và con người bản xứ hơn là hưởng các dịch vụ cao cấp, khép kín trong các khách sạn, khu nghỉ dưỡng sang trọng 5 sao.

Đặc thù về địa lý tự nhiên biển đảo cùng với hệ sinh thái phong phú, đa dạng, hấp dẫn để phát triển du lịch. Phát triển mô hình kinh tế du lịch cao cấp ở Bắc Vân Phong không chỉ có ý nghĩa về kinh tế mà còn mang lại các giá trị lớn về mặt môi trường và xã hội. Khách hàng tiềm năng của du lịch xanh cao cấp là những người có tri thức cao, biết tôn trọng các giá trị tài nguyên thiên nhiên, văn hóa và môi trường. Họ sẵn sàng chi trả cao hơn chi phí thông thường nếu những dịch vụ du lịch họ được cung cấp đảm bảo các yếu tố thân thiện môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững của kinh tế du lịch đồng hành với sự phát triển bền vững về môi trường. Phát triển dịch vụ du lịch cao cấp, giải trí hiện đại và các dịch vụ liên quan khác bao gồm:

- Dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí tổng hợp có casino.
- Khu đô thị, khách sạn, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng cao cấp có tích hợp cho cư trú từ 5 sao trở lên.
- Bến du thuyền quốc tế.
- Phát triển dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao.

Định hướng phát triển về du lịch trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ tập trung đẩy mạnh xã hội hóa, ưu tiên tập trung nguồn lực, sử dụng tài nguyên của địa phương cho đầu tư phát triển du lịch, qua đó đảm bảo mục tiêu tổng thu từ hoạt động du lịch chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GDP, giải quyết nhiều việc làm, đảm bảo an ninh xã hội. Hoạt động du lịch kích thích, tạo động lực phát triển các ngành, lĩnh vực khác trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển đồng thời du lịch biển - đảo, du lịch văn hóa và du lịch sinh thái; trong đó lấy du lịch biển - đảo làm mũi nhọn. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường; Phát triển sản phẩm du lịch mang tính bền vững, có chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm, theo hướng nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp.

Đa dạng thị trường khách du lịch, tôn trọng và đối xử bình đẳng đối với khách du lịch từ tất cả các thị trường.

#### 2.3.4.4. Phát triển công nghiệp công nghệ cao

Công nghệ cao đang và vẫn sẽ là một ngành kinh tế mạnh, mang lại giá trị thặng dư lớn khi nắm bắt được nó. Đó cũng là một ngành kinh tế xanh, sạch mà khi phát triển nó hoàn toàn có thể bảo tồn được môi trường và tài nguyên.

Công nghệ cao cũng sẽ hỗ trợ các ngành kinh tế mũi nhọn khác tại Bắc Vân Phong như du lịch, cảng biển, công nghệ cao, tài chính, thương mại. Tuy nhiên ngành kinh tế này cần có đầu tư lớn về cơ sở hạ tầng, thu hút các công ty công nghệ lớn, thúc đẩy start-up, cần nguồn nhân lực chất lượng cao, cần sự tin tưởng, sẵn lòng sử dụng của khách hàng và yếu tố con người là rất quan trọng.

Đối với đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, do xuất phát điểm về điều kiện hạ tầng, trình độ phát triển kinh tế-xã hội còn thấp nên việc kết hợp phát triển các ngành nghề về điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất ô tô... cùng với các ngành nghề công nghệ cao là hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao phù hợp với điều kiện đặc thù của Bắc Vân Phong. Trước mắt, để tạo tiền đề phát triển công nghiệp trong điều kiện hạ tầng chưa phát triển mạnh có thể tập trung phát triển các ngành nghề về điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất ô tô... tuy nhiên, cần tiếp tục hướng đến phát triển các ngành công nghệ cao làm nền tảng cho sự phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt về sau.

Phát triển công nghệ cao tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ hướng đến tập trung các ngành nghề sau:

- Công nghệ thông tin (tập trung về sản xuất phần mềm);
- Công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Công nghệ vật liệu xây dựng mới;
- Công nghệ năng lượng mới, sản xuất thiết bị tiết kiệm năng lượng;
- Công nghệ cao phục vụ công nghiệp quốc phòng;
- Công nghệ hải dương để thúc đẩy chiến lược phát triển biển (công nghệ giám sát đại dương, công nghệ công trình biển, công nghệ lặn biển, công nghệ khai thác biển sâu, công nghệ hàng hải, công nghệ sinh học biển).

#### **2.4. Cơ chế chính sách đặc thù**

Trên cơ sở xác định các lĩnh vực ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, đồng thời tuân thủ theo nguyên tắc ưu đãi vượt trội có sức cạnh tranh toàn cầu nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của nhà nước, các cơ chế chính sách đặc thù được đề xuất như sau:

##### **2.4.1. Nhà đầu tư chiến lược**

Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có dự án đầu tư tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đáp ứng một trong những điều kiện sau:

- Dự án đầu tư khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino với quy mô vốn đầu tư tối thiểu 44.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân theo cam kết quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 5 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của từng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt của các công ty thuộc danh sách 500 công ty lớn nhất thế giới theo xếp hạng của Tạp chí Forbes của năm trước thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 5.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

#### 2.4.2. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược

##### 2.4.2.1. Quyền của nhà đầu tư chiến lược

- Được lựa chọn thực hiện dự án đầu tư trên cùng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt trong trường hợp dự án đầu tư có từ 2 nhà đầu tư trở lên quan tâm đề xuất thực hiện;

- Được tham gia đầu tư kinh doanh, phát triển, quản lý và vận hành các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và khu chức năng tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo hình thức đầu tư phù hợp với quy định tại Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

- Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Được tham gia lập, điều chỉnh quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

- Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Trường hợp nhà đầu tư chiến lược thực hiện đầu tư dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino thì được tính tổng vốn đầu tư các dự án khác trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và các dự án kết cấu hạ tầng kết nối tới đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do nhà đầu tư chiến lược thực hiện để làm căn cứ xác định khả năng đáp ứng điều kiện về quy mô vốn, việc giải ngân vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về casino.

#### 2.4.2.2. Nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược

- Tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo cam kết và tiến độ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

- Cung cấp các dịch vụ theo cam kết.

#### 2.4.3. Cơ chế chính sách đất đai và quyền sở hữu nhà ở

2.4.3.1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đất đai thuê đất, thuê lại đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện dự án tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Luật Đất đai tương ứng với hình thức sử dụng đất

2.4.3.2. Thời hạn sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh trong đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không quá 70 năm. Tuy nhiên đối với các dự án đầu tư bao gồm: Khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, y tế, giáo dục - đào tạo; hoặc đáp ứng một trong những điều kiện quy định về nhà đầu tư chiến lược, Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt căn cứ đề nghị của nhà đầu tư và quy mô, tính chất của dự án đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định thời hạn sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh trên 70 năm, nhưng không quá 99 năm.

2.4.3.3. Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đất đai được thế chấp tài sản gắn liền với đất tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tại các tổ chức tín dụng nước ngoài có hiện diện thương mại tại Việt Nam để vay vốn đầu tư.

2.4.3.4. Tổ chức và cá nhân nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo pháp luật về nhà ở có quyền chuyên nhượng, nhận chuyên nhượng, mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu nhà ở thương mại, bao gồm căn hộ chung cư và nhà ở riêng lẻ trong dự án đầu tư xây dựng nhà

ở và dự án đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng, du lịch tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ khu vực bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2.4.3.5. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa cho cả thời gian thuê đối với dự án đầu tư quy định tại mục 2.4.3.2 nêu trên và dự án đầu tư văn hóa, thể thao và môi trường.

2.4.3.6. Trường đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt có quyền quyết định cụ thể thời gian miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với từng dự án đầu tư nhưng không thấp hơn mức tối thiểu về miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật đầu tư; quy định và ban hành chế độ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo từng khu vực, lĩnh vực làm căn cứ để xác định mức miễn giảm.

#### 2.4.4. Chính sách ưu đãi về thuế

##### 2.4.4.1 Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

2.4.4.1.1. Bán hàng miễn thuế cho khách tham quan du lịch khu phi thuế quan thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

- Khách tham quan du lịch là người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài được mua hàng hóa miễn thuế ở khu phi thuế quan bằng định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu/1 người/1 ngày và không quá 04 lần trong 01 tháng (30 ngày liên tục).

- Khách du lịch là người Việt Nam có thời gian lưu trú từ 01 ngày trở lên (trên 24 giờ) tại cơ sở lưu trú trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được mua hàng hoá miễn thuế ở khu phi thuế quan với định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu/1 người/1 ngày và không quá 02 lần trong 01 tháng (30 ngày liên tục). Quy định này không áp dụng đối với người làm việc thường xuyên và người ra, vào thường xuyên đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Hàng hóa mua miễn thuế theo quy định nêu trên được nhận ở khu cách ly đối với hành khách rời đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt bằng máy bay, tàu biển hoặc tại địa điểm do Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt quy định (nếu bằng đường bộ).

2.4.4.1.2. Người nhập cảnh tại sân bay, bến cảng thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt bằng hộ chiếu, giấy thông hành biên giới, giấy thông hành xuất nhập cảnh biên giới do quốc gia láng giềng cấp cho công dân của mình hoặc bằng

các loại giấy tờ khác có giá trị thay cho hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp, có hành lý mang theo người, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi được miễn thuế nhập khẩu cho từng lần nhập cảnh không quá định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2.4.4.1.3. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm:

- Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị;

- Phương tiện vận tải chuyên dùng dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án;

- Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại mục này được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

2.4.4.1.4. Miễn thuế nhập khẩu lần đầu đối với hàng hóa là trang thiết bị nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được hoặc trong nước đã sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được quy cách tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc chưa phù hợp cho dự án đầu tư để thực hiện dự án đầu tư quy định tại Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

2.4.4.1.5. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc chủng loại trong nước đã sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được quy cách tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc chưa phù hợp cho dự án nêu tại mục 2.4.4.1.4 nêu trên phải theo danh mục đăng ký với Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

2.4.4.1.6. Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 07 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất kinh doanh hoặc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án đầu tư đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư hoặc để thực hiện dự án đầu tư quy định tại mục 2.4.3.2 nêu trên.

2.4.4.1.7. Hàng hóa là vật liệu xây dựng từ thị trường trong nước xuất khẩu vào khu phi thuế quan thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt để xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan được miễn thuế xuất khẩu.

2.4.4.1.8. Hàng hoá xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hoá chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác không thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2.4.4.1.9. Hàng hoá nhập khẩu chưa qua quá trình sản xuất, gia công, sửa chữa hoặc sử dụng đã nộp thuế nhập khẩu khi tái xuất khẩu vào khu phi thuế quan thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp.

#### 2.4.4.2. Thuế giá trị gia tăng

Hàng hóa miễn thuế nhập khẩu theo quy định trên (trừ hàng hóa nêu tại Mục 2.4.4.1.5 và 2.4.4.1.9) thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

#### 2.4.4.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Các dự án đầu tư tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được hưởng thuế suất 10% trong thời gian 30 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế bao gồm dự án đầu tư khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển và các dự án đầu tư quy định tại mục 2.4.1 nêu trên.

- Các dự án đầu tư tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường được áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

- Các dự án đầu tư tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được hưởng thuế suất 10% trong thời gian 10 năm, miễn 02 năm và giảm 50% trong thời gian 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

- Thu nhập từ dự án đầu tư kinh doanh bất động sản trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 17% trong 10 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án đầu tư kinh doanh bất động sản.

- Các dự án đầu tư khác không thuộc nội dung nêu trên tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được hưởng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.



- Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ cho tổ chức và cá nhân tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Trường hợp nhà đầu tư có dự án đầu tư đáp ứng nhiều điều kiện được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khác nhau đối với cùng một dự án đầu tư thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có lợi nhất.

#### 2.4.4.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt

- Hàng hoá miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại các mục 2.4.4.1.1, 2.4.4.1.2 và 2.4.4.1.8 nêu trên thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Hàng hoá nhập khẩu chưa qua quá trình sản xuất, gia công, sửa chữa hoặc sử dụng đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi tái xuất khẩu vào khu phi thuế quan thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp.

- Dịch vụ kinh doanh casino; trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy jackpot, máy slot và các loại máy tương tự; dịch vụ kinh doanh đặt cược tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được áp dụng mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt là 10% trong thời hạn 10 năm kể từ khi có doanh thu từ dịch vụ. Hết thời hạn 10 năm, các dịch vụ này áp dụng mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

#### 2.4.4.5. Thuế thu nhập cá nhân

- Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời gian 05 năm nhưng không quá năm 2030 và giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh của cá nhân làm việc tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời gian 10 năm nhưng không quá năm 2030 và giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh của nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao làm việc tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành tiêu chí xác định đối tượng nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao cần thu hút làm việc tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo từng giai đoạn.

#### 2.4.4.6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với dự án đầu tư trong đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

#### 2.4.5. Chính sách về tài chính, ngân sách

- Cơ chế để lại 100% số thu thuế xuất nhập khẩu trên địa bàn khu kinh tế Vân Phong đến năm 2030 để thực hiện các chính sách đặc thù tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong. Sau năm 2030 sẽ xem xét các khoản phân chia giữa ngân sách khu kinh tế Vân Phong với ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

- Cơ chế để lại 100% số thu thuế xuất nhập khẩu và toàn bộ số thu nội địa phát sinh trên địa bàn đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong đến năm 2030 để thực hiện các chính sách đặc thù tại đây. Sau năm 2030 sẽ xem xét các khoản phân chia giữa ngân sách Bắc Vân Phong với ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

- Ngân sách trung ương để lại 50% các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh Khánh Hòa để bổ sung cho đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trong thời gian 05 năm kể từ ngày thành lập để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao,...

- Ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được bội chi để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng các nguồn vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật.

- Mức dư nợ vay của ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không vượt quá 70% số thu ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được hưởng theo phân cấp.

- Căn cứ yêu cầu phát triển của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, ngân sách trung ương bổ sung trực tiếp cho ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình bảo vệ môi trường quan trọng của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và thực hiện chính sách đặc thù. Mức hỗ trợ do Quốc hội quyết định.

- Hằng năm, Chính phủ trình Quốc hội quyết định hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thông qua ngân sách tỉnh. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong để thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của ủy ban nhân dân tỉnh.

#### 2.4.6. Chính sách về tiền tệ, ngân hàng

- Căn cứ mức độ phát triển của thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng, Chính phủ quyết định thành lập chi nhánh ngân hàng nhà nước tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn.

- Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, các sàn giao dịch chứng khoán, vàng, ngoại tệ, các quỹ đầu tư, và công ty bảo hiểm được phép thành lập và hoạt động tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo quy định của pháp luật.

- Các giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được thực hiện bằng đồng Việt Nam, trường hợp thực hiện bằng ngoại tệ theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt qua đường hàng không và đường biển bằng hộ chiếu, giấy thông hành biên giới, giấy thông hành xuất nhập cảnh biên giới do quốc gia láng giềng cấp cho công dân của mình hoặc bằng các loại giấy tờ khác có giá trị thay cho hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp được mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt trên mức quy định bằng 03 (ba) lần hạn mức phải khai báo hải quan cửa khẩu khi xuất, nhập cảnh tương ứng từng thời kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

#### 2.4.7. Chính sách xuất cảnh, nhập cảnh, đi lại và tạm trú

2.4.7.1. Người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài làm việc tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và các thành viên gia đình của họ được cấp thị thực có giá trị nhiều lần và có thời hạn phù hợp với thời hạn làm việc tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; được tạm trú có thời hạn tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và ở Việt Nam.

2.4.7.2. Người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài nhập cảnh qua cửa khẩu đường không và đường biển tại đơn vị hành chính - kinh

tế đặc biệt để vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 60 ngày trong thời gian 180 ngày.

2.4.7.3. Trường hợp người nước ngoài vào cửa khẩu quốc tế đường không và đường biển của Việt Nam, lưu lại khu vực quá cảnh ở cửa khẩu đó, rồi chuyển tiếp đi đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được miễn thị thực theo quy định tại mục 2.4.7.2 nêu trên.

2.4.7.4. Thực hiện cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh qua cửa khẩu đường không và đường biển tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với thời gian tạm trú quá thời gian quy định tại mục 2.4.7.2 nêu trên theo quy định của Chính phủ.

2.4.7.5. Khi hết thời hạn thị thực quy định tại mục 2.4.7 này, người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài và các thành viên gia đình của họ nếu có nhu cầu tiếp tục ở lại làm việc tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thì được cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt xem xét, cho phép gia hạn tạm trú theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh.

2.4.7.6. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công an quy định cho phép công dân của một số quốc gia được sử dụng giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh để xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu đường không và đường biển tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

#### 2.4.8. Chính sách lao động, tiền lương và an sinh xã hội

2.4.8.1. Người sử dụng người lao động nước ngoài tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt có quyền tuyển dụng theo nhu cầu người lao động nước ngoài là các chuyên gia, nhà quản lý, giám đốc điều hành, lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 60 ngày và thời gian cộng dồn không quá 180 ngày/năm.

Người sử dụng người lao động nước ngoài quy định tại mục này không phải thực hiện xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài. Người lao động nước ngoài quy định tại mục này không thuộc diện cấp Giấy phép lao động.

2.4.8.2. Cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt có quyền

- Ký hợp đồng lao động, thuê khoán nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia trong nước và ngoài nước trên cơ sở thỏa thuận mức lương phù hợp với công việc được giao;

- Thực hiện chính sách tiền lương, chính sách thu nhập tự chủ.

2.4.8.3. Cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thực hiện khoán biên chế và kinh phí hoạt động.

2.4.8.4. Công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc diện tinh giản biên chế, dôi dư do sắp xếp tổ chức lại bộ máy theo quy định tại Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt được hỗ trợ theo quy định do Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và được thực hiện không quá 03 năm kể từ khi đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được thành lập.

2.4.8.5. Nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao được hỗ trợ nhà.

2.4.8.6. Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương được sử dụng để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động.

2.4.8.7. Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được sử dụng nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện quy định tại các mục 2.4.8.2, 2.4.8.3, 2.4.8.4, 2.4.8.5 và 2.4.8.6 nêu trên.

2.4.8.8. Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành tiêu chí xác định đối tượng nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao cần thu hút làm việc tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo từng giai đoạn.

2.4.8.9. Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng để nâng cao tay nghề cho người lao động Việt Nam làm việc cho dự án đầu tư trong thời gian hai (02) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động. Việc hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề được thực hiện thông qua các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do nhà đầu tư lựa chọn và theo phương thức cùng chia sẻ chi phí đào tạo nghề giữa Nhà nước và nhà đầu tư.

#### 2.4.9. Chính sách giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh

2.4.9.1. Đối với các hợp đồng dân sự, kinh doanh, thương mại được ký kết giữa tổ chức, cá nhân có trụ sở chính hoặc nơi cư trú tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trong đó có ít nhất một bên tham gia là nhà đầu tư nước ngoài, các bên được thỏa thuận trong hợp đồng việc áp dụng pháp luật nước ngoài hoặc tập quán quốc tế.

2.4.9.2. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trong đó có ít nhất một bên là

nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức sau đây:

- Trọng tài Việt Nam;
- Trọng tài nước ngoài;
- Trọng tài quốc tế;
- Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập;
- Tòa án Việt Nam;
- Tòa án nước ngoài, trừ các tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết riêng biệt của Tòa án Việt Nam theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2.4.9.3. Tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo hợp đồng hoặc Điều ước quốc tế có liên quan.

2.4.9.4. Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài, Trọng tài quốc tế được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, Điều ước quốc tế. Việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài, Trọng tài quốc tế không được gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của Luật và những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam.

#### 2.4.10. Về khai thác, kinh doanh cảng biển và các dịch vụ Logistic

- Căn cứ mức độ phát triển của cảng biển, Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong quyết định thành lập cơ quan quản lý cảng biển có chức năng, nhiệm vụ quản lý về đầu tư, sử dụng, cải tạo và phát triển cảng; giám sát các hoạt động của tàu thuyền ra, vào cảng, đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, quốc phòng và phòng ngừa ô nhiễm môi trường; cấp phép và điều tiết các hoạt động dịch vụ hàng hải, trang thiết bị xếp dỡ và cầu bến cảng; đầu mối thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế và hải quan đối với hàng hóa ra vào cảng.

- Hàng hóa trung chuyển được phép vận chuyển giữa ít nhất hai cảng biển trong lãnh thổ Việt Nam trong đó có ít nhất một lần qua cảng biển thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong để vượt khẩu qua cửa khẩu khác hoặc xuất khẩu trực tiếp.

#### 2.4.11. Chính sách về kinh doanh casino

Công dân Việt Nam được tham gia hoạt động vui chơi giải trí tại điểm kinh doanh casino trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

## **2.5. Mô hình tổ chức chính quyền địa phương**

Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân được tổ chức ở cả 03 cấp là: Cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Mô hình tổ chức này có hạn chế là không thể khai thác những điểm mạnh của mỗi đơn vị hành chính, không có cơ chế riêng phù hợp với đặc điểm riêng biệt của từng cấp đơn vị hành chính.

Đề tạo được sự đột phá về thể chế hành chính và tổ chức chính quyền địa phương; đổi mới căn bản cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của chính quyền địa phương đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, bảo đảm tổ chức bộ máy và nhân sự tinh gọn, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong theo thiết chế Trường đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, cụ thể như sau:

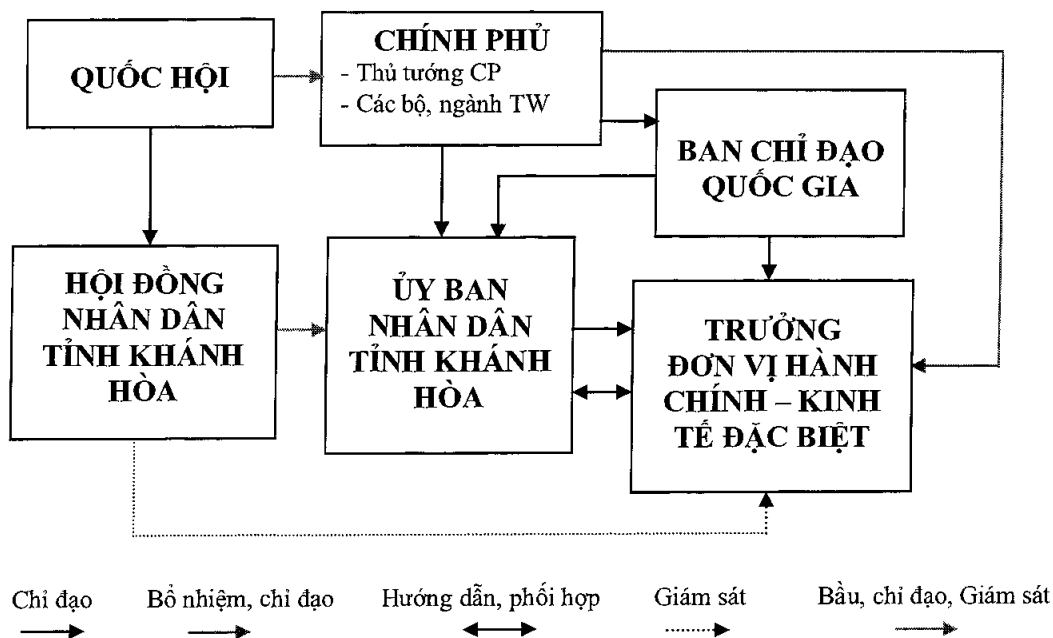
### **2.5.1. Nguyên tắc xây dựng mô hình**

Đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo nhà nước và xã hội, mô hình chính quyền trên địa bàn đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được xây dựng trên các nguyên tắc chính:

- Bộ máy hành chính đổi mới, tinh giản, linh hoạt, hiệu quả; giao quyền mạnh mẽ trong việc quyết định, thực thi cho Trường đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt đảm bảo vượt trội, độc lập trong điều hành, ra quyết định nhanh gọn;

- Có sự tham gia của Nhà đầu tư chiến lược theo mô hình “lãnh đạo công - quản trị tư” vận dụng theo mô hình hoạt động của doanh nghiệp;

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lao động chuyên nghiệp, kiến thức và kỹ năng chuyên môn ở trình độ cao.



Hình 23. Sơ đồ mô hình tổ chức

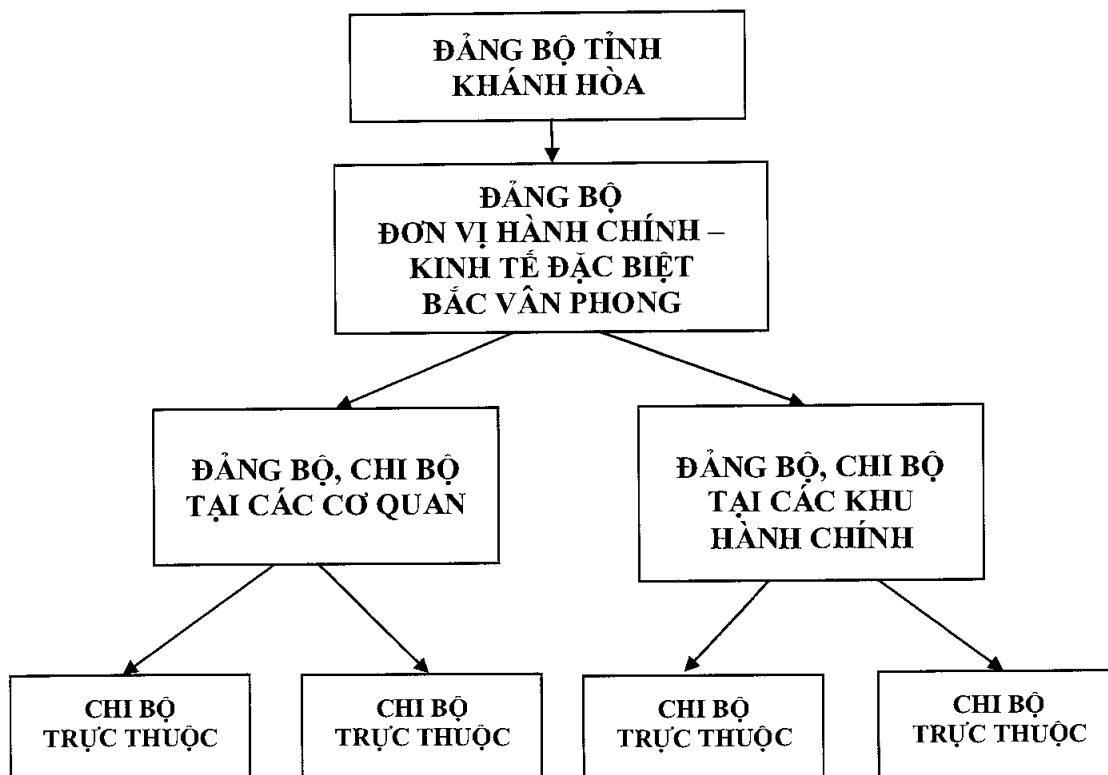
### 2.5.2. Hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có Đảng bộ đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt được tổ chức theo thiết chế Trường đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, có các cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc cho Trường đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan nội chính, tư pháp và ngành dọc khác. Nhất thể hóa chức danh Bí thư đồng thời là Trường đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

#### 2.5.2.1. Tổ chức đảng

Hoạt động và hệ thống tổ chức Đảng trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.



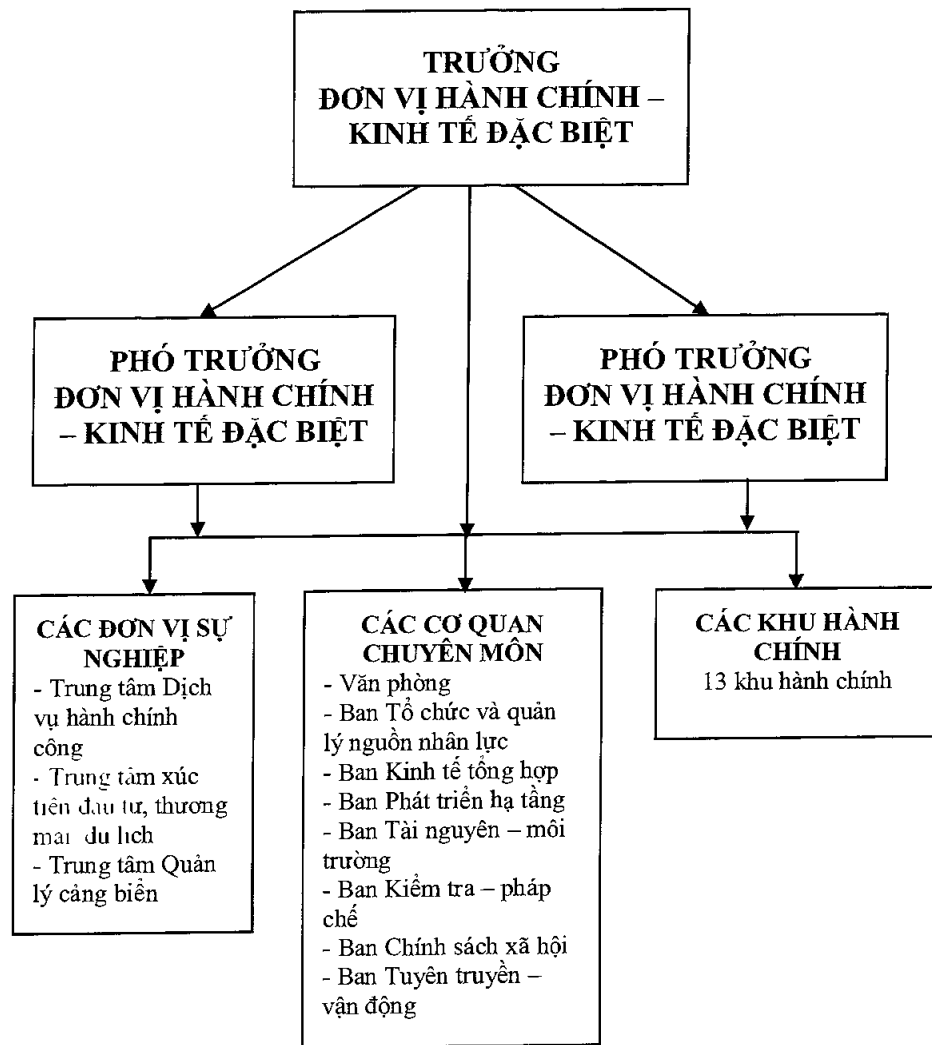


*Hình 24. Sơ đồ tổ chức Đảng*

Đảng bộ đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trực thuộc Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa; Ban Chấp hành Đảng bộ đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong gồm từ 39 đến 41 ủy viên, Ban Thường vụ có từ 09 - 11 ủy viên; Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ đồng thời là Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; 01 đồng chí Phó Bí thư Ban Chấp hành đảng bộ đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt phụ trách công tác Đảng, Mặt trận, đoàn thể.

Dưới Đảng bộ đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thành lập các chi, đảng bộ ở các Khu hành chính và các cơ quan, doanh nghiệp trực thuộc Đảng bộ đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; các đảng bộ cơ sở có các chi bộ trực thuộc.

2.5.2.2. Cơ cấu tổ chức của chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong



*Hình 25. Sơ đồ tổ chức tổ chức chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong*

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong gồm có Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, 02 Phó Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt là người đứng đầu đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, quyết định và tổ chức thực hiện các chủ trương, biện pháp, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và phân cấp, ủy quyền của chính quyền địa phương tỉnh Khánh Hòa và cơ quan nhà nước cấp trên; thực hiện quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động hành chính của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Nhân dân địa phương, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

- Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao và đặc thù của bộ máy hành chính.

- Phó Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong: Phó Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong là người giúp việc cho Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Số lượng Phó Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong không quá 02 (hai) người; Phó Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt do Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức (sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy) và chịu trách nhiệm trước Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Cơ quan tham mưu giúp việc cho Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt là cơ quan tham mưu giúp việc chung cho cả cấp ủy và chính quyền, được thành lập trên cơ sở hợp nhất, tổ chức lại các cơ quan tham mưu của cấp ủy với cơ quan chuyên môn của chính quyền theo hướng tinh gọn, hiệu quả, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Khi đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được thành lập và đi vào hoạt động, trước mắt thành lập 08 cơ quan. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, căn cứ vào sự phát triển của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt xem xét quyết định thành lập, giải thể hoặc tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc phù hợp với thực tiễn theo từng thời điểm trên cơ sở số lượng do cấp có thẩm quyền quy định.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập: Trên cơ sở hiện trạng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả đồng thời thành lập mới một số đơn vị đặc thù nhằm đảm bảo thuận lợi trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp như: Trung tâm Dịch vụ hành chính công, Trung tâm Quản lý Cảng biển.

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được tổ chức thành các Khu hành chính.

+ Các Khu hành chính được hình thành trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã hiện nay của huyện Vạn Ninh và phân khu chức năng sau khi quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt. Khi đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt được thành lập, trước mắt đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân

Phong được tổ chức thành 13 Khu hành chính trên cơ sở 13 xã, thị trấn hiện nay của huyện Vạn Ninh. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, căn cứ vào sự phát triển của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt xem xét quyết định thành lập, giải thể hoặc tổ chức lại các Khu hành chính cho phù hợp với thực tiễn theo từng thời điểm, đảm bảo không vượt quá số lượng được cấp có thẩm quyền quyết định khi thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

+ Trưởng Khu hành chính là người đại diện hành chính của Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt tại địa bàn Khu hành chính, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý hành chính nhà nước, giải quyết các thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan trên địa bàn Khu hành chính theo phân quyền, ủy quyền của Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

2.5.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền tỉnh và chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt

2.5.3.1. Xử lý các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân cấp huyện theo quy định hiện hành khi đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt không có Hội đồng nhân dân

Khi không tổ chức Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện Vạn Ninh hiện nay về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ giám sát; đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền làm chủ của nhân dân; quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương được xác định rõ là các nhiệm vụ này không phải bỏ đi mà được điều chuyển hợp lý cho Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể được giao cho Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt thực hiện.

- Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh: Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh; giám sát hoạt động của Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn trong việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và dài hạn; trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Những nhiệm vụ sẽ được chuyển cho Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt: Đó là những nhiệm vụ liên quan đến quyết định các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng chính quyền; quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; quyết định dự toán thu - chi ngân sách; quyết định biện pháp phát triển giáo dục, văn hóa, thông tin, chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội,....

2.5.3.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cấp chính quyền tỉnh Khánh Hòa đối với đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong:

+ Quyết định việc phân cấp cho Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của chính quyền địa phương đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Viện kiểm sát nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

+ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

+ Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ miễn nhiệm, cách chức Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

+ Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong:

+ Phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và dài hạn.

+ Quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

+ Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

+ Quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

+ Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

2.5.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

2.5.4.1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật

- Quyết định biện pháp thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh; biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân cấp; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định biện pháp để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp.

- Quyết định giải pháp quản lý dân cư và tổ chức đời sống dân cư, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan đô thị trên địa bàn.

- Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Trưởng Khu hành chính.

- Quyết định tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; chỉ đạo và áp dụng các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các biện pháp điều hành, phối hợp giữa quản lý theo ngành và lãnh thổ trên địa bàn; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn trực thuộc và Trưởng khu hành chính.

- Chỉ đạo triển khai công tác cải cách hành chính; áp dụng các biện pháp nhằm cải tiến lề lối làm việc; quản lý và điều hành bộ máy hành chính hoạt động có hiệu quả; ngăn ngừa và đấu tranh chống các biểu hiện quan liêu, vô trách nhiệm, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác

của cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy hành chính đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền; quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho Trưởng khu hành chính, cơ quan, tổ chức trực thuộc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ, mẫu văn bản, biện pháp tổ chức thực hiện, đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt quy định tại Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Tổ chức thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

#### 2.5.4.2. Trong lĩnh vực Xây dựng chính quyền

- Trên cơ sở quy định của Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quyết định số lượng, tên gọi; quyết định thành lập, giải thể, tổ chức lại; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn trực thuộc.

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Quyết định vị trí việc làm; biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Quyết định cơ chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Quyết định và thực hiện chính sách tiền lương linh hoạt, chính sách thu hút nhân tài, chính sách đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định thuê, khoán, chi trả chính sách tiền lương, tiền công cho chuyên gia trong nước và ngoài nước.

- Ban hành quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố, quảng trường, công trình công cộng trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Tổ chức thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức, đình chỉ công tác và quyết định các hình thức kỷ luật đối với Phó Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Trưởng và Phó Trưởng cơ quan chuyên môn, Trưởng khu hành chính và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Tuyển dụng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; giao quyền người đứng đầu cơ quan chuyên môn, Trưởng khu hành chính trong trường hợp khuyết.

- Lãnh đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính; chỉ đạo công tác cải cách hành chính và cải cách công vụ, công chức trong hệ thống hành chính nhà nước ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Chỉ đạo Phó Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Trưởng khu hành chính và người đứng đầu cơ quan chuyên môn trực thuộc; phân cấp, ủy quyền cho Phó Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, người đứng đầu cơ quan chuyên môn trực thuộc Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và Trưởng khu hành chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định phân cấp, ủy quyền Trưởng khu hành chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

#### 2.5.4.3. Trong lĩnh vực kinh tế

- Thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C, trừ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia và chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Phê duyệt đề xuất, báo cáo nghiên cứu khả thi; ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, trừ các dự án quan trọng quốc gia và dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Quyết định đầu tư chương trình, dự án của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo quy định của pháp luật.



- Ban hành quy định tích hợp các trình tự, thủ tục sau đầu tư về đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, lao động, xuất khẩu, nhập khẩu, hải quan, thương mại thuộc thẩm quyền của Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Tổ chức kiểm tra công nhận cơ sở chế biến thủy sản đạt tiêu chuẩn trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Cấp phép về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thủy sản cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thủy sản trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Cấp phép, kiểm tra về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu và kiểm tra chuyên ngành khác đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Quyết định thành lập khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

- Phê duyệt, công bố danh mục dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách sử dụng các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao cần lựa chọn nhà đầu tư.

- Quyết định chỉ định thầu để thực hiện dự án đầu tư ngoài hàng rào theo quy định tại Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ, phát triển tài nguyên du lịch; bảo đảm vệ sinh môi trường; tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến tham quan; sự tham gia của cộng đồng dân cư vào các hoạt động du lịch; bảo đảm an toàn cho khách du lịch trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Ban hành các quy định, hình thức tổ chức quản lý đối với khu, điểm du lịch, đô thị du lịch, loại hình, sản phẩm du lịch đặc biệt và các ngành, nghề kinh doanh du lịch bao gồm: Kinh doanh lữ hành, kinh doanh lưu trú du lịch, kinh doanh vận chuyển khách du lịch, kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Cấp giấy phép về việc thành lập và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Cấp, cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa đối với các doanh nghiệp có trụ sở chính tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Thẩm định, xếp hạng các cơ sở lưu trú du lịch tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Thẩm định và cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động đối với Quỹ xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn hỗ trợ, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Quyết định thành lập khu công nghiệp, khu chế xuất tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phù hợp với quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### 2.5.4.4. Trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh

- Thực hiện đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh đối với các dự án đầu tư trong đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và doanh nghiệp có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện đặt tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

- Quy định cơ chế liên thông giải quyết thủ tục đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh và các thủ tục có liên quan thuộc thẩm quyền của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tại Trung tâm hành chính công.

- Xây dựng hệ thống thông tin điện tử để thực hiện đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh và các thủ tục sau đầu tư liên quan khác qua mạng.

#### 2.5.4.5. Trong lĩnh vực tài chính, ngân sách

- Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết.

- Tổ chức thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; kiểm tra, báo cáo việc thực hiện ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; báo cáo, công khai ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Quyết định nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức phân bổ chi thường xuyên cho các lĩnh vực của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

- Phê duyệt quyết toán ngân sách đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn.

- Định giá các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, sửa chữa, bảo dưỡng, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, bán, liên doanh, liên kết, cho thuê, tiêu hủy tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Ban hành danh mục kê khai giá và tiếp nhận hồ sơ kê khai giá trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định chủ trương, biện pháp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ.

2.5.4.6. Trong lĩnh vực quy hoạch, giao thông vận tải, xây dựng, đô thị, nhà ở, bất động sản

- Căn cứ quy định pháp luật về quy hoạch, Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt quyết định việc lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch theo quy định để thực hiện quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; quyết định dự án đầu tư công trình đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Quyết định chính sách thu hút đầu tư phát triển đô thị, cơ chế khuyến khích phát triển công trình hạ tầng đô thị; chương trình, kế hoạch xây dựng công trình hạ tầng đô thị, giao thông trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo quy định của pháp luật.

- Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng đối với tất cả các công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở của dự án nhóm A trở xuống sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư trên địa bàn; thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình cấp I trở xuống sử dụng vốn khác được đầu tư xây dựng trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước); thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3

bước) của dự án đầu tư xây dựng công trình cấp I trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Thực hiện quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện các quy hoạch sau khi được phê duyệt; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và các thủ tục hành chính liên quan đến quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trong quá trình thi công và sử dụng công trình; quản lý các dịch vụ công ích trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do mình làm chủ đầu tư và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu; thực hiện các nhiệm vụ đấu thầu theo quy định của Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Ký kết hợp đồng với nhà đầu tư có năng lực hình thức đầu tư dự án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo quy định của pháp luật hoặc phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước, quản lý tài sản về kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ đường cao tốc và cảng hàng không.

- Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đảm bảo các điều kiện điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

- Quyết định lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư, dự án nhà ở xã hội, dự án nhà ở thương mại, dự án khu đô thị trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định chủ trương đầu tư các dự án xây dựng nhà ở; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; tái thiết khu đô thị; bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; chỉnh trang đô thị; đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định giá cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

#### 2.5.4.7. Trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường

- Quyết định giải pháp và thực hiện các nhiệm vụ quản lý và sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi ở vùng

biển và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác; giải pháp bảo vệ và cải thiện môi trường, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bão, lụt trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê khu vực biển trong phạm vi địa giới hành chính đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định cho thuê khu vực biển trong phạm vi địa giới hành chính đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà theo quy định hiện hành thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quy định và ban hành chế độ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo từng khu vực, lĩnh vực.

- Căn cứ quy định tại Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, quyết định cụ thể thời gian miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với từng dự án đầu tư nhưng không thấp hơn mức tối thiểu về miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật đầu tư.

- Quyết định giá đất cụ thể để giao đất, cho thuê đất trong trường hợp không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Ban hành giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; áp dụng giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất đối với các dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định các hình thức hỗ trợ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mà theo quy định hiện hành thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định các hình thức huy động nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước và các hình thức thanh toán để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi Giấy phép về tài nguyên nước.

- Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án theo quy định tại Điều 20 của Luật này.

- Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao đất, cho thuê đất, mặt nước đối với dự án đầu tư.

- Quyết định chuyển mục đích sử dụng toàn bộ hoặc một phần đất rừng do Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác lập phù hợp với quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được phê duyệt, trừ các trường hợp sau đây: Chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 100 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 100 héc ta trở lên.

- Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, trừ trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên.

- Ban hành quy chuẩn môi trường về chất thải rắn, nước thải, khí thải và tiếng ồn trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn môi trường quốc gia.

#### 2.5.4.8. Trong lĩnh vực công thương, hải quan

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ kinh doanh, hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu (C/O) đối với các loại mẫu C/O ưu đãi và không ưu đãi tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Cấp giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt, hàng thực phẩm đông lạnh, hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa đã qua sử dụng.

- Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

- Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, trừ hàng hóa thuộc diện cấm hoặc tạm ngừng xuất nhập khẩu, hàng hóa chuyên ngành quốc phòng, an ninh, tiền tệ, y tế và một số mặt hàng đặc biệt khác.

- Quyết định, công nhận, công bố thành lập; thu hẹp, mở rộng, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động của kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế, kho hàng không kéo dài, cảng cạn, địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung trên cơ sở tham khảo ý kiến của Tổng cục hải quan.

- Phê duyệt các chương trình quảng cáo – khuyến mại trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Ban hành quy chế quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán hàng hóa, dịch vụ tại khu phi thuế quan thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

#### 2.5.4.9. Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ

- Quyết định biện pháp phát triển hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đo lường, sở hữu công nghiệp trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định biện pháp khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quản lý các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học tư thục trên địa bàn theo điều lệ; quyết định công nhận, không công nhận hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường cao đẳng, đại học tư thục thuộc quyền quản lý.

- Thẩm định công nghệ của dự án đầu tư thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Chỉ định tổ chức được quyền chứng nhận sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật do đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành.

- Quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phù hợp với quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

- Xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

2.5.4.10. Trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, thực hiện chính sách xã hội và chính sách dân tộc, tôn giáo

- Quyết định giải pháp và thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định giải pháp và thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống dịch bệnh, thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định giải pháp và thực hiện nhiệm vụ phát triển việc làm, thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội, xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định giải pháp và thực hiện nhiệm vụ bảo đảm việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Cấp Giấy phép phổ biến phim đối với phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt sản xuất hoặc nhập khẩu.

- Tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, liên hoan phim quốc tế tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Tổ chức xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện quy hoạch quảng cáo ngoài trời tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Thực hiện quản lý nhà nước về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu trong phạm vi đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định tổ chức giải, phê duyệt điều lệ giải thi đấu vô địch từng môn thể thao trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định các nội dung liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực lao động tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt bao gồm: Tiếp



nhận và xử lý thông báo cho nhiều người lao động nghỉ việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ và lý do kinh tế của doanh nghiệp; tiếp nhận và thụ lý hồ sơ thoả ước lao động tập thể của doanh nghiệp; giải quyết thủ tục đăng ký nội quy lao động của các tổ chức, doanh nghiệp; quyết định các nội dung liên quan đến quản lý lao động là người nước ngoài theo quy định của pháp luật; tiếp nhận hồ sơ, thẩm định số lượng lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội tạm thời nghỉ việc.

- Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài thuộc diện cấp Giấy phép lao động làm việc tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp quy định khác tại Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; nhận báo cáo xác định nhu cầu và chấp thuận cho người sử dụng lao động việc sử dụng lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc; xác nhận người sử dụng lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động.

- Quyết định các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trừ các thủ tục điều tra các sự cố, tai nạn lao động và những quy định thuộc lĩnh vực chuyên ngành khác.

- Phê duyệt phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm; quyết định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

- Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi hoặc nhận lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.

- Xác định nhu cầu, đối tượng người lao động và quyết định phương thức hỗ trợ, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề theo quy định tại Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Quyết định hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động nữ, lao động ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, lao động bị thu hồi đất, đối tượng tinh giản biên chế theo quy định tại Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

#### 2.5.4.11. Trong lĩnh vực đối ngoại

- Quyết định việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, trừ các hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định việc thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với các địa phương nước ngoài.

2.5.5. Các cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc và một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

Cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc cho Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được sắp xếp, tổ chức các cơ quan tham mưu của cấp ủy với cơ quan chuyên môn của chính quyền theo hướng tinh gọn, hiệu quả, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; trước mắt thành lập 08 cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, căn cứ vào sự phát triển của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt xem xét quyết định thành lập, giải thể hoặc tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc phù hợp với thực tiễn theo từng thời điểm.

2.5.5.1. Cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc cho Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

- Văn phòng: Có chức năng tham mưu, tổng hợp, đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Tham mưu, thực hiện về công tác hành chính, tổng hợp, đối ngoại, văn thư lưu trữ và một số nhiệm vụ khác được giao.

- Ban Tổ chức và Quản lý nguồn nhân lực: Có chức năng tham mưu, thực hiện về công tác tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đào tạo, lao động việc làm, phát triển nguồn nhân lực; cải cách hành chính; xây dựng chính quyền, địa giới hành chính; công tác thi đua khen thưởng; công tác quản lý tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

- Ban Kinh tế tổng hợp: Có chức năng tham mưu về các chủ trương, chính sách thuộc lĩnh vực kinh tế; tổ chức thực hiện chính sách và quản lý nhà nước về các ngành công nghiệp; thương mại, xuất nhập khẩu; du lịch - dịch vụ; nông, lâm, ngư nghiệp; khoa học - công nghệ; quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực; kế hoạch - đầu tư; tài chính, ngân hàng; quản lý doanh nghiệp.

- Ban Phát triển hạ tầng: Có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước về các lĩnh vực giao thông vận tải; xây dựng, quản lý đô thị, kiến trúc - quy hoạch, nhà ở và công sở, vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị.

- Ban Tài nguyên - Môi trường: Có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản; giải phóng mặt bằng; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quan trắc, môi trường, khí tượng - thủy văn; đo đạc, bản đồ; biển đảo.

- Ban Kiểm tra – Pháp chế: Có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật; tham mưu việc thực hiện công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, công tác tư pháp; tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; kỷ luật; thanh tra chuyên ngành; giúp Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và thẩm định, thẩm tra các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trong Khu hành chính.

- Ban Chính sách xã hội: Có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện các chính sách và quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục - đào tạo; văn hóa, gia đình, thể dục - thể thao; trẻ em; y tế; tổ chức thực thi pháp luật và quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ sản xuất đến lưu thông, tiêu dùng; kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh, các yếu tố tác động ảnh hưởng đến sức khỏe người dân,....

- Ban Tuyên truyền - Vận động: Có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền, thông tin, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ; vận động, tập hợp đoàn kết các tầng lớp và quần chúng nhân dân; các vấn đề xã hội và an sinh xã hội; công tác tôn giáo, dân tộc.

#### 2.5.5.2. Các đơn vị sự nghiệp

- Trung tâm dịch vụ hành chính công: Tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp và công dân theo cơ chế “một cửa, tại chỗ”; tham gia đề xuất các giải pháp nhằm cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hành chính.

- Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch: Thực hiện chức năng xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và du lịch; thực hiện các hoạt động tư vấn đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư; quảng bá thương hiệu và mở rộng thị trường.

- Trung tâm quản lý cảng biển: Có chức năng quản lý việc đầu tư, sử dụng, cải tạo và phát triển cảng; giám sát các hoạt động của tàu thuyền ra, vào cảng làm hàng, đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, quốc phòng và phòng ngừa ô nhiễm môi trường và các nhiệm vụ khác theo sự chỉ đạo của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

#### 2.5.6. Các Khu hành chính

- Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được tổ chức là các Khu hành chính. Các Khu hành chính được hình thành trên cơ sở đơn vị hành

chính cấp xã hiện nay của huyện Vạn Ninh và phân khu chức năng sau Quy hoạch chung.

- Các Khu hành chính thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước (chuyển tiếp từ chính quyền cấp xã), giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan đến công dân, tổ chức, doanh nghiệp theo phân cấp, ủy quyền của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Lãnh đạo các Khu hành chính có Trưởng Khu hành chính và các Phó trưởng Khu hành chính do Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt bổ nhiệm. Trưởng Khu hành chính là người đứng đầu Khu hành chính, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt về các hoạt động của Khu hành chính. Giúp việc cho Trưởng Khu hành chính có công chức, lao động thuộc các chuyên ngành: Văn phòng - Thống kê, Địa chính, Xây dựng, Tư pháp hộ tịch, Văn hóa - Xã hội; Tài chính - kế toán, ... để thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phân cấp, ủy quyền trên cơ sở tình hình thực tế về điều kiện tự nhiên, dân số, kinh tế - xã hội của từng Khu hành chính. Các Khu hành chính chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan tham mưu giúp việc của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và các cơ quan khác có liên quan.

#### 2.5.7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Khu hành chính

- Tổ chức, bảo đảm và thực hiện nhiệm vụ thi hành Hiến pháp, pháp luật và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên trên địa bàn khu hành chính.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn khu hành chính.

- Thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền, ủy quyền; bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân; tổ chức và quản lý dân cư trên địa bàn khu hành chính.

- Giải quyết các thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công cho các tổ chức và cá nhân có liên quan trên địa bàn khu hành chính theo phân cấp, ủy quyền của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Điều hành, phối hợp và kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai các chủ trương, quyết định, quy hoạch, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền cấp trên phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của khu hành chính.

- Áp dụng các biện pháp nhằm cải tiến lề lối làm việc; quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động hành chính của khu hành chính có hiệu quả; ngăn ngừa và đấu tranh phòng, chống các biểu hiện quan liêu, vô trách nhiệm, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác của đội ngũ công chức, viên chức.

- Quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước được giao theo quy định của pháp luật.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

- Ủy quyền cho Phó Trưởng khu hành chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Trưởng khu hành chính.

- Chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; áp dụng các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Chịu trách nhiệm trước Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng khu hành chính.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phân quyền, ủy quyền.

2.5.8. Các cơ quan tư pháp, nội chính, ngành dọc khác trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

2.5.8.1. Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

2.5.8.1.1. Thẩm quyền thành lập: Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2.5.8.1.2. Cơ cấu tổ chức

Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có thể có Tòa dân sự, Tòa hình sự, Tòa kinh tế, Tòa lao động, Tòa gia đình và người chưa thành niên, Tòa hành chính, Tòa xử lý hành chính. Trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập Tòa chuyên trách khác theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

#### 2.5.8.1.3. Bộ máy giúp việc

- Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa, Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên về thi hành án, công chức khác và người lao động.

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

#### 2.5.8.1.4. Nhiệm vụ, quyền hạn

Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật tổ chức Tòa án nhân dân về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân cấp huyện.

#### 2.5.8.1.5. Thẩm quyền

Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm khiếu kiện hành chính sau đây:

+ Quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

+ Trường hợp khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và người khiếu kiện lựa chọn Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt giải quyết.

+ Quyết định kỷ luật buộc thôi việc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

+ Quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh mà người khởi kiện có nơi cư trú, nơi làm việc hoặc trụ sở trên cùng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và người khiếu kiện lựa chọn Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt để giải quyết.

+ Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên cùng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với các tranh chấp, yêu cầu giữa các đương sự có tài sản, nơi cư trú ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự theo điểm b khoản 2 điều 268 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, trong trường hợp nếu có kháng nghị, kháng cáo thì do Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử phúc thẩm.

- Xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

- Thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự khi giải quyết các vụ việc mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật tương trợ tư pháp và các quy định khác của pháp luật tố tụng.

- Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 68 (trừ dẫn độ tội phạm) của Luật tương trợ tư pháp 2007.

- Giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật.

2.5.8.2. Viện kiểm sát nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

- Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể Viện kiểm sát nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Viện kiểm sát nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được tổ chức tương ứng với Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

- Tổ chức bộ máy, biên chế của Viện kiểm sát nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt:

+ Thực hành Quyền Công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp theo thẩm quyền Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện quy định Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân.

+ Viện kiểm sát nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thực hành Quyền Công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp về giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

- Viện kiểm sát nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 69 của Luật Tương trợ tư pháp 2007.

2.5.8.3. Chi cục Thi hành án dân sự đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập, giải thể Chi cục thi hành án dân sự đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong theo đề nghị của Tổng cục thi hành án dân sự.

- Cơ cấu tổ chức của Chi cục thi hành án dân sự đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong tương đương với Chi cục thi hành án dân sự cấp huyện.

- Chi cục thi hành án dân sự đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định sau:

+ Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt trên cùng địa bàn.

+ Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao đối với các vụ việc trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

+ Quyết định của Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

+ Bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài được Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam.

+ Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại.

+ Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh.

+ Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự nơi khác hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác.



2.5.8.4. Ban chỉ huy quân sự, Đồn biên phòng, Công an tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

Ban chỉ huy quân sự, Đồn biên phòng, Công an tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được tổ chức, thành lập theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

2.5.8.5. Các cơ quan tài chính, ngân hàng và bảo hiểm trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

- Tổ chức hợp nhất ba cơ quan thuế, cơ quan hải quan, kho bạc nhà nước trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thành một cơ quan tài chính đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong lĩnh vực quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính, thuế, hải quan, kho bạc nhà nước. Bộ Tài chính quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan tài chính trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chi nhánh Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

- Bảo hiểm xã hội đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh đặt tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; quản lý thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trên địa bàn theo quy định. Bảo hiểm xã hội đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và chịu sự quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

2.5.9. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Hệ thống và hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong theo quy định của Luật, Điều lệ của từng tổ chức và theo quy định của tỉnh. Tổ chức, sắp xếp lại theo hướng thành lập cơ quan tham mưu giúp việc chung Khối Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể gọi tắt là cơ quan Khối vận; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc là Trưởng cơ quan Khối vận; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Trưởng các tổ chức đoàn thể là Phó trưởng cơ quan Khối. Tại các Khu hành chính có Ban công tác mặt trận và các tổ chức đoàn thể.

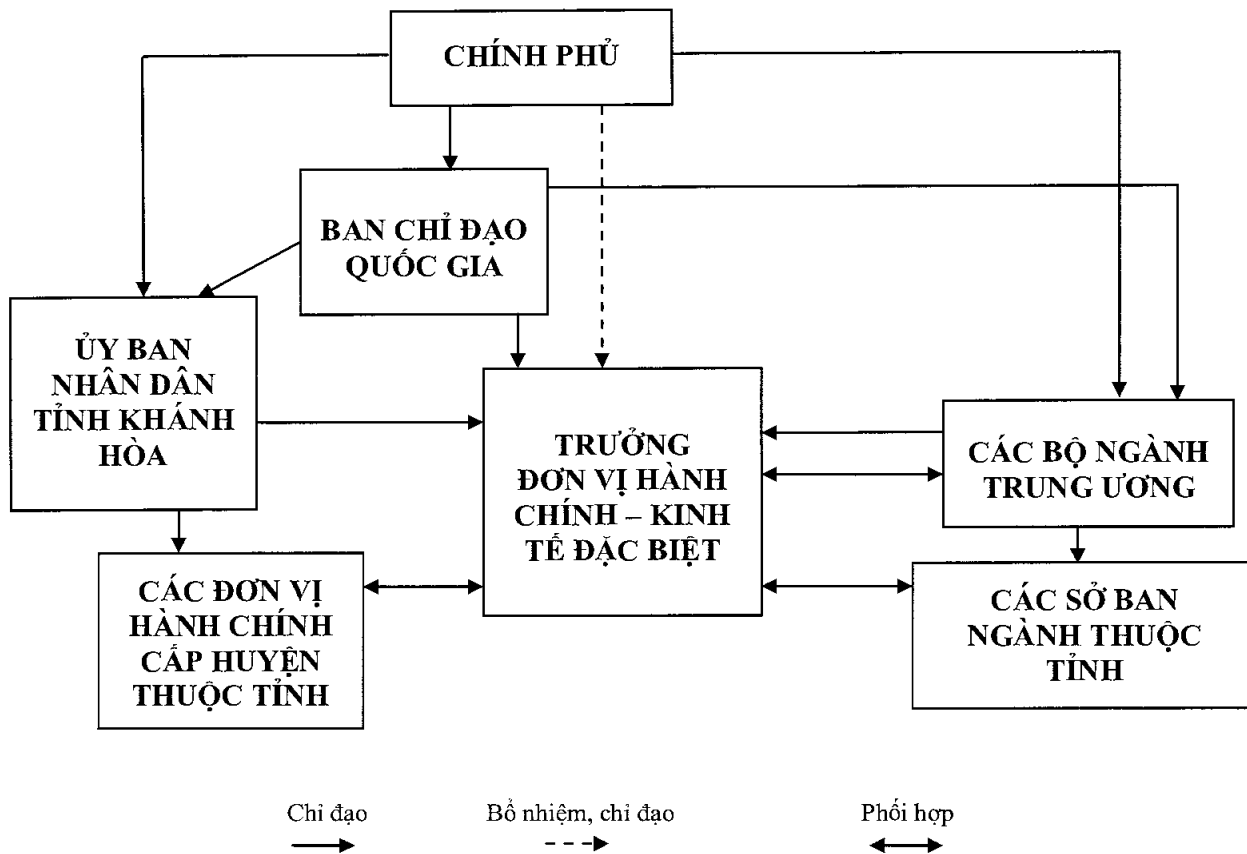
2.5.10. Mối quan hệ và công tác kiểm tra, giám sát đối với Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

2.5.10.1. Mối quan hệ giữa Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong với Tỉnh và Trung ương

- Ban Chấp hành Đảng bộ đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong chấp hành Điều lệ Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa và chịu sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy cấp trên.

- Mối quan hệ giữa Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với các cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ngành là mối quan hệ kết hợp hài hòa giữa cấp trên, cấp dưới (theo chiều dọc); mối quan hệ phối hợp giữa quản lý nhà nước theo ngành và quản lý nhà nước theo lãnh thổ; mối quan hệ chấp hành, phối hợp. Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những lĩnh vực quản lý của tỉnh không phân quyền, phân cấp hoặc ủy quyền cho Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; chịu trách nhiệm và báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt chịu trách nhiệm và báo cáo với Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương giao và về toàn bộ hoạt động của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

- Mối quan hệ giữa Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Khánh Hòa là quan hệ phối hợp (theo chiều ngang); theo lĩnh vực địa bàn, lãnh thổ.



Hình 26. Sơ đồ mối quan hệ giữa Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong với Tỉnh và Trung ương

2.5.10.2. Cơ chế kiểm tra, giám sát đối với Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

Chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước khác ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt chịu sự giám sát của Nhân dân, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo quy định của Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Giám sát của Nhân dân:

+ Hàng tháng, Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tổ chức tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý đơn thư, kiến nghị của công dân

+ Hàng năm, Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt có trách nhiệm thông báo với Nhân dân ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt về kết quả hoạt động trên các phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân giám sát, kiểm tra.

+ Hàng năm, Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt có trách nhiệm tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt về tình hình và kết quả hoạt động của mình và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh:

+ Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát đối với chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước khác ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt theo quy định của Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và pháp luật có liên quan.

+ Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình tại các kỳ họp thường kỳ của Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo tại kỳ họp chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh có vấn đề liên quan đến đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

+ Tòa án nhân dân tỉnh và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt theo quy định của Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, Luật tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật có liên quan.

- Giám sát của Ủy ban Mặt trận tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thực hiện giám sát đối với chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước khác ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt theo quy định của Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và pháp luật có liên quan.

2.5.11. Ưu, nhược điểm của mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo thiết chế Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt

2.5.11.1. Ưu điểm

- Mô hình tổ chức chính quyền địa phương nêu trên thể hiện được sự đột phá về thể chế hành chính và tổ chức chính quyền địa phương; đổi mới căn bản cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của chính quyền địa phương đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, bảo đảm tổ chức bộ máy và nhân sự tinh gọn, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; đặc biệt là của Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt với tính chất là người đứng đầu đơn vị hành

chính – kinh tế đặc biệt; phù hợp với yêu cầu tổ chức chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt ở nước ta trong điều kiện hiện nay và thông lệ quốc tế.

- Đây là mô hình thực hiện chế độ thủ trưởng, thể hiện rõ, đề cao vai trò và trách nhiệm cá nhân của Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt với vị trí là người đứng đầu đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt trong công tác điều hành, quản lý mọi hoạt động về phát triển toàn diện đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; tự chịu trách nhiệm cá nhân đối với hoạt động của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Phù hợp với phương thức hoạt động theo mô hình quản trị doanh nghiệp, “lãnh đạo công – quản trị tư”.

- Với mô hình Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt thể hiện rõ sự phù hợp với chính tên gọi của nó là “Hành chính- kinh tế” đặc biệt đồng thời phù hợp với xu thế chung của các nước trong khu vực và quốc tế đó là có tổ chức bộ máy đặc biệt, với thể chế vượt trội. Các vấn đề liên quan đến sự phát triển kinh tế của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt cần phải được giải quyết nhanh, nên đòi hỏi người đứng đầu phải có năng lực, tư duy, quyết đoán, chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

#### 2.5.11.2. Nhược điểm

- Mô hình Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt là một mô hình rất mới do đó khi vận hành sẽ gặp lúng túng và khó khăn, vướng mắc nhất định;

- Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt đòi hỏi phải là người có trình độ, năng lực chuyên môn cao và cần quyết đoán nhanh, chính xác mọi vấn đề, tuy nhiên cũng không cầu toàn vì vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

- Tổ chức bộ máy, biên chế phải sắp xếp lại để phù hợp với mô hình quản lý mới nên sẽ có sự xáo trộn nhất định và cần có thời gian, lộ trình phù hợp.

#### 2.5.12. Những vấn đề cần giải quyết khi tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt

##### 2.5.12.1. Về công tác cán bộ

##### 2.5.12.1.1. Đối với các chức danh chủ chốt của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

- Khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong: Thực hiện theo hình thức chỉ định bổ nhiệm; thời gian bổ nhiệm từ 3 đến 5 năm.

+ Đối với chức danh Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong: Nhân sự do Ban thường vụ Tỉnh ủy xem xét, thống nhất; sau đó báo cáo Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định bổ nhiệm.

+ Đối với chức danh Phó Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong: Nhân sự do Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong giới thiệu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến. Sau khi có văn bản thông báo của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định bổ nhiệm.

- Quy trình công tác cán bộ sau khi hết thời hạn chỉ định bổ nhiệm (sau 3 đến 5 năm).

+ Đối với Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong: Được thực hiện thông qua hình thức dân bầu trực tiếp. Cụ thể: Trên cơ sở giới thiệu của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban thường vụ Tỉnh ủy thông báo về nhân sự đề bầu chức danh Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong. Thực hiện bầu Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín trên địa bàn đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Căn cứ vào kết quả bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Sau khi có thông báo của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định phê chuẩn.

+ Đối với Phó Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong:

Nhân sự do Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong giới thiệu, báo cáo Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến. Sau khi có văn bản thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Quyết định bổ nhiệm Phó Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Như vậy, khi thực hiện theo quy trình bầu cử trực tiếp đối với Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt đã thể hiện tính dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân trong việc lựa chọn người lãnh đạo đứng đầu của địa phương.

2.5.12.1.2. Đối với các chức danh Trưởng, Phó Trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và Trưởng, Phó Trưởng khu hành chính do Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong xem xét quyết định bổ nhiệm.

2.5.12.2. Đối với Hội đồng nhân dân huyện Vạn Ninh, đại biểu Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân và chính quyền cấp xã hiện nay

Theo mô hình trên sẽ không còn tổ chức Hội đồng nhân dân huyện Vạn Ninh, chính quyền cấp xã cũng không còn nên khi thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ kiện toàn, có chế độ chính sách riêng để giải quyết cho các đội ngũ cán bộ, công chức đang công tác tại Hội đồng nhân dân huyện Vạn Ninh, cán bộ, công chức ở cấp xã.

## **2.6. Giải pháp tổ chức thực hiện**

### **2.6.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức bộ máy, nhân sự**

#### **2.6.1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

- Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về xây dựng các đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt để tổ chức thực hiện có hiệu quả Thông báo kết luận của Bộ Chính trị. Chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành xây dựng cơ chế để huy động các doanh nghiệp tập trung đầu tư phát triển tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban. Nâng cao nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; quản lý của chính quyền; phát huy vai trò tập hợp lực lượng của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội trong tổ chức lãnh đạo, quản lý, điều hành đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, công tác tư tưởng: Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì hướng dẫn công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kết luận của Bộ Chính trị về xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt để cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, địa phương và các tầng lớp nhân dân hiểu rõ quan điểm xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong không phải chỉ cho tỉnh Khánh Hòa mà cho cả nước và là chương trình quốc gia để tập trung lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên chính sách và nguồn lực từ Trung ương đến các địa phương, tạo sự đồng thuận, ủng hộ, chung tay của nhân dân cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế. Tăng cường chỉ đạo làm tốt công tác dân vận nhằm phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

- Xây dựng thể chế: Quốc hội ban hành Nghị quyết thành lập và Luật Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, quy định về tổ chức bộ máy, cơ chế chính sách, quản lý, điều hành, công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,... để có đầy đủ cơ sở pháp lý triển khai thực hiện. Các ban đảng Trung ương tham mưu ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp ủy, Bí thư cấp ủy, các cơ quan tham mưu cho cấp ủy đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong khi thực hiện mô hình mới. Ban thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa hướng dẫn xây dựng và ban hành quy chế phối hợp của các tổ chức trong hệ

thống chính trị của tỉnh và của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt phù hợp với mô hình mới.

- Cải cách thủ tục hành chính: Rà soát loại bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp với mô hình mới, đảm bảo sự thống nhất, đơn giản, tinh gọn và công khai quy trình. Xây dựng kế hoạch tổ chức thi tuyển công khai, rộng rãi một số chức danh như: Trưởng, Phó cơ quan chuyên môn của Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Tăng cường phân cấp, xác định thẩm quyền, trách nhiệm cho cấp dưới và cá nhân. Dành nguồn lực xây dựng và hoàn thành chính quyền điện tử, trung tâm hành chính công của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Từng bước áp dụng mô hình lãnh đạo công - quản trị tư.

#### 2.6.1.2. Xây dựng tổ chức bộ máy, nhân sự

- Xây dựng các tiêu chuẩn cơ bản đối với các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp ủy, chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; ban hành quy định về điều kiện, tiêu chuẩn thi tuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Trưởng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt cho phù hợp với mô hình mới. Chủ động sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự lãnh đạo đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt và các phòng, đơn vị trực thuộc để đi vào hoạt động ngay đảm bảo không chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ. Xây dựng lộ trình sắp xếp tổ chức, bộ máy; tăng cường cán bộ của tỉnh về công tác tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sau khi thành lập.

- Sắp xếp bộ máy và nhân sự dôi dư: Áp dụng chính sách tinh giản theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; đồng thời có chính sách riêng của tỉnh để hỗ trợ bổ sung.

#### 2.6.1.3. Xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức cán bộ và Đề án nhân sự

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy và Đề án nhân sự đáp ứng yêu cầu xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong. Xây dựng các tiêu chuẩn cơ bản đối với các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp ủy, Chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong; Ban hành quy định về điều kiện, tiêu chuẩn đối với các chức danh cán bộ, công chức, viên chức lao động làm việc của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt cho phù hợp với mô hình mới.

- Sắp xếp, tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sau khi có Nghị quyết thành lập, để bộ máy đi vào hoạt động ngay, đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.



- Xây dựng tiêu chuẩn đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cơ bản đổi mới cách tuyển chọn cán bộ thông qua giải pháp: Thi tuyển, giới thiệu, tiến cử, thu hút, bồi dưỡng, quy hoạch,...

- Phương án bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức khi thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong:

+ Số cán bộ, công chức thuộc khối Đảng, đoàn thể và UBND cấp huyện, cấp xã hiện có 437 người, trong đó 163 cán bộ, công chức cấp huyện; 274 cán bộ, công chức cấp xã.

+ Số biên chế công chức dự kiến: 389 người làm việc tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong (145 người làm việc tại các Ban chuyên môn đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; 244 người dự kiến làm việc các Khu hành chính).

+ Đối với đội ngũ viên chức, trước mắt giữ ổn định, nhất là đội ngũ giáo viên, y tế, đội ngũ hưởng phụ cấp ở xã và ở thôn, tổ dân phố (không chuyên trách cấp xã, thôn).

2.6.1.4. Giải pháp sắp xếp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức khi thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong

- Sau khi rà soát thực trạng đội ngũ hiện nay của huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa đưa ra một số giải pháp thực hiện việc bố trí, sắp xếp lại nhân sự, trong đó chủ yếu là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan Khối Đảng, đoàn thể, các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã dự kiến sẽ giảm:

+ Do dôi dư không còn vị trí, nhu cầu, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã;

+ Do trình độ chuyên môn không đạt chuẩn hoặc không phù hợp;

+ Do năng lực không đáp ứng yêu cầu công việc theo mô hình đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Giải pháp thực hiện

Để thực hiện tinh giản biên chế, đồng thời bổ sung nhân lực để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp sau đây:

+ Đối với những trường hợp có trình độ nhưng hiện nay bố trí không đúng hoặc sau khi sắp xếp không còn vị trí việc làm phù hợp: Thực hiện rà soát bố trí, sắp xếp hợp lý trong nội bộ (điều chuyển giữa các Ban chuyên môn; các đơn vị

sự nghiệp; các Khu hành chính thuộc đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong) đảm bảo phù hợp với trình độ chuyên môn đào tạo, vị trí việc làm.

+ Đối với trường hợp do trình độ chuyên môn không đạt chuẩn, năng lực yếu: Giải quyết nghỉ hưu trước tuổi; chuyển đổi vị trí công tác phù hợp sang địa bàn khác trên địa bàn tỉnh trong trường hợp còn biên chế; hỗ trợ việc đào tạo nghề, giải quyết chế độ thôi việc để tự tìm kiếm công việc khác; nghỉ giải quyết chế độ thôi việc theo nguyện vọng cá nhân.

Đối với nhóm đối tượng này, ngoài việc được hưởng chính sách theo quy định hiện hành còn được hưởng chế độ hỗ trợ của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, do Trường đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt quyết định.

+ Tăng cường cán bộ của Trung ương và của Tỉnh biệt phái về công tác tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong để xây dựng, phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, dự kiến từ 10-15% tổng số cán bộ, công chức đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

+ Thực hiện chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao: Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, ngoài đội ngũ được giữ lại công tác tại chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, còn thực hiện thu hút nhân lực có trình độ cao bổ sung đội ngũ cho bộ máy đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong. Trường đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt quyết định những lĩnh vực, ngành nghề cần thu hút, tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ ưu đãi.

## 2.6.2. Phát triển kết cấu hạ tầng

### 2.6.2.1. Hạ tầng kỹ thuật

#### 2.6.2.1.1. Về giao thông

- Đường hàng không: Cảng hàng không Tuy Hòa là 1 trong 3 cảng hàng không nội địa của khu vực miền Trung. Tiếp tục nâng cấp hoàn chỉnh về hạ tầng, các điều kiện kỹ thuật, đạt cấp 4C theo quy chuẩn ICAO. Về lâu dài, khi có điều kiện sẽ xây dựng 01 sân bay phục vụ riêng cho Đặc khu Bắc Vân Phong.

- Đường bộ, đường sắt: Hướng giao thông các trục chính của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, gồm:

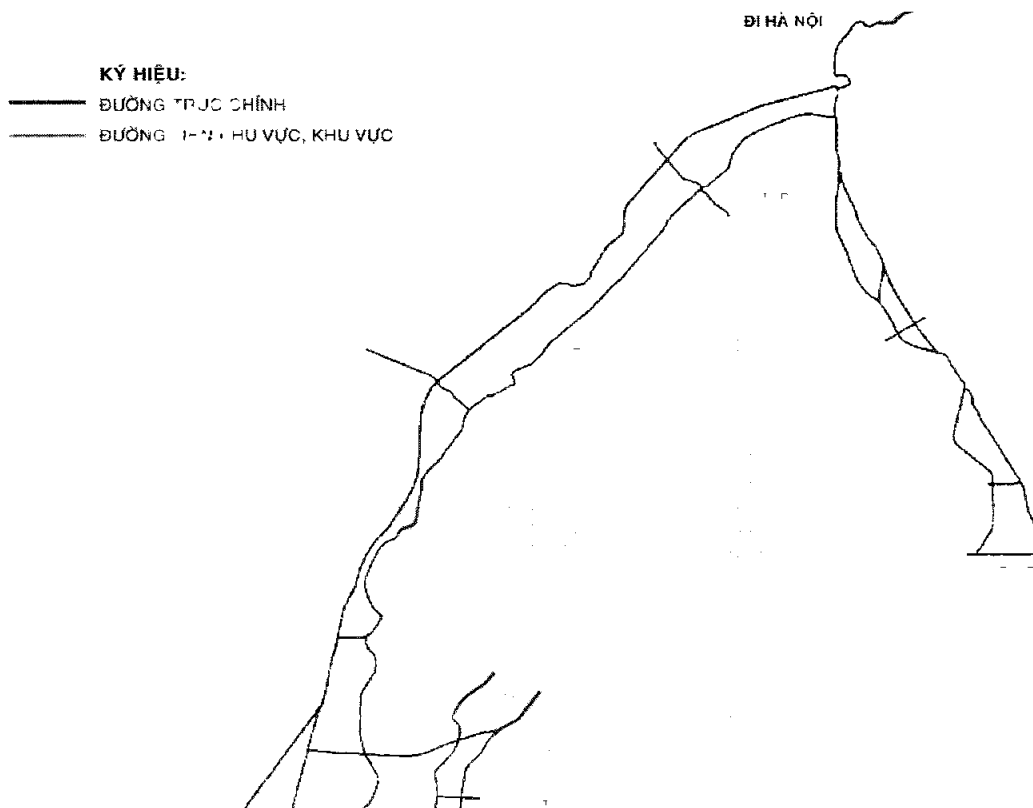
+ Hướng Cổ Mã – Đàm Môn: Tuyến chính đang xây dựng theo quy hoạch có chiều dài 14,25 km, lộ giới 68m từ Cổ Mã đến Hòn Ngang. Tuyến này được xây dựng hiện đại, toàn bộ hệ thống đường dây, đường ống theo tuyến

được đặt trong tuynel kỹ thuật. Từ Hòn Ngang có 2 tuyến chính, 1 tuyến vào Cảng trung chuyển quốc tế và 1 tuyến vào Khu phi thuế quan. Kết nối các tuyến là nút giao thông lập thể được xây dựng tại khu vực Hòn Ngang. Các tuyến nhánh cơ bản song song hoặc vuông góc với tuyến chính tạo mạng giao thông đồng bộ và hoàn chỉnh. Xây dựng mới tuyến đường sắt chạy song song với các tuyến đường bộ từ Quốc lộ 1A vào Cảng trung chuyển quốc tế với chiều dài tổng cộng 18 km với nhà ga lập tàu tại khu vực Tu Bông.

+ Hướng Cổ Mã – Dốc Đá Trắng:

Gồm tuyến Quốc lộ 1A hiện có qua đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt có chiều dài khoảng 30 km được nâng cấp lên 6 làn xe. Xây dựng tuyến đường bộ cao tốc theo dự án toàn tuyến cao tốc Hà Nội – Hồ Chí Minh, đoạn qua đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt dài khoảng 25 km quy mô 4 làn xe. Tuyến đường sắt cơ bản chạy song song với tuyến đường Quốc lộ 1A dài khoảng 25 km với 2 nhà ga.

+ Xây dựng hệ thống bến xe đáp ứng nhu cầu nội bộ đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt cũng như đáp ứng nhu cầu kết nối đi các huyện, các tỉnh trong vùng.



Hình 27. Sơ đồ phát triển giao thông

- Tàu điện ngầm (metro): Định hướng xây dựng các tuyến tàu điện ngầm theo 2 trục chính giống đường bộ với tổng chiều dài khoảng 50 km. Các nhà ga trung tâm được xây dựng tại Cổ Mã, Đầm Môn và Dốc Đá Trắng.

- Đường thủy:

+ Phát triển Cảng trung chuyển container quốc tế Vân Phong phù hợp với tốc độ và nhu cầu xuất nhập khẩu của Việt Nam vận chuyển trực tiếp trên các tuyến biển xa xuyên đại dương và trung chuyển cho các nước lân cận với tổng năng lực thông qua của toàn cảng là 14,5 – 17 triệu TEU/năm.

+ Xây dựng Cảng khách du lịch quốc tế Đầm Môn phát triển gồm 01 bến cho khách du lịch quốc tế 100.000 GRT.

+ Bến thủy nội địa: Khu vực đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt sẽ quy hoạch xây dựng mới những điểm bến thủy nội địa tại các điểm và các khu du lịch sau: Bến Vạn Thọ; Bến Tuần Lễ; Bến Vĩnh Yên; Bến Mũi Đá Sơn; Bến Đại Lãnh; Bến Xuân Tự; Bến Hồ Na; Bến Sơn Đùng; Bến Cá Ông. Phát triển đội tàu vận tải biển và đường thủy nội địa.

#### 2.6.2.1.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

- San nền: Tôn trọng hiện trạng, tận dụng địa hình tự nhiên về sông, biển, nước vùng vịnh Vân Phong để khai thác cảnh quan cho đô thị, phục vụ cảng trung chuyển Quốc tế và dịch vụ du lịch, dịch vụ cảng. Cao độ nền thiết kế các khu vực mới gắn kết hài hoà với mặt bằng không gian kiến trúc, đảm bảo cho việc thoát nước mưa tự chảy tốt nhất.

- Thoát nước: Mạng lưới thoát nước mưa phân bố đều trên diện tích xây dựng, đảm bảo đô thị không bị ngập úng cục bộ. Độ dốc nền thuận tiện cho giao thông đô thị < 5%. Cao độ nền khống chế = Cao độ mực nước H max thủy triều + Cao độ mực nước dâng + Chiều cao an toàn 0,5m.

#### 2.6.2.1.3. Cấp điện

Theo tổng sơ đồ VII, khu vực sát Vịnh Vân Phong sẽ được xây dựng tuyến 500KV từ Quy Nhơn về Ninh Thuận để hoàn thiện kết cấu lưới điện 500KV quốc gia đoạn Nam miền Trung. Ngoài ra cải tạo tuyến 220KV Tuy Hòa – Nha Trang đi sát khu vực Đặc khu từ một mạch 220KV gộp với một mạch 110KV thành mạch kép, sử dụng dây ACSR-2x500; Xây dựng thêm tuyến 110KV bổ xung cho tuyến 110KV hiện có. Cải tạo tuyến 110KV hiện có từ dây có tiết diện AC-185 sang dây ACSR-240 để đảm bảo an toàn truyền tải điện trong khu vực. Dự kiến xây dựng mới các trạm 110KV với tổng công suất khoảng 500 MVA.

#### 2.6.2.1.4. Cấp nước

Khu vực phía Bắc Vân Phong bao gồm: Khu vực Đại Lãnh, Khu vực Tuần Lễ - Hòn Ngang - Mũi Đá Sơn, Khu vực trung tâm bán đảo Hòn Gốm, Khu vực Tu Bông đến đèo Cổ Mã, Khu vực trung tâm Vạn Giã và các vùng phụ cận. Tổng nhu cầu dùng nước tạm tính lấy gấp 1,5 lần theo quy hoạch chung được duyệt là 150.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, dự kiến như sau:

Hiện tại nhà máy nước thị trấn Vạn Giã có công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và Nhà máy nước Tu Bông 1 công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Dự kiến xây dựng nhà máy nước Đại Lãnh công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nguồn nước hồ Đại Lãnh, nhà máy nước Tu Bông 2 công suất 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm nguồn nước hồ Hoa Sơn và hồ Đồng Điền và nâng công suất nhà máy nước Vạn Giã lên 90.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm nguồn nước hồ Đồng Điền.

Các nhà máy nước Tu Bông 1, Tu Bông 2 và Đại Lãnh cung cấp nhu cầu cho khu vực Bán đảo Hòn Gốm và Đại Lãnh; Nhà máy nước Vạn Giã được nâng công suất phục vụ nhu cầu khu vực từ Vạn Giã đến Dốc Đá Trắng.

#### 2.6.2.1.5. Định hướng quy hoạch thoát nước thải – Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Thoát nước thải:

Xây dựng hệ thống công riêng hoàn toàn để thoát nước thải cho đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Nước thải được thu gom theo nguyên tắc tự chảy.

Khu vực đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt có diện tích lớn, chia làm nhiều phân khu với tính chất và chức năng khác nhau, địa hình bị chia cắt bởi các sông, suối nên chọn phương án xử lý phân tán cho từng khu chức năng. Xây dựng các trạm xử lý nước thải loại vừa và nhỏ để làm sạch nước thải phù hợp với công tác phân đợt xây dựng cho từng giai đoạn trong quá trình phát triển của khu vực.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn:

Xây dựng mới khu xử lý chất thải rắn Bắc Vân Phong, dự kiến 30 ha bố trí tại thôn Suối Hàng, xã Vạn Khánh phục vụ nhu cầu xử lý chất thải rắn phía bắc khu kinh tế bao gồm: khu vực Đại Lãnh, Tuần Lễ - Hòn Ngang, trung tâm bán đảo Hòn Gốm, khu vực Tu Bông, thị trấn Vạn Giã và các khu vực phụ cận khác.

- Nghĩa trang:

Đóng cửa các nghĩa trang quá tải, xây dựng mới các nghĩa trang đáp ứng nhu cầu chôn cất của khu vực, trong đó ưu tiên xây dựng công viên nghĩa trang.

#### 2.6.2.1.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Mạng điện thoại: Xây dựng mạng cung cấp từ các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trong nước.

Mạng truyền hình và truyền thanh nội bộ : Mạng TV đảm nhận cung cấp dịch vụ truyền hình (gồm cả miễn phí và có phí) cho cộng đồng sống và làm việc tại đây. Nhà cung cấp dịch vụ truyền hình sẽ triển khai mạng của họ tới từng đơn vị qua mạng cáp truyền hình hoặc Anten thu sóng. Lắp đặt thiết bị thu/phát vô tuyến của mạng phát thanh đến các Khu hành chính.

Ngâm hóa hạ tầng mạng viễn thông theo quy hoạch phát triển hạ tầng giao thông đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

Dịch vụ bưu chính: Phát huy mọi nguồn lực, tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế tham gia.

#### 2.6.2.1.7. Dự kiến tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật

- Tổng kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật dự kiến là 300.000 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước: 70.000 tỷ đồng .

+ Nguồn vốn khác (BT, BOT, PPP, ...): 230.000 tỷ đồng .

- Phân kỳ đầu tư:

+ Đến năm 2025: 75.000 tỷ đồng (ngân sách nhà nước: 45.000 tỷ đồng; vốn khác: 30.000 tỷ đồng).

+ Sau năm 2025: 225.000 tỷ đồng (ngân sách nhà nước: 25.000 tỷ đồng; vốn khác: 200.000 tỷ đồng).

*(Có Phụ lục 6 về đề xuất chi tiết các dự án hạ tầng kỹ thuật tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong kèm theo)*

#### 2.6.2.2. Hạ tầng xã hội

Giai đoạn đến năm 2020 sử dụng các công trình hiện có của 13 đơn vị hành chính hiện nay, trong đó trụ sở của Trường đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được đặt tại Vạn Giã, trụ sở Văn phòng Khu hành chính là trụ sở UBND các xã, thị trấn của huyện Vạn Ninh. Giai đoạn đến năm 2030, sẽ nghiên cứu xây dựng các công trình theo quy hoạch được phê duyệt.

- Dự kiến tổng mức đầu tư hạ tầng xã hội: Tổng kinh phí đầu tư hạ tầng xã hội dự kiến là 70.000 tỷ đồng.

- Phân kỳ đầu tư:

+ Đến năm 2025: 20.000 tỷ đồng (ngân sách nhà nước: 10.000 tỷ đồng, vốn khác 10.000 tỷ đồng).

+ Sau năm 2025: 50.000 tỷ đồng (ngân sách nhà nước: 15.000 tỷ đồng, vốn khác 35.000 tỷ đồng).

*(Có Phụ lục 7 về đề xuất chi tiết các dự án hạ tầng xã hội tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong kèm theo)*

### 2.6.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Để xây dựng và phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, cần phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành nghề ưu tiên: Công nghiệp, dịch vụ - Du lịch, tài chính, ngân hàng, thương mại quốc tế, công nghệ cao, cơ khí đóng tàu, quản lý cảng biển.

Tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo nhân tài, có định hướng phát triển cụ thể đối với từng nhóm lao động chất lượng cao theo đặc thù và giai đoạn phát triển của Bắc Vân Phong. Có chính sách hữu hiệu bảo vệ quyền lợi của người lao động, có cơ chế khuyến khích và đảm bảo khả năng thương lượng của người lao động, đặc biệt là trong việc xác định tiền lương, quyền lao động và điều kiện làm việc.

- Tăng cường hoạt động thu hút nhân tài: Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức hiện có bằng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước; mở rộng việc áp dụng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh; thuê người nước ngoài làm tư vấn và quản lý một số lĩnh vực kinh tế. Hàng năm, bố trí nguồn ngân sách chi thường xuyên trong giai đoạn từ 05 đến 10 năm đầu khi thành lập, kết hợp với huy động các nguồn lực của xã hội, doanh nghiệp để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ, công chức học tập nâng cao trình độ quản lý, ngoại ngữ và một số chuyên ngành ưu tiên.

- Xây dựng cơ chế thu hút và trọng dụng nhân tài: Xây dựng đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong giai đoạn 2018-2030. Ưu tiên đầu tư trọng tâm cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề trên địa bàn Tỉnh để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo,

nghiên cứu, thực hành nhằm cung cấp nguồn nhân lực trực tiếp cho đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Xây dựng chính sách ưu đãi và ngành nghề đào tạo phù hợp với cơ cấu kinh tế và định hướng phát triển ngành nghề ưu tiên của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt: Tập trung thu hút lao động có trình độ, tay nghề cao và hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp đào tạo lao động phục vụ phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Xây dựng thị trường lao động với các cơ chế cạnh tranh, bình đẳng.

- Liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài thực hiện đào tạo nghề trình độ cao theo tiêu chuẩn quốc tế. Ưu tiên nguồn lực và xây dựng cơ chế thu hút các trường đại học quốc tế có uy tín trên thế giới mở phân hiệu đào tạo đại học, cao đẳng, dạy nghề và phổ thông tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

- Ký hợp đồng thuê chuyên gia nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận mức lương và công việc được giao.

- Xây dựng cơ chế chính sách tiền lương tự chủ, tạo môi trường sống, làm việc tốt để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong công tác: Đối với cán bộ, công nhân lành nghề có thời gian công tác dài tại Bắc Vân Phong có cơ chế, chính sách hỗ trợ về nhà ở và các điều kiện làm việc liên quan.

2.6.4. Phát triển khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu

#### 2.6.4.1. Về phát triển khoa học công nghệ

Hiện nay, Đảng và Chính phủ đang nỗ lực để tinh giản bộ máy, hướng tới hiệu quả sử dụng nhân lực cao nhất. Do đó, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong không thành lập cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ trực thuộc theo mô hình tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ hiện tại. Điều này đồng nghĩa với việc không tổ chức mô hình hành chính quản lý các hoạt động nghiên cứu và phát triển thông qua các hội đồng như hiện nay.

Với đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong để tăng tính hiệu quả, tốc độ trong đẩy nhanh ứng dụng khoa học, công nghệ vào các lĩnh vực, đòi hỏi cần thiết lập một mô hình quản lý có tính trực tiếp và mang tính hành động nhiều hơn đó là một Trung tâm Ứng dụng và Tích hợp công nghệ dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Trung tâm Ứng dụng và Tích hợp và công nghệ sẽ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trước mắt như:



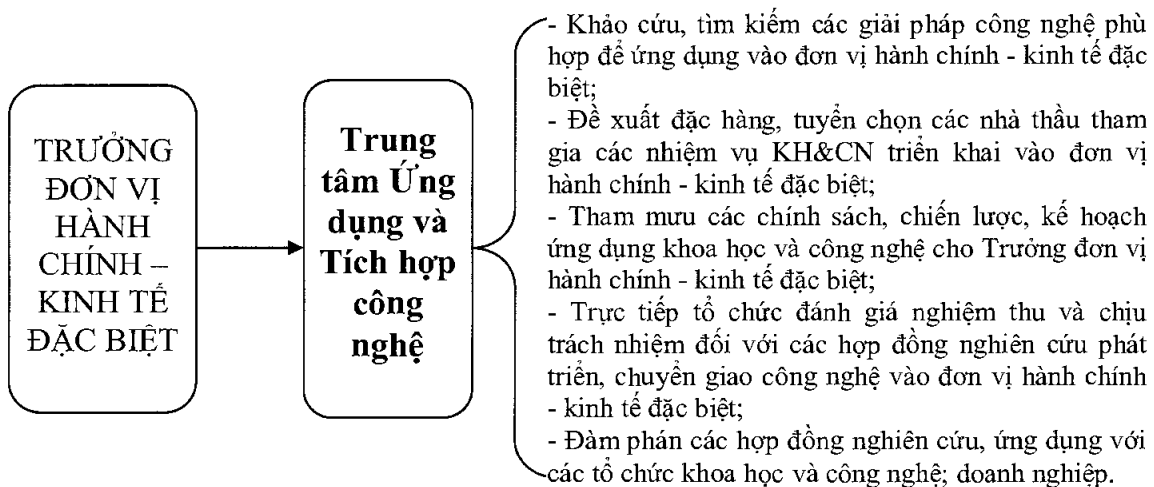
- Khảo cứu, tìm kiếm các giải pháp công nghệ phù hợp để ứng dụng vào Đặc khu.

- Đưa ra các nhu cầu nghiên cứu và phát triển, đặt hàng, tuyển chọn các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước thực hiện.

- Trực tiếp tổ chức đánh giá nghiệm thu và chịu trách nhiệm đối với các hợp đồng nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt .

- Đàm phán các hợp đồng nghiên cứu, ứng dụng với các tổ chức khoa học và công nghệ.

- Tham mưu các chiến lược, kế hoạch ứng dụng khoa học và công nghệ cho Trường đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.



Hình 28. Sơ đồ tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

#### 2.6.4.1.1. Quan điểm và các giải pháp về định hướng, chính sách chung

- Quan điểm cơ bản của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong là khai thác, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới, trong nước vào phát triển kinh tế - xã hội vì một chính quyền mới không thể thiết lập hệ thống nghiên cứu phát triển để làm lợi thế cạnh tranh trong điều kiện nguồn lực đầu tư hạn hẹp.

- Xây dựng kế hoạch phát triển KH&CN; xác định mục tiêu ưu tiên và trọng điểm chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với mục tiêu phát triển KT-XH.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong hoạt động KH&CN, nhất là chính sách với hoạt động công nghệ cao.

- Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển KH&CN, nhằm hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, hoàn thiện, áp dụng ý tưởng, giải pháp sáng tạo.

- Đào tạo nhân lực, thu hút nhân tài KH&CN trong một số ngành, lĩnh vực trọng yếu cho sự phát triển của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt trong đó hướng đến công nghệ hải dương, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với cơ chế tài chính thông thoáng, minh bạch để tài trợ cho các dự án khoa học và công nghệ của các tổ chức KH&CN và các doanh nghiệp hoạt động trong đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Triển khai mô hình hợp tác công - tư trong nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ... Thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo cơ chế đặt hàng đồng tài trợ; tăng cường mối liên kết giữa tổ chức KH&CN, nhà khoa học - doanh nghiệp - nhà nước, lấy doanh nghiệp là trung tâm, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Tập trung ứng dụng, chuyển giao và làm chủ công nghệ phục vụ phát triển, trong đó ưu tiên vào các ngành dịch vụ, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường, công nghệ thông tin,....

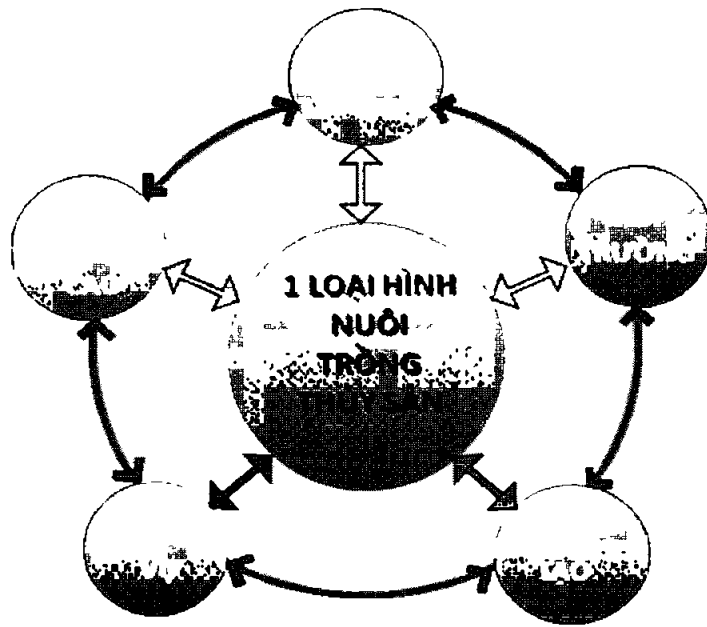
- Chủ động hội nhập, triển khai các chương trình hợp tác trong và ngoài nước về KH&CN. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao đi cùng với việc xây dựng, duy trì và nâng cấp đồng bộ hạ tầng KH&CN, trang thiết bị máy móc, các cơ sở KH&CN và thu hút nguồn lực chất xám quốc tế.

- Xây dựng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Phong trở thành đô thị thông minh phát triển bền vững.

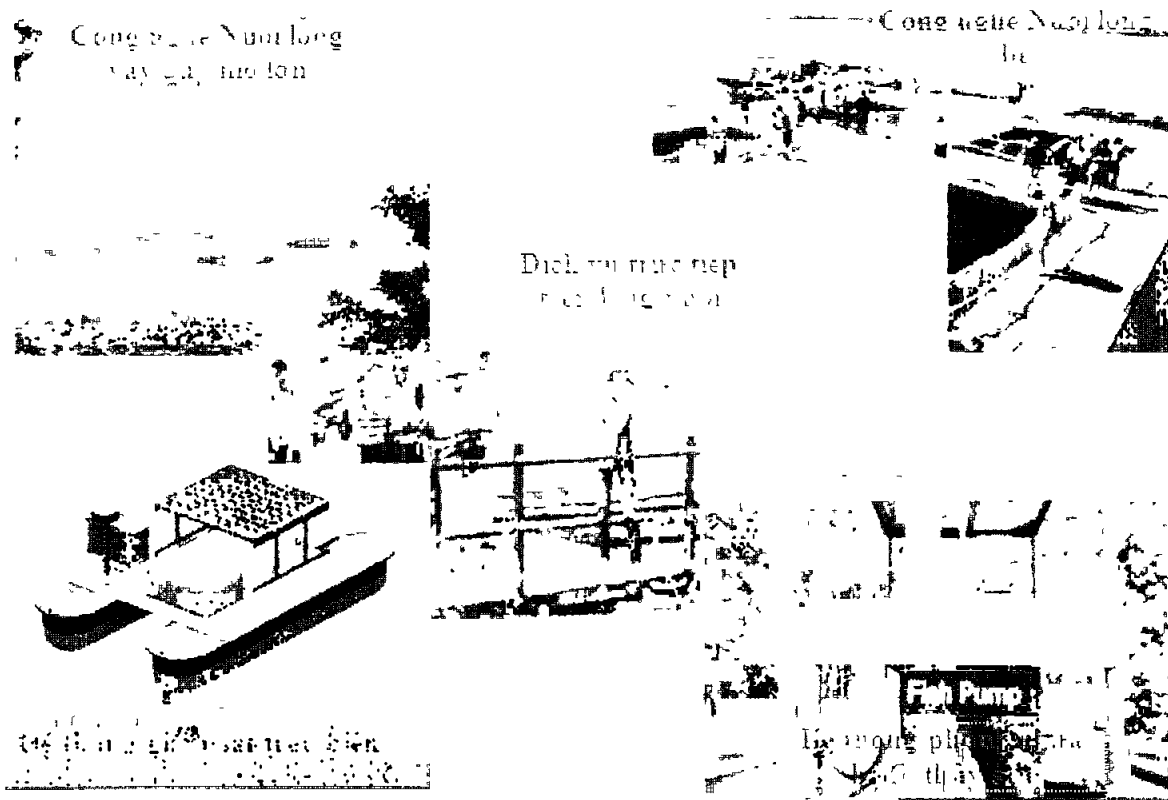
#### 2.6.4.1.2. Các giải pháp về phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ

- Hình thành khu vực nuôi trồng thủy sản trên biển ứng dụng công nghệ cao với các đặc trưng như: Sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời phục vụ vùng nuôi; Thiết lập hệ thống giám sát chất lượng môi trường nuôi thông minh; Tự động hóa quy trình cho ăn, kiểm soát bệnh thủy sản; đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt các tiêu chuẩn quốc tế để hướng tới xuất khẩu vào các thị trường đòi hỏi chất lượng cao.

- Mô hình này vừa tận dụng điều kiện hiện có của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt về tài nguyên biển để phát triển, vừa thực hiện được các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất thủy sản trên biển bao gồm các yếu tố như sau:



Hình 29. Mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao



Hình 30. Một vài cấu trúc nuôi trên biển ứng dụng công nghệ cao và dịch vụ

- Thu hút các ngành công nghiệp, các dự án đầu tư chế tạo hướng đến công nghệ hải dương

Với đặc điểm của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt gắn liền với biển và định hướng phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển. Do đó, các lĩnh vực sản xuất triển nở của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt sẽ tập trung vào công nghệ hải dương. Công nghệ hải dương bao gồm các nhóm công nghệ chính sau:

+ Các công nghệ giám sát đại dương.

+ Công nghệ công trình biển.

+ Công nghệ khai thác khoáng sản biển sâu.

+ Công nghệ hàng hải: Thiết bị giám sát hàng hải, các thiết bị kiểm soát, điều khiển (thiết bị công nghệ cao) cho tàu thuyền.

- Công nghệ nuôi biển sâu (Nuôi lồng bè lớn ở vùng xa bờ và vùng nước sâu).

- Công nghệ sinh học biển bao gồm: Thiết bị công nghệ cao phục vụ lĩnh vực nuôi biển; Chiết suất các hợp chất hữu cơ sinh học từ biển phục vụ cho sản xuất dược phẩm, điều trị bệnh; chế biến thực phẩm có giá trị cao; công nghệ chế tạo, sản xuất vắc xin trong phòng và điều trị bệnh thủy hải sản; công nghệ sản xuất nhân tạo các đối tượng giống thủy sản có giá trị kinh tế cao.

Bên cạnh đó, với cuộc cách mạng IoT (Internet trong vạn vật) thì công nghệ thông tin và truyền thông sẽ được ứng dụng (có mặt) trong mọi công nghệ.

- Tích hợp các xu hướng mới trong phát triển đô thị và giao thông kết nối hiệu quả:

+ Quá trình phát triển hạ tầng cần xem xét tổng thể các giải pháp để hướng đến đô thị thông minh trong tương lai.

+ Xu hướng tòa nhà thông minh.

+ Đa dạng nguồn năng lượng trong đó quan tâm đến năng lượng điện mặt trời, điện gió phân tán.

+ Áp dụng các tiêu chuẩn kiến trúc quốc tế về mức độ xanh hóa, tiết kiệm năng lượng.

+ Quy hoạch và lập kế hoạch kêu gọi đầu tư xây dựng đường sắt cao tốc kết nối giữa trung tâm đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong – Nha Trang – Sân bay Cam Ranh là tuyến giao thông có tính chất dẫn dắt quan trọng trong điều kiện dân cư còn thưa thớt như hiện nay.

- Thiết lập và vận hành chính quyền điện tử ngay từ thời điểm bắt đầu vận hành đặc khu thông qua ứng dụng công nghệ thông tin loại bỏ hoàn toàn các phương tiện in.

Xây dựng khu vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao để cung cấp lương thực nội bộ cho đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong. Hiện nay, theo quy hoạch dự kiến có phần lớn diện tích đất nông nghiệp ở khu vực phía Tây phù hợp để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm cung cấp chuỗi thực phẩm an toàn.

#### 2.6.4.2. Về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu

##### 2.6.4.2.1. Về bảo vệ môi trường

- Ban hành Quy chuẩn bảo vệ môi trường ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong theo hướng nâng cao các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; có quy định để quản lý chặt chẽ các nguồn chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) và chế tài đủ mạnh để xử lý vi phạm.

- Hoàn thành các quy hoạch bảo vệ môi trường tổng thể và quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Có cơ chế huy động nguồn lực để xây dựng các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn.

- Xây dựng cơ chế ưu đãi đặc biệt để khuyến khích đối với các dự án sử dụng công nghệ xanh, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường.

- Đẩy mạnh khai thác có hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

##### 2.6.4.2.2. Về chống biến đổi khí hậu

- Xây dựng khung chính sách để đảm nhiệm được vai trò mới: Cụ thể hóa các chính sách, cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư liên quan tới chống biến đổi khí hậu. Mục đích chính của chương trình là vừa phục vụ phát triển bền vững của chính đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, đồng thời kêu gọi được sự hợp tác mang tính quốc tế có độ bao phủ rộng hơn, giúp triển khai Kế hoạch hành động thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt

- Ứng dụng khoa học công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến để hướng tới nền công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Xác định một số cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng

nâng cao hiệu quả kinh tế, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu theo từng vùng và từng địa phương

- Các quy hoạch, kế hoạch, phát triển kinh tế, xã hội, phát triển ngành lĩnh vực được lồng ghép các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu một cách hiệu quả.

- Xây dựng Kế hoạch kêu gọi giúp đỡ và kết hợp cùng các tổ chức trong nước và quốc tế đi đầu chống biến đổi khí hậu: Các nước phát triển đang nắm vai trò đi đầu trong chiến dịch chống biến đổi khí hậu và tạo cơ hội về thông tin cũng như giúp đỡ tài chính cho tất cả các nước khác để có thể cùng thực hiện mục tiêu chung.

- Đảm bảo liên kết thực hiện giữa người dân - doanh nghiệp - các tổ chức khoa học - nhà nước đều tiếp cận dễ dàng và hỗ trợ nhau.

- Việc cung cấp thông tin kịp thời nhằm tạo sự đồng thuận của tất cả các bên liên quan trong quá trình phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong là đặc biệt quan trọng. Chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt đóng vai trò chính trong việc tạo điều kiện để các bên liên quan có thể hỗ trợ giúp nhau vì lợi ích chung.

- Xây dựng và triển khai các hành động cụ thể để thực hiện chiến lược chống biến đổi khí hậu.

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong cần xây dựng kế hoạch cụ thể để thu hút nguồn lực tài chính thực hiện mục tiêu xây dựng Chương trình chống biến đổi khí hậu. Nguồn tài chính có thể đến từ ngân sách nhà nước, huy động từ doanh nghiệp tư nhân, cá nhân thông qua phát hành trái phiếu xanh và từ nguồn các nguồn hỗ trợ chính thức (ODA).

- Để thực hiện các mục tiêu của Chương trình chống biến đổi khí hậu, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có thể huy động vốn thông qua việc phát hành trái phiếu xanh (Green bond), vay vốn từ Ngân hàng Thế giới (World Bank), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) hay các ngân hàng thương mại, vận động tìm kiếm nguồn hỗ trợ từ các dự án hỗ trợ phát triển (ODA) cho Việt Nam. Ngoài ra, có thể ưu tiên dành một phần ngân sách của địa phương cho mục đích Nghiên cứu và Phát triển Chương trình chống biến đổi khí hậu

#### 2.6.5. Phát triển các lĩnh vực văn hóa – xã hội

##### 2.6.5.1. Đối với lĩnh vực văn hóa – thể thao

- Xây dựng thành công và duy trì một môi trường sống đầy cảm hứng, phục vụ sáng tạo với hệ thống các bảo tàng, nhà hát, trung tâm trình diễn,... đẳng cấp quốc tế.

- Xây dựng một nền công nghiệp văn hóa sáng tạo bước đầu dựa trên du lịch và phục vụ du lịch; dần dần tiến tới phục vụ nhu cầu của thị trường văn hóa trên thế giới thông qua công nghệ thông tin.

- Xây dựng thành công các cộng đồng phục vụ sáng tạo mạnh cho các nghệ sĩ, các lập trình viên và các doanh nhân để cùng nhau truyền cảm hứng, chia sẻ, học hỏi, liên kết và phát triển các ý tưởng sáng tạo và thương mại hóa thành công các ý tưởng sáng tạo.

- Xây dựng hoàn chỉnh một hành lang pháp lý và một hệ thống thực thi pháp luật đủ mạnh để bảo vệ tuyệt đối các tài sản trí tuệ của nền công nghiệp văn hóa sáng tạo.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo vệ công nghiệp văn hóa sáng tạo và hệ thống hỗ trợ đào tạo hoàn thiện giữa nhà trường, các cơ sở phục vụ công nghiệp văn hóa sáng tạo, các cộng đồng sáng tạo và các doanh nghiệp.

- Xây dựng thành công một thương hiệu công nghiệp văn hóa sáng tạo Bắc Vân Phong – Khánh Hòa.

- Du lịch kết hợp công nghiệp văn hóa sáng tạo để tạo ra các chuỗi sự kiện hội nghị, hội thảo, triển lãm khoa học, văn hóa (thời trang, âm nhạc, điện ảnh) cũng như các hoạt động văn hóa dân gian.

Những ảnh hưởng về mặt kinh tế - xã hội mà du lịch MICE mang lại thường rất rõ nét. Bên cạnh các hội thảo, hội nghị quốc tế, việc tổ chức các liên hoan phim, liên hoan ca nhạc, các chương trình triển lãm nghệ thuật quốc tế không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn cả giá trị văn hóa- xã hội, đóng góp vào việc phát triển văn hóa địa phương, vùng và quốc gia, từ đó cân bằng lại với những văn hóa đang ảnh hưởng mạnh ở Việt Nam như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xây dựng 01 Trung tâm Văn hóa – Nghệ thuật quốc tế đa năng hiện đại, có diện tích xây dựng: 18,5ha. (bảo tàng, thư viện, nhà biểu diễn nghệ thuật, sân khấu nhạc nước, rạp chiếu phim kết hợp khu vui chơi giải trí hỗn hợp...).

+ Xây dựng 01 Trung tâm hội nghị, triển lãm quốc tế tổng hợp, có diện tích xây dựng: 12,5ha (hội hội nghị, hội thảo, hội chợ xúc tiến quảng bá du lịch; trung tâm triển lãm, giới thiệu các sản phẩm, mua sắm, giải trí, casino...).

+ Hàng năm tổ chức 01 lễ hội truyền thống mang tầm quốc gia “Lễ hội Cầu ngư” của ngư dân tại Đình – Lãng xã Vạn Thạnh và định kỳ 2 năm tổ chức Festival nhạc nước quốc tế tại Mũi Đồi – Hòn Đầu – Bắc Vân Phong, chương trình gắn kết cuộc thi Hoa Hậu Biển quốc tế.

+ Xây dựng đề án nguồn nhân lực chất lượng cao, từ quản lý đến nhân viên phục vụ, nhân viên chăm sóc khách hàng, nhân viên lễ tân đến người bảo vệ,... đều cần được đào tạo bài bản, kỹ càng, giỏi ngoại ngữ, có thể đáp ứng được tiêu chuẩn quốc tế; hiểu biết sâu rộng về văn hóa nghệ thuật.

+ Các thiết chế văn hóa mang tầm quốc tế nói trên, phải có sức chứa lớn từ 2000 – 6000 chỗ ngồi cho khán giả; phòng hội nghị, hội thảo có các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại. Hệ thống các bảo tàng: bảo tàng tự nhiên, bảo tàng hải dương học (du lịch bảo tồn và du lịch học tập) và bảo tàng nghệ thuật (du lịch giải trí và du lịch MICE).

- Mục tiêu phát triển Thể thao:

+ Xây dựng khu liên hợp thể thao đa năng quốc tế khoảng 60ha bao gồm các hạng mục: Sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, sân tennis... đủ điều kiện tổ chức các giải thi đấu thể thao quốc tế.

+ Mời các chuyên gia hàng đầu nước ngoài thiết kế và xây dựng sân golf 18 và 36 lỗ mang tính chuyên nghiệp, có diện tích 360 ha, đủ điều kiện, tiện ích, tạo ra những điểm riêng biệt để thu hút các tay golf nổi tiếng trong nước cũng như nước ngoài tới tham dự, góp phần tạo nên sản phẩm được yêu thích; phục vụ tốt cho các giải thi đấu quốc tế, khu vực, thu hút nhiều thành phần tham gia.

Điều kiện xây dựng: Dựa vào quang cảnh tự nhiên sẵn có, các nhà thiết kế sẽ tôn tạo và chỉnh sửa nên một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp; vẻ hoang sơ dãy núi bãi Cỏ Ong, bãi Trâu Nằm,... cộng với nét sáng tạo trong thiết kế hướng ra biển Đông gắn liền với những cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp, là nơi vừa chơi Golf giải trí vừa là nơi ngắm ánh bình minh đầu tiên trên đất liền của Tổ quốc.

+ Xây dựng trung tâm bến du thuyền quốc tế khoảng 98ha, trong đó khoảng 80ha diện tích mặt nước đủ điều kiện tổ chức các giải quốc tế và khu vực. Qua đó nhằm kêu gọi các Hiệp hội du lịch thuyền buồm trên thế giới, định kỳ tổ chức.



+ Xây dựng khu vực tổ chức các hoạt động dù bay, dù lượn, các trò chơi giải trí trên biển khoảng 120 ha, đảm bảo có sở vật chất tốt nhất, để tổ chức thành công các giải thi đấu quốc tế.

+ Xây dựng quy hoạch khu vực trò chơi giải trí: mô tô nước, lướt ván trên biển khoảng 60 ha, là sản phẩm du lịch có chất lượng cao, phục vụ tốt cho du khách tới tham quan và nghỉ dưỡng.

#### 2.6.5.2. Về công tác an sinh xã hội, giảm nghèo

- Thực hiện tốt các chính sách về an sinh xã hội, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người có công.

- Giải quyết hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định mới, để nâng mức sống cho các đối tượng này phù hợp với mặt bằng chung của dân cư thuộc đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; phấn đấu giảm triệt để hộ nghèo theo chuẩn quốc gia, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo xuống dưới mức bình quân chung của cả tỉnh.

- Xây dựng và thực hiện chính sách đảm bảo trợ giúp xã hội cho nhóm đối tượng chịu tác động không thuận của quá trình hội nhập.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề để chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông, ngư nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp.

#### 2.6.6. Quốc phòng, an ninh

- Hoàn thiện và triển khai cụ thể hoá các tiêu đề án: Xây dựng, bảo vệ vững chắc khu vực phòng thủ; Công tác đảm bảo an ninh trật tự; đảm bảo công tác biên phòng để đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh khi xây dựng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

- Xây dựng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thành khu vực phòng thủ vững chắc, toàn diện cả về tiềm lực, lực lượng, thế trận, đảm bảo chủ động trong phòng ngừa chiến lược, cảnh giác, đẩy lùi, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch chống phá, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, xâm phạm an ninh quốc gia của Việt Nam.

- Xây dựng cơ chế cụ thể để huy động nguồn lực của cả hệ thống chính trị thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới", Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về "Tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình

mới" và Chỉ thị 48 của Bộ Chính trị về "Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới".

- Kết hợp chặt chẽ giữa Quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế biển - đảo; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng quân sự, công an, biên phòng, cảnh sát biển và các lực lượng khác chủ động nắm tình hình, kịp thời xử lý các tình huống về Quốc phòng, an ninh.

- Làm tốt công tác nắm bắt tình hình, giải quyết ngay những vấn đề phát sinh từ cơ sở để bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, nhất là vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, vùng biển - đảo, an ninh nông thôn.

- Phối hợp chặt chẽ với Quân khu 5, Bộ Quốc phòng rà soát, điều chỉnh bố trí quốc phòng, công tác quân sự để phù hợp với mục tiêu phát triển của Đề án, nhưng không làm ảnh hưởng lớn đến thế trận phòng thủ đã có trên địa bàn huyện và khu vực.

- Xây dựng lực lượng quản lý và bảo vệ biển - đảo chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đủ mạnh để bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên biển - đảo, nòng cốt là lực lượng cảnh sát biển, biên phòng, đồng thời tổ chức tốt lực lượng dân quân biển.

- Triển khai xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng. Đầu tư công nghệ trên một số lĩnh vực vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vừa phục vụ nhu cầu bảo đảm quốc phòng. Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại bảo đảm hoạt động của lực lượng vũ trang. Làm tốt công tác giải quyết khiếu nại tố cáo, hạn chế khiếu kiện đông người, không để hình thành "điểm nóng" về chính trị và trật tự an toàn xã hội.

## **2.7. Nguồn lực thực hiện**

### **2.7.1. Lộ trình thực hiện**

#### **2.7.1.1. Giai đoạn chuẩn bị (đến năm 2018)**

- Hoàn thiện và thông qua Đề án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa.

- Tổ chức thực hiện Đề án sau khi được thông qua, đặc biệt là trên các lĩnh vực như: Đổi mới hoàn thiện hệ thống chính trị, sắp xếp lại bộ máy và biên chế hành chính; lập quy hoạch và chuẩn bị dự án đầu tư; huy động các nguồn lực tài

chính để đầu tư xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng; xúc tiến, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược có năng lực để xây dựng và phát triển đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt và triển khai các dự án động lực.

- Thuê tư vấn quốc tế lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung xây dựng; tìm kiếm, đàm phán và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược có năng lực, uy tín, kinh nghiệm đầu tư đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Thực hiện đầu tư một số dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm về giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc,...

#### 2.7.1.2. Giai đoạn 1 (2019 - 2025)

- Tập trung thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, cơ bản hoàn thiện xong hệ thống cơ sở hạ tầng trong và ngoài đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, liên kết với vùng, quốc gia về không gian và hạ tầng kỹ thuật như: Cảng biển, hệ thống năng lượng điện, đường sắt, đường giao thông nội bộ, hệ thống cung cấp nước và thoát nước, xử lý chất thải, hệ thống thông tin liên lạc, một số công trình tiện ích công, các khu dân cư, trung tâm thương mại, thị trường chứng khoán (nếu có),...

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp về đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư và triển khai các dự án động lực, các dự án đầu tư trong các ngành, nghề khuyến khích và đặc biệt khuyến khích trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

#### 2.7.1.3. Giai đoạn 2 (sau năm 2025)

Là giai đoạn đầu tư chiều sâu theo hướng hiện đại hóa và hoàn thiện thêm cơ sở hạ tầng, từ đó tiến tới xác lập vị thế của một đô thị quốc tế với kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội được đầu tư đồng bộ để đáp ứng yêu cầu triển khai và hoạt động sản xuất kinh doanh cho các dự án đầu tư trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong.

#### 2.7.2. Dự kiến nguồn lực thực hiện

- Kinh phí sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền, dự kiến khoảng 25,5 tỷ đồng, trong đó:

- + Vận dụng chế độ giải quyết thôi việc ngay theo quy định tại Nghị định số 108/2014/ND-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện do kiện toàn tổ chức lại bộ máy theo mô hình mới, dự kiến khoảng 15 tỷ đồng.

+ Kinh phí giải quyết chế độ thôi việc cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa, dự kiến khoảng 2 tỷ đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ thêm do ngân sách tỉnh chi trả, dự kiến khoảng 8,5 tỷ đồng

- Kinh phí thuê tư vấn xây dựng Đề án và kinh phí lập hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong và chỉnh sửa hồ sơ, bản đồ các đơn vị hành chính có liên quan. Dự kiến khoảng 10 tỷ đồng.

- Kinh phí chuẩn bị cho việc thành lập Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong (kinh phí thuê tư vấn lập quy hoạch, lập Đề án, kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, ...): 30.000 tỷ đồng.

- Kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội: 370.000 tỷ đồng.

### 2.7.3. Huy động nguồn lực đầu tư

Ngoài nguồn vốn huy động từ nguồn ngân sách nhà nước theo cơ chế đặc thù đối với Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong nêu tại mục 2.4.5, một số nguồn lực khác có thể huy động thông qua hình thức:

- Vay và huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng cho đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt theo các hình thức PPP, theo đề xuất của các nhà đầu tư và các hình thức đầu tư phù hợp khác.

- Được thành lập quỹ nghiên cứu phát triển của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Hợp tác với nhà đầu tư chiến lược.

## **3. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VIỆC THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VÂN PHONG**

### **3.1. Về mặt kinh tế - xã hội**

#### **3.1.1. Tác động đối với phát triển kinh tế**

Việc thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ giúp đẩy nhanh việc phát triển kinh tế khu vực huyện Vạn Ninh trong tương lai, tạo động lực cho việc phát triển kinh tế của cả tỉnh. Các quy hoạch, kế hoạch sẽ thực hiện việc điều chỉnh một cách chủ động để không làm ảnh hưởng đến tiến độ và không gây lãng phí các nguồn lực; tăng khả năng thu hút đầu tư và tạo cơ hội việc làm cho lao động địa phương. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn vốn đầu tư khác cũng sẽ không

ngừng tăng lên, tạo điều kiện cho địa phương có nguồn vốn đầu tư về cơ sở hạ tầng, kinh tế xã hội, tạo ra một diện mạo mới cho vùng.

Khu kinh tế Vân Phong nói chung và đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong nói riêng trong tương lai sẽ hình thành nhiều cụm ngành công nghiệp lớn. Sau khi được thành lập, sẽ ưu tiên tập trung phát triển công trình hạ tầng đô thị và các phân khu chức năng một cách đồng bộ, góp phần cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng, điều kiện cuộc sống đô thị cho nhân dân trong khu vực, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để tăng nhịp độ và hiệu quả của các ngành công nghiệp và dịch vụ. Quá trình đô thị hóa sẽ làm cho cơ cấu kinh tế và cơ cấu ngành nghề trong khu vực biến đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, kéo theo đó là sự thay đổi điều kiện sống, sinh kế của người dân, biến đổi xã hội và đặc biệt là biến đổi lối sống để thích nghi với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đang diễn ra. Đồng thời quá trình đó sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân nhờ phát triển các hoạt động phi nông nghiệp như công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh buôn bán và dịch vụ, nhờ vậy thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

### 3.1.2. Tác động về mặt văn hóa – xã hội

Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong là một trong ba đơn vị trong cả nước được Trung ương định hướng thành lập nên sẽ có những quy định riêng cho đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, nên các quy định về lĩnh vực văn hóa xã hội, những thiết chế về văn hóa trong đời sống dân cư sẽ có những điểm khác so với trước đây; sẽ hình thành và tổ chức những khu dân cư theo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, tuân theo một quy chế nhất định nên đòi hỏi trình độ dân trí của người dân trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt sẽ cao hơn; cùng với đó quá trình đô thị hóa, cấu trúc văn hóa làng xã trước đây cũng sẽ có thay đổi nhất định, nên cần xem xét và đánh giá đầy đủ các tác động của quá trình đô thị hóa đến đời sống văn hóa của người dân đặc biệt là những biến đổi về chuẩn mực văn hóa, các khuôn mẫu gia đình và lối sống,... trên cơ sở đó sẽ có sự điều chỉnh phù hợp về công tác quản lý và phát triển văn hóa để những biến đổi đó sẽ đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

## **3.2. Tác động đối với chính quyền và công tác quản lý nhà nước ở địa phương**

### 3.2.1. Đối với cấp tỉnh

- Việc thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong phục vụ trực tiếp cho việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước nói chung và tỉnh Khánh Hòa nói riêng.

- Việc thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong gắn liền với sự phát triển về quản lý kinh tế, khai thác được tiềm năng, thế mạnh của khu vực Bắc Vân Phong về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên để phát triển khu vực này với nhịp độ cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của cả tỉnh.

### 3.2.2. Đối với chính quyền địa phương

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ có điều kiện tập trung khai thác được những tiềm năng thế mạnh, nhất là phát triển kinh tế cảng biển logistics, hình thành và phát triển các phân khu chức năng theo mô hình của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt như: Các khu công nghiệp, trung tâm thương mại – dịch vụ, hệ thống các công trình hạ tầng đô thị được đầu tư đồng bộ,... giúp thúc đẩy nhanh việc phát triển kinh tế và đô thị, góp phần cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng, điều kiện cuộc sống đô thị cho nhân dân trong vùng. Đồng thời tạo điều kiện để đô thị phát triển bền vững, tăng khả năng cạnh tranh, khả năng thu hút đầu tư xã hội hóa vào các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, giảm đầu tư công, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu ngân sách trên địa bàn.

- Đánh giá tác động đến bộ máy chính quyền, đội ngũ cán bộ công chức

Sau khi thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, quy mô tổ chức bộ máy các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể thuộc huyện Vạn Ninh sẽ được kiện toàn theo hướng tinh gọn để phù hợp với mô hình chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt nên sẽ có những xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý của cán bộ, công chức trong bộ máy chính quyền hiện nay, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức ở cấp xã, vì chính quyền ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt không còn chính quyền cấp xã. Việc vận hành bộ máy chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt bước đầu sẽ có những lúng túng nhất định trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Đồng thời, tỉnh cũng sẽ nghiên cứu, xây dựng phương án bố trí nhân sự cho đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; xây dựng phương án giải quyết việc làm cho đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay hoặc giải quyết chế độ chính sách phù hợp với quy định hiện hành.

### 3.2.3. Tác động đối với hiệu quả quản lý Nhà nước

Việc thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong có tác động lớn đến hiệu quả quản lý Nhà nước, đặc biệt sẽ phát huy được tối đa thế mạnh của khu vực Bắc Vân Phong, công tác quản lý nhà nước sẽ phát huy được hiệu quả trong công tác quy hoạch, lập kế hoạch và triển khai thực hiện; với những cơ chế chính sách đặc thù cho đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt sẽ giúp chính quyền đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong việc quản lý điều hành, tạo điều kiện để đẩy nhanh việc phát triển kinh tế và tạo điểm nhấn riêng cho khu vực.

#### 3.2.4. Đối với nhân dân

Việc thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ tạo điều kiện cho quá trình đô thị hóa được đẩy nhanh và sẽ tạo ra sự thay đổi cả về vật chất lẫn tinh thần của người dân sinh sống ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Người dân sẽ được cung cấp các dịch vụ một cách đầy đủ hơn, với tiêu chuẩn cao hơn và đa dạng hơn, nhưng quan trọng hơn thế, người dân huyện Vạn Ninh nói riêng và nhân dân cả tỉnh nói chung được tạo một động lực mới để tiếp tục vươn lên, với định hướng phát triển mới sẽ có thêm nhiều cơ hội việc làm được tạo ra, đời sống văn hóa, tinh thần của người dân sẽ được tiếp tục nâng lên... Sự phát triển của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt trong tương lai sẽ tạo bước chuyển biến tích cực tác động đến mọi mặt đời sống của nhân dân cả trong và ngoài đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân nhờ phát triển các hoạt động phi nông nghiệp như công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh buôn bán và dịch vụ.

### 3.3. Tác động về tài nguyên, môi trường

#### 3.3.1. Tài nguyên nước

- Cùng với sự phát triển của hoạt động xây dựng thì nguy cơ gây bồi lấp dòng chảy, tăng cường độ đục và ô nhiễm kim loại nặng cũng sẽ cao hơn, tác động lớn đến tài nguyên và môi trường nước. Quá trình đô thị hóa và phát triển nông nghiệp thâm canh sẽ tác động mạnh đến môi trường và tài nguyên nước, làm suy giảm và ô nhiễm môi trường nước do các chất thải sinh hoạt và các hóa chất bảo vệ thực vật.

- Như vậy, có thể khẳng định tài nguyên nước sẽ bị biến đổi mạnh theo hướng xấu đi do các hoạt động sản xuất đặc biệt là việc xây dựng các công trình trong việc san lấp mặt bằng các dự án; công nghiệp và khai thác khoáng sản.

- Trong thời gian tới, nhu cầu đầu tư xây dựng dự án rất lớn, vì vậy ngay từ bây giờ cần chú trọng đến công tác quản lý, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái ngay trong từng dự án.

Để bảo vệ tài nguyên nước cần khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm nguồn nước kể cả nước mặt và nước ngầm. Có những quy chế, quy định chặt chẽ đối với từng công trình sản xuất công nghiệp và kinh doanh, dịch vụ, du lịch trong việc sử dụng nguồn nước. Quản lý nước theo lưu vực, xử lý nước thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và nước thải sinh hoạt và thương mại, dịch vụ ở các cụm công nghiệp, các khu đô thị và dân cư. Xử lý bồi lắng ở các đoạn sông, các hồ quan trọng, các đoạn kênh và mương phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Quy định bắt buộc đối với một số ngành sản xuất, kinh doanh phải xử lý rác, nước thải đảm bảo vệ sinh trước khi cho đổ vào nguồn nước chung (các sông, suối, hồ,...) nhằm giữ gìn chất lượng nguồn nước.

### 3.3.2. Tài nguyên không khí

- Bụi, khói do các phương tiện vận chuyển, do hoạt động của các phương tiện giao thông, máy móc phục vụ xây dựng cơ bản, sản xuất – kinh doanh – dịch vụ.

- Việc phát quang các cây bụi và các lớp lá mục khô được thu gom xử lý nếu không đúng cách hoặc đốt cháy tự do cũng sẽ gây ô nhiễm không khí.

- Các chất thải từ sinh hoạt, từ hoạt động xây dựng cũng gây tác động không nhỏ đến môi trường không khí.

- Tiếng ồn do quá trình vận chuyển vật liệu, sự hoạt động của các phương tiện phục vụ thi công xây dựng.

### 3.3.3. Tài nguyên rừng

Đối với huyện Vạn Ninh, diện tích tự nhiên còn lại phần lớn là đồi núi, vì vậy bảo vệ tài nguyên rừng, khai thác hợp lý, đảm bảo tái sinh rừng, nuôi dưỡng phục hồi rừng và trồng rừng mới, đặc biệt đối với các địa bàn xung yếu có ý nghĩa rất quan trọng trong giữ gìn môi trường sinh thái chung. Cần có biện pháp hỗ trợ tài chính cho nhân dân, dần chấm dứt nạn phá rừng làm rẫy. Ban hành và phổ biến rộng rãi quy trình, quy phạm do ngành lâm nghiệp ấn định cho từng đối tượng rừng cụ thể, đảm bảo cho rừng có khả năng tái sinh, phục hồi.

### 3.3.4. Về môi trường đất

- Tài nguyên đất đang bị xói mòn, thoái hóa ngày càng lớn; vì vậy, cần khai thác một cách hợp lý tránh làm cạn kiệt chất dinh dưỡng trong đất, đầu tư thâm canh và phòng trừ dịch hại tổng hợp cho cây trồng. Điều chỉnh cơ cấu sử



dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật hợp lý để giữ gìn độ màu mỡ và chất lượng môi trường đất. Nghiên cứu xây dựng cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng xã, từng cánh đồng; điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, thực hiện luân canh cây trồng, không độc canh cây trồng trên một diện tích trong nhiều năm để tăng độ phì và không làm thoái hóa đất, tận dụng tiềm năng, giảm các rủi ro... Sử dụng tiết kiệm và hợp lý tài nguyên đất.

- Các hoạt động trong quá trình đào, đắp, san lấp mặt bằng tạo nguy cơ xói mòn ảnh hưởng tới cấu trúc tầng đất mặt.

- Các chất thải rắn từ quá trình xây dựng như gạch vỡ, tấm lợp, bao xi măng, sắt thép vụn và các chất thải từ sinh hoạt như bao bì ni lông, chai, vỏ, lon, thức ăn thừa có khả năng làm ô nhiễm đất.

- Một số cây xanh bị chặt phá, cỏ, rác thu gom để giải phóng mặt bằng xây dựng không đúng quy trình kỹ thuật cũng sẽ gây tác động tới môi trường đất.

- Nước mặt bị ô nhiễm do quá trình hoạt động xây dựng thấm thấu qua đất cũng là nguồn gây ô nhiễm đến môi trường đất.

#### 3.3.5. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Khai thác tài nguyên khoáng sản hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả. Không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh, sự phát triển các ngành kinh tế khác và làm ảnh hưởng tới đời sống dân cư.

#### 3.3.6. Phòng chống thiên tai

Vấn đề phòng chống thiên tai luôn cần được quan tâm đúng mức, phòng tránh và hạn chế thiên tai bằng giải pháp xây dựng các công trình điều tiết (hồ chứa nước, đập thủy lợi), kết hợp đồng bộ với các giải pháp khác như trồng rừng, trồng các loại cây lâu năm có tán che phủ, bố trí mùa vụ cây trồng tránh thời điểm hạn hán, lũ lụt.

#### 3.3.7. Giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công

Trong giai đoạn xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình cần quan tâm đặc biệt tới việc bảo vệ môi trường sinh thái, xử lý các tác nhân gây ô nhiễm môi trường bằng các biện pháp sau:

- Hạn chế san lấp ở mức thấp nhất nhằm tránh ô nhiễm không khí do đất khô phát tán theo gió, cần tránh san lấp mặt bằng vào mùa khô và mùa gió có tần suất lớn và tốc độ cao. Lập hàng rào và lưới bao quanh khu vực đang xây dựng.

- Hạn chế các hoạt động thi công gây tiếng ồn, bụi bẩn và chấn động. Kiểm tra các xe chuyên chở vật liệu ra vào công trường, không để rơi vãi vật liệu ra khu vực xung quanh.

- Bố trí lán trại và nhà tạm cho công tác xây dựng đầy đủ và đảm bảo vệ sinh.

- Các hoạt động gần và trên mặt nước cần lưu ý tránh để xăng, dầu và các chất ô nhiễm khác rơi vãi hoặc chảy vào phần mặt nước gây ô nhiễm.

- Các chất thải rắn kể cả rác sinh hoạt cần được thu gom đúng quy định và xử lý theo quy trình không ảnh hưởng đến môi trường. Không được thu gom rác và chất thải rắn rồi đốt hoặc chôn lấp tại chỗ.

- Xây dựng hệ thống thu gom rác và hệ thống quản lý rác thải và nước thải cho các công trình sản xuất. Bảo đảm sự vận hành của hệ thống thu gom nước bẩn.

- Toàn bộ lượng nước bẩn phải được thu gom và đưa về khu xử lý tập trung đảm bảo không cho thấm thấu xuống tầng nước ngầm và cấm khai thác nguồn nước ngầm trái phép.

- Khi dự án xây dựng đã đi vào hoạt động, biện pháp để khắc phục và giảm thiểu tác động môi trường được đề nghị là: Xây dựng chương trình giám sát để hạn chế bụi, khói và tiếng ồn từ các phương tiện giao thông và các xe chở vật liệu.

+ Hạn chế các nguồn phát sinh khí độc hại và hơi từ dung môi và nguồn ô nhiễm mùi ảnh hưởng đến môi trường như mùi phát sinh từ các công trình sản xuất. Tăng cường số lượng và quy mô dải cây xanh cách ly cho trạm bơm nước bẩn.

+ Nguồn cung cấp điện phải luôn duy trì hoặc thời gian mất điện là thấp nhất nhằm hạn chế người dân sử dụng máy phát điện dự phòng.

+ Việc bố trí bãi rác phải đáp ứng các yêu cầu và tiêu chuẩn xây dựng, xa khu dân cư và có thể sử dụng lâu dài.

### **3.4. Tác động về lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội**

Sự phát triển của đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt Bắc vịnh Vân Phong là động lực thúc đẩy kinh tế của khu vực và cả nước; thực hiện thành công đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt là khẳng định đường lối phát triển đúng đắn của Đảng; sự phát triển kinh tế tạo sự ổn định xã hội, tạo niềm tin vào Đảng, Nhà

nước, giữ vững ổn định chính trị. Đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong khi triển khai sẽ thúc đẩy giao lưu giữa các quốc gia; nâng cao vị thế của Việt Nam; tạo đan xen lợi ích, từ đó góp phần ổn định chính trị và quốc phòng an ninh.

Kinh tế phát triển sẽ góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng Quốc phòng, an ninh, đảm bảo yêu cầu tác chiến khi cần thiết (có những công trình lưỡng dụng: Sân bay, bến cảng, đường giao thông, đội tàu đánh cá xa bờ,...) phục vụ cả quốc phòng và kinh tế. Việc quy hoạch, xây dựng, bố trí, tổ chức lại các phân khu chức năng của đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh, tạo điều kiện sắp xếp, bố trí lại thế trận, lực lượng, góp phần bảo đảm giữ vững quốc phòng an ninh trên địa bàn.

#### 3.4.1. Về mặt tích cực

- Tạo ra thời cơ cho tiềm lực quốc phòng về chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ, thế trận quân sự, củng cố quốc phòng bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tạo điều kiện cho kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng. Có điều kiện để triển khai các mô hình mới về hoạt động quân sự, quốc phòng, kịp thời điều chỉnh, bổ sung lý luận và thực tiễn trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Có điều kiện cho các hoạt động giao lưu, đối ngoại quân sự, nâng cao vị thế của tỉnh, trực tiếp tạo ra thế và lực mới cho nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc.

- Đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong phát triển sẽ tăng cường, thúc đẩy giao lưu hợp tác giữa các quốc gia; góp phần vào ổn định và thịnh vượng chung của khu vực và toàn cầu, tạo đan xen lợi ích, nâng cao vị thế quốc gia, góp phần ổn định chính trị và quốc phòng an ninh. Đồng thời tỉnh và Trung ương sẽ có điều kiện quan tâm, chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang trên địa bàn vững mạnh. Có điều kiện để thực hiện tốt hơn chính sách hậu phương - quân đội.

- Với phương án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh sẽ có nhiều thuận lợi hơn trong công tác quốc phòng, an ninh, bảo đảm khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong thì các xã phía Tây hiện nay của huyện Vạn Ninh đều được hưởng ưu đãi đặc biệt, từ đó thúc đẩy kinh tế phát triển, củng cố thế trận quốc phòng, an ninh ngày càng vững chắc.

#### 3.4.2. Hạn chế

Đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được thành lập, việc mở cửa, hội nhập sẽ sâu rộng hơn nên các thế lực thù địch và các phần tử phản động dễ lợi dụng để tiến hành âm mưu diễn biến hòa bình tinh vi và xảo quyệt hơn. Việc nhận diện kẻ thù, phân định đối tác, đối tượng trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng sẽ có nhiều khó khăn, thách thức.

#### **4. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN**

##### **4.1. Đối với nhà nước**

###### **4.1.1. Về kinh tế**

- Tổ chức bộ máy và mô hình quản lý theo kịp các chính sách về kinh tế sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thực thi các chính sách kinh tế, tạo được sự đột phá, tính cạnh tranh quốc tế thực sự đối với đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Mô hình tổ chức và quản lý đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được xây dựng nổi trội, đặc thù so với quy định của pháp luật hiện hành: giảm tối đa số đầu mối quản lý nhà nước và tập trung phân cấp thẩm quyền quản lý cho chính quyền đặc khu. Các chính sách thông thoáng, rõ ràng, minh bạch đối với nhà đầu tư chiến lược là bước tiến quan trọng để tận dụng nguồn lực về vốn, nhân lực cùng trình độ quản lý hiện đại từ khu vực tư nhân tham gia vào việc xây dựng và phát triển đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Tiết kiệm được chi phí di chuyển, làm việc của nhà đầu tư, doanh nghiệp và của xã hội khi thực hiện các thủ tục hành chính do bộ máy đã được tinh gọn theo một đầu mối.

- Việc xây dựng khung cơ chế, chính sách với các ưu đãi vượt trội cho đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt sẽ đóng góp cụ thể vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, du lịch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Nhóm các cơ chế chính sách vượt trội sẽ đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, thu hút nguồn lao động có chất lượng cao đến làm việc tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

###### **4.1.2. Về môi trường**

Việc hình thành đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong cùng với sự xem xét cẩn trọng các vấn đề về môi trường ngay từ bước lập quy hoạch sẽ là cơ sở pháp lý và khoa học quan trọng để đảm bảo đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được phát triển một cách bền vững.

Bên cạnh đó, việc thiết kế bộ máy quản lý đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo hướng tinh gọn, hiệu lực cùng với các chính sách quản lý vượt trội sẽ giúp cho công tác quản lý môi trường được hiệu quả hơn.

Ngoài ra, với mục tiêu ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và thân thiện môi trường đầu tư vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt chắc chắn sẽ được bảo vệ một cách chặt chẽ và sử dụng hợp lý.

Tuy nhiên, do vùng nước biển của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong liền kề với vùng nước biển của khu vực phía Nam tỉnh Phú Yên và phía Nam của khu kinh tế Vân Phong (hiện hành) nên công tác bảo vệ môi trường ở các khu vực này cũng cần phải được phát triển một cách đồng bộ để tránh xung đột với hoạt động bảo vệ môi trường của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

#### 4.1.3. Về chính trị

- Việc thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ cụ thể hóa đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Các cơ chế chính sách ưu đãi vượt trội được áp dụng làm tăng vị thế và vai trò của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt trong việc thu hút các dòng vốn đầu tư quốc tế, đồng thời nâng cao vị thế, uy tín chính trị của nước ta.

- Mô hình đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt có bộ máy quản lý hiện đại, tinh gọn, hiệu quả, môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng, giảm tối đa sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường sẽ thu hút nhiều nguồn lực bên ngoài để khai thác, phát huy tối đa nguồn lực bên trong sẽ khẳng định quyết tâm đổi mới, cải cách, mở cửa, hội nhập của Đảng và Nhà nước ta, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Kinh tế phát triển góp phần cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, tạo nên sự ổn định về chính trị. Chính trị ổn định sẽ góp phần quan trọng trong thu hút đầu tư nước ngoài và ngược lại thu hút hiệu quả đầu tư nước ngoài sẽ góp phần giữ vững ổn định chính trị phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt được thành lập có vai trò như “phòng thí nghiệm về thể chế” mang lại giá trị thực tiễn, góp phần bổ sung lý luận hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường; kinh nghiệm quản trị quốc gia.

- Việc cải cách đồng bộ, toàn diện cả về thể chế, cơ chế chính sách, nền hành chính, quản lý điều hành; nhưng vẫn giữ vai trò lãnh đạo của Đảng trong mô hình đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt nên đòi hỏi Đảng phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực và sức chiến đấu.

#### 4.1.4. Về an ninh – quốc phòng và đối ngoại

- Về an ninh – quốc phòng:

+ Đơn vị hành chính – kinh tế Bắc Vân Phong được thành lập sẽ là động lực thúc đẩy kinh tế của khu vực và cả nước; kinh tế phát triển sẽ tạo nên sự ổn định xã hội, tạo niềm tin vào Nhà nước và làm cho tình hình an ninh trật tự được giữ vững.

+ Các hoạt động đầu tư kinh doanh trong đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt gắn với xuất nhập khẩu hàng hóa sẽ tăng cường, thúc đẩy giao lưu giữa các quốc gia, từ đó tạo ra đan xen lợi ích, nâng cao vị thế quốc gia, góp phần ổn định chính trị và an ninh quốc phòng.

+ Kinh tế phát triển sẽ góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng an ninh quốc phòng, đảm bảo yêu cầu tác chiến khi cần thiết. Các công trình hạ tầng được đầu tư phục vụ phát triển kinh tế trong đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt sẽ phục vụ cho cả mục đích quốc phòng như: bến cảng, đường giao thông, đường sắt, tàu thuyền, ...

+ Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong sẽ được quy hoạch các phân khu chức năng đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với an ninh quốc phòng, tạo điều kiện sắp xếp, bố trí lại lực lượng, thế trận phòng thủ, góp phần giữ vững an ninh trật tự và quốc phòng trên địa bàn.

- Về đối ngoại

+ Thông qua việc hợp tác kinh tế với các nước trên thế giới sẽ thúc đẩy, mở rộng các mối quan hệ quốc tế, củng cố đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa của Việt Nam.

+ Cụ thể hóa chủ trương, đường lối chính sách đối ngoại, các cam kết quốc tế của Đảng và Nhà nước ta, nhất là việc thực hiện ba trụ cột ngoại giao (kinh tế, chính trị và văn hóa) thông qua việc xây dựng quan hệ hợp tác về kinh tế, văn hóa, quan hệ hữu nghị với các tổ chức nhà nước, các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư,... trên thế giới.

+ Góp phần quảng bá hình ảnh về đất nước, con người và truyền thống văn hóa lịch sử của Việt Nam trên trường quốc tế thông qua việc hợp tác, đầu tư,

nghiên cứu, tìm hiểu, du lịch,... của các tổ chức nhà nước, chính trị, xã hội, các nhà đầu tư, doanh nghiệp, du khách và người lao động đến tham quan và làm việc tại Bắc Vân Phong.

#### 4.1.5. Về chủ quyền quốc gia

Việc dành chính sách ưu đãi cho phát triển đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong khẳng định rõ ràng chủ quyền, quan điểm phát triển của Việt Nam trong phát triển kinh tế – xã hội. Mặt khác, việc thực hiện các chính sách đặc thù cho đầu tư, phát triển kinh tế sẽ khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư và người nước ngoài đến đầu tư, kinh doanh và sinh sống, qua đó thắt chặt mối quan hệ ngoại giao hữu nghị giữa Nhà nước và nhân dân Việt Nam với các nước và nhân dân trên thế giới – đây là một trong những giải pháp hiệu quả để bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, lãnh thổ của Việt Nam.

#### 4.2. Đối với nhà đầu tư

- Được hưởng lợi trực tiếp từ chính sách ưu đãi: Nhà đầu tư sẽ được hưởng lợi trực tiếp từ thể chế hành chính hiện đại, chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, miễn, giảm thuế và các ưu đãi về vốn và đầu tư.

- Quảng bá hình ảnh và thương hiệu trong môi trường cạnh tranh: Nhà đầu tư hoạt động trong một môi trường quốc tế chuyên nghiệp tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt sẽ nâng cao vị thế và thương hiệu của mình. Môi trường cạnh tranh trong đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt sẽ giúp nhà đầu tư tự hoàn thiện mình để tồn tại, vừa học hỏi được những kỹ năng làm việc, cũng như các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến của các nhà đầu tư khác.

#### 4.3. Đối với người dân

- Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo:

+ Giải tỏa áp lực nhu cầu việc làm và chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp của Bắc Vân Phong và thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài; tạo nhiều việc làm mới với mức thu nhập cao; nâng cao kỹ năng, tay nghề của lực lượng lao động.

+ Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo thông qua việc tạo thêm nhiều việc làm mới, nâng cao mức thu nhập cho lao động, góp phần tăng tiêu dùng, đẩy mạnh phát triển dịch vụ,...

+ Nhà đầu tư sử dụng nguyên vật liệu trong nước sẽ thúc đẩy sản xuất phát triển, tiếp tục tạo ra sản phẩm, việc làm và thu nhập mới.

- Hình thành các loại hình công việc mới: Loại hình công việc mới này có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, thông qua việc phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp sáng tạo,...

- Hình thành một xã hội và môi trường sống văn minh, hiện đại: Điều kiện sống, vui chơi, hưởng thụ tốt nhất cho nhân dân, khách du lịch và nhà đầu tư. Góp phần làm phong phú, đa dạng văn hóa,...; thay đổi tập quán, tác phong, nề nếp làm việc,... chuyển từ nền văn hóa công nghiệp, nông nghiệp sang văn hóa dịch vụ cao cấp; đồng thời quảng bá hình ảnh, con người, văn hóa của Việt Nam.

- Được thụ hưởng các chính sách xã hội; hạ tầng xã hội đẳng cấp quốc tế: Người dân được hưởng lợi từ các công trình phúc lợi xã hội công cộng, các dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao,... góp phần nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo nhân lực và tăng cường sức khỏe cộng đồng.

#### **4.4. Đối với vùng miền và khu vực**

Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong được thành lập sẽ trở thành một địa điểm thu hút nguồn vốn đầu tư, nguồn nhân lực chất lượng cao đến tham gia hoạt động kinh doanh, sinh sống. Từ đó trở thành một trung tâm kinh tế năng động, phát triển cao, tạo động lực phát triển lan tỏa đến các vùng lân cận của tỉnh Khánh Hòa nói riêng và của cả nước nói chung.



## **Phần V**

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Việc xây dựng mô hình đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt với các cơ chế, chính sách về hành chính và kinh tế đột phá, vượt trội và cạnh tranh với quốc tế để tạo động lực phát triển mới, có tác động lan tỏa tích cực cho địa phương và cả nước đã được Đảng ta xác định là chủ trương lớn cần nghiên cứu xây dựng.

Thực hiện Thông báo kết luận số 21-TB/TW ngày 22/3/2017 của Bộ Chính trị về các Đề án xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Bắc Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa), và Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang). Trên cơ sở các quy định Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Khánh Hòa nói chung và huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa nói riêng đã quyết tâm đồng lòng xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trực thuộc tỉnh Khánh Hòa.

UBND tỉnh Khánh Hòa kính trình Chính phủ, và các Bộ, ngành Trung ương xem xét, thẩm định và trình Quốc hội quyết định thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong trực thuộc tỉnh Khánh Hòa để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**Phụ lục 3: THỐNG KÊ DÂN SỐ TỈNH KHÁNH HÒA**  
(thời điểm 31/12/2016)

TT	Đơn vị hành chính cấp huyện/xã	Số lượng dân số			Phân tích				
		Tổng số	Trong đó		Lao động thành thị	Lao động nông thôn	Lao động nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp)	Lao động phi nông nghiệp	Lao động khác
			Nam	Nữ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	TP. Nha Trang	411,792	200,573	211,219					
II	TP. Cam Ranh	127,292	62,807	64,485					
III	TX. Ninh Hòa	241,798	119,569	122,229					
IV	H. Diên Khánh	139,132	69,795	69,337					
V	H. Cam Lâm	106,234	51,841	54,393					
VI	H. Khánh Sơn	23,845	11,979	11,866					
VII	H. Khánh Vĩnh	37,358	18,890	18,468					
VIII	H. Trường Sa								
IX	H. Vạn Ninh (1 - 13)	132,639	65,988	66,651					
1	TT Vạn Giã	20,188	10,002	10,186					
2	Xã Đại Lãnh	10,684	5,389	5,295					
3	Xã Vạn Phước	8,534	4,171	4,363					
4	Xã Vạn Long	8,638	4,298	4,340					
5	Xã Vạn Bình	8,551	4,276	4,275					
6	Xã Vạn Thọ	4,664	2,292	2,372					
7	Xã Vạn Khánh	8,766	4,394	4,372					
8	Xã Vạn Phú	12,513	6,215	6,298					
9	Xã Vạn Lương	11,672	5,813	5,859					
10	Xã Vạn Thắng	16,762	8,279	8,483					
11	Xã Vạn Thạnh	6,159	3,140	3,019					
12	Xã Xuân Sơn	3,962	1,968	1,994					
13	Xã Vạn Hưng	11,546	5,761	5,785					
	<b>Toàn tỉnh (I - IX)</b>	<b>1,220,090</b>	<b>601,442</b>	<b>618,648</b>	<b>296.7</b>	<b>392.8</b>	<b>226.2</b>	<b>440.8</b>	<b>22.5</b>

Người lập bảng



Phan Ngọc Trâm

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 10 năm 2017

ĐẠI DIỆN CỤC THỐNG KÊ  
CỤC TRƯỞNG



Đỗ Văn Công



**Phụ lục 2: THỐNG KÊ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN TỈNH KHÁNH HOÀ**  
(Số liệu diện tích tự nhiên theo kiểm kê đất đai năm 2014)

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	Đất có mặt nước ven biển
1	2	3	4	5	6	7
I	TP. Nha Trang	25.428,44	9.641,16	6.327,96	9.459,32	-
II	TP. Cam Ranh	32.701,24	14.264,89	11.996,97	6.439,38	-
III	TX. Ninh Hòa	120094,96	86.131,40	13.475,45	20.488,11	329,28
IV	H. Diên Khánh	33.755,33	24.060,16	4.869,92	4.825,25	-
V	H. Cam Lâm	54.719,24	42.614,84	5.716,13	6.388,27	1.327,65
VI	H. Khánh Sơn	33.852,76	25.958,02	1.583,50	6.311,24	-
VII	H. Khánh Vĩnh	116.714,37	102.744,44	3.087,34	10.882,59	-
VIII	H. Trường Sa	49.630,00	510,00	3.808,12	45.311,88	-
IX	H. Vạn Ninh (1 - 13)	56.183,16	35.410,51	3.487,58	17.285,07	884,45
1	TT Vạn Giã	270,57	63,86	191,30	15,41	-
2	Xã Đại Lãnh	1.947,10	892,39	139,88	914,84	-
3	Xã Vạn Phước	2.599,95	2.339,17	205,12	55,65	-
4	Xã Vạn Long	3.019,72	2.328,15	208,70	482,87	-
5	Xã Vạn Bình	5.641,64	4.856,41	232,29	552,94	-
6	Xã Vạn Thọ	2.176,19	1.976,35	179,28	20,55	827,47
7	Xã Vạn Khánh	4.358,46	3.152,59	493,09	712,78	-
8	Xã Vạn Phú	6.707,94	6.005,92	217,33	484,69	-
9	Xã Vạn Lương	6.077,38	4.596,99	263,04	1.217,35	-
10	Xã Vạn Thắng	1.835,31	1.165,69	376,74	292,88	-
11	Xã Vạn Thạnh	12.956,96	1.013,82	277,04	11.666,11	21,81
12	Xã Xuân Sơn	3.581,64	2.833,63	296,97	451,03	-
13	Xã Vạn Hưng	5.010,31	4.185,54	406,79	417,97	35,17
	<b>Tổng (I-IX)</b>	<b>523.079,50</b>	<b>340.825,41</b>	<b>100.174,85</b>	<b>82.079,24</b>	<b>2.541,38</b>

Người lập bảng

*M. M. M.*

Trần Thị Trang Đài

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 10 năm 2017

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Xuân Thiêng

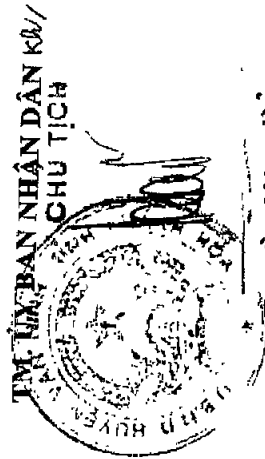
**Phụ lục 1: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC  
TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ HUYỆN VẠN NINH**  
(Số liệu thống kê tính đến tháng 9/2017)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG		GHI CHÚ
		CBCC hiện có	Hợp đồng theo ND (68)	
<b>A</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>1.804</b>	<b>292</b>	<b>2.096</b>
01	Khởi Đảng	68	5	73
02	Khởi Chính quyền	95	15	110
03	Khởi sự nghiệp (trong đó):	1.641	272	1.913
	- Giáo dục	1.594		
	- Sự nghiệp khác	47		
<b>B</b>	<b>CẤP XÃ (13)</b>	<b>1.158</b>		<b>1.158</b>
	Cán bộ, công chức cấp xã	274		274
	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	279		279
	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	605		605
	<b>Tổng: cấp huyện (A) + cấp xã (B)</b>	<b>2.962</b>	<b>292</b>	<b>3.254</b>
<b>C</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ NGÀNH ĐỘC ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN</b>			<b>247</b>
	Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh			16
	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh			12
	Kho bạc Nhà nước huyện Vạn Ninh			12
	Bảo hiểm xã hội huyện Vạn Ninh			11
	Chi cục thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh			09
	Chi cục thống kê huyện Vạn Ninh			05
	Chi cục thuế huyện Vạn Ninh			45
	Công an huyện Vạn Ninh			106
	Ban chỉ huy Quân sự huyện Vạn Ninh			31

Người lập biểu



Nguyễn Văn Tỉnh

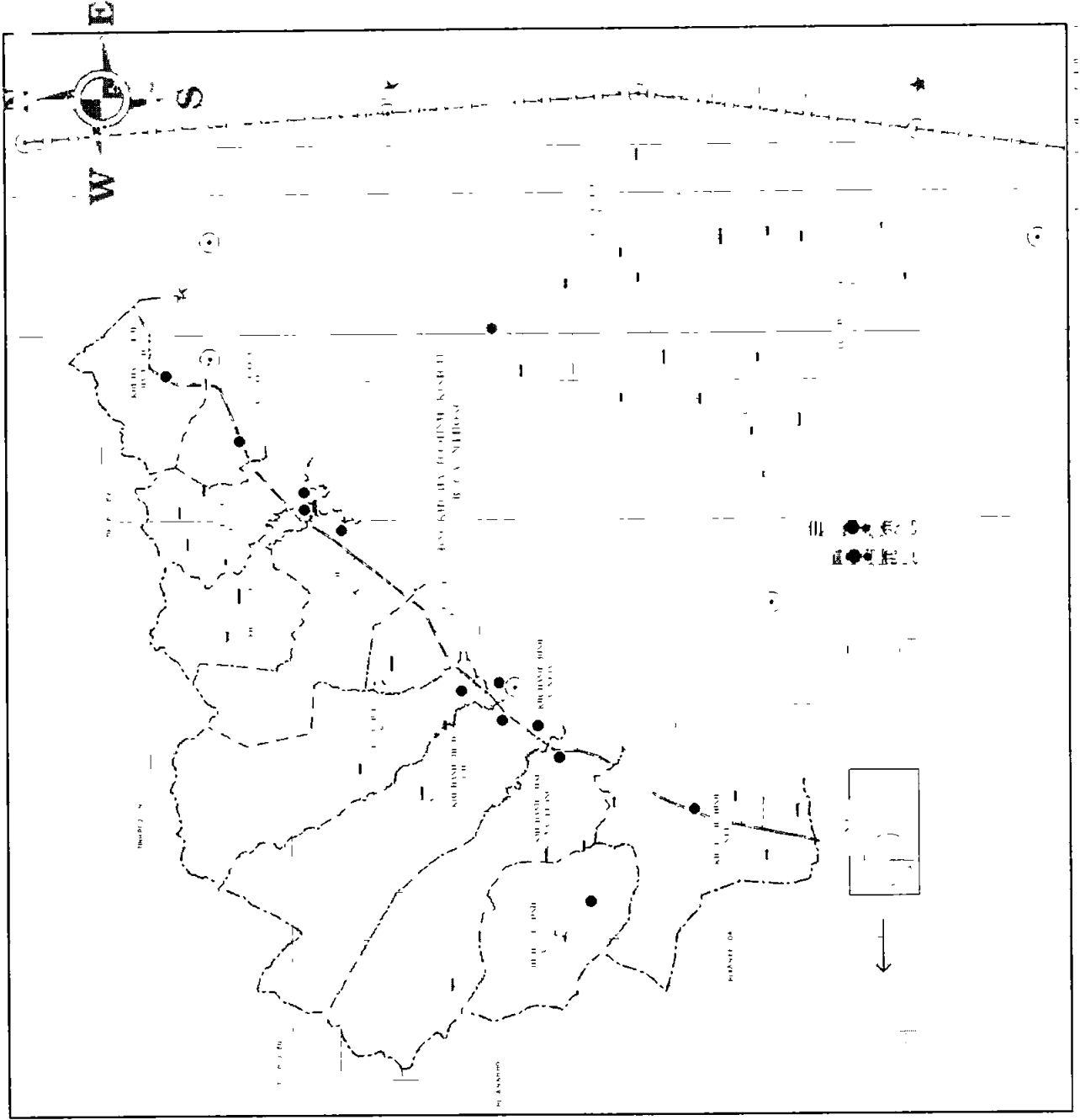


Trần Kim Bảo





**PHỤ LỤC 5: BẢN ĐỒ THÀNH LẬP  
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH - KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VĂN PHÒNG THUỘC TỈNH KHÁNH HÒA  
(TRÊN CƠ SỞ TOÀN BỘ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ DÂN SỐ HUYỆN VĂN NHINH)**





**PHỤ LỤC 6**

**ĐỀ XUẤT CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT TẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VĂN PHONG**

STT	Tên dự án thành phần	Quy mô	Khối lượng	Suất DT bao gồm GPMB (tỷ đồng / đvị KL)	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn BT, BOT, PPP	Phân kỳ đầu tư đến 2025	Phân kỳ đầu tư sau 2025
<b>1</b>	<b>GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI</b>								
<b>1.1</b>	<b>Đường bộ</b>								
1.1.1	Đường cao tốc từ Sân bay Cam Ranh đến Sân bay Tuy Hòa	Đường cao tốc dài 160km, rộng 58,5m (trong đó mặt đường 2x11,25=22,5m, dải phân cách 2m, dải cây xanh 2x17m = 34m)	160	300	48.000	24.000	24.000	24.000	24.000
1.1.2	Tuyến tránh Quốc lộ 1A (Từ Cổ Mã đến ngã 3 trong Ninh Hòa)	Xây dựng 20 nút giao khác mức	20	1000	20.000	10.000	10.000	10.000	10.000
		Đường cấp 2 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 55km, rộng 38m (trong đó mặt đường 2x12=24m, dải phân cách 2m, lề đường 2x6=12m)	55	150	8.250	4.125	4.125	4.125	4.125
1.1.3	Nâng cấp Quốc lộ 26	Xây dựng 15 nút giao khác mức	15	800	12.000	6.000	6.000	6.000	6.000
		Đường cấp 2 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 150km, rộng 38m (trong đó mặt đường 2x12=24m, dải phân cách 2m, lề đường 2x6=12m)	150	70	10.500	5.250	5.250	5.250	5.250
1.1.4	Đường ven biển (từ Cổ	Đường cấp 3 đồng bằng theo	22	70	1.540	1.540		1.540	

	Mã đến xã Vạn Lương)	TCVN 4054:2005. Dài 22km, rộng 26m (trong đó mặt đường 2x7,5=15m, lề đường 2x5,5=11m)											
1.1.5	Đường ven biển (từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đến TL 1A-TX Ninh Hòa)	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 18km, rộng 26m (trong đó mặt đường 2x7,5=15m, lề đường 2x5,5=11m)	18	70	1.260	1.260	1.260	1.260	1.260				1.260
1.1.6	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đến Đàm Môn (giai đoạn 2)	Bổ sung 2 làn xe để hoàn chỉnh thành tuyến đường 6 làn xe, hoàn chỉnh hệ thống hào kỹ thuật, vỉa hè với chiều dài tuyến 15km	15	50	750	750	750	750	750				750
		Xây dựng 04 nút giao khác mức theo quy hoạch	4	700	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800				2.800
1.1.7	Đường giao thông ngoài Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong	Đường cấp 2 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 8km, rộng 38m (trong đó mặt đường 2x12=24m, dải phân cách 2m, lề đường 2x6=12m)	8	100	800	800	800	800	800				800
1.1.8	Đường Quốc lộ 1A đến Đàm Môn (tuyến 2)	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 22km, rộng 30m (trong đó mặt đường 2x10=20m, lề đường 2x5=10m)	22	80	1.760	1.760	1.760	1.760	1.760				1.760
1.1.9	Đường giao thông Sơn Đùng - Khai Lương	Cấp đường là Đường cấp III, khu vực đồi núi, lộ giới giải tỏa 33m, nền đường 15m, mặt đường 12m với 4 làn xe, chiều dài tuyến khoảng 30 km.	30	70	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100				2.100

1.1.10	Đường Nguyễn Huệ (ĐT.651C)	Đường cấp 2 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 19km, rộng 38m (trong đó mặt đường 2x12=24m, dải phân cách 2m, lề đường 2x6=12m)	19	110	2.090	2.090	2.090	2.090	2.090
1.1.11	Đường trục Bắc Nam giữa Cao tốc và QL1A (đoạn từ Vạn Khánh đến Xuân Sơn)	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 40km, rộng 30m (trong đó mặt đường 2x10=20m, lề đường 2x5=10m)	40	90	3.600	1.800	1.800	1.800	1.800
1.1.12	Đường trục Bắc Nam giữa Cao tốc và QL1A (đoạn từ Vạn Giã đến Ninh Hòa)	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 30km, rộng 30m (trong đó mặt đường 2x10=20m, lề đường 2x5=10m)	30	90	2.700	1.350	1.350	1.350	1.350
1.1.13	Đường tỉnh ĐT.651D, điểm đầu từ QL1A đi khu kinh tế mới (xã Vạn Phú) điểm cuối đến ngã giao với QL26B	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 50km, mặt đường rộng 11m.	50	30	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
1.1.14	Đường tỉnh ĐT.651G nối Vạn Hưng (Vạn Ninh) với Ninh Xuân (Ninh Hòa)	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 40km, mặt đường rộng 11m.	40	30	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200
<b>1.2</b>	<b>Đường sắt</b>								
1.2.1	Nâng cấp cải tạo đường sắt Bắc Nam đoạn qua khu vực nghiên cứu	Nâng cấp 45km	45	6	270	270	270	270	270
1.2.2	Xây dựng mới tuyến đường sắt nối cảng trung chuyển quốc tế Vân	Xây mới 20km	20	10	200	200	200	200	200

	Phong với đường sắt Bắc Nam												
1.2.3	Xây dựng mới 03 nhà ga		3	500	1.500	750	750	750	750				750
<b>1.3</b>	<b>Đường thủy</b>												
1.3.1	Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong	730ha			90.000			90.000	20.000				70.000
1.3.1	Cảng du lịch	5ha			500			500	250				250
1.3.1	Bến thủy nội địa	10 bến	10	4	40			40	40				
<b>1.4</b>	<b>Đường hàng không</b>												
1.4.1	Sân bay Ninh An	1400 ha			10.000	5.000		5.000					10.000
<b>1.5</b>	<b>Tàu điện ngầm</b>												
1.5.1	Tàu điện ngầm và ga	50km	50	2200	110.000	10.000		100.000					110.000
<b>1.5</b>	<b>Bến xe</b>												
1.5.1	Bến xe Tu Bông, Vạn Giã và Đầm Môn	4 bến	4	20	80			40	40				40
<b>2</b>	<b>GIAO THÔNG NỘI KHU</b>												
<b>2.1</b>	<b>Đường bộ</b>												
2.1.1	Hệ đường ngang khu vực Đầm Môn	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 40km, rộng 30m (trong đó mặt đường 2x10=20m, lề đường 2x5=10m)	40	90	3.600	1.800		1.800	1.800				1.800
2.1.2	Hệ giao thông trục Đông - Tây (từ đèo Cổ Mã đến cầu Chà Là)	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 40km, rộng 30m (trong đó mặt đường	40	90	3.600	1.800		1.800	1.800				1.800

2.1.3	Hệ giao thông trục Đông - Tây phía Đông QL1A (từ cầu Chà Là đến Ninh Hòa)	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 25km, rộng 30m (trong đó mặt đường 2x10=20m, lề đường 2x5=10m)	25	90	2.250	1.125	1.125	1.125	1.125	1.125	1.125	1.125
2.1.4	Hệ giao thông trục Đông - Tây phía Tây QL1A (từ cầu Chà Là đến bên Tân Đức)	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 35km, rộng 30m (trong đó mặt đường 2x10=20m, lề đường 2x5=10m)	35	90	3.150	1.575	1.575	1.575	1.575	1.575	1.575	1.575
2.1.5	Hệ giao thông trục Đông - Tây phía Tây QL1A (từ cầu Chà Là đến bên Tân Đức)	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 35km, rộng 30m (trong đó mặt đường 2x10=20m, lề đường 2x5=10m)	35	90	3.150	1.575	1.575	1.575	1.575	1.575	1.575	1.575
2.1.6	Hệ giao thông trục Đông - Tây phía Tây QL1A (từ bên Tân Đức đến Ninh Hòa)	Đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Dài 30km, rộng 30m (trong đó mặt đường 2x10=20m, lề đường 2x5=10m)	30	90	2.700	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350
<b>3</b>	<b>HỆ THỐNG CÁP ĐIỆN</b>											
3.1	Đường dây trung áp 22kV, trạm biến áp, điện chiếu sáng	300km	300	9	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	1.000	1.700	1.700
<b>4</b>	<b>HỆ THỐNG CÁP NƯỚC</b>											
4.1	Hồ Đồng Điền (xã Vạn Phú, huyện Vạn Ninh)	Công trình cấp II, dung tích toàn bộ 95 triệu m <sup>3</sup> .			5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
4.2	Hệ thống cấp nước thô (từ hồ Đồng Điền và hồ Hoa Sơn)	Công suất 50.000 m <sup>3</sup> /ngày, Chiều dài tuyến ống 100km	100	15	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500

4.3	Hệ thống cấp nước sạch	Chiều dài tuyến ống 200km	200	15	3.000		3.000	1.000	2.000
		Nhà máy xử lý nước sạch	100	5	500		500	150	100
<b>5</b>	<b>XỬ LÝ NƯỚC THẢI, RÁC THẢI, NGHĨA TRANG</b>								
5.1	Hệ thống xử lý nước thải Bắc Vân Phong	Công suất khoảng 80.000 m <sup>3</sup> /ngày	80	20	1.600	400	1.200	400	1.200
5.2	Khu xử lý chất thải rắn Bắc Vân Phong	Công suất 850 Tấn/ngày			500	250	250	250	250
5.3	Nghĩa trang Bắc Vân Phong	45 ha	45	8	360	100	260	100	260
<b>6</b>	<b>THÔNG TIN LIÊN LẠC</b>								
6.1	Hệ thống cáp viễn thông	Chiều dài 500km	500	4	2.000		2.000	1.000	1.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>301.050</b>	<b>69.760</b>	<b>231.290</b>	<b>75.500</b>	<b>225.300</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>				<b>300.000</b>	<b>70.000</b>	<b>230.000</b>	<b>75.000</b>	<b>225.000</b>



**PHỤ LỤC 7**

**ĐỀ XUẤT CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG XÃ HỘI TẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH –  
KINH TẾ ĐẶC BIỆT BẮC VĂN PHONG**

<b>LOẠI CÔNG TRÌNH</b>	<b>CHỈ TIÊU (công trình)</b>	<b>SUẤT ĐẦU TƯ (tỷ đồng)</b>	<b>CẤP QUẢN LÝ</b>	<b>HỆ SỐ</b>	<b>THÀNH TIỀN</b>
<b>1. Các công trình hành chính</b>					
Trung tâm hành chính Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	3.000	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>3.000</b>
Trụ sở Khu hành chính	1	100	Khu hành chính	13	<b>1.300</b>
<b>2. Các công trình giáo dục</b>					
Trường mẫu giáo	5	50	Khu hành chính	13	<b>3.250</b>
Trường tiểu học	3	100	Khu hành chính	13	<b>3.900</b>
Trường trung học cơ sở	2	100	Khu hành chính	13	<b>2.600</b>
Trường phổ thông trung học, dạy nghề	7	500	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>3.500</b>
Trường đại học	3	2.000			<b>6.000</b>
<b>3. Các công trình y tế</b>					
Trạm y tế	2	30	Khu hành chính	13	<b>780</b>
Phòng khám đa khoa	3	50	Khu hành chính	13	<b>1.950</b>
Bệnh viện đa khoa	3	3.000	Đặc khu	1	<b>9.000</b>
Nhà hộ sinh	2	20	Khu hành chính	13	<b>520</b>
<b>4. Các công trình thể dục thể thao</b>					
Sân luyện tập	5	30	Khu hành chính	13	<b>1.950</b>
Sân thể thao cơ bản	2	100	Khu hành chính	13	<b>2.600</b>
Sân vận động	1	10.000	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>10.000</b>
Trung tâm TDTT	0,5	100	Khu hành chính	13	<b>650</b>



<b>5. Các công trình văn hoá</b>					
Thư viện	1	100	Khu hành chính	13	<b>1.300</b>
Bảo tàng	1	700	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>700</b>
Triển lãm	3	500	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>1.500</b>
Nhà hát	2	1.000	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>2.000</b>
Cung văn hoá	1	1.000	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>1.000</b>
Rạp xiếc	1	500	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>500</b>
Cung thiêu nhi	2	500	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>500</b>
<b>6. Các công trình thương mại</b>					
Siêu thị	7	1.000	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>7.000</b>
Chợ	5	500	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>2.500</b>
<b>7. Các công trình khác</b>					
Đài phát thanh truyền hình	1	2.000	Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	1	<b>2.000</b>
<b>Tổng cộng vốn đầu tư hạ tầng xã hội</b>					<b>70.000</b>